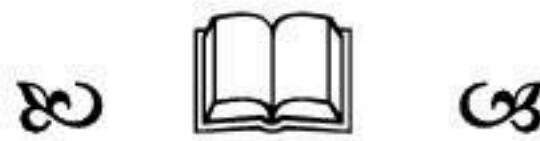


TỘC PHAN BẢO AN
XÃ ĐIỆN QUANG - HUYỆN ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM



PHAN TỘC KỶ YẾU

TẬP MỘT
= XB NĂM 2002 =



Người viết :

- *Phan Minh Kế* 3/13
 - *Phan Sơ* 4/13
 - *Phan Văn Thê* 4/14
-

- **VIẾT BỔ SUNG TỪ NĂM 2000 - 2008**
 - *Phan Văn Thê*

MỤC LỤC

☺ m ☺

LỜI NÓI ĐẦU

CHƯƠNG MỘT: NGUỒN GỐC TỘC PHAN

1/ Ngài Thủy tổ rời Nghệ An vào Nam	7 - 9
2/ Làng Bảo An	10 - 18
3/ Sắc phong Tiễn Hiền	19 - 24
4/ Ngài Tiễn Hiền và các vị Thế Tổ 5 Phái.	25 - 32
5/ Văn Tế	33 - 39
6/ Tìm về cội nguồn của Dòng Tộc.	
Xây dựng Tiễn Đường & Khu Điện thờ Ngài Thái Thượng tại xã Xuân Mỹ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	40 - 55

CHƯƠNG HAI: CÁC SINH HOẠT CỦA TỘC HỌ

1/ Xây dựng Nhà Thờ Tộc và 5 Phái.	56 - 76
2/ Mộ Ngài Tiễn Hiền và các vị Thế Tổ.	77 - 85
3/ Lập Phổ hệ	86 - 92
4/ Liễn đối treo trong nhà thờ.	93 - 105
5/ Sinh hoạt của con cháu Tộc Phan định cư các nơi	106 - 119
- Bảo An - Đà Nẵng - Quảng Nam - Hà Nội - Huế	
- Nha Trang - Đà Lạt - Tp/HCM ...	
- Số hộ ở mỗi địa phương, vị tiên nhân đến lập nghiệp tại địa phương đó. Tổ chức Lễ tưởng niệm công đức Tổ tiên, lập Nhà thờ, lập Nghĩa trang, Hội Khuyến học ...	
6/ Khuyến học:	119 - 136

CHƯƠNG BA: TRUYỀN THỐNG HIẾU HỌC & YÊU NƯỚC

I - TRUYỀN THỐNG HIẾU HỌC:

1/ Bảng kê học vị và chức tước:

- Từ Đồi thứ 1 đến Đồi thứ 13 . 137 - 160
- Từ Đồi thứ 14 đến Đồi thứ 17. 161 - 216

2/ Các gia đình khoa bảng nhiều đời: 216 - 222

- Phan Ngọc Trí , Phái 4 Đồi thứ 10
- Phan Đức Phụng , Phái 3 Đồi thứ 11
- Phan Thành Tích , Phái 2 Đồi thứ 12
- Phan Xuân Cáo , Phái 2 Đồi thứ 13

II - TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC:

◆ Các nhà cách mạng:

Thân thế và sự nghiệp của các ông :

- Phan Thành Tài 225 - 231
- Phan Thanh 232 - 236
- Phan Bôi 237 - 240

◆ Danh sách Bà Mẹ VN Anh hùng & các Liệt sĩ 241 - 243

CHƯƠNG BỐN: VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT

◆ Các Nhà văn, Nhà báo, Nhà thơ :

- Phan Khôi 244 - 259
- Phan Thao 259
- Phan Hạp 260 - 264
- Phan Nhự 265 - 269
- Các nhà thơ không chuyên 270 - 275

TRUYỀN THỐNG NHÂN NGHĨA, HIẾU ĐỂ

- Ông Tú nuôi Mẹ 276 - 280

- Người đàn bà nhân hậu
- Cậu Bé 13 tuổi nuôi cha mù lòa
- Mùa xuân con gái qua đi
- Dâu ông Cửi Bốn

◆ PHỤ LỤC

- Một gia đình cả ba đời đều là nhà giáo 281 - 284
- Ông Biện Chín (Phan Đình) đánh Tây. 285 - 286
- Ông Lý trưởng thông minh 287 - 288
- Về Phan Thanh 289 - 295

◆ LỜI KẾT

♣♣♣♣♣♣♣

LỜI NÓI ĐẦU



Trải qua 20 thế hệ từ Ngài Sơ Tổ cho đến nay, các thế hệ con cháu chúng ta đã dày công xây dựng Tộc Họ đồng thời đóng góp biết bao sức người, sức của vào công cuộc dựng nước và giữ nước.

Các hoạt động của Tộc họ trong mọi lãnh vực được lưu truyền và phát huy qua nhiều thế hệ. Qua hai cuộc chiến tranh giành độc lập, làng quê Bảo an thân yêu của chúng ta đã bị bom đạn tàn phá, cây ải trở đi trở lại nhiều lần đã biến thành một vùng đất trắng. Đình chùa, miếu mạo, nhà cửa biến thành tro than, ruộng vườn trở lại hoang sơ. Con cháu tộc ta cũng ly tán, rời bỏ quê hương để tham gia kháng chiến bảo vệ tổ quốc hoặc tản cư đến làm ăn sinh sống khắp mọi miền đất nước từ Bắc đến Nam. Những thành quả vun đắp được bằng mồ hôi, bằng bàn tay khối óc của bao thế hệ, trải dài trong suốt hơn 500 năm qua đã hoàn toàn bị hủy diệt. Tài liệu về dòng tộc cũng vì thế mà thất lạc và mất mát đi rất nhiều. Dù vậy, nhiều bậc cha ông đã cố gắng giữ gìn một phần nào di sản của tổ tiên để lại, tuy đã phải trải qua khói lửa đạn bom trong suốt hai cuộc kháng chiến giành độc lập của dân tộc.

Sau khi đất nước hòa bình, độc lập và thống nhất, chúng ta đã trùng tu, xây dựng lại và gặp nhiều khó khăn trong việc tục biên, sưu tra, sưu tầm các di bút, phục chế các thành quả của tiền nhân. Nhiều sự việc phải tìm hiểu, ghi chép từ các vị cao niên trong tộc qua các tài liệu mỗi người còn giữ được hoặc qua ký ức, hoặc qua truyền khẩu. Thật cảm động biết bao khi được tiếp xúc với các vị tuổi đã cao, trí nhớ đã nhạt phai theo năm tháng, đi đứng không còn linh hoạt nữa nhưng khi kể lại về sinh hoạt của Tộc Họ cho chúng tôi nghe, vẫn cố hồi tưởng lại những ngày qua, nói những điều mắt thấy tai nghe của thưở thanh xuân đã sống ở làng quê yêu dấu. Những sự việc được kể lại tùy thuộc vào trí nhớ và trình độ của mỗi người, do đó có thể chưa được rõ ràng, chính xác lắm.

Nhằm mục đích phát huy và bảo tồn những giá trị tốt đẹp của dòng tộc, nhất là không để chúng mai một theo thời gian, chúng tôi viết tập sách PHAN TỘC KỶ YẾU này. Chúng tôi ghi chép lại tất cả các công việc của tiền nhân, các sinh hoạt của Tộc về mọi lãnh vực từ khi Ngài Thủy Tổ khai sinh ra dòng họ đến nay với phương châm:

- Chính xác, trung thực và rõ ràng.
- Chụp hình, photocopy để giữ nguyên bản gốc.

- Không bình luận đúng sai, hay dở và nhất là không đưa ý kiến cá nhân của người viết vào tập sách này.

Tập PHAN TỘC KỶ YẾU này không phải viết đến đây rồi chấm dứt. Đây chỉ mới là tập đầu của một tập "**Kỷ yếu trường thiên**" của dòng tộc, không có tập cuối cùng. Các thế hệ con cháu về sau tiếp tục viết thêm vào tập sách này tất cả mọi sinh hoạt của Tộc Họ trong từng thế hệ, trong từng thời kỳ lịch sử của đất nước.

Mặc dù đã hết sức cố gắng làm việc thận trọng trong một thời gian dài nhưng chắc cũng không sao tránh khỏi một vài thiếu sót hoặc sai lầm. Chúng tôi luôn kính mong được đón nhận mọi ý kiến đóng góp của bà con thân tộc để tập kỷ yếu ngày càng được đầy đủ và súc tích hơn.

Xin chân thành biết ơn những thân tộc đã cung cấp tư liệu và đóng góp ý kiến giúp chúng tôi hoàn thành tập PHAN TỘC KỶ YẾU này.

BAN BIÊN TẬP



*** CHÚ THÍCH:** Con số ghi sau tên mỗi người, ví dụ Ông Phan Thành Tài 2/13. Số 2 là Phái - 13 là đời.

CHƯƠNG MỘT: **NGUỒN GỐC TỘC PHAN**

1. NGÀI THỦY TỔ RỜI NGHỆ AN VÀO NAM

Ngài PHAN NHƠN BÀN, Thủy Tổ tộc Phan làng Bảo An, tổng Đa Hòa, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn tỉnh Quảng Nam - dưới chính thể CHXHCN Việt Nam là thôn Bảo An, xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam - là người làng Ao Giản, phủ Đức Quang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Nghệ An sau thuộc tỉnh Hà Tĩnh từ đời Minh Mạng thứ 12 (1831).

Ngài là cháu đời thứ 6 của Ngài Nghệ An Trại Chủ làm quan dưới đời nhà Trần. Ngài Nghệ An Trại Chủ sinh ra Ngài Quang và Ngài An. Ngài Đa Lôi là con trai thứ 4 của Ngài Quang. Ngài Đa Lôi sinh Ngài Đa Lữ, ngài Đa Lữ sinh ngài Nhơn Huyện. Ngài Nhơn Huyện sinh Ngài Nhơn Bàn.

Năm Hồng Đức nguyên niên (1470) vua Lê Thánh Tông bình Chiêm, lấy đất Đồ Bàn bèn sáp nhập đất này với đất Chiêm Động và Cổ Lũy lập đạo thứ 13 là Quảng Nam gồm 3 phủ và 9 huyện, đặt quan trấn thủ và ra lệnh di dân từ các tỉnh Thanh, Nghệ vào khai khẩn vùng đất mới này. Áp dụng chính sách "ngụ binh ư nông" bao gồm cả lính và dân; quân lính, ngoài việc giữ gìn trị an còn hợp với nhân dân khai phá đất đai, mở rộng diện tích canh tác đồng thời lo việc phòng thủ biên cương. Ngài Thủy Tổ Phan Nhơn Bàn lúc bấy giờ đã là một võ quan trong đoàn quân Nam tiến trấn giữ Quảng Nam.

Theo lệnh vua ban, Ngài Phan Nhơn Huyện đưa vợ con vào Nam lập nghiệp. Ngài cùng 2 Ngài Nguyễn Liệt và Ngô Bồ kết làm bằng hữu. Trước tiên, 3 Ngài cùng nhau khai khẩn một vùng đất hoang được chừng 50 mẫu ta, nằm về phía bắc sông Thu Bồn 3 cây số, lập nên ấp Hòa Đa. Sau khi ổn định công việc và đặt người canh thủ, 3 Ngài lại tiếp tục đi tìm vùng đất mới, quyết tâm xây dựng một cơ nghiệp to lớn lưu lại cho con cháu muôn đời về sau. Qua sông Thu Bồn, bên bờ phía Nam, ba Ngài tìm được một vùng hoang vu nhưng đất đai màu mỡ, cây cỏ xanh tốt, khí hậu trong lành, ba ngài dừng lại và bắt tay vào công việc khai hoang vỡ hóa. Vượt qua mọi gian nguy khổ cực, chịu trăm bề thiếu thốn, ba Ngài ra sức khai khẩn thêm được vùng đất mới này.

Nhưng rồi theo lệnh vua, ngài Nhơn Bàn đưa quân ra Bắc để gia nhập vào đoàn quân dẹp giặc, ổn định bờ cõi phía Tây. Bằng vào những công lao to lớn của Ngài đối với triều đình, với đất nước, vua sắc phong cho Ngài chức Đặc Tấn

Phụ Quốc Thượng tướng quân Cẩm Y Vệ Đô Chỉ Huy Sứ với tước hiệu cao quý Dịch Nghĩa Bá .

Đất Quảng Nam là cửa ngõ phía Nam của Đại Việt, là đất có đông di dân nhất thời bấy giờ, đồng thời là vùng lãnh thổ trọng yếu giáp ranh với nước Chiêm Thành nên cần phải có một đạo quân hùng mạnh để giữ gìn an ninh cho dân được yên tâm lập nghiệp. Một lần nữa, đoàn quân của Ngài Nhơn Bàn lại được vua phái vào đây với hai trọng trách :

- Giữ cho tình hình được yên ổn để bảo đảm cho việc khai khẩn đất hoang đạt kết quả tốt .

- Tranh thủ cho quân lính hợp sức với nhân dân ra công khai thác đất đai, mở rộng phạm vi canh tác.

Sau bao năm xa cách vì mãi theo việc quân, việc nước, khi trở lại đất Quảng, về thăm gia đình thì mới hay thân phụ đã qua đời khi chí nguyện chưa thành, cơ nghiệp còn đang dang dở. Tuy còn ở trong quân ngũ nhưng Ngài vẫn nối chí cha, bèn cùng với hai bạn thân của cha, tiếp tục khai phá mở rộng diện tích đất đai được trên 500 mẫu ta. Một vùng đất rộng lớn đã biến thành ruộng vườn. Đất đai đã có, dân cư đã tăng, ba Ngài Phan, Nguyễn, Ngô xin thành lập xã. Xã hiệu đầu tiên là Phi Phú kiêm cả đất Hòa Đa.

Trải qua bao triều đại, xã hiệu đã nhiều lần thay đổi. Xã hiệu Bảo An là xã hiệu cuối cùng còn dùng cho đến ngày nay.

Suốt trong chiều dài lịch sử Nam tiến của dân tộc ta, trong công cuộc mở nước và dựng nước, quân dân ta đã đổ không biết bao mồ hôi xương máu mới có được một biên cương rộng lớn như ngày nay. Áp dụng chính sách "động vi binh tĩnh vi dân", Thủy Tổ chúng ta lúc còn làm quan đã hết lòng chăm lo việc nước, việc dân và tích cực trong việc khai hoang lập xã qui dân. Công của Ngài thật vô cùng to lớn. Mỗi tấc đất của Bảo An phần lớn đều do công sức và mồ hôi của các vị Tổ Phan, Nguyễn, Ngô tạo nên. Để tưởng thưởng cho các thần dân có công trong việc qui dân lập xã, năm thứ 9 đời Khải định (1924) vua đã ban sắc Phong Thần cho ba Ngài Phan, Nguyễn, Ngô là "Dục Bảo Trung Hưng Linh Phò Tôn Thần" và sức cho làng Bảo An chăm lo thờ phụng ba Ngài.

Để ca tụng công lao to lớn của Ngài Thủy Tổ hai lần từ Bắc vào Nam, từ Nam ra Bắc rồi lại vào Nam; để tưởng nhớ công đức cao dày của Ngài trong việc gây dựng cơ đồ truyền lưu cho con cháu, ông cha chúng ta đã khắc hai câu liên bằng chữ Hán:

"Nam thổ trùng lai vị quốc vị dân công mạc đại

Phong sào triệu ứng nhi tôn nhi tử đức miên trường" ¹

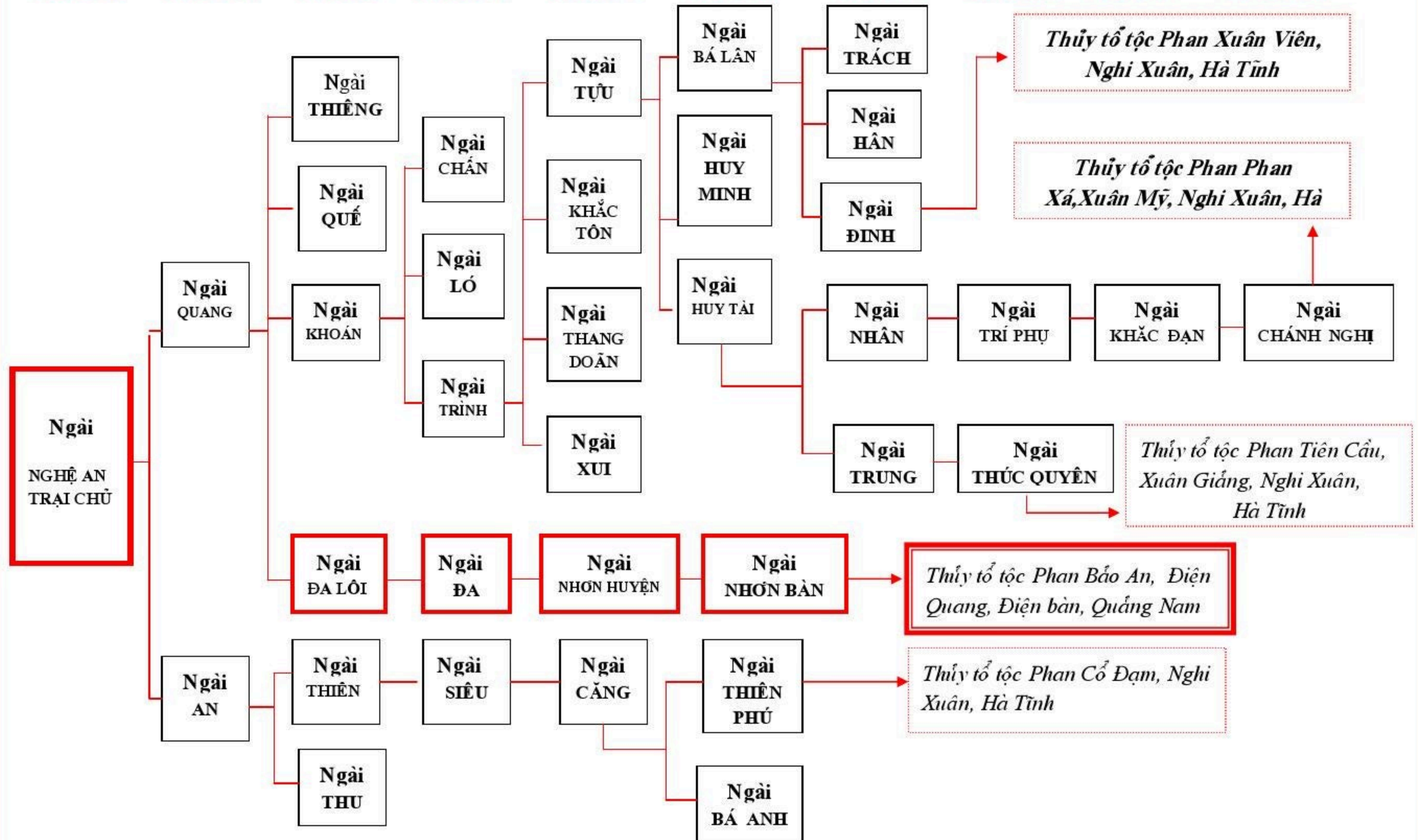
Ngài Phan Nhơn Bàn kết duyên cùng bà Dương thị Thảo, sinh hạ được 7 người con trai và 3 người con gái. Hai người con trai thứ 3 và thứ 7 chết sớm. Năm người con trai còn lại là Thế Tổ của 5 Phái. Ngài được suy tôn là Thủy Tổ tộc Phan Bảo An và được kể là đời Thứ Nhất. Ngài Phan Nhơn Huyện được suy tôn là Ngài Sơ Tổ.

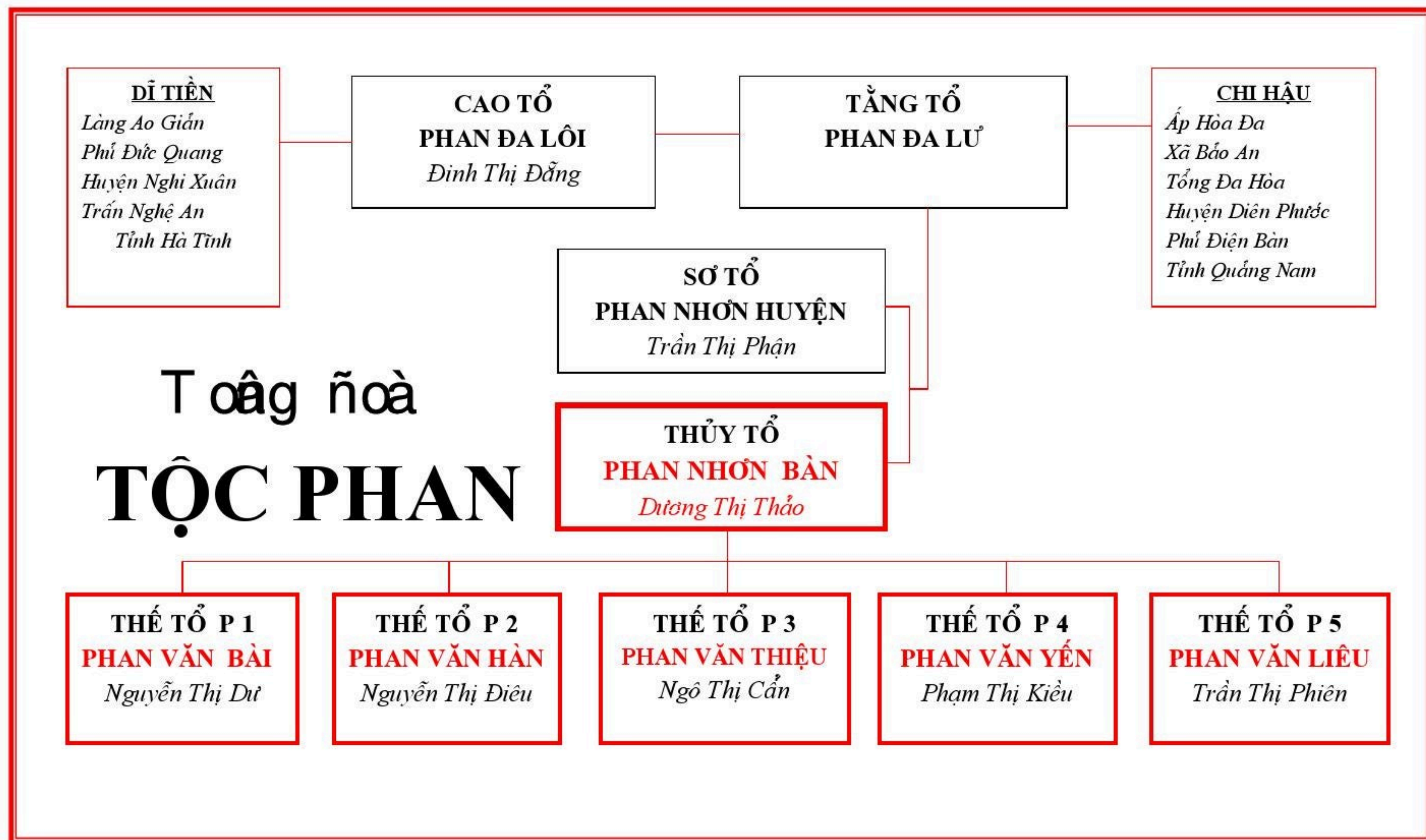
Ngài Thủy Tổ mất ngày mùng 6 tháng 10 Âm lịch và bà Thủy Tổ mất ngày mùng 4 tháng 7 Âm lịch.

◆◆◆◆◆

¹ Xem tiếp phần liên đối

ĐỜI 1 ĐỜI 2 ĐỜI 3 ĐỜI 4 ĐỜI 5 ĐỜI 6 ĐỜI 7 ĐỜI 8 ĐỜI 9 ĐỜI 10





2. LÀNG BẢO AN



a/ Bảo An qua các thời đại

Bảo An là một trong 24 làng cũ của khu Gò Nổi, nay gồm 3 Xã Điện Quang, Điện Trung và Điện Phong. Xã hiệu đầu tiên của Bảo An là Phi Phú. Theo thời gian, qua nhiều triều đại, tên làng đã thay đổi nhiều lần :

- Từ Phi Phú đổi thành Phú An Đông xã và Phú An Tây xã.
- Thời Tây Sơn đổi thành Phú An Đông, Tây nhị Ấp.
- Thời Minh Mạng thứ 17 (1831) đổi thành Báo An Đông, Tây nhị xã.
- Bảo Đại thứ 14 năm Đinh Sửu (1937) đổi thành Bảo An Đông xã và Bảo An Tây xã.
- Dưới chính thể VNDCCH đổi thành xã Hoàng Diệu, gồm các thôn: Bảo An, Xuân Đài, Phi phú (Bến Đền Tây) và Ân Phú (Bến Đền Đông).
- Dưới chính thể VNCH (1954-1975), xã Hoàng Diệu đổi thành xã Phú Tân, gọi Thôn là Ấp.

- Dưới chính thể CHXHCNVN, Bảo An là một thôn của Xã Điện Quang. Xã Điện Quang gồm có 9 thôn: Vân Ly, Thanh Mỹ, La Kham, Tư Phú, Bảo An, Phi Phú, Ân Phú, Xuân Đài và Ấp Nam Kỳ Lam.

Trong thời điểm Bảo An chia thành 2 xã Bảo An Đông và Bảo An Tây, lẽ đúng ra thì dân của Tộc thuộc xã nào phải ở ngay trên đất của xã ấy; nhưng ở Bảo An không thể thực hiện được điều này vì ruộng đất đều do công sức của tổ tiên các dòng tộc đã cùng nhau khai khẩn đều trở thành công điền công thổ. Đã từ lâu con cháu các tộc họ ở xen lẫn với nhau cùng khắp trong xã, không phân biệt trên dưới, đông tây. Vì thế, 2 xã Bảo An Đông và Bảo An Tây chỉ có trên mặt giấy tờ. Giữa 2 xã không có một lần ranh giới hay một cây trụ mốc nào làm giới hạn. Việc chia xã chỉ còn là việc chia hai dân số các Tộc họ. Các Tộc đã thỏa thuận với nhau :

- Bảo An Đông gồm có các Phái, Tộc: Phái 1, 3, 4 & 5 của tộc Phan + Phái 1 & 2 của Tộc Thái + Phạm viết, Phạm Đào, Phạm ... + tộc Bùi.

- Bảo An Tây gồm có các Phái, Tộc: Tộc Nguyễn + Tộc Ngô + Phái 2 tộc Phan + Phái 3 & 4 tộc Thái + tộc Lương + tộc Huỳnh.

Việc phân chia chỉ nhằm mục đích cân bằng dân số cho hai xã nên Phan Phái Nhì và Phái 3 & 4 tộc Thái phải thuộc về Bảo An Tây. Dân làng nhờ ở xen lẫn với nhau nên không phân biệt người làng Đông người làng Tây. Họ luôn luôn có mối quan hệ mật thiết với nhau, hưởng chung quyền lợi như nhau do đó tình tương thân tương ái được thấm thiết bền chặt giữa những người tuy khác tộc, khác làng. Các Phái như Phái Nhì tộc Phan, phái Ba, Phái Tư tộc Thái về làm dân Bảo An Tây nhưng con cháu các Phái này không tự xem mình là một dòng tộc biệt lập. Câu liễn thờ tại Nhà thờ Phan Phái Nhì đã nói lên điều đó:

" Vô phân Đông Tây, thủy tổ Vinh dương nguyên nhứt mạch.

Thái như bàn thạch, địa bằng sản khái trí thiên thu "

Có nghĩa là :

" Không phân biệt Đông Tây, từ xưa Vinh Dương chỉ có một mạch nguồn.

Yên ổn như đá tảng, đất rộng của cải nhiều sung túc muôn nghìn năm".

Tóm lại, tuy phải tuân hành phép tắc của triều đình đương thời, nhưng tiền nhân chúng ta vẫn luôn luôn xem trọng nghĩa tình, giữ vững tinh thần đoàn kết gắn bó giữa những người cùng một quê hương. Không vì chia Xã, chia tộc,

chia Phái mà mất đi cái tình cảm thiết tha sẵn có giữa người làng Đông và người làng Tây.

b/ Vị trí, giới hạn, diện tích, địa thế

Bảo an nằm trong khu Gò Nổi gồm 3 xã Điện Quang, Điện Trung, Điện Phong thuộc huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Sông Thu Bồn chảy đến Vân Ly tách ra một nhánh gọi là Sông Con chảy dọc theo ranh giới 2 huyện Duy Xuyên và Điện Bàn. Đến Xuyên Trường nhánh Sông Con lại nhập lại với giòng Sông Cái rồi chảy thẳng ra cửa Đại Chiêm. Bảo An nằm về phía Tây Nam Đà Nẵng và cách Đà Nẵng chừng 37km, theo đường bộ. Muốn đến Bảo An ta có thể đi theo đường bộ hoặc bằng xe lửa. Nếu đi đường bộ, từ Đà Nẵng đi theo quốc lộ 1A, qua khỏi cầu Câu Lâu (cũ) khoảng 600m, rẽ phải theo đường huyện lộ đến Cầu Đen khoảng 2km. Từ Cầu Đen đến địa đầu Bảo An khoảng 11km. Nếu đi bằng xe lửa, xuống ga Xuân Đài (bây giờ là Ga Gò Nổi) đi Bảo An 1km. Trước năm 1945, ngoài đường bộ và đường xe lửa còn đi đường thủy bằng ghe.

Làng Bảo An, phía Tây giáp 3 làng Thạnh Mỹ, La Kham và Tư Phú, phía Đông giáp Xuân Đài và Ấp Nam Kỳ Lam. Phía Bắc giáp sông Thu Bồn, phía Nam giáp Bến đền Tây (Phi Phú).

Làng rộng trên 500 mẫu ta, không kể ấp Hòa Đa. Theo bản đồ địa chính vẽ năm 1934 tỉ lệ xích 1/2000, được thu nhỏ lại 6 lần thành TLX : 1/12000 ta có thể tính được diện tích làng Bảo An một cách tương đối chính xác như sau:

- Khoảng cách trên bản đồ từ Đông sang Tây đo được: 245 mm.

* Khoảng cách thật: $245\text{mm} \times 12000 = 2940\text{m}$.

- Khoảng cách trên bản đồ từ Bắc sang Nam đo được trung bình:

$(215\text{mm} + 170\text{mm} + 185\text{mm}) : 3 = 190\text{mm}$.

* Khoảng cách thật: $190\text{mm} \times 12000 = 2280\text{m}$.

Diện tích: $1\text{m}^2 \times 2940 \times 2280 = 6.703.200 \text{ m}^2 \# 670 \text{ ha}$.

Ranh giới phía Bắc là con sông Thu Bồn. Nước sông chảy xiết. Hằng năm, nước lũ xói mòn làm sụp lở đất đai màu mỡ ở ven sông phía hữu ngạn và bồi vào phía tả ngạn thuộc phần đất làng Long Hội (Điện Thọ). So sánh 2 bản đồ 1934 và 1977, ta thấy đất đã lở vào quá khu mộ Tiễn Hiền Phan, Nguyễn, Ngô; tức là quá 1/2 làng cũ. Bị ảnh hưởng nặng nề của lũ lụt, làng đã mất đi 1/2 diện tích kể từ khi mới khai phá, nhưng bù lại, lũ lụt cũng mang phù sa bồi đắp

tạo cho đất đai thêm màu mỡ. Từ nguyên nhân nói trên nên diện tích đất làng luôn luôn biến động, không thể nào có được một số đo chính xác.

Đất làng chia thành 2 phần theo chiều dọc từ Đông sang Tây, đất canh tác và khu thổ cư. Đất canh tác nằm về phía Bắc của làng, tiếp giáp với sông Thu, chia thành nhiều dây. Mỗi dây chia thành mẫu, sào có tên gọi riêng cho từng xứ đất như xứ Cồn Gạch, cồn Cây Da, Bàu Lác, Bàu Phủ, xứ cây Gạo v.v...Đất thổ cư chia thành từng ô bởi đường cái lớn và các đường kiết nằm ngang Bắc Nam. Con đường cái Đông Tây xuyên qua làng nằm cạnh ranh giới phía Nam. Đường đất thẳng, rộng luôn luôn râm mát nhờ những bóng cây hai bên vệ đường. Những con đường kiết theo hướng Bắc Nam thẳng góc với đường cái, chạy song song với nhau ra tận cánh đồng cho đến bờ sông. Từ đầu làng đến cuối làng có cả thảy 10 con đường kiết. Giữa hai đường kiết là một xóm. Những con đường nhỏ song song với đường cái nối liền các kiết và xóm tạo cho việc đi lại dễ dàng, thông suốt và tiện lợi. Tất cả các con kiết đều rộng rãi, thoáng mát và sạch sẽ chạy giữa hai bờ tre xanh tươi tốt quanh năm. Mỗi đường kiết đều có lối đi riêng cho người và cho trâu bò. Nhờ thế mà mùa mưa việc đi lại thuận lợi, không phải lội bì bõm trong bùn lầy lội.

Tất cả Đình, Chùa, Nhà Thờ Tộc, Phái đều xây dọc theo đường cái, mặt trông về hướng Nam. Đình ở giữa làng. Phía đông đình là trường học, phía tây đình là khu Chợ. Hai bên đường, ngang qua chợ, là hai dãy dài các tiệm buôn bán và các quán ăn. Tất cả đều tường vôi mái ngói. Ban đêm nhiều tiệm thắp đèn "măng sông" sáng trưng. Cách bố trí, sắp đặt khu dân cư, phố chợ, trường học, sân vận động mang tính khoa học và thẩm mỹ đã tạo cho làng quê Bảo An một quang cảnh thiên nhiên rất văn hóa. Lối qui hoạch này chứng tỏ một cách hùng hồn Tổ tiên chúng ta là những người tài giỏi về mặt tổ chức và xây dựng.

c/ Kinh tế

Hàng năm đến mùa nước lũ, đất đai ở ven sông bị sụt lở. Đất canh tác dần dần thu hẹp. Dân số, ngược lại ngày một gia tăng. Sản phẩm thu được từ đất đai không còn đủ cung ứng cho nhu cầu về đời sống của nhân dân. Dân làng buộc phải chuyển hướng sang làm các ngành nghề thủ công khác; tỉ lệ những người làm ngành này chiếm trên 80%. Các nghề dệt vải, dệt lụa, ươm tơ, làm đường mía và nhiều nghề khác ngày càng phát triển.

Về nông nghiệp, ngoài một số ít trồng lúa, người nông dân chuyên canh về trồng dâu, trồng bông, trồng mía nhiều hơn các loại hoa màu khác để phục vụ cho nghề dệt và làm đường. Nghề dệt được phát triển liên tục quanh năm, sản

xuất ra các mặt hàng từ sợi bông như vải ta, vải mùng, xi ta. Từ sợi tơ tằm có lụa, lãnh, tussor thao, đũi. Suốt ngày đêm tiếng thoi đưa từ các khung cửi vang vọng trong các thôn xóm rộn ràng, reo vui cho ta cái cảm tưởng cả làng là một khu công nghiệp. Sự khéo tay, cần mẫn của người thợ dệt Bảo An đã từng nổi danh khắp vùng:

"Tiếng đồn con gái Bảo An,

Khéo mua sợi nhỏ về đan mảnh mảnh".

Hàng dệt Bảo An đã một thời nổi tiếng trong nước và được đưa đi bán ở các thành phố lớn như Hà Nội, Vinh, Huế, Sài Gòn, Nam vang (Campuchia). Bên cạnh nghề dệt là nghề mộc chuyên đóng khung cửi, máy ươm tơ kéo sợi, các xa quay sợi ... Ngoài ra còn có thợ nhuộm, thợ hồ nghề vải, sợi. Tất cả hợp thành một làng dệt liên hoàn khép kín. Ngoài nghề dệt còn có nghề làm đường. Mỗi năm người ta thu hoạch mía từ tháng 10 và tháng 3 ÂL. Mía từ ruộng được đưa về các lò nấu đường được ép nước qua một máy ép gọi là ông che quay tròn bởi lực kéo của trâu. Nước mía đưa vào các chảo to để nấu đường. Qua các khâu chế biến, người thợ nấu đường đã sản xuất ra các loại đường như đường bát, đường muống, đường cát và mật mía để nấu rượu.

Ngày còn nhỏ, mỗi lần ra lò đường, chắc các bạn đã từng được các bác các chú cho uống nước chè hai hoặc cho ăn đường non đổ vào bẹ chuối hoặc trát lên bánh tráng mướt. Cái hương vị ngọt ngào quyến rũ ấy vẫn còn đọng mãi trong lòng chúng ta cho đến cuối đời!

Đường sản xuất ra được đưa đi bán khắp các tỉnh thành thông qua đường thủy ở một bến bên bờ sông Thu; nơi đây đã trở thành một địa danh nổi tiếng là Bến Đường.

Bài thơ sau đây² cho ta biết tổng thể về kinh tế của Gò Nổi:

"... Dòng sông lớn rẽ sang hai nhánh,

Một Duy Xuyên, một cánh Điện Bàn.

Tạo miền Gò Nổi Điện Quang,

Văn Ly, Tư Phú, Bảo An, Xuân Đài...

Tiếp vùng đất trải dài trù phú,

Nơi đông dân cư trú làm ăn.

² Trích bài thơ Đất Mầu của Tế Thu

Trồng dâu hái lá nuôi tằm,
Ươm tơ dệt lụa tiếng vang một thời.
Nghề dệt vải, trồng bông kéo sợi,
Tiếng thoi đưa vang vọng thôn làng.
Tăng gia trên mảnh đất màu,
Khoai, dưa, bắp, đậu, bí, bầu mướt xanh.
Vừa trồng ớt xen canh thuốc lá,
Nông sản đi khắp ngã kinh thành.
Lại còn cây mía thâm canh,
Nấu đường, lấy mật, nổi danh Bến Đường.
Dù một nắng hai sương vất vả,
Dâng cho đời thành quả ấm êm.
Chiều buông trăng rọi bên thềm,
Câu hò, tiếng hát êm đềm mộng mơ.
Ngăn dòng chảy dựng bờ xe nước,
Đưa nước vào vườn tược ruộng nương,
Dầu cho hạn hán tại ương,
Lúa đồng vẫn tốt, cây vườn vẫn xanh.
Vườn ánh nắng long lanh đáy nước,
No cánh bướm xuôi ngược dòng sông,
Khi đi thỏ sản lâm, nông,
Lúc về bách hóa, hàng công nghiệp cần..."

Việc trao đổi, mua bán hàng hóa của ngành dệt và làm đường tạo cho nền thương mại ngày càng phát triển và phồn thịnh. Giao thông cũng góp phần quan trọng vào việc giao lưu hàng hóa. Đường cái là trục lộ chính nối liền hai đầu Gò Nổi xuyên qua Bảo An, tiếp thông với quốc lộ 1A. Phương tiện đi lại đã có xe đạp, xe kéo và xe ngựa, về sau có xe hơi. Đường xe lửa xuyên Việt chỉ cách Bảo An 1km. Đi gần thì đến ga Xuân Đài (đã đổi là Ga Gò Nổi), đi xa thì đến ga Kỳ Lam.

Đường thủy thì dùng thuyền để chở hàng hóa và hành khách. Bến Đường là nơi xuất phát, ngược dòng thì lên các ngỏ nguồn Nông Sơn, Tí Sẻ, Thạnh Mỹ, Hà Tân... , xuôi dòng thì xuống Hội An hay ra Đà Nẵng.

d/ Văn hóa, giáo dục

Việc giao lưu hàng hóa thuận lợi, đẩy mạnh kinh tế phát triển, thương mại phồn thịnh, kéo theo giao lưu văn hóa đa phương từ các nơi, tạo thành sự văn minh tiến bộ trong cộng đồng cư dân Bảo An.

Bảo An có truyền thống hiếu học, học giỏi và có tài. Ngay từ khi thành lập xã, nhiều vị Thủy tổ các dòng tộc đã được phong tước Hầu, tước Bá... và làm quan dưới các triều đại từ thời Lê sơ cho đến nhà Nguyễn sau này. Nhờ kinh tế phát triển, thương mại phồn thịnh, rất nhiều người trở nên giàu có khá giả. Con cháu có điều kiện để theo học đến nơi đến chốn.

Dưới triều Nguyễn, Bảo An có khoảng 15 Tú tài, 18 Cử nhân và một Phó Bảng. Quan chức cấp Huyện trở lên từ Huân Đạo, Giáo Thọ, Đốc Học, tri Huyện, tri Phủ, Lãnh Binh, Án Sát ... Bảo An đều có cả. Các ông quan này khi về hưu trí, hầu hết đều về sống ở làng. Họ truyền bá cho dân làng những tinh hoa của Hán học, đạo đức của Thánh hiền. Ngoài ra họ còn mang về những thuần phong mỹ tục tiếp thụ được từ cung đình cho đến các nơi họ trấn nhậm trước đây.

Từ đầu thập kỷ 20, nhiều người theo Tây học được tiếp xúc trực tiếp hoặc qua sách vở, báo chí nền văn minh tiến bộ của phương Tây đem áp dụng và cách tân nếp sống ở quê nhà. Họ hướng dẫn mọi người sống văn minh hơn như cắt tóc ngắn, vận âu phục, tham gia các phong trào xóa nạn mù chữ, kêu gọi nam nữ bình quyền... Trường Bảo An là một trường được thành lập sớm nhất trong tỉnh, khi nền Tây học bắt đầu lên cao. Có trường trong làng, không phải đi học xa tốn kém, nên con nhà nghèo cũng đi học được. Họ cố gắng học để đỗ bằng Sơ Học Yếu lược hoặc Tiểu học. Con nhà giàu có, khá giả tiếp tục theo học các trường Trung học như Quốc Học Huế, Trường Bưởi Hà Nội, trường Pétrus-Ky, Chấn Thanh, Đạt Đức Sài Gòn để lấy bằng Diplôme (Thành chung) hay Tú tài. Con gái cũng được đi học nhiều. Bắt đầu từ năm 1935, nhiều thanh nữ đã đỗ bằng Sơ học, Tiểu học, Thành chung. Nhiều người đã trở thành cô Giáo, cô Đỗ (Sage-femme), Y tá; đó là điều hiếm thấy ở các làng quê thời bấy giờ.

Học nhiều, đỗ đạt nhiều. Có bằng Tiểu học trở lên đã có thể là những ông Thông, ông Phán, ông Tham ...Tất cả đều làm việc ở các thành phố. Nhờ có học

và học rộng, họ đã tiếp thụ được những tư tưởng mới của nền văn hóa mới. Họ đã mang về làng những cái hay, cái mới lạ, cái tốt đẹp của một nền văn minh tiên tiến. Dân làng nhờ đó đã tiếp cận được văn minh Âu Tây sớm hơn các vùng quê khác.

Trên đây là một số nguyên nhân chính đã tạo nên nền văn hóa ưu việt của làng Bảo An.

Trong cuộc sống đời thường, dù một nắng hai sương vất vả ngoài đồng ruộng, hay bên khung cửi cần mẫn ngày đêm, người dân Bảo An vẫn không quên các sinh hoạt văn nghệ, giải trí, thể thao ... vừa nâng cao dân trí, vừa hưởng thụ, thanh nhàn.

Văn nghệ tiếp sức cho nền văn hóa phát triển và góp phần vào việc cải tạo xã hội. Thời ấy, trong các làng quê Gò Nổi chỉ có Bảo An là có trường hát sớm nhất. Trường hát lập ở đầu làng có tên là Trường Nhân. Các đoàn Hát Bộ, Ca Huế, Cải Lương thường về làng trình diễn. Nhiều đoàn xiếc, ảo thuật cũng thường ghé lại Bảo An. Nhờ xem Hát Bộ, Cải Lương, dân làng không những để giải trí sau những ngày lao động mệt nhọc mà còn biết được những tuồng tích, học được các gương trung hiếu, tiết nghĩa, cái nhân đức của những nhân vật trong tuồng hát. Biết phân biệt cái thiện, cái ác; con người nhờ đó trở nên thuần lương, nhân hậu hơn.

Ngoài văn nghệ còn có thể thao. Sân vận động được xây dựng ở đầu làng. Đội bóng đá được thành lập và đi thi đấu ở nhiều nơi như Đại Lộc, Duy Xuyên, Hội An ... và luôn mang về thắng lợi nhờ có nhiều cầu thủ xuất sắc, trong đó có thủ môn Ba Nhành đã từng nổi tiếng trong làng bóng đá.

Bảo An được ngợi ca là đất thanh cảnh, cảnh trí thiên nhiên đẹp dễ hài hòa, những con người thanh lịch nhàn nhã, có học vấn, có kiến thức, nhân dân có cuộc sống yên vui và sung túc.

" Cây đa nào cao hơn cây đa Bàn Lành,

Đất mô thanh cảnh cho bằng đất Bảo An "

Câu hát không rõ xuất xứ từ đâu, ai là tác giả? Nhưng có một điều chắc chắn là tác giả câu hát phải là người đã từng chu du đây đó, từng đi qua nhiều làng quê, nhất là biết rất rõ cảnh trí và con người Bảo An mới có được sự so sánh ấy.

Nói tóm lại, nền văn hóa của Bảo An được thể hiện rõ nét qua việc qui hoạch xóm làng, trong các buổi Tế Lễ tưởng niệm công đức Tổ tiên, trong cách

ăn mặc, trong giao tế cũng như trong tiếp thụ có chọn lọc các phong tục tập quán cổ truyền, các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao phát triển rầm rộ.

Vài nét biểu tượng văn hóa điển hình của thời kỳ ấy:

- **Lễ Kỳ Yên:** Lễ trọng đại nhất của dân làng được tổ chức hằng năm vào 12,13 tháng Giêng Âm để Tế Cáo các vị Tiền Hiền và cầu cho quốc thái dân an. Thật khó mô tả hết cái rịch rịch, uy nghi, long trọng và tôn nghiêm của buổi Lễ.

- **Về trang phục:** Vào đầu thập kỷ 30, ở Bảo An đã xuất hiện những người mặc đồ Tây (Âu phục). Đó là những ông Thông, ông Phán làm việc tại các tỉnh, thành về làng nhân ngày nghỉ; đó là những học sinh theo học các trường trung học ở các thành phố lớn về nghỉ hè. Những bộ complet may bằng tussor do bàn tay của người thợ dệt trong làng dệt ra, thật sang trọng và lịch sự nhất thời bấy giờ. Những bộ bà ba bằng tơ lụa vàng óng trông thật quý phái, cao sang. Các thiếu nữ cũng phục sức bằng những chiếc áo dài tân thời "Le mur" bằng lụa, xá xị, nhiễu ... đủ màu sắc, quần trắng, guốc cao gót chứ không đơn điệu trong hai màu đen trắng. Họ không còn búi tóc cao trên đầu mà để tóc xỏa ngang vai hay thả dài. Họ cũng đã biết trang điểm phấn son để tăng thêm vẻ đẹp, để răng trắng không nhuộm răng đen, bỏ dần hút thuốc và ăn trầu.

- Sự giao tiếp giữa Nam, Nữ không còn quá khắc khe như trước theo giáo điều "Nam nữ thụ thụ bất thân". Nam Nữ đã có những buổi sinh hoạt chung, tham gia các buổi văn nghệ, thể thao ...

- Những đêm trăng sáng, mát trời nhiều nhà khá giả tổ chức những buổi hát hò khoan tập thể trong những lúc rảnh rỗi làm nhà, giã gạo, giã vôi hoặc hái dâu. Trai gái hát đối đáp nhau về các đề tài nông nghiệp, đạo lý làm người, và nhất là về tình cảm lứa đôi. Vào những ngày Tết Nguyên Đán còn có hát sắc bùa theo tiếng trống cơm và sinh tiền. Đoàn hát đến từng nhà, hát chúc mừng năm mới an khang thịnh vượng, làm ăn phát tài và sau khi hát xong nhận tiền lì xì của chủ gia.

Tất cả những hình ảnh, âm thanh và tình cảm có được từ vật chất đến tinh thần đó đã trở thành những kỷ niệm êm đềm luôn in đậm trong lòng người dân Bảo An, dù đang sống ở bất cứ nơi đâu, vào bất cứ thời gian nào.

" Sông Thu bao nước bao thương nhớ.

Gò Nổi mấy nhà mấy thiết tha.

Mía ngọt, dâu xanh, tơ lụa trắng,

Vẫn luôn hoài vọng chốn quê nhà".³

3. SẮC PHONG TIỀN HIỀN

Trên 500 năm trước, Bảo An là vùng đất hoang vu, cỏ cây um tùm rậm rạp, nơi ẩn trú của những loài dã thú. Thế mà nhờ sức người, vùng hoang địa này đã trở thành một xã với những ruộng vườn xanh tốt. Những con người bất chấp nắng mưa, chịu đựng sương lam chướng khí, gian khổ không sờn, đem mồ hôi và sự sống để khai hoang 500 mẫu đất lập nên một xã với cái tên gọi đầu tiên là Phi Phú, đã trở thành những vị Thủy Tổ của các dòng tộc ở Bảo An ngày nay.

Theo phổ hệ của các Tộc, chúng tôi xin tóm lược lịch sử một số các dòng tộc sinh cư tại Bảo An từ khi có Xã cho đến ngày toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược năm 1946.

Ở Bảo An trước đây có 12 dòng tộc cùng chung sống. Có tộc nhiều dân, có tộc ít dân nhưng tất cả cùng chung lo xây dựng và kiến tạo Bảo An thành một Xã trù phú và nổi tiếng nhất trong tỉnh Quảng Nam. Đó là các tộc : Phan, Nguyễn , Ngô, Thái, Phạm, Lê, Lương, Bùi và Huỳnh... Trong số này, 5 Ngải Thủy Tổ các tộc Phan, Nguyễn, Ngô, Thái và Phạm là những người đặt chân trước tiên lên vùng đất hoang sơ xa lạ này.

- Ba Tộc Phan, Nguyễn, Ngô:

Không thể viết tách riêng lịch sử của 3 dòng tộc này vì những Thủy Tổ của họ là những người sáng nghiệp của xã Bảo An. Ba Phổ hệ đều viết giống nhau về một sự kiện lịch sử : 3 Ngải là bạn kết nghĩa, cùng có chí đi tìm vùng đất mới để xây dựng cơ đồ truyền lưu cho con cháu. Câu liễn thờ treo ở Đình làng và ở 3 Nhà thờ của 3 Tộc là chứng liệu lịch sử xác minh cho điều này :

"Bắc địa từng vương tam kết hữu,

Nam thiên lập xã nhất đồng công "

Có nghĩa là : Đất Bắc theo vua ba bạn thiết, Trời Nam lập xã góp công đầu. Theo phổ hệ, nguồn gốc của 3 dòng tộc như sau :

m Ngải Phan Tổ: Người làng Ao Giản, huyện Nghi Xuân, tỉnh Nghệ An.

m Ngải Nguyễn Tổ: Người Thừa Tuyên, phủ Đức Quang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Nghệ An.

³ Thơ của Phan văn Thê, đăng trên báo tường nhân dịp khánh thành Tiền Đường tộc Phan, Thanh Minh năm Đinh Sửu 1997 .

m Ngải Ngô Tổ: Người quận Bột Hải, Diên Lăng, tỉnh Nghệ An.

Thời vua Lê Thánh Tông, tuân theo lệnh vua, 3 Ngải quyết tâm rời bỏ quê hương, đem vợ con vào Nam khai hoang lập xã. Trước tiên 3 Ngải đến một vùng phía Bắc sông Thu Bồn, khai khẩn được gần 50 mẫu ta. Sau nhận thấy nơi đây đất hẹp, người đông, 3 Ngải bèn cắt người canh thủ, đem vợ con sang sông qua phía Nam sông Thu Bồn. Tìm được một nơi điền địa hoang nhàn, cỏ cây tú mậ, 3 Ngải bèn ở lại, cùng chung sức ra công khai phá.

Một thời gian sau, Ngải Phan Nhơn Huyện lâm bệnh qua đời. Con Ngải là Phan Nhơn Bàn, nối chí cha, cùng 2 vị Thủy Tổ 2 tộc trên, tiếp tục công việc khẩn hoang. Sau nhiều năm dài đầy gian lao khổ cực, gần 500 mẫu ta đất đã được khai phá. Diện tích đất này đủ để thành lập một xã. Thế là một xã mới được vẽ thêm lên bản đồ Đại Việt với cái tên gọi đầu tiên là PHI PHÚ kiêm luôn cả ấp Hòa Đa. Phổ hệ họ Thái và họ Phạm đều chép là Thủy Tổ của họ đã vào cùng thời với 3 Ngải Thủy Tổ họ Phan, Nguyễn, Ngô và đồng tham gia việc khai khẩn đất hoang, lập xã. Năm Khải Định thứ 9, ba Ngải Phan Nhơn Bàn, Nguyễn Liệt và Ngô Bồ được Sắc phong là Tiền Hiền Khai Canh 2 làng Bảo An Đông và Bảo An Tây.

Dưới đây là bản Sắc Phong bằng chữ Hán:



Phiên âm: **CUNG LỤC HUY ÂM**

*Sắc Quảng Nam tỉnh, Điện Bàn phủ, Bảo An Đông Tây nhị xã Phụng sự
Tiền Hiền Khai canh PHAN NHƠN BÀN đại lang chi thân niệp trử linh ứng tử
linh chánh trị.*

*Trăm tử tuân đại khánh tiết kinh tụng bửu chiếu đàm ân lễ long đăng
trật trử phong vi Dực Bảo Trung Hưng Linh Phò Tôn Thần Chuẩn kỳ phụng sự
thần kỳ tương hữu bảo ngã lê dân khâm tại.*

Khải Định cửu niên thất ngoạt nhị thập ngũ nhật.

(Ấn) Sắc Mạng Chi Bửu

Phỏng dịch:

SẮC LỤC PHONG TẶNG

Sắc lệnh cho tỉnh Quảng Nam, phủ Điện Bàn, hai xã Bảo An Đông và Bảo An Tây phụng thờ vị Tiền Hiền khai canh PHAN NHƠN BÀN nổi tiếng linh ứng. Nhân kỳ khánh tiết 40 tuổi của Trăm theo lệ ban khen đàm ân cho tổ tông những thần dân có công, nay ban chiếu phong tặng tiên linh là Dực Bảo Trung Hưng Linh Phò Tôn Thần ngỏ được thờ phụng đặng bảo vệ lê dân ta. Hãy tuân lệnh này.

Niên hiệu Khải Định năm thứ 9 ngày 25 tháng 7 năm Bính Tý.

Ấn vua: Sắc Mạng Chi Bửu.

Nội dung 3 Sắc phong đều giống nhau, chỉ khác tên họ người được phong. Phổ hệ của 3 dòng tộc trên đã ghi:

1/ Ngài Phan Nhơn Bàn làm quan đến chức Đặc Tấn Phụ Quốc Thượng Tướng Quân Cẩm Y Vệ Đô Chỉ Huy Sứ, Định Nghĩa Bá Phan Nhơn Bàn Quý Công. Ngài sinh hạ được 7 người con trai (có 2 người chết sớm) và 3 người con gái. 5 người con trai là 5 Ngài Thỉ tổ 5 Phái: Phái Nhất, Phái Nhì, Phái Ba, Phái Tư và Phái Năm.

2/ Ngài Nguyễn Liệt sinh hạ được 3 người con trai là Thỉ Tổ của các Phái: Phái Mạnh, Phái Trọng và Phái Quý.

3/ Ngài Ngô Bồ sinh hạ được 2 người con trai là 2 Ngài Tổ Phái của: Phái Đại Tông và Phái Tiểu Tông. Ngài Tổ Phái Đại Tông là Ngô Công Văn làm

quan đến chức Đặc Tấn Phụ Quốc Thượng Tướng Quân, tổng thống các Dinh, Phó Tướng Văn Triều Bá.

Con cháu 3 dòng tộc này rất đông, đến nay đã có đến đời thứ 19. Đời nào cũng có người hiền đạt, tham gia việc dân, việc nước. Sau chiến tranh, một số ít con cháu trở về làng cũ. Một số đông ở lại nhiều nơi trong cũng như ngoài nước, đông nhất là ở Tp.HCM, Đà Lạt, Đà Nẵng, Hà Lam, huyện Thăng Bình ...

- **Họ Thái:** Theo phổ hệ của họ Thái: Thỉ Tổ họ Thái người xã Đỗ Liêu, huyện Nghi Xuân, tỉnh Nghệ An, thời đại Lê triều Hồng Đức, chiến tranh loạn lạc, kết bạn với quý ông Phan, Nguyễn, Ngô, Phạm từ đất Bắc vào Nam năm Hồng Đức thứ 2 tháng 2, ngày mồng 2 (khoảng tháng 3 năm 1471). Ngài Thỉ Tổ húy là Thái Đại, sinh Ngài Thái Công Hải, Ngài Thái Công Hải sinh được 4 người con trai tức là 4 Ngài Tổ Phái; Nhất, Nhì, Ba và Tư. Đến nay đã có con cháu đến đời thứ 17.

- **Tam kiết hữu - Kiết hữu Ngũ tôn:**

Câu liễn treo trước tấm thờ 3 ngài Tiên hiền tại đình làng Bảo An đã gây ít nhiều thắc mắc cho con cháu hai dòng tộc Phạm, Thái : - Tại sao công đầu lập xã chỉ có 3 ngài Phan, Nguyễn, Ngô ? Hai ngài Phạm và Thái đã cùng nếm trải những tháng năm gian lao khổ cực, đã cùng chung công góp sức trong việc phạt cỏ đốn cây, khai hoang vỡ hóa sao không thấy nói đến mà chỉ nói Tam kiết hữu, khi vua Khải Định ban Sắc Phong cho 3 ngài Phan, Nguyễn, Ngô.

Đây là sự kiện không thể không đề cập đến khi viết về các dòng tộc sinh cư trên đất Bảo An. Vấn đề " Tam kiết hữu hay Kiết hữu ngũ tôn", 2 Ngài Thái Tổ và Phạm Tổ có cùng đến một lần với 3 Ngài Tiên Hiền Phan, Nguyễn và Ngô không, chúng ta là những người hậu sinh không biết rõ, chỉ xin dẫn ra đây những cứ liệu rút ra từ trong các Phổ hệ các dòng tộc liên quan và những sự việc đã xảy ra chung quanh các vấn đề này trong thời kỳ ấy.

- Phổ hệ 3 tộc Phan, Nguyễn, Ngô đều chép giống nhau: 3 Ngài Phan Tổ, Nguyễn Tổ và Ngô Tổ là bạn kết thân với nhau. Ba Ngài cùng có chí khai hoang lập xã nên đã quyết tâm lìa bỏ quê hương quyền thuộc đem vợ con vào Nam lập nghiệp ...Không thấy nói đến 2 Ngài Thái, Phạm.

- Phổ hệ Tộc Thái chép : Thời đại Lê triều Hồng Đức, chiến tranh biến loạn, kiết hữu ngũ tôn Phan, Nguyễn, Ngô, Thái, Phạm, tự Bắc lai Nam ...

- Phổ hệ tộc Phạm chép : Dữ Phan, Nguyễn Ngô, Thái, Phạm ... Không nói đến hai chữ kiết hữu.

Con cháu 2 tộc Thái, Phạm muốn có sự công nhận Thỉ Tổ của họ đã cùng lúc với 3 Ngài Phan, Nguyễn, Ngô có mặt trên vùng đất hoang sơ mà nay là làng Bảo An để xin được sắc phong thần. Thời phong kiến, các tộc Tiền Hiền có nhiều đặc quyền, đặc lợi hơn. Các chức Chánh, Phó Lý trưởng đều thuộc về con cháu các tộc Tiền Hiền. Con cháu các tộc khác khó mà tranh các chức vụ này! Họ chỉ giữ những chức vụ trong hàng Ngủ hương⁴. Vấn đề này đã một thời đã làm mất đi sự đoàn kết và tình thân thiện với nhau. Nhưng tất cả rồi cũng qua đi.

Bảo An dần dần phát triển. Dân số ngày một gia tăng. Ngoài con cháu các tộc đến trước, thêm nhiều Tộc khác đến sinh cư lập nghiệp. Con cháu họ đều trở thành dân Bảo An. Rất nhiều người hiền đạt. Họ đã cùng nhau góp phần vào việc kiến tạo một xã Bảo An trù mật, phồn vinh.

Để mọi người dân được hòa đồng trong cuộc sống yên vui, để tình đoàn kết tương thân tương ái giữa những người khác tộc cùng chung sống trên một quê hương được tha thiết đậm đà hơn, ông Cử nhân Lương Doãn Nguyên (đỗ khoa Quý Mão năm 1903) đã đề nghị với 3 tộc Tiền Hiền đổi 3 chữ sau trong 2 vế của câu liên nói trên như sau:

"Bắc địa từng vương LONG HỮU NGHỊ (thay vì Tam kết hữu).

Nam thiên lập xã TÁC DÂN SƠ." (thay vì Nhất đồng công)

Có nghĩa là: Đất Bắc theo vua tình bạn bè thâm hậu,

Trời Nam lập xã làm người dân đầu.

Ba tộc Phan, Nguyễn, Ngô chấp nhận sự thay đổi này nhưng yêu cầu chỉ treo liên này ở đình làng và tại 3 nhà thờ Phan, Nguyễn, Ngô mà thôi, vì ngài Thủy Tổ các tộc Thái và Phạm không phải là " Người dân đầu ". Tuy đã nhất trí như vậy nhưng không hiểu vì sao, chỉ đình làng và tộc Phan thực hiện đúng như đã thỏa thuận.

Tộc Nguyễn giữ nguyên câu liên cũ cho đến ngày nay.

Tộc Ngô sửa 3 chữ sau của vế đầu:

"Bắc địa từng vương **thiên viễn xứ**.

Nam thiên lập xã tác dân sơ".

⁴ Ngủ hương : - Hương Bộ trông coi sổ sách điền địa. - Hương Kiểm lo việc giữ gìn an ninh, trật tự, canh gác, tuần tra. - Hương Bổng là thủ quỹ. - Hương Mục thi hành các thứ thuế. - Hương Thư giữ gìn các loại giấy tờ, thư ký trong làng. Các chức vụ này cũng được thay đổi dưới các triều vua khác nhau.

Sau năm 1975 khi tái lập nhà thờ, đã sửa lại **Long hữu nghị**

- Câu liễn tại nhà thờ tộc Thái :

*"Bắc địa từng vương **kiết hữu ngũ tôn quang tự cố***

*Nam thiên lập xã **khai cơ nhất thống hiển vu kim**".*

Có nghĩa là:

"Đất bắc theo vua bạn tốt năm ông từ xưa đã sáng tỏ.

Trời nam lập xã mở nền thống nhất đến nay mãi hiển vinh".

- Câu liễn tại nhà thờ tộc Phạm:

*"Bắc địa từng vương **hoàn nghĩa chí**,*

*Nam thiên lập xã **biểu nhưn cơ**".*

Có nghĩa là:

"Đất bắc theo vua vẹn tròn đạo nghĩa,

Trời nam lập xã nêu rõ lòng nhân".

Tất cả những sự kiện trình bày trên đây đã thuộc về quá khứ xa xăm. Nhân dân Bảo An ngày nay đang viết lại trang sử mới.

Trong 2 cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, Bảo An đã trở lại cái thời hoang sơ của 5 thế kỷ trước. Những gì mà tổ tiên các dòng tộc đã dày công gây dựng trước đây đã bị đạn bom hủy diệt và xóa đi tất cả không còn lại một dấu tích nào ngoài cỏ cây hoang dại. Sau ngày hòa bình vẫn hồi năm 1975, mộ của các Ngài Thủy tổ có công trong việc khai hoang lập xã đã thiên di đi nơi khác.

Sau chiến tranh, người dân Bảo An trở về làng cũ. Họ đã cùng nhau làm lại công việc mà trước đây trên 500 năm, Tổ tiên họ đã làm, cùng nhau chung sức khai hoang vỡ hóa, qui hoạch khu dân cư, đất canh tác và xây dựng xóm làng. Bảo An ngày nay không còn phân biệt tộc lớn tộc nhỏ, không có tộc nào đến trước tộc nào đến sau. Bảo An là của chung của những người hiện sinh sống tại đây. Tất cả đều chung lo xây dựng xóm làng ngày một thêm đẹp, thêm giàu với cái tinh thần Long hữu nghị vốn có của Tiên nhân.

Đó là ý nguyện, là tâm niệm của người dân Bảo An vậy.

v v v v v v v

4. NGÀI TIỀN HIỀN VÀ CÁC VỊ THẾ TỔ 5 PHÁI

* NGÀI TIỀN HIỀN:

Ngài **PHAN NHƠN BÀN** kết duyên với bà **DƯƠNG THỊ THẢO**, sinh hạ được 7 người con trai và ba người con gái. Hai người con trai thứ 3 và thứ 7 chết sớm. Năm người con trai còn lại là Thế Tổ của 5 Phái.

Ngài **PHAN NHƠN BÀN** được suy tôn là **Thủy Tổ tộc Phan Bảo An** và được kể là **Đời Thứ Nhất**.

* CÁC VỊ THẾ TỔ 5 PHÁI:

- **Phái Nhất** : Ông **PHAN VĂN BÀI** và bà **NGUYỄN THỊ DƯ**.
- **Phái Nhì** : Ông **PHAN VĂN HÀN** và bà **NGUYỄN THỊ ĐIỀU**.
- **Phái Ba** : Ông **PHAN VĂN THIỆU** và bà **NGÔ THỊ CẦN**.
- **Phái Tư** : Ông **PHAN VĂN YẾN** và bà **PHẠM THỊ KIỀU**.
- **Phái Năm** : Ông **PHAN VĂN LIÊU** và bà **TRẦN THỊ PHIÊN**.

CÁC NGÀY KỶ TRONG NĂM:

- Ngài Thủy Tổ : Mồng 6 tháng 10 Âm lịch:
- Các Ngài Thế Tổ :
 - Phái Nhất : 25. 1. Âm.
 - Phái Nhì : 20. 7. Âm.
 - Phái Ba : 27. 8 . Âm.
 - Phái Tư : 08. 03. Âm.
 - Phái Năm : 16.10.Âm (Giỗ chính ngày 22. 3 Âm là ngày giỗ của Bà).

Hằng năm Tộc ta tổ chức 3 Lễ chính thức tại nhà thờ Phan Cả:

- Lễ giỗ Tiên Hiền.
- Lễ tế Xuân vào ngày Thanh Minh.
- Lễ tế Thu vào ngày Đông Chí.

Trước năm 1945, lễ giỗ Tổ và tế Thu chỉ cúng 1 con heo trên 50 kg mỗi lễ vì ít người đi dự. Lễ Tế Xuân cũng là ngày tảo mộ nhằm vào ngày Thanh Minh nên con cháu đi dự rất đông. Người đến dự lễ chỉ toàn đàn ông, dâu và con gái không được phép đi dự. Ngoài con heo cúng Tiên linh còn phải làm thêm 1 con trâu, bò và 1 hay 2 con heo nữa.

QUỸ CỦA TỘC

Chi phí dùng trong việc cúng tế lấy từ hoa lợi thu được trên mấy mẫu đất tư của Tộc. Con cháu không phải đóng góp thêm tiền.

Bảo An toàn là công điền, công thổ. Tổ tiên chúng ta, mặc dù có công lớn trong việc khai hoang lập xã nhưng không lấy một tác đất nào để lưu lại cho con cháu làm đất hương hỏa. Để có tiền chi dùng trong việc tế lễ, tu bổ nhà thờ, mua sắm khí mễ ... Tộc ta đã tự lo lấy bằng cách mua một số đất để canh tác, thu hoa lợi.

Từ năm Tự Đức thứ 13 (1860) về trước, không rõ tiền nhân chúng ta đã lấy quỹ ở đâu để chi dùng. Nhưng từ năm Tự Đức thứ 14, tộc ta đã mua một số đất sau đây :

- Năm Tự Đức 14 (Tân Dậu -1861) tộc mua đoạn đất tư phía tây vườn nhà thờ : 4 sào 9 thước 5 tấc.

- Năm Thành Thái thứ 18 (Bính Ngọ -1906) tộc mua đoạn đất tại Thạnh Mỹ, xứ Bàu Điền : 9 sào 7 thước 5 tấc.

- Năm Duy Tân thứ 3 (Kỷ Dậu - 1909) tộc mua đoạn đất tại Phú Tây, địa bộ xứ Thạnh Lợi: 1 mẫu.

Tổng cộng diện tích đất là: 2 mẫu 3 sào 17 thước thuộc quyền sở hữu của tộc.

Ngoài tiền do hoa lợi của đất cung cấp, tộc còn thu được một khoảng tiền khác gọi là "tiền nộp lệ" do các gia đình có con trai đến tuổi trưởng thành nộp. Nhân ngày giỗ Tổ hay Thanh Minh, gia đình nào có con trai đến 18 tuổi phải sắm một quả trầu cau, 1 chai rượu và 1 giắc bạc (số tiền này mua được 3 kg gạo) đưa con đến nhà thờ xin nhập Tộc.

Số người mới đăng ký nhập tộc được chia làm 3 hạng:

- Hạng biết chữ khá sẽ được làm những chức vụ như Lễ, Biện ...
- Hạng biết chữ ít thì làm học trò lễ.
- Hạng không biết chữ thì làm "dân dọn" để nấu nướng, dọn ăn và làm các tạp dịch khác tại nhà thờ.

Năm 1976, sau khi thành lập Hợp Tác Xã Nông nghiệp, số đất tư của tộc không còn nữa. Những chi phí dùng cho việc tế lễ đều do con cháu nội ngoại - cả nam lẫn nữ - ở trong và ngoài nước đóng góp. Tất cả đều do sự thành tâm tự nguyện của con cháu, không có một bắt buộc nào của tộc cả.

Hằng năm vào ngày Thanh minh con cháu Nội Ngoại các nơi trong và ngoài nước đều về tham dự đông đủ. Sau buổi Lễ là sinh hoạt của Tộc họ, con cháu có dịp thăm hỏi, hàn huyên thắt chặt thêm tình đoàn kết gắn bó trong gia tộc. Trong dịp này mọi người đi thắp hương, viếng thăm các phần mộ Tổ tiên, ông bà, cha mẹ và người thân trong gia đình.

Các ngày giỗ các Ngài Tổ Phái cũng được tổ chức theo từng Phái tại Nhà thờ Tộc Cả. Riêng Phái Nhì đã xây dựng Nhà Thờ Phái nên ngày giỗ Ngài Tổ Phái được tổ chức tại Nhà thờ Phái Nhì.

Tại Tp.HCM, Lễ Thanh Minh, giỗ Ngài Tiên Hiền và những ngày giỗ các Ngài Tổ Phái được tổ chức tại nhà thờ Bình Triệu, 23A Ấp Bình Triệu, xã Hiệp Bình Chánh, Q13, Thủ Đức.

Tại Đà Lạt, trong lúc chờ xây dựng Nhà thờ, các ngày giỗ được tạm thời tổ chức tại nhà ông Phan Việt (Ba Việt 4/14) - đường Phù Đổng Thiên Vương. Năm 1999, sau khi xây dựng nhà thờ, các ngày giỗ đã được tổ chức tại Nhà thờ.

Dù đang sinh sống bất cứ nơi đâu, con cháu Tộc Phan Bảo An vẫn luôn luôn nhớ về cội nguồn của mình và nhất là không bao giờ quên các ngày giỗ tưởng niệm công đức của Tổ tiên.

HỘI ĐỒNG GIA TỘC

Trong một cuộc họp mở rộng gồm đại diện các Phái ở Bảo An và các nơi khác như Đà Nẵng, Tp.HCM... tham dự đã bầu ra Hội Đồng Gia Tộc. HĐGT điều hành mọi công việc của Tộc và giữ mối quan hệ mật thiết với các Tộc khác ở trong làng. Lập Bản Tộc Ước để những người có trách nhiệm theo đó thực hiện tốt các chủ trương của Tộc nhằm phát huy và bảo tồn những truyền thống tốt đẹp vốn có của dòng tộc từ bao đời nay:

TỘC ƯỚC

Tộc Họ là một cộng đồng, một kết cấu duy nhất mang tính huyết thống có sức bền vững tồn tại đến muôn đời, không chịu ảnh hưởng một thế lực nào hay những đổi thay của đất nước. Bởi vậy, việc hướng sinh hoạt tộc họ đi vào nề nếp vừa ích nước vừa lợi nhà là điều cần thiết phải làm cho bằng được.

Tộc Họ có trách nhiệm phát huy và bảo tồn những giá trị tốt đẹp của dòng họ, của gia đình Việt nam, đồng thời tăng cường sự đoàn kết, tình thân ái giữa bà con trong thân tộc và xóm giềng. Mô hình Hội Đồng Gia Tộc và những hoạt động của nó ngày càng thể hiện rõ nét trong đời sống văn hóa và tinh thần của mỗi gia đình trong cộng đồng dân tộc, ảnh hưởng tốt đến xã hội bên ngoài.

Thủy Tổ chúng ta, ngoài việc hết lòng vì nước vì dân, còn lo việc khai khẩn đất hoang qui dân lập xã. Ngài là một trong những người góp công đầu trong việc lập xã Bảo an ngày nay. Là hậu duệ của Ngài, bất cứ ở thời nào, chúng ta cũng phải đem hết sức mình tham gia xây dựng đất nước, bảo tồn và phát huy những truyền thống tốt đẹp của tổ tiên. Để đạt được những mục đích nói trên, tộc chúng ta phải có một tổ chức mạnh gồm những người có năng lực, có trí tuệ, sức khỏe và đức hạnh để đảm trách những công việc của Tộc Họ về hai mặt đối nội cũng như đối ngoại. Để làm được điều đó, chúng ta phải xây dựng một Hội Đồng Gia Tộc và lập ra một Bản Qui Ước để những người có trách nhiệm theo đó thực hiện tốt các chủ trương của Tộc cũng như của Nhà Nước .

MỤC ĐÍCH:

- Phát huy và bảo tồn những truyền thống tốt đẹp vốn có của dòng tộc từ trước đến nay như lòng yêu nước, gương hiếu học, rèn luyện tư cách đạo đức để trở thành một công dân tốt.*
- Động viên mọi người trong thân tộc chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách vì dân vì nước của Nhà Nước, làm tốt nghĩa vụ công dân.*
- Giữ gìn thuần phong mỹ tục, tiếp thu có chọn lọc những tục lệ cổ truyền của dân tộc, bài trừ các tệ đoan xã hội .*
- Thực hiện tốt công tác khuyến học, khuyến khích động viên, khen thưởng và giúp đỡ các thế hệ SVHS trên con đường học vấn.*
- Tổ chức các Lễ Tưởng Niệm công đức của Tổ tiên đơn giản nhưng trang nghiêm và thành kính trong các ngày Thanh Minh, giỗ Tổ hằng năm. Tổ chức tốt việc đón tiếp con cháu nội ngoại về dự Lễ tạo điều kiện thuận lợi để bà con gặp gỡ nhau nhằm tăng thêm tình đoàn kết, tương thân tương ái.*
- Tổ chức cứu trợ kịp thời cho bà con thân tộc trong thiên tai như bão lụt, hỏa hoạn ...*
- Thăm viếng, giúp đỡ, phúng điếu những người hoạn nạn, ốm đau hoặc mệnh chung một cách thiết thực.*
- Tổ chức mừng thọ cho những thân tộc thọ trên 70 tuổi.*

- Phát huy tình đoàn kết giữa các tộc họ khác trong thôn, xã.

TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG GIA TỘC

HĐGT gồm các vị sau đây:

- 1 vị Trưởng tộc
- 5 vị Đại diện cho 5 Phái
- Đại diện các địa phương có đông con cháu tộc Phan đang sinh sống như : Tp/HCM, Đà Lạt, Quảng Nam, Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Hà Nội ...

(Các thành viên trong HĐGT theo thế thứ của dòng tộc, vốn đã được tuân thủ chặt chẽ từ trước đến nay)

Cố vấn và tham mưu cho Ban Điều Hành, quyết định các công việc quan trọng của tộc.

Phụ việc cho HĐGT có 3 Ban sau đây:

1/ Ban Tế Lễ:

Gồm 6 vị cao niên, cao thế đại diện cho 5 Phái và 1 vị Tư Lễ lo việc nghi thức và nội dung các buổi Tế hằng năm.

2/ Ban Điều hành:

Hoạt động thường trực gồm 5 người có đầy đủ khả năng và đức hạnh, bất luận ở phái nào.

Thành phần Ban Điều Hành:

- 1 Trưởng ban: Điều hành tổng quát để thực hiện những điều đã ghi ở phần mục đích.
- 1 Phó Trưởng ban: Cùng với Trưởng ban để điều hành các công việc nói trên.
- 1 Thư ký: - Giữ và ghi chép sổ sách, biên bản các buổi họp của HĐGT .
- Ghi chép những thay đổi trong Tộc về việc Tang, Hôn, sinh trưởng... để tục biên Phổ Hệ.
- 1 Kế toán: Giữ và ghi chép sổ sách Chi Thu tiền bạc, lễ vật và dụng cụ thờ phụng .
- 1 Thủ quỹ: Giữ quỹ của tộc.
- 1 Ủy viên: Phụ trách Lễ tân và đời sống .

3/ Ban Khuyến học:

Ban khuyến học có nhiệm vụ khuyến khích, động viên, khen thưởng và giúp đỡ các thế hệ SVHS trên con đường học vấn.

CÁC QUI ĐỊNH:

Nguồn thu của Tộc chỉ dựa vào sự đóng góp tự nguyện của con cháu trong và ngoài nước. Tiền thu dùng để lo hương khói Tổ tiên, xây dựng và trùng tu cơ ngơi thờ phụng, sửa sang khu mộ Tiên Hiền và 5 Phái. Hội Khuyến học của Tộc có nguồn thu chi và sổ sách riêng.

Mọi hoạt động của Tộc phải tuân thủ chặt chẽ các điều lệ sau đây:

- **Điều 1:** *Việc thu chi phải ghi sổ sách phân minh và được báo cáo công khai trong các phiên họp của HĐGT và trong các buổi Lễ hằng năm có con cháu tham dự.*

- **Điều 2:** *Thủ quỹ chỉ giữ tiền mặt dưới 100.000 đồng, trên số đó phải gửi vào ngân hàng lấy lãi. Khi gửi tiền phải hội đủ 2 chữ ký của Trưởng ban Điều hành và Thủ quỹ.*

- **Điều 3:** *Chi từ 10.000 đ trở lên phải có sự chuẩn chi của Trưởng Ban Điều Hành và phải kèm chứng từ lưu giữ trong sổ sách kế toán.*

- **Điều 4:** *Hằng năm trong Lễ Thanh minh và giỗ Tổ Tiên Hiền, BDH có trách nhiệm lo các việc sau đây do ủy viên Lễ tân và đời sống chịu trách nhiệm trực tiếp :*

- *Mua sắm các lễ vật, thực phẩm để cúng tế và lo cơm nước buổi trưa cho bà con về dự lễ.*

- *Tổ chức về mặt hình thức buổi Lễ Tế như băng cờ, chiêng trống, máy móc tăng âm ...*

- *Tập trung nhân lực để lo việc bàn ghế, nấu nướng, bưng dọn v.v..*

- *Điều hành chương trình buổi Lễ.*

- **Điều 5:** *HĐGT họp toàn thể mỗi năm một lần vào trước ngày Thanh minh để tổng kết hoạt động trong 1 năm qua, báo cáo thu chi, nhận xét ưu, khuyết điểm để rút kinh nghiệm, bầu bổ sung nếu có thành viên nào khiếm khuyết, đề ra những công việc phải làm cho năm tới.*

- **Điều 6:** *HĐGT chịu trách nhiệm thực hiện Tộc ước này với tinh thần tự nguyện vì tương lai và danh dự của Tộc chúng ta.*

Ban Tri tộc hiện nay (năm 2000) gồm có :

Tri Tộc : Ông Phan Lượng 1/14

Đại diện các Phái :

- Phái Nhất : *Ô. Phan Lựợng.*
- Phái Nhì : *Ô. Phan Dũng 2/17*
- Phái Ba : *Ô. Phan Chín 3/14*
- Phái Tư : *Ô. Phan Định 4/15*
- Phái Năm : *Ô. Phan Tiết 5/14*

*** Ban Tế Lễ:** *Gồm các ông ;*

- Tế Lễ: *Ô. Phan Niên 3/13, phụ trách nội dung văn tế, nghi thức các buổi tế.*
- Chủ tế: *Ô. Phan Lựợng và các vị đại diện 5 Phái nói trên.*

*** Ban Điều Hành:**

- Trưởng Ban : *Phan On 5/14.*
- Phó Ban : *Phan Lựợc 2/15.*
- Thư ký : *Phan Cầu 2/15.*
- Kế toán : *Phan Tín 3/15.*
- Thủ quỹ : *Phan Dũng 2/17.*
- Ủy viên Lễ tân & Đời sống : *Phan Áu 2/15.*

Ban Điều Hành mỗi năm được bầu lại một lần.

• BAN KHUYẾN HỌC:

Gồm 16 vị Đại diện 5 Phái và các Phân Chi Hội Khuyến Học tại mỗi địa phương có con cháu tộc Phan Bảo An đang sinh sống.

Một buổi họp mở rộng ngày 24.5.1998 tại nhà ông Phan Long, 14 A/26 đường Lê Duẩn Đà Nẵng, gồm Đại diện 5 Phái, một số đông bà con có nhiệt tình về việc xây dựng Tộc Họ cùng Chi hội Khuyến Học tộc Phan Bảo An tại Đà Nẵng đã nhất trí thành lập Hội Khuyến Học toàn Tộc. Dựa vào kết quả của Chi Hội Khuyến Học của bà con tộc Phan đang sinh sống tại Đà Nẵng đạt được trong 5 năm qua, hội nghị đã đề ra phương hướng hoạt động mở rộng ra cho cả Tộc, trong cũng như ngoài nước. Chi Hội Khuyến Học Tộc Phan Bảo An được thành lập theo Quyết định số 28/QĐ-KHDN của Hội Khuyến Học Đà Nẵng cấp ngày 27.8.1998, hoạt động theo điều lệ, nội qui của Hội Khuyến Học Việt Nam.

Chi Hội đã phân công, cử người đến các địa phương có con cháu tộc Phan đang sinh sống để tổ chức và thành lập các Phân Chi Hội Khuyến Học. Ban điều hành thường trực của Chi Hội gồm có các ông :

- Cố vấn : Phan Sô
- Chủ tịch : Phan Long
- Phó Chủ tịch : Phan Nam
- Thư ký : Phan Văn Thê
- Thủ quỹ : Phan Hùng

vvvvvvv

VĂN TẾ

Trong các Lễ tế Xuân, tế Thu, ngày Giỗ Ngải Tiên Hiền và các vị Thế Tổ 5 Phái, Ban Tế Lễ thường đọc văn tế. Bài Văn Tế tộc ta đã sử dụng từ trước năm 1945 viết bằng chữ Hán, về sau để con cháu dễ hiểu hơn, văn tế được thay đổi bằng tiếng Việt. Các phần trong bài văn tế đều giống nhau, chỉ khác ở phần Viết Cung Duy (Lòng Vắn). Dưới đây là bài văn tế bằng tiếng Việt do ông Phan Sô 4/13 biên soạn. Các ông Phan Minh Kế 3/13, Phan Hý 3/13, Phan Đức Mỹ 3/14, Phan Văn Thê 4/14 góp ý trong quá trình biên soạn. Bản thảo đã được gửi đến HĐGT, các vị cao niên cao thế, các thân tộc gần xa để tham khảo ý kiến, sửa chữa trước khi đưa vào sử dụng. HĐGT đã nhất trí sử dụng bài văn tế này cho toàn tộc trong các buổi tế lễ thay cho bài văn tế bằng chữ Hán.

Các phần trong bài văn tế đều giống nhau, chỉ khác ở phần Viết Cung Duy (Lòng Vắn). Dưới đây là văn tế bằng tiếng Việt :

VĂN CHÁNH TẾ

TỘC PHAN CẢ

Việt Nam tuế thứ niên,

..... nguyệt. nhật.

Quảng Nam tỉnh, Diên Phước huyện, Điện Bàn phủ, Đa Hòa thượng tổng, Bảo An xã, Ba Trai xứ.

Phan đại tộc, đồng tộc nội tôn hiệp ngoại tôn nam nữ đẳng.

Tư nhơn bốn tộc thường niên cung tri THỈ TỔ KHẢO TỶ TIỀN HIỀN

.....
kiến thành kính dĩ, nhang đăng, kim ngân, phù lan, thanh chước, ba quả,
sanh tử, hào soạn, thứ phẩm chi nghi.

Đồng tộc ủy trách :

- Chánh bái : Chánh tôn : Văn
- Tả phân hiến : Thứ tôn : Văn
- Hữu phân hiến : Thứ tôn : Văn
- Tư lễ : Văn
- Lễ sanh : Văn
- Chỉnh, cổ : Văn

đăng, cung hành hiến tế.

KÍNH THỈNH TẾ VU

VINH DƯƠNG QUẬN

- KHỞI TỔ KHẢO THỦ LĨNH NGHỆ AN TRẠI CHỦ, tước Quan Nội Hầu, Phan tướng công, thần vị tiên.

- KHỞI TỔ TỶ THỦ LĨNH NGHỆ AN TRẠI CHỦ, Tước Quan Nội Hầu, Phan tướng công nguyên phối tiên linh phu nhân, thần vị tiên.

- TIỀN TỶ TỔ KHẢO Thư viện tước Thượng Chế, Phan tướng công, thần vị tiên.

- TIỀN TỶ TỔ TỶ Thư viện tước Thượng chế, Phan tướng công nguyên phối tiên linh phu nhân, thần vị tiên.

- TỶ TỔ KHẢO LÔI CÔNG Quản Cấm Tướng Quân, Tả Các Môn Sứ Viên Ngoại lang, Phan tướng công, thần vị tiên.

- TỶ TỔ TỶ LÔI CÔNG Quản Cấm Tướng Quân, Tả Các Môn Sứ Viên Ngoại lang, Phan tướng công nguyên phối Đình phu nhân, thần vị tiên.

- NHĨ TỔ KHẢO Phan Đại Lang quý công, thần vị tiên.

- NHĨ TỔ TỶ Phan Đại lang quý công nguyên phối Nguyễn quý mương, thần vị tiên.

- SỞ TỔ KHẢO TIỀN TIỀN HIỀN KHAI KHẨN Phan quý công , thần vị tiên.

- SƠ TỔ TỶ TIỀN TIỀN HIỀN KHAI KHẨN Phan quý công nguyên phối Trần quý nương, thần vị tiên.

TRÍ KỶ TẾ VU

- THỦY TỔ KHẢO TIỀN HIỀN KHAI CANH, Đặc Tấn Phụ Quốc Thượng Tướng Quân Cẩm Y Vệ, Đô Chỉ Huy Sứ, Dịch Nghĩa Bá - Sắc phong Dực Bảo Trung Hưng Linh Phò Tôn Thần - Phan Tướng Công, thần vị tiên.

THỈNH HIỆP KỶ TẾ VU

- THỦY TỔ TỶ TIỀN TIỀN HIỀN KHAI CANH, Đặc Tấn Phụ Quốc Thượng Tướng Quân, Cẩm Y Vệ, Đô Chỉ Huy Sứ, Dịch Nghĩa Bá - Sắc phong Dực Bảo Trung Hưng Linh Phò Tôn Thần - Phan Tướng Công nguyên phối Dương phu nhân, thần vị tiên.

- THỦY TỔ TIỀN TỔ KHẢO PHAN BÁ HUYNH Nhứt Lang Quý Công, thần vị tiên.

VIẾT CUNG DUY

Hôm nay, nhằm tiết Thanh Minh, Nội Ngoại cháu con khắp nơi tề tựu về đây đông đủ, cẩn nghi hương lễ, đồng cung kính khấu đầu khấn niệm, cáo vọng hương linh Tiên Tổ.

Nhớ Tổ Tiên ta xưa:

Hồng Lĩnh non cao hùng vĩ là nơi phát tích giống dòng

Lam giang sông rộng mệnh mông là chốn dương danh Phan tộc.

Đất Nghi Xuân linh khí mười phần

Làng Ao Giản tinh truyền một Họ.

Núi gương Tiên Tổ, rào gót hải hồ, hướng miền trù phú, dặm Trường

Sơn tầm tắp thẳng dong

Nói chí cha ông, lập đoàn kết bạn, tìm chốn phì nhiêu, đường Nam tiến
thênh thang rộng mở.

Gặp lúc lệnh vua chiêu dụ, cùng Nguyễn, Ngô kết nghĩa đệ huynh

Nhân khi vận nước thịnh hưng, vào đất Quảng dựng xây cơ nghiệp.

Bắc địa từng Vương, quan san diệu viễn

Nam thiên lập xã, gian khổ mạc từ.

Rời Ao Giản, Nghi Xuân dong rui, băng ghềnh vượt thác, chèo quế bên
lòng bởi giống dòng muôn thưở

Đến Quảng Nam, Gò Nổi tạm dừng, lội suối trèo non, tay rìu vững dạ, vì
miêu duệ tương lai.

Dãi gió dầm mưa bao quản
Băng sông vượt núi chi nài.
Chịu nhiều nổi sương lam chướng khí
Cùng trăm bề cực khổ gian lao.
Ngày dẫn cây khai phá đất hoang
Đêm ngủ trên cành tránh loài thú dữ.

Biển rừng xanh thành ruộng thành vườn, mở lối hẹp khai đường thông sá
Xây động trại, tạo thôn tạo ấp, dựng cơ đồ, lập xã qui dân.

Từ Hòa Đa sang qua Phi Phú , cơ ngơi đồ sộ, giọt mồ hôi sáng tạo đẹp vô
ngân

Hết Phú An lại đổi Bảo An, uy thế lẫy lừng, mưu trí tuệ vun bồi cao vọi
vọi.

Trải mấy triều hưng phế, đàn cháu con giống trồng đặng khoa, làm dòng
giống thơm danh cho tông môn rạng rỡ, công đức biết mấy mà lường

*Qua bao cuộc tang thương, lớp hậu bối nâng cao mức sống, lập vườn dâu
xanh tốt, tạo đồng lúa sây bông, sự nghiệp kể sao cho xiết.*

Lần theo năm tháng sản sinh cháu thảo con hiền, quế lan cành lá sum sê,
hoa đơm sắc màu rực rỡ

Tiếp nối thời gian, dựng xây Họ lớn Dòng dài, đào lý quả hoa tươi tốt,
hương tỏa mùi vị ngọt ngào.

Gìn truyền thống phụng lân nối gót, mãi lưu truyền di sản tinh anh
Giữ gia phong hậu duệ vun bồi, luôn tô đậm nét son tươi thắm.

Cao cả thay !

Công liệt Tổ thiên thu truyền tụng, một lời đâu nói hết nghĩa thâm ân

Đức Tổ tông vạn thế lưu phương, đôi câu sao tỏ xong lòng hiếu đạo.

Muôn đời ơn sâu, lòng hậu sinh có nhật nguyệt soi tường

Tưởng hoài nghĩa nặng, dạ cháu con cầu Tiên tổ chứng tri.

Một lòng thành kính,

Một dạ sắt son,

Chúng con xin nguyện :

Giữ lấy lễ ngay

Noi theo chính đạo.

Tình tương thân thắm thiết xin gắn bó keo sơn

Nghĩa gia tộc thiêng liêng nguyện ghi tâm tạc dạ.

Yêu thương đùm bọc, lá lành lá rách lúc sa cơ

Giúp đỡ viếng thăm kẻ khó, người nghèo cơn hoạn nạn.

Theo dấu tiền nhân học lấy chữ trung can

Noi gương quốc sĩ nêu cao câu chính khí.

Ba tuần rượu nhạt, vọng bái Tổ tiên, anh linh chứng giám

Một nén hương thơm, cúi xin liệt Tổ hiển hách hộ trì.

Ngưỡng vọng muôn phương phụng thỉnh hương linh Tiên tổ, chứng chiếu
tác lòng thành, xin gia hộ phò trì, ban phúc ấm ơn lành cho con cháu.

Phục duy cẩn cáo !

PHỐI TẾ VU

Đệ Nhứt hệ Thỉ tôn Tiên Tổ Khảo, Cai Tổng Sùng Lương Bá Phan Quý Công, thần vị tiên.

Đệ Nhứt hệ Thỉ tôn Tiên Tổ Tỷ, Cai Tổng Sùng Lương Bá Phan Quý Công nguyên phối Nguyễn Quý Nương, thần vị tiên.

Đệ Nhị hệ Thỉ tôn Tiên Tổ Khảo, Khuyến Nông Quan Phan Quý Công, thần vị tiên.

Đệ Nhị hệ Thỉ tôn Tiên Tổ Tỷ, Khuyến Nông Quan Phan Quý Công, nguyên phối Nguyễn Quý Nương, thần vị tiên.

Đệ Tam hệ Thỉ tôn Tiên Tổ Khảo Phan Quý Công, thần vị tiên.

Đệ Tam hệ Thỉ tôn Tiên Tổ Tỷ Phan Quý Công, nguyên phối Ngô Quý Nương, thần vị tiên.

Đệ Tứ hệ Thỉ tôn Tiên Tổ Khảo, Văn Sai Xã Trưởng Phan Quý Công, thần vị tiên.

Đệ Tứ hệ Thỉ tôn Tiên Tổ Tỷ, Văn Sai Xã Trưởng Phan Quý Công nguyên phối Phạm Quý Nương, thần vị tiên.

Đệ Ngũ hệ Thỉ tôn Tiên Tổ Khảo Phan Quý Công, thần vị tiên.

Đệ Ngũ hệ Thỉ tôn Tiên Tổ Tỷ Phan Quý Công nguyên phối Trần Quý Nương, thần vị tiên.

Đệ Nhị Thế Tiên Tổ Khảo, Đệ Tam Lang, Đệ Thất Lang, Quý Công thần vị (Tảo vong).

Đệ Nhị Thế Tiên Tổ Cô Phan Thị Mạnh Nương, Phan Thị Trọng Nương, quý nương thần vị.

KÍNH DĨ

Tam Thế Tiên Tổ Khảo, Tiên Tổ Tỷ, Tiên Tổ Bá, Tiên Tổ Thúc, Tiên Tổ Cô, chư vị, thần vị tiên.

Tứ Thế Tiên Tổ Khảo, Tiên Tổ Tỷ, Tiên Tổ Bá, Tiên Tổ Thúc, Tiên Tổ Cô, chư vị, thần vị tiên.

Ngũ Thế Tiên Tổ Khảo, Tiên Tổ Tỷ, Tiên Tổ Bá, Tiên Tổ Thúc, Tiên Tổ Cô, chư vị, thần vị tiên.

Lục Thế Tiên Tổ Khảo, Tiên Tổ Tỷ, Tiên Tổ Bá, Tiên Tổ Thúc, Tiên Tổ Cô, chư vị, thần vị tiên.

Thất Thế Tiên Tổ Khảo, Tiên Tổ Tỷ, Tiên Tổ Bá, Tiên Tổ Thúc, Tiên Tổ Cô, chư vị, thần vị tiên.

Bát Thế Tiên Tổ Khảo, Tiên Tổ Tỷ, Tiên Tổ Bá, Tiên Tổ Thúc, Tiên Tổ Cô, chư vị, thần vị tiên.

Cửu Thế Tiên Tổ Khảo, Tiên Tổ Tỷ, Tiên Tổ Bá, Tiên Tổ Thúc, Tiên Tổ Cô, chư vị, thần vị tiên.

Thập Thế Tiên Tổ Khảo, Tiên Tổ Tỷ, Tiên Tổ Bá, Tiên Tổ Thúc, Tiên Tổ Cô, chư vị, thần vị tiên.

Thập Nhứt Thế Tiên Tổ Khảo, Tiên Tổ Tỷ, Tiên Tổ Bá, Tiên Tổ Thúc, Tiên Tổ Cô, chư vị, thần vị tiên.

Thập Nhị Thế Tiên Tổ Khảo, Tiên Tổ Tỷ, Tiên Tổ Bá, Tiên Tổ Thúc,
Tiên Tổ Cô, chư vị thần vị.

Thập Tam Thế Tổ Khảo, Tổ Tỷ, Tổ Bá, Tổ Thúc, Tổ Cô, chư vị .

Thập Tứ Thế Khảo, Tỷ, Bá, Thúc, Cô, chủ vong liệt vị.

PHỐI DI

Thập Ngũ Thế, Thập Lục Thế , Nam Nữ tử vong liệt vị.

KY

Lịch đời thế thế Tiên Tổ Khảo, Tiên Tổ Tỷ, Tiên Tổ Bá, Tiên Tổ Thúc,
Tiên Tổ Cô khiếm thế chư vị liệt vị.

Cập đồng đường huynh đệ, cô di, tỷ muội hữu danh vô vị, hữu vị vô danh
phàm ngã tôn thân đẳng chư hương linh đồng lai thượng hưởng.

Phục Duy Cẩn Cáo

*Ngoài bài **Lòng vắn** trên còn có nhiều bài khác nữa, chúng tôi chọn đăng
bài thứ hai để mỗi địa phương tùy nghi sử dụng:*

❖ Bài 2:

Ngã Sơ Tổ công cao thủy sáng - Chánh vị TIỀN HIỀN.

Trăm hồng nghìn tía, muôn hoa cùng một gốc sinh ra.

Muôn lẽ nghìn nghi, tinh thần ấy lâu đời đã có.

Truy niệm Tổ Tiên xưa, cây có cội nước có nguồn,

Người há dễ quên ơn Tông Tổ .

Nhớ Tổ Tiên xưa, gốc tại Bắc phương từng vương Nam thổ.

Xuất thân đi từ thưở Lê triều

Lập ấp qui dân khai cơ thác thổ

Ngày một vươn lên nhóm người thành Họ.

Cùng Nguyễn, Ngô nhị Tổ đào viên.⁵

Trải bao phen triệu triệu bồi bồi,

⁵ Đào viên : Lưu Bị, Quan Công (Quan Vân Trường), Trương Phi (Dực Đức) kết nghĩa anh em ở vườn đào

Qua mấy độ thừa thừa kế kế.
Văn hiến Dòng xưa, lễ nghi nếp cũ
Nền nhân, nghĩa móng, qui mô gây dựng từ đây.
Nghiên ruộng, bút cây, con cháu nối noi bởi đó.
Nghĩa Huân trông gương họ Đậu,⁶
Quế Yên Sơn bóng mát cả nhà.
Trân cam nhớ đức Trương Công⁷
Cửu thế đồng cư ân nhuận.
Một họ ơn nhà lộc nước.
Hồ thủy đây mà khoa bảng cũng là đây.
Võ giỏi văn hay, thi lễ có mà kiếm cung cũng có.
Nhà yên nước trị, tiếng lưu truyền gia tộc vẫn còn ghi.
Trong âm ngoài êm, họ Phan ta còn vang trong sử sách.
Nhà phước thanh con đông cháu đức,
Chữ gia khương biển rộng sông dài.
Trông ngày nay biết đến ngày mai,
Nhìn hiện tại biết ơn Tông Tổ.
Trời cao biển rộng, công đức bao la,
Phước thăm non cao, khôn đường báo bổ.
Xuân tự, Thu thường nhưn tử phụng Tiên chi hiếu.
Ngưỡng lại Tổ Tiên chi gia huệ dã.

⁶ Đậu Yên Sơn có 5 con trai đều hiển đạt, gọi là ngũ quế.

⁷ Trương Công Nghệ : Con cháu 9 đời đều sống chung hòa thuận với nhau. Vua hỏi nhờ đâu có được sự hòa thuận ấy, ông dâng lên vua một tờ sổ viết 100 chữ nhần.

❖ TÌM VỀ CỘI NGUỒN DÒNG TỘC

Hành trình tìm về cội nguồn:

Việc hành hương về quê Tổ để tìm hiểu cội nguồn dòng Tộc là ước vọng của con cháu Họ ta, nhưng vì điều kiện khách quan và chủ quan nào đó, ông cha chúng ta ngày trước chưa thực hiện được. Nhân dịp trùng tu Phổ hệ Phan Cả lần này (1991 - 1994) Ban Tục Biên Phổ hệ đã đề xuất với Tộc vấn đề trên. Toàn Tộc hoan nghênh và nhất trí. Nhận thấy tình hình đi lại hiện nay có nhiều thuận lợi và nhất là được ông Phan Triêm 2/13, cư trú tại Tp. HCM gửi về ủng hộ Ban Tục Biên 1 triệu đồng và sự hỗ trợ của Tộc ta ở Bảo An, Đà Nẵng, Sài Gòn nên Tộc đã quyết định tiến hành việc hành hương về quê Tổ ở Ao Giản, huyện Nghi Xuân, tỉnh Nghệ An. Đoàn hành hương gồm có 3 người:

- Phan Xuân Huy 2/14 Đại diện Phan Bảo An tại Tp.HCM
- Phan Đức Mỹ 3/14 (Tức Nam Hà) Đại diện Phan Bảo An tại Đà Nẵng.
- Phan On 5/14 Đại diện Phan Bảo An tại Bảo An.

Đoàn lấy danh nghĩa " Đoàn Nghiên Cứu Tục Biên Phổ Hệ " do tổng thư ký Ban tục biên Phổ hệ Phan Cả là Phan Đức Mỹ chịu trách nhiệm chung.

Đoàn khởi hành từ Đà Nẵng sáng ngày 13 tháng Giêng năm Giáp Tuất (22.2.1994) đến Vinh lúc 22 giờ cùng ngày. Sáng ngày 23.2.1994, đoàn từ Vinh đi xe vào thị trấn Nghi Xuân, dừng chân để hỏi thăm về các tộc Phan ở huyện Nghi Xuân, nhất là địa danh làng **Ao Giản**. Hầu hết những người được hỏi, không ai biết địa danh này, nhưng hỏi đến Cường Giản, An giản...Cổ Đạm và Phan Xá thì đa số đều biết cả. Một cụ già trên 70 tuổi nói với đoàn : - " Huyện Nghi Xuân có đến 5, 6 tộc Phan ở tập trung từng vùng, còn lẻ tẻ thì xã nào cũng có người họ Phan. Nhưng tôi nghĩ các bác nên đi về xã Xuân Mỹ, từ đây đến đó còn khoảng 4 km. Xuân Mỹ trước thuộc tổng Phan Xá còn gọi là tổng Phan vì con cháu họ Phan ở đó đông. Ở Xuân Mỹ có thầy giáo Tấn là người giỏi chữ Hán. Mấy năm nay, ông đã để tâm nghiên cứu sưu tầm dòng tộc. Tôi tin các bác đến đó sẽ tìm ra ... ". Đoàn cảm ơn cụ già, tiếp tục cuộc hành trình về xã Xuân Mỹ và tìm đến nhà thầy giáo Tấn. Gặp ông, qua mấy lời chào hỏi xã giao, đoàn đã tự giới thiệu và nói rõ mục đích cuộc viếng thăm của đoàn : " Liên hệ các tộc Phan ở Nghi Xuân để tìm nguồn gốc của tộc Phan Bảo An, Điện Bàn, Quảng Nam. Ông Tấn nói: " Đây có thể là nhờ phước đức của tổ tiên mách bảo các anh đến gặp tôi và tôi cũng vô cùng vinh dự được tiếp xúc với các anh. Chúng ta đều là những người có lòng thành kính với Tổ tiên và trách nhiệm với con cháu mai

hậu.. Các anh từ miền Nam xa xôi ra đây tìm hiểu, nghiên cứu về dòng Tộc ta là điều đáng trân trọng. Tôi xin tự giới thiệu : Tên tôi là Phan văn Tấn, sinh năm 1929, giáo viên nghỉ hưu. Máy năm gần đây, tôi cũng có đi lại nghiên cứu và tìm hiểu về dòng Tộc. Huyện Nghi Xuân có 6, 7 tộc Phan nhưng ở Phan Xá là đông nhất. Ông Tổ chúng tôi là Phan Chánh Nghị có công trong việc chống Mạc khôi phục nhà Lê, tước phong là Trung Liệt Sơn, có nhà thờ và lăng.

Trong khi trao đổi thì bà con trong tộc Phan Phan Xá nghe tin đến thăm rất đông và tham gia nội dung câu chuyện.

Đoàn đã trình bày rõ ràng những tư liệu của Tộc ta như : Địa danh nơi xuất xứ của dòng Tộc, tên húy của các Ngài Tỉ Tổ, Nhĩ Tổ, Sơ Tổ, Thủy Tổ thời gian vào Nam... và đã mời anh Phan văn Tấn cùng bà con Phan Phan Xá xem quyển Phổ hệ do Ngài Phan Trân viết bằng chữ Hán năm Thành Thái thứ 3, tức thứ Tân Mão tức năm 1891. Ông Tấn cũng đưa quyển phổ hệ của Phan Phan Xá và những tư liệu liên quan đến dòng tộc mà anh đã sưu tập được trong mấy năm qua cho đoàn ta xem. Hệ Phổ Phan Phan Xá do ngài Phan Chánh Nghị viết vào những năm 1525-1527. Ông Phan Chánh Nghị đỗ Tiến sĩ đời Hồng Thuận, làm quan đến Đô Ngự Sử. Khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, ông bỏ quan về ở ẩn. Nhà Mạc 2, 3 lần bắt ép ông ra làm quan. Khi đi đến xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, ông nhảy xuống sông tự vẫn. Đời Lê trung hưng được phong vương vị và lập đền thờ tại quê hương. Xin trích một đoạn trong lời nói đầu của hệ phổ Phan Phan Xá như sau: "Ông Tổ họ Phan chúng ta là Thủ lãnh ở xã Đa, huyện Thiên Lộc làm quan dưới đời Nhà Trần đến chức Nghệ An Trại Chủ, tước quan Nội Hầu. Ngài xây dựng cơ nghiệp họ Phan từ đó. Ngài sinh hạ được hai người con trai, người đầu tên Quang, làm quan đến chức Thư viện, tước Thượng Chế. Người con thứ hai tên An, làm quan đến chức Đại tướng mụ công, tước Thượng Chế.

- Ông Quang sinh hạ 4 người con trai.

- Ông An sinh hạ 2 người con trai.

Đến nay hơn 8, 9 đời, con cháu các Chi mỗi ngày một đông đúc. Nhiều người đã làm rạng rỡ gia thế. Nhưng rồi dần dần theo nghề nghiệp làm ăn, con cháu đi khắp mọi nơi không liên hệ được với nhau cho nên cái gốc tích của Tổ tiên, nếu không có lưu truyền lại thì khó mà biết được người thân kẻ sơ, người trên kẻ dưới, Nhánh trước Chi sau, ... "

Đọc qua Hệ Phổ Phan Phan Xá, đoàn nhận thấy như sau:

- Ngài Nghê An Trại Chủ sinh hạ 2 trai là Ngài Quang và An.

1/ Ngài Quang sinh hạ được 4 người con trai :

- Ông Thiên: Thượng chế, nay không rõ ở đâu.

- Ông Quế: Lang tướng, nay không rõ ở đâu.

- Ông Khoán: Lại Bộ Viên Ngoại hiệu Lang Khê tiên sinh là tổ Phan Phan Xá.

- Ông Lôi : Quản Cấm Tướng Quân Tả môn Sư Viên Ngoại, Ông Lôi sinh hạ bà Thị Lan và ông Lữ.

Hệ phổ chỉ ghi đến đây là hết, không ghi thêm các đời kế tiếp vì không rõ ở đâu.

Đối chiếu với Phổ hệ của Tộc ta đã ghi:

- Tỉ tổ Đa Lôi sanh Ngài Đa Lữ, Ngài Đa Lữ sinh Ngài Nhen Huyện, Ngài Nhen Huyện sinh ngài Nhen Bàn ...

Đối chiếu hai Phổ hệ, đoàn hết sức vui mừng thấy trong hệ phổ Phan Phan Xá có tên Ngài Tỉ Tổ và Nhĩ Tổ của tộc Phan Bảo An.

Phan Phan Xá, Phan Bảo An, Phan Cổ Đạm cùng có chung một Tổ là Ngài Nghê An Trại Chủ. Như vậy:

- Phan Phan Xá là phái anh.

- Phan Bảo An là phái em

- Hai phái Phan Cổ Đạm là đồng căn.

Sau khi tìm được nguồn gốc của Tộc mình, Đoàn xin phép dâng hương tại nhà thờ tộc Phan ở Phan Xá và đi viếng lăng Ngài Phan Chánh Nghị. Sau cùng tổ chức gặp mặt giữa hai Phái Tộc anh em tại nhà ông Phan văn Tấn.

Mối quan hệ giữa hai nơi là quan hệ giữa hai Phái. Mỗi Phái có trách nhiệm củng cố và duy trì cùng phát triển dòng họ của Phái mình. Để mối quan hệ ngày thêm thắt chặt và phát triển trong tình thương mến, quý trọng lẫn nhau giữa hai Phái ở hai địa phương cách nhau trên 500 cây số, hai bên nên thường xuyên liên hệ với nhau qua thư từ, báo cho nhau biết những thông tin liên quan về dòng tộc, nhất là việc tìm hiểu tộc Phan ở xã Đa, huyện Can Lộc.

Nhận xét của Đoàn:

1/ Về làng Ao Giản: Hiện nay ở Nghi Xuân không có địa danh Ao Giản, nhưng trước kia, tổng Phan Xá còn gọi là tổng Phan, có xã ở Phan Xá thường gọi là xã Phan. Xã Phan có hai địa danh là Hữu Ao, Tả Ao. Nơi đây đã nổi tiếng văn, võ một thời nên có câu thơ:

"Võ sánh bờ ao dòng tướng sĩ,

Văn theo trường học giống ông cha"

Chữ Ao Giản có thể xuất xứ từ Hữu Ao, Tả Ao và An Giản, Cường Giản, Động Giản. Từ xưa Ao Giản là một vùng đất rộng lớn bao gồm cả Phan Xá và Cổ Đạm ngày nay. Dân cư trước kia thưa thớt, về sau ngày một đông thêm lên nên các triều Lê, Nguyễn chia vùng này ra làm nhiều xã để tiện việc quản lý đất đai và cai trị. Địa danh Ao Giản biến mất đi từ đó.

Xem như Bảo An ta thì rõ: Khi mới lập xã, xã hiệu đầu tiên là Phi Phú, triều Tây Sơn đổi thành Phú An xã, rồi Phú An Đông Tây nhị ấp, Minh Mạng thứ 17 (1831) đổi thành Bảo An Đông Tây nhị xã, Bảo Đại thứ 14 (1939) đổi thành Bảo Đông và Bảo Tây. Hai chữ Phú và An biến mất. Đó là chưa nói đến, sau Cách mạng tháng 8.1945, Bảo An và Xuân Đài hợp lại thành xã Hoàng Diệu, thời chính quyền Ngô Đình Diệm đổi thành xã Phú Tân.

Nếu những xã hiệu nói trên còn tồn tại, thì chừng 50 năm sau, con cháu những người ở Bảo An trước kia sẽ không còn biết địa danh Bảo An khi có người hỏi đến. Ao Giản cũng nằm trong trường hợp này.

2/ Chữ lót tên hai Ngài Tỉ Tổ và Nhỉ Tổ: ĐA.

Ngài Lôi và Ngài Lư đều lót chữ ĐA. Trong Hệ Phổ Phan Phan Xá chỉ chép Ngài Lôi và Ngài Lư không có chữ lót ĐA.

Nghiên cứu Hệ Phổ chúng ta biết Ngài Thủ Lĩnh Nghệ An Trại Chủ gốc làng ĐA, huyện Thiên Lộc. Gần đây tìm hiểu : xã Đa tức là xã Đa Hoạch, huyện Can Lộc, Hà Tĩnh. Ngài Đa Lôi dùng chữ Đa lót tên là để con cháu sau này ghi nhớ nơi xuất xứ của dòng họ mình. *Ở Nghệ An có một địa danh là Đa Lôi. Trước khi Lê Lợi đánh thành Nghệ An đã đóng quân nghỉ ngơi tại đây. Địa danh Đa Lôi đã đi vào lịch sử.* Ngài Tỉ Tổ có tên là Lôi, lấy chữ Đa làm chữ lót cũng như bây giờ có người đặt tên: Phan Bảo An, Nguyễn Thu Bồn v.v...

Chúng ta không phải thắc mắc về có hay không có chữ lót vì tên húy của Tỉ Tổ và Nhỉ Tổ đã được trình trọng chép vào Hệ Phổ của Phan Phan Xá. Tất cả những điều đã trình bày nói trên đã quá đầy đủ để chúng ta biết rõ được nguồn gốc của Tổ tiên mình.

Nhân ngày Thanh Minh 25 tháng 2 năm Giáp Tuất tức 4.4.1994, Tộc đã tổ chức cuộc họp mặt Đại diện 5 Phái ở Bảo An và các chi nhánh Sài Gòn, Đà Nẵng, Hà Lam, Bình Xuân ... cùng Ban Tục Biên Phổ Hệ để nghe báo cáo công việc, tường trình về cuộc **Hành Trình Tìm Về Cội Nguồn Dòng Tộc** do ông Phan Đức Mỹ thuyết trình.

Tộc ghi nhận và đánh giá cao kết quả việc tục biên Phổ hệ Phan Cả đến đời thứ 13 và chính thức công nhận nội dung văn bản về việc Tìm về cội nguồn của dòng tộc ở Nghi Xuân, Hà Tĩnh do Ban Nghiên Cứu Tục Biên Phổ Hệ đệ trình.

Về việc thờ phụng, từ trước đến nay, tại Nhà Thờ Phan Cả chỉ thờ từ Ngài Sơ Tổ trở xuống, nay Tộc thống nhất lập thêm hai linh vị để thờ Ngài Cao Tổ Đa Lôi và Ngài Tăng Tổ Đa Lữ.

Để mối quan hệ giữa hai Phái anh em ngày càng thêm thắt chặt và bền vững, hằng năm vào dịp đầu xuân kể từ năm 1996, tộc Phan Bảo An đã gởi mỗi năm 200 ngàn đồng để cúng hương các vị Tổ ngoài ấy.

*** Địa chỉ liên hệ thư tín với tộc Phan Phan Xá:**

Ông Phan Văn Tấn, Đội 7 xã Xuân Mỹ, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh.

Hành hương về quê Tổ:

- **Ngày 15 tháng Giêng năm Ất Hợi (14.2.1995)** tộc Phan Phan Xá xã Xuân Mỹ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh tổ chức Lễ Tế Chư Tổ các Chi Phái họ Phan có chung một gốc là ngài Nghệ An Trại Chủ. Ban tổ chức lễ mời tộc ta ra dự.

Được giấy mời, tộc ta triệu tập họp các đại diện ở Đà Nẵng và Bảo An để bàn việc mua sắm lễ vật và cử người đi dự lễ. Sau khi bàn bạc, tộc chính thức cử 3 người do tộc đài thọ kinh phí. Ngoài những người được tộc cử, bà con ở các nơi, ai muốn tham gia dự lễ, tộc đều hoan nghênh những phải tự túc chi phí, góp mỗi người 200.000 đồng. Đoàn hành hương gồm có 9 người:

- 3 người do tộc cử: Phan Mười (Tp.HCM), Phan Sô và Phan Đức Mỹ (Đà Nẵng).

- 6 người tự nguyện: Phan Huỳnh, Phan Thóa, Phan Trung Thừa (Tp.HCM), Phan Long, Phan Lãm (Đà Nẵng), Phan Tiết (Bảo An).

Đoàn cử ông Phan Mười làm trưởng đoàn, ông Phan Sô làm phó.

Lễ vật do tộc mua sắm gồm:

- Một mâm trâu cau, 2 chai rượu, 5 hộp hương khoanh lớn và 1.000.000 đồng bạc mặt.

- Một câu liễn khắc trên đá hoa Non Nước cỡ 0,40m x 0,60m với nội dung:

"Phan Xá nguyên tiền tâm vọng tưởng

Bảo An dịch hậu chí nghiêm cung" (Xem tiếp phần Liễn Đối Tr. 93)

Để đỡ bớt chi phí, anh Nam Hà đã mượn 1 chiếc xe 12 chỗ ngồi, ta chỉ chịu tiền xăng dầu và ăn uống cho tài xế.

Đoàn khởi hành từ Đà Nẵng lúc 5 giờ sáng ngày 14 tháng giêng (13.2.1995), đến Nghi Xuân lúc 19 giờ cùng ngày. Xe dừng lại huyện lỵ Nghi Xuân để hỏi thăm đường vào Phan Xá. Nghe hỏi, một người đàn ông ở nhà cạnh đấy, chạy ra đón hỏi:

- Có phải các anh từ Đà Nẵng ra dự lễ ở Phan Xá không?

Nam Hà đáp:

- Chúng tôi từ Đà Nẵng ra. Tối quá, quên đường nhờ anh chỉ giúp. Người ấy vui mừng nói:

- Tôi là người của Phan Xá đây. Chúng tôi biết hôm nay các anh ra nên bố trí người chờ đón ngoài ngã ba quốc lộ từ lúc 14 giờ kia. Chờ mãi không thấy nên họ đã về rồi. Tôi ở lại đây chờ đợi. Bây giờ xin đưa các anh về. Xin cho xe chạy thẳng đến Nhà Thờ. Khi chiều bà con đã làm lễ rước Sắc chắc còn ở lại đấy rất đông. Về đấy để bà con biết là các anh đã ra đến.

Xe vừa đến nhà thờ, bà con chạy ra vây quanh đoàn mừng rỡ bắt tay chào hỏi. Chuyện vẫn ở đấy một lúc lâu, đại diện Phan Phan Xá đưa đoàn về nghỉ tại hai nhà mà họ đã bố trí trước. Vợ chồng chủ nhà có nhã ý đi ngủ chỗ khác để nhà cho đoàn tự do sử dụng.

Lễ tế được cử hành vào lúc 8 giờ ngày 15 tháng giêng Ất Hợi. Các thành viên trong đoàn ăn mặc chỉnh tề : ông Mười, ông Tiết mặc áo dài đen, khăn đen; ông Thóa áo rộng và khăn xanh; Nam Hà mặc sắc phục CAND, đeo quân hàm Đại Tá; các người còn lại mặc âu phục. Đúng giờ qui định, đoàn đến nhà thờ mang theo các lễ vật đã kể trên. Đại diện Ban tổ chức lễ ra đón đoàn và đưa vào bên trong nhà thờ. Vì trời mưa nên bà con đều dồn hết vào trong nhà thờ, đứng chen chúc nhau. Ông trưởng đoàn trình lễ vật. Đại diện Phan Phan Xá tiếp nhận và nói lời cảm tạ.

Đến giờ hành lễ, ông Phan văn Tấn đọc diễn văn khai mạc, nói rõ nguồn gốc của Phan Phan xá cả các Chi Phái anh em ở Tiên cầu, Xuân Viên,, Cổ Đạm, Bảo An v.v... đồng thời nêu danh các bậc tiền bối các thế hệ trước đã học rộng đỗ cao, góp nhiều công sức trong việc xây dựng tộc họ và đất nước. Ông cũng nhiệt liệt hoan nghênh con cháu họ Phan Bảo An ở xa hàng 600 cây số, sau hơn 500 năm dài, qua bao nhiêu thăng trầm của đất nước, vẫn một lòng nhớ về quê Tổ, cố công tìm cho được nguồn gốc của dòng tộc mình. Sự hiện diện của con cháu họ Phan Bảo An trong buổi lễ hôm nay đã nói lên lòng tưởng nhớ cội nguồn và nêu cao tinh thần thiêng liêng cao quý của những người có chung một Tổ. Sau diễn văn của ông Phan văn Tấn là phần phát biểu của đại diện các Phái họ Phan ở Nghi Xuân, sau cùng là Bảo An. Ông Sô đọc diễn văn nêu rõ lý do vì sao có sự hiện diện của đoàn ta trong buổi lễ hôm nay, nhắc lại lịch sử của dòng tộc từ khi Ngài Sơ Tổ vào Nam lập nghiệp và những công sức của tổ tiên ta, tiền nhân ta đã đổ ra trong việc xây dựng dòng họ, làng xã và đất nước. Sau phần phát biểu ý kiến là phần tế lễ theo nghi thức cổ truyền. Đoàn ta đã đến trước bàn thờ các vị Chư Tổ cung kính dâng hương.

Lễ tế kết thúc. Đoàn ta được mời dự liên hoan tổ chức tại nhà một người trong tộc Phan Phan Xá. Sau tiệc liên hoan, bà con Phan Cổ Đạm khẩn khoản mời đoàn ta về viếng thăm nhà thờ ở đây. Cảm động trước tấm chân tình của bà con Phan Cổ Đạm, đoàn ta nhận lời. Cổ Đạm cách Phan Xá hơn 4 cây số. Đường đất khá rộng nhưng vì sau cơn mưa nên hơi lầy lội. Đến nơi, bà con ở gần nhà thờ chạy ra chào mừng đón tiếp. Sự đón tiếp thật chân thành và nồng hậu làm cho cả đoàn vô cùng cảm động. Đoàn ta vào nhà thờ dâng hương, sau khi chuyện trò thăm hỏi thân mật, đoàn xin phép cáo lui. Sau hơn 500 năm, những người cùng chung một huyết thống mới lại có dịp gặp nhau. Chỉ vài giây phút ngắn ngủi nhưng đậm đà và quý giá biết bao. Bà con ở Cổ Đạm tiễn đoàn ta ra tận xe và búi ngủi chia tay. Tất cả đều mong mỗi, một ngày nào đó, lại được đón tiếp bà con ở Bảo An về thăm quê Tổ như hôm nay.

Cùng chiều hôm ấy, đoàn ta tổ chức một bữa cơm thân mật tại nhà ông Phan văn Tấn để khoản đãi các đại diện của Phan Phan Xá nhằm mục đích thắt chặt thêm tình đoàn kết, thân ái giữa hai Phái Tộc anh em.

5 giờ sáng hôm sau (15.2.95) đoàn ta rời Phan Xá và về tới Đà Nẵng lúc 17 giờ cùng ngày.

Trong bữa cơm thân mật tổ chức tại nhà ông Sô để tiễn các thành viên trong đoàn trở về Tp.HCM, một số bà con có nêu ý kiến rất tiếc không được

tham gia hành hương trong kỳ này. Đề nghị Tộc sau này, nếu có những cuộc hành hương như thế này, thì nên thông báo rộng rãi để bà con biết mà tham gia, vì có rất nhiều người muốn về thăm Quê Tổ nhưng chưa có dịp.

- 14 tháng giêng năm Canh Thìn (năm 2000):

Hằng năm vào ngày rằm tháng giêng Âl , tộc Phan Phan Xá, ngoài việc giỗ Ngài Phan Chánh Nghị còn giỗ **Ngài Thái Thượng Nghệ An Trại Chủ**. HĐGT tộc Phan Phan Xá đã gửi thư mời đến các chi tộc tộc Phan các nơi. Nhận được thư mời, tộc Phan Bảo An đã cử đoàn ra Hà Tĩnh tham dự lễ giỗ. Đoàn gồm có 7 người:

- Phan Mười 3/13, Phan Thóa 2/14, Phan thị Nhuận (Sài Gòn).

- Phan Đức Mỹ 3/14, Phan Trà 4/14 (Bảo An), Phan văn Hường 4/14, Phan Tuấn 1/15 (Đà Nẵng) do Phan Thóa làm trưởng đoàn, Phan Tuấn Phó đoàn phụ trách đời sống. Việc cử anh Phan Tuấn lần này nhằm tạo điều kiện cho lớp trẻ tộc Phan Bảo An kế thừa và giữ vững mối quan hệ mật thiết giữa hai phái Phan Bảo An và Phan Phan Xá một cách vĩnh viễn cho tương lai sau này không bị gián đoạn.

Đoàn khởi hành vào sáng ngày 15 tháng giêng năm Canh Thìn tại Đà Nẵng và đến nhà thờ Phan Xá vào lúc 20 giờ cùng ngày. Cả đoàn vô cùng xúc động trước sự đón rước ân cần, thân thiết của bà con tộc Phan Phan Xá. Sáng hôm sau, đoàn vào Nhà Thờ dâng hương. Lễ vật gồm một mâm hoa quả, một phong bì 1.380.000 đồng, 3 cây hương đường kính 1,5 phân dài 1m, tượng trưng cho ba chữ Phước, Lộc, Thọ. Buổi tế lễ được cử hành trong không khí trang nghiêm, đầm ấm tình gia tộc. 17 giờ cùng ngày đoàn Phan Bảo An và Phan Phan Xá họp mặt tại nhà ông Phan Tấn nhằm trao đổi công việc gia tộc. Anh Phan Tuyển đại diện HĐGT tộc Phan Phan Xá đã nói lên nhiều điều tốt đẹp đối với tộc Phan Bảo An chúng ta: " ... tộc Phan Bảo An có nhiều cái nhất : - ở xa nhất - con cháu đông nhất - nhân tài nhiều nhất - nhiệt tình nhất và tìm về cội nguồn của dòng tộc sớm nhất ... ". Trong dịp này tộc Phan Phan Xá có trình bày dự kiến nâng cấp nhà thờ để thờ Ngài Thái Thượng và các vị Thế tổ các đời kế tiếp đàng hoàng hơn, to đẹp hơn, đúng với tầm cỡ của một Phan đại tộc có đông con cháu khắp nơi trong nước, đã hiển đạt và vang danh. Muốn xây dựng được như thế phải có kinh phí trên 100 triệu đồng. Hiện nay, hai phái anh chưa tìm được, Phan Phan Xá như tự tôn. Phan Xá là nơi gốc Tổ nhưng chỉ vồn vện có trên 20 hộ mà đời sống kinh tế quá khó khăn. Các nhánh cùng trực hệ với Phan Xá như Tiên Cầu, Xuân viên, La Sơn ... cũng chẳng hơn gì mấy. Chỉ còn có Bảo

An ! Tộc ta sẽ cố gắng vận động đóng góp một phần lớn kinh phí để xây dựng một công trình lưu niệm trong quần thể đền thờ Ngài Thái Thượng".

Sau khi nghe báo cáo của Đoàn từ Hà Tĩnh trở về, HĐGT tộc Phan Bảo An đã quyết định lập Ban Vận Động các thân tộc đóng góp xây dựng Đền Thờ Ngài Thái Thượng. Công trình dự kiến sẽ khởi công năm 2001 và khánh thành vào năm Nhâm Ngọ (2002).

XÂY DỰNG TIỀN ĐƯỜNG
TẠI KHU ĐIỆN THỜ NGÀI THÁI THƯỢNG
xã Xuân Mỹ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh



Nhân ngày hội Giỗ Tổ, Ngài thủ lĩnh Nghệ An Trại Chủ và các vị Cao Tổ họ Phan tại nhà thờ họ Phan Phan Xá ngày 19.2.2000 (15 tháng giêng năm Canh Thìn), Hội Đồng Gia tộc Phan Phan Xá đã tổ chức buổi họp mặt giữa các Chi Phái trực hệ với tộc Phan Phan xá và phái đoàn tộc Phan Bảo an . Buổi họp mặt diễn ra trong bầu không khí thân mật, đầm ấm, đậm đà tình gia tộc. Đại diện Phan Phan Xá đề xuất việc trùng tu nhà thờ hiện hữu với lý do:

- Nhà thờ này đã xây dựng cách đây 200 năm, nay đã quá cũ, xuống cấp trầm trọng, vừa nhỏ lại vừa thấp. Trước đây 5 năm, nhà thờ chỉ thờ từ ngài Phan

Chánh Nghị, tức đời thứ 10 trở xuống. Năm 1995, phái đoàn tộc Phan Bảo An tìm về cội nguồn của dòng tộc đã nối liền được mối quan hệ gia tộc với Phan Phan Xá, xác định hai Phái có cùng chung một Tổ là Ngài Thủ Lĩnh Nghệ An Trại Chủ nên đã đề nghị nâng cấp thờ phụng lên. Thế là từ năm 1995, nhà thờ này không còn riêng của Phan Phan Xá mà trở thành nhà thờ của tất cả các Phái, con cháu Ngài Nghệ An Trại Chủ.

- Tộc ta có một lịch sử dài gần 700 năm, con cháu đông đúc sinh sống ở mọi miền trong cũng như ngoài nước, hiển đạt nhiều, giàu có cũng không ít. Nhà thờ cũ không còn tương xứng với tầm cỡ của một dòng họ như họ ta ngày nay. Chúng ta phải hợp sức nhau xây dựng một cơ ngơi thờ phụng rộng rãi hơn, tốt đẹp hơn, huy hoàng hơn.

Dự kiến sẽ xây dựng một Điện thờ gồm 2 ngôi nhà lớn cách nhau 4 m:

- Nhà sau là Hậu tẩm để thờ phụng tổ tiên.
- Nhà trước là Tiễn đường để con cháu hội tụ trong những ngày giỗ kỵ.

Hậu tẩm và Tiễn đường nối liền nhau bởi 2 nhà cầu gọi là Hữu vu và Tả vu, giữa khu đất trống trồng cây cảnh hoặc xây non bộ.

Kinh phí dự trù từ 120 - 150 triệu đồng.

Hội nghị nhất trí thực hiện đề án xây dựng khu Điện thờ. Phái đoàn tộc Phan Bảo An xin lãnh hội ý kiến về trình bày với HĐGT, kết quả sẽ báo sau.

Về Đà Nẵng, phái đoàn triệu tập ngay một phiên họp sơ khởi để bàn thảo về vấn đề này. Dự họp gồm có các ông Phan Mười, Phan Minh Kế, Phan Thị Nhuận (Tp. HCM), Phan Sô, Phan Long, Phan Đức Mỹ, Phan Hường, Phan Tuấn (Đà Nẵng) và một số các thân tộc khác.

Sau khi nghe phái đoàn từ Hà Tĩnh trở về báo cáo nội dung việc xây dựng Điện thờ Ngài Thái Thượng, hội nghị đã thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- Hai Phái Phan Phan Xá và Phan Bảo An cùng nhau xây dựng Điện thờ.

- Thay vì góp chung kinh phí để xây dựng, tộc Phan Bảo An đề nghị mỗi Phái xây dựng một cơ ngơi. Phan Phan Xá xây dựng Hậu tẩm. Phan Bảo An xây dựng Tiễn đường, kinh phí ít nhất phải 60 triệu đồng.

- Lập ban vận động kinh phí để xây dựng gồm có:

Tp.HCM: Các ông Phan Mười, Phan Thóa, Phan Thị Nhuận.

Đà Nẵng: Các ông Phan Sô, Phan Long, Phan Đức Mỹ, Phan Hường, Phan Tuấn.

Được sự đồng ý của HĐGT, Thanh Minh năm Canh Thìn (05.4.2000) tại nhà thờ tộc ở Bảo An, hai ông Sô và Hường đã trình bày với bà con về mục đích và ý nghĩa của việc xây dựng nhà thờ tại Hà Tĩnh, kêu gọi bà con đóng góp. Ngay sau khi phát động số người đăng ký đóng góp đã được 6,5 triệu đồng. Đạt được kết quả bước đầu này chứng tỏ con cháu Tộc Phan Bảo An rất nhiệt tâm với dòng tộc, vì mọi người đều biết rằng cơ ngơi xây dựng này sau này sẽ trở thành di tích quý giá, nhắc nhở con cháu ta tiếp tục thực hiện tốt cái đạo lý " uống nước nhớ nguồn" như cha ông ta đã từng làm trước đây. Các Chi Phái họ Phan khác và khách đến tham quan hẳn sẽ phải ca ngợi lòng thiết tha nhớ tới cội nguồn của con cháu tộc Phan Bảo An, dù đã xa cội trên 500 năm qua. Tiếng thơm sẽ vang xa, không những trong ngày hôm nay mà mãi mãi về sau. Ngoài ra còn lưu lại một ấn tượng tốt đẹp trong lòng bà con họ Phan và dân chúng địa phương về tình đoàn kết gia tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Ban vận động bắt tay ngay vào vận động, in thư kêu gọi bà con các nơi đóng góp gửi đi khắp nơi, trong cũng như ngoài nước. Riêng với bà con ở nước ngoài do ông Phan Như Liễu ở Canada nhận trách nhiệm vận động.

Sau một thời gian vận động, kết quả thu chi như sau :

- Nước ngoài:

Canada : Phan Như Liễu 3/14 : 100 bao ciment trị giá 4.787.000 đ

Phan Văn Huy 3/14 : 150 đô Canada

Phan Văn Hòa 3/14 : 150 đô Canada

Phan Duy Trung 3/14 : 935.000 đ

Phan Toại 3/14 : 5.610.000 đ

Phan Nhi 3/14 : 4.765.000 đ

Mỹ:

Phan Quy (tức Nguyễn Phải): 300 USD = 4.380.000 đ

Phan Mạnh Lương : 1.450.000 đ

Phan Thị Liệu : 50 USD = 700.000 đ

Trong nước :

Hà Nội	:	400.000 đ
Đà Nẵng	:	15.800.000 đ
Bảo An	:	500.000 đ
Kontum	:	500.000 đ
Tp.HCM	:	35.000.000 đ
Vũng Tàu	:	2.500.000 đ
Chi nhánh Tộc Phan tại Long An		2.090.000 đ
Tổng cộng	:	80.766.000 đ

Ngoài số hiện kim nói trên, một số các thân tộc còn phụng cúng nhiều đồ dùng thờ cúng như:

- Ông Phan Như Liễu: 1 chuông đồng nặng 110 kg , 1 trống lớn và 2 giá treo chuông và trống. (Chuông đồng do thợ đúc gia truyền Huế thực hiện, trống do làng nghề cổ truyền làng Lâm Yên, xã Đại Minh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam thực hiện). Ông Liễu đã thuê xe chở chuông và trống về Đà Nẵng. Sau khi dự Lễ Thanh Minh năm Tân Tỵ 2001 tại Bảo An, Phái đoàn tộc Phan Phan Xá đã thỉnh chuông và trống về Hà Tĩnh.

- Con Ông Phan Huynh, bà VănThị Kính: 2 bộ tam sự bằng đồng.

Sau khi Ban vận động lên bản vẽ thiết kế ngôi Tiễn đường, Thanh Minh năm Tân Tỵ, phái đoàn Phan Phan Xá gồm 5 người từ Hà Tĩnh vào Bảo An bàn thảo kế hoạch xây dựng công trình. Hai bên đã nhất trí : Phan Phan Xá xây dựng Hậu tẩm và các công trình phụ như trụ biểu, bình phong, tường rào . . . , Phan Bảo An xây dựng ngôi Tiễn đường như bản vẽ. Để giảm bớt chi phí đi lại, giám sát thi công, ta đã nhờ tộc Phan ngoài ấy đảm nhận việc thi công xây dựng với tổng kinh phí là 60 triệu đồng.

Phần chi :

- Thanh toán hợp đồng xây dựng : 60.000.000 đ
- Thưởng công và liên hoan thợ : 700.000 đ
- Đúc 01 đỉnh lớn và làm 3 bao lơn bằng sắt : 1.500.000 đ
- Cúng 1 bàn hương án bằng gỗ : 2.500.000 đ
- 1 bảng đá khắc Tông đồ 2 Phái tộc Phan : 300.000 đ

- 1 bảng đá lưu niệm : 300.000 đ
- 5 câu liễn gồm 110 chữ bằng đá : 770.000 đ
- Chi phí ra, vào để khởi công xây dựng và nghiệm thu: 630.000 đ
- Các chi phí linh tinh khác như phí vận chuyển, tiền in ấn thư, biên nhận, lập sổ vàng, cước phí bưu điện về thư từ, gửi tiền và điện thoại, khắc con dấu, tiếp phái đoàn Phan Phan Xá ... : 2.263.000 đ
- Tổng Chi: 80.000 .000 đ

Điện thờ được khởi công xây dựng ngày 07.5.2001 (15 tháng 4 năm Tân Ty) và hoàn thành ngày 31.8.2001. Ông Phan Đức Mỹ, đại diện tộc Phan Bảo An ra nghiệm thu công trình và bàn Lễ Khánh Thành.

Điện thờ này được nhân dân và bà con ở địa phương đánh giá cao, cho là đẹp nhất của 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh trong những năm gần đây, sau ngày đất nước hòa bình và thống nhất. Các bô lão trong Tộc vui mừng đến rơi lệ vì chưa bao giờ được nhìn thấy một cơ ngơi thờ phụng Tổ tiên to lớn, huy hoàng và tôn nghiêm như thế này. Họ cho rằng nếu không có những lòng tấm lòng tha thiết với cội nguồn của các con cháu Phái tộc Phan Bảo An thì không thể nào xây dựng được Điện thờ như thế. Tất cả các con cháu tộc Phan Bảo An cũng sung sướng, vui mừng không kém họ.

Công trình xây dựng Điện thờ gồm có:

* **HẬU TẨM:** Kích thước 5m x 9m cao 8,9m, nền lát đá hoa, mái lợp ngói gồm có 3 gian :

- **Gian giữa** thiết kế 3 bàn : Bàn Thượng thờ Ngài Thái Thượng, hai bên thờ Ngài Quang và Ngài An. Bàn Trung thờ các Ngài Thiên , Ngài Quế, Ngài Khoán và Ngài Lôi. Bàn Hạ đặt một bộ tam sự lớn và đặt lễ vật mỗi khi cúng tế.

- **Gian Vắn** (phía bên phải) thờ các Ngài Từ đời Thứ 4 đến thứ 5 trong đó có Ngài Đa Lữ và Ngài Phan Nhơn Huyện.

- **Gian Vỗ** (phía bên trái) thờ các Ngài từ đời thứ 6, trong đó có Ngài Phan Nhơn Bàn, Tiền Hiền tộc Phan Bảo An.

Mỗi vị đều thiết Bài vị và lư hương riêng.

* **TIỀN ĐƯỜNG:** Rộng 10m x ngang 6,6m x cao 7,8m , nền lát đá hoa, lợp ngói.

Giữa Hậu Tẩm và Tiền Đường là khoảng đất rộng 4m, hai bên xây Hữu vu và Tả vu.

Danh sách các thân tộc đóng góp tiền xây dựng đều được ghi vào 4 phiếu nhận danh dự : **"Tấm lòng nhớ về cội nguồn Gia tộc "** đóng thành tập đặt tại 3 nơi:

- Điện thờ Ngải Thái Thượng tại Hà Tĩnh.
- Nhà thờ tộc Phan tại Bảo An.
- Nhà thờ tộc Phan tại Bình Triệu, Sài Gòn.
- Cá nhân người cúng tiền gửi 1 bản.

Lễ Khánh thành Điện Thờ được tổ chức vào ngày 11 tháng 2 năm Nhâm Ngọ - 24.3.2002. Tham dự Lễ có Đại diện các cấp chính quyền tại địa phương, các báo, đài phát thanh, truyền hình. Ngoài bà con tộc Phan Phan Xá tại địa phương còn có bà con từ các nơi về dự lễ rất đông. Miền Bắc có các đoàn tộc Phan Tiên Cầu, Xuân Viên,... Quảng Ninh, Hà Nội. Miền Nam ra có các đoàn tộc Phan Tp.HCM, Long An, Đà Lạt, Quảng Nam, Đà Nẵng và một số đông Đại biểu các tộc bạn.

☞ **Các câu liễn treo tại Điện thờ:** (Lời dịch của ông Phan Sô)

Câu 1: Chánh diện của Trụ biểu, tác giả Phan Đức Mỹ

*"Đông hải diện tiền Phan tộc khai nguyên huân diễn khoáng
Tây hồng bích hậu vân nhữn kế tạo nghiệp miên trường".*

Dịch:

Biển Đông trước mặt, họ Phan khai sáng mở đầu, công lớn vang lừng bốn cõi
Non Hồng tường sau, con cháu tài bồi xây dựng, nghiệp xưa bền vững muôn đời.

Câu 2: giao diện của Trụ biểu

*"Hồng Lĩnh sơn cao sự nghiệp tiền nhân thùy đại đức
Trường Giang⁸ thủy viễn thanh hoa hậu thế niệm thâm ân."*

Dịch :

Hồng Lĩnh non cao, sự nghiệp lẫy lừng, Tổ tiên dành đức lớn
Trường Giang nước thăm, tài hoa lỗi lạc, con cháu nhớ ơn sâu.

⁸ Sông Trường Giang, Quảng Nam.

Câu 3: Câu liễn treo mặt tiền của tiền Đường do tộc Phan Bảo An phụng cúng khắc trên đá hoa Non Nước cỡ 0,40m x 0,60m với nội dung:

"Phan Xá nguyên tiên tâm vọng tưởng

Bảo An dịch hậu chí nghiêm cung "

(Xem tiếp phần Liễn Đối Tr. 93)

Câu 5: Treo ở hậu tấm

*"**Danh tạc thanh sơn**/nhất phiến trung can Hồng lĩnh thạch*

***Nghĩa lưu bích thủy**/thiên thu hường tích Bát tràng châu"*

4 chữ đầu câu ở cả 2 vế do đề xuất của 2 ông Phan Sô và Phan Đức Mỹ viết thêm vào câu liễn cũ đã có từ trước và đã được sự thống nhất ý kiến của tộc Phan Phan Xá.

Dịch:

Tên khắc non xanh, một tấm lòng trung Hồng lĩnh chứng

Nghĩa hòa nước biếc, ngàn thu dấu tích Bát tràng ghi.

Câu 6: tác giả Phan Sô

"Thái tổ khai nguyên phúc chỉ nhân cơ tồn minh viễn

Hồng sơn phát tích tinh hoa hạo khí vĩnh long hưng "

Dịch:

Thái tổ mở đầu, cội phúc nền nhân còn rực sáng

Non Hồng phát tích, tinh hoa hạo khí mãi vượng hưng.

Câu 7: treo ở hậu tấm, tác giả Phan Đức Mỹ

"Phan tộc chung linh, nghĩa khí trung can lưu quốc sử

Tử tôn thừa thống huân công khoa giáp diệu tông môn"

Dịch:

Họ Phan un đúc khí thiêng, trung nghĩa can trường lưu quốc sử

Con cháu phát huy truyền thống, huân công khoa giáp rạng tông môn.

vvvvvv

XÂY DỰNG NHÀ THỜ

Nhà thờ Họ Cả không rõ đã xây dựng từ năm nào, dưới triều vua nào. Theo tài liệu di lưu, chúng ta được biết, khi còn làm quan, nhân lúc về kinh, Ngài Thủy Tổ có mua một cái khám đem về, dặn con cháu rằng "Sau khi ta chết, dùng khám này mà thờ".

Sau nhiều năm, khám này bị mối mọt ăn hư nát. Ông Phan Ngoạn (P2) mua một khám khác thay thế. Năm Đinh Hợi, đời Đồng Khánh, Từ Đường bị cháy, ông Phan văn Phụng (P5) mua một cái tại Hà Nội đem về để thờ. Trong Phổ Hệ lập năm Tự Đức thứ 9 tuế thứ Bính Thìn, trong bài tựa "Phổ Hệ Nguyên Tự" do ông Phan Khắc Nhu viết: "Năm Tân Hợi, mùa đông, bốn tộc họp tại Từ Đường để cử hành lễ ...".

Qua các tư liệu dẫn trên, chúng ta thấy rõ, Tiên nhân chúng ta đã từ lâu xây dựng Từ Đường để thờ phụng Tổ tiên qua nhiều thời kỳ, trong từng giai đoạn lịch sử của đất nước.

- Trước năm 1945:

Ở Bảo An, trước năm 1945, có một Nhà Thờ Phan Cả và 5 Nhà Thờ Phái, thờ 5 Ngài Thế Tổ Phái. Lấy Đình làng làm trung điểm. Từ Đình đi lên phía Tây, ta gặp trước tiên là Nhà Thờ Phái Ba, rồi đến Phái Nhì. Từ Đình đi xuống phía Đông, trước hết là Nhà Thờ Phái Nhất, đến Nhà Thờ Phan Cả, rồi đến Phái Tư và Phái Năm. Trong các Nhà Thờ Phái, Nhà Thờ Phái Nhì, sau khi trùng tu, đẹp hơn cả.

Nhà thờ Phan Cả được xây dựng trên một khu đất cao và rộng. Chiều dài khoảng 60m, chiều rộng khoảng 50m. Nhà xây theo lối kiến trúc cổ, trước là Tiền Đường, sau là Hậu Tẩm. Hai nhà có diện tích và kiểu mẫu giống nhau. Giữa hai nhà là một sân rộng, lát đá tám hình chữ nhật. Nối liền hai nhà, hai bên có hai nhà cầu gọi là Hữu vu, Tả vu. Tiền đường cũng như Hậu tẩm, mỗi cái có kích thước 10m x 6m đều chia thành 5 gian. Tường xây bằng gạch thẻ dày, mái lợp ngói âm dương. Trên mái có đắp các tượng tứ linh. Bên phải Tiền Đường là Nhà Từ, chia làm hai phần: một cho người ở Từ, một phần làm nhà bếp. Trước mặt, trên cửa chính vào Nhà Thờ, xây một cái Lầu Môn, có cửa bằng mảnh sành: "Tiền Hiền Phan Từ Môn". Ngoài cửa chính có hai cửa phụ nằm ở phía Đông và phía Tây. Cửa chính chỉ được mở trong những ngày tế lễ. Thường ngày, ra vào bằng các cửa phụ. Mặt tiền, dọc theo đường đi, có tường thành cao trên 2m.

Về từ khí, ngoài các bộ tam sự, ngũ sự bằng đồng còn có một cái chuông đồng lớn, tiếng kêu rất trong.

Trong thời chiến tranh chống Pháp, đình chùa, miếu mạo đều bị phá hủy. Sáu Nhà Thờ tộc ta cũng chịu chung số phận. Nhà thờ Họ Cả chỉ còn một ít gạch vụn trên nền cũ.

- Sau năm 1954:

Chiến tranh chống Pháp kết thúc. Đất nước chia đôi. Dân làng, trong đó có bà con tộc ta, đã chịu quá nhiều mất mát và đau khổ trong những năm tháng tản cư, lần lượt trở về làng cũ. Đời sống được dần dần ổn định. Tình hình chung có phần yên tĩnh. Bà con nghĩ đến việc lập lại nhà thờ để thờ phụng Tổ tiên đã bị bỏ quên trong những năm chiến tranh.

Năm 1956, một Ban vận động gồm các ông : Phan Văn Thoại (tức Hương Sáu Toại), Phan Văn Lộc (tức Xã Ân), Phan Du (tức Xã giảng), Phan Văn Đàm (tức Biện Mậu) và một số người nữa.

Trưởng Ban Tri tộc : Phan Văn Thoại.

Tư lễ : Phan Kinh.

Ban vận động đã cử người đi Sài gòn và Đà Nẵng để vận động bà con đóng góp xây dựng nhà thờ. Do ý thức về tộc họ của bà con lúc bấy giờ chưa cao, hơn nữa việc làm ăn chưa hoàn toàn hồi phục sau 9 năm chiến tranh nên việc vận động không được kết quả mấy. Số tiền quyên được ở các nơi và ở quê nhà có thể xây dựng một cơ ngơi để thờ phụng nhưng không rộng rãi và huy hoàng bằng nhà thờ cũ.

Ban tri tộc đã mua lại hai cái nhà gỗ : 1 cái ở Hàm Rồng (Trà kiệu) và một cái của ông Hương Luông trong làng. Hai nhà này, một cái dùng làm hậu tẩm và một cái dùng làm Tiền đường. Hậu tẩm và Tiền đường đều dựng lại trên nền cũ, tường gạch, mái ngói, trên mái có đắp lân, long, qui, phụng. Dọc theo đường cái chưa xây thành rào và cửa chính. Tộc dự kiến sẽ hoàn thành công trình phụ vào những năm sau. Nhưng đến năm 1961, tình hình thôn quê đã đổi khác, không còn yên tĩnh nữa. Đến năm 1964 -1965, bà con vừa tạm ổn định cuộc sống thì chiến tranh lại tràn đến. Một lần nữa, bà con lại bỏ nhà, bỏ cửa, bỏ ruộng vườn chạy đi lánh nạn.

Bỏ nhà, bỏ cửa lại đi

Sống còn vốn quí' tính suy nát lòng.

Nhà thờ vừa xây xong năm 1958 thì đến năm 1966 lại bị phá hủy.

Trong đoàn người chạy vào Sài gòn thời bấy giờ, các ông Phan Toán, Phan Nghi, Phan Điều (tức ô Cửu Điều), Phan Hiên, Phan Huỳnh, Phan Hưng, Trương Sang vẫn một lòng một dạ thiên di bài vị Ngai Tiền Hiên và 5 vị Thế tổ 5 Phái vào Nam. Mặc dù cuộc sống chưa ổn định, nhà cửa chật chội, tạm bợ

những các ông vẫn xoay xở tìm cách lập bàn thờ để thờ phụng tổ tiên tại nhà ông Phan Toán. Sau lại rước bài vị qua thờ phụng tại nhà ông Phan Hiền, rồi ông Phan Huynh. Sở dĩ bài vị được dời qua nhiều gia đình vì các ông đã cố tìm chọn một nơi tương đối rộng rãi nhất, thuận tiện nhất cho con cháu dễ dàng đến thắp hương, cúng viếng trong các ngày giỗ tổ tiên. Trước những bức xúc đó, ông Phan Thuyết 2/14 có ý định xuất tiền ra xây dựng từ đường để thờ phụng tổ tiên. Nhưng rồi ý định không thành trước bao trở ngại, khó khăn trong thời chiến tranh ngày càng ác liệt. Trong khói lửa đạn bom, chạy đi lánh giặc, cuộc sống đầy gian lao, vất vả nhưng các ông vẫn không quên tổ tiên. Ngoài ra, ông Cửu Điều có công rất lớn, cẩn thận ghi chép tất cả các tư liệu quý báu về dòng tộc như liên đối, sắc phong... thờ phụng tại nhà thờ Bảo An trước đây. Ông đã tiên đoán là nhà thờ ở Bảo An sẽ bị bom đạn phá hủy, mai sau con cháu xây dựng lại nhà thờ còn có tư liệu để mà phục chế, sao chép. Thật vậy, năm 1977-1989 nhà thờ ở Bảo An được xây dựng lại, các câu liên đối được phục chế phần lớn nhờ vào nhờ vào các tư liệu do ông ghi chép.

Thế hệ con cháu về sau ghi nhớ công lao to lớn của các ông, dù sinh sống bất cứ nơi đâu, dù gian khổ, vất vả đến đâu, các thế hệ đi trước vẫn không quên cội nguồn của dòng tộc, không quên công ơn to lớn của tổ tiên. Nhờ vậy mới có được ngày hôm nay:

Tổ đức tài bồi thiên tải thịnh

Tôn công tích đức vạn niên hưng.

Tạm dịch: Ngàn năm đức tổ càng vun đắp

Năm tháng công ơn mãi sáng ngời.

Năm 1993 nhà thờ tộc Phan tại thành phố HCM được xây dựng, Bài vị của Tổ tiên được an vị trang trọng tại từ đường khang trang, rộng rãi tại Bình Triệu.

Trong chiến tranh chống Mỹ, Bảo An bị bom đạn tàn phá nặng nề nhất. Tất cả đều bị hủy diệt. Một làng quê trù phú vào bậc nhất trong tỉnh Quảng Nam đã biến thành bình địa, trở lại thời hoang sơ nên mới có câu "Nhất Củ Chi nhì Gò Nổi".

Sau ngày hòa bình được lập lại, bà con ta, một số ít trở về làng cũ, đa số đã ở lại các nơi mà họ đã sinh sống trong những năm chiến tranh, vì đã có cơ ngơi, cơ nghiệp ở đấy rồi.

Chính quyền xã lúc bấy giờ chưa có chủ trương cho phục hồi các nhà thờ tộc. Đất đai trong xã được qui hoạch lại, phân thành lô 20m x 30m. Mỗi hộ được cấp một lô. Khu đất Nhà Thờ cũ được chia thành lô. Ông Phan Huỳnh 5/13 nhận một lô. Hai ông Phan Văn Tài 5/13, Phó Chủ tịch UBND xã, ông Phan On 5/14 Ủy viên Ban qui hoạch xã lúc bấy giờ đã nghĩ đến việc sẽ xây dựng lại nhà thờ sau này nên đã xin thêm được một lô, cho sát nhập vào lô của ông Phan Huỳnh.

Sau khi nhận lô đất này, ông Huỳnh đã thu nhặt gạch, đá còn sót lại chất thành một cái bệ, trên bệ đặt một lư hương để thờ vọng Tổ tiên. Chung quanh bệ, trồng phượng để tạo cho khung cảnh nơi thờ phụng được tôn nghiêm và nhất là để người ngoài trông vào không thấy! Những ngày giỗ Tiên Hiền và 5 Ngài Thế tổ, bà con đều đến thắp hương và khấn niệm.

- Năm 1977:

Năm 1977, sau khi dời các ngôi mộ của ông bà Tiên Hiền và 5 Tổ Phái sang nghĩa trang Bạc Hà, xã Duy Châu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, bà con ta ở quê nhà âm thầm đặt kế hoạch tái lập Nhà Thờ như sau:

- Mua lại của bà Phan Thị Kha 4 cây gỗ dổi, Bà Phan Thị Quế 2 cây gỗ với giá ủng hộ.

- Kêu gọi bà con ủng hộ một số gỗ thù đầu (sầu đông) để làm kèo, tre để làm đòn tay và đan phen.

Tất cả sườn nhà, mái nhà, tôn, phen đều tập trung tại nhà ông Phan Lượng 1/14 để chuẩn bị trước. Vào lúc 1 giờ đêm, các bộ phận đã được làm sẵn và vật liệu của căn nhà được chuyển đến lô đất đang có bệ thờ. Công việc lắp ghép, lợp mái, che tường ... đều được thực hiện ngay trong đêm hôm ấy. Sáng ra, nếu chính quyền có biết thì xem như việc đã rồi.

Nhà chia làm 3 gian, mái tôn, tường bằng phen tre, nền đất. Nhà làm dưới dạng một nhà ở thường để tránh sự xoi mói của mọi người. Làm xong nhà thờ, bà con vận động thêm được một số ván, đóng 3 cái đẳng dùng làm bàn thờ.

Cơ ngơi thờ phụng đã có, bà con tổ chức lại việc tế lễ trong những lễ giỗ Ngài Tiên Hiền và 5 Ngài Thế Tổ.

Bốn, năm năm sau, phen tre mái tranh bị nắng mưa làm mục nát, Ban tri tộc cử ông Phan Ngọc Cầu (ông Biện Khanh) ra Đà Nẵng vận động bà con đóng góp tiền để xây lại tường gạch và 3 bệ thờ. Các ông Phan Sô, Phan Phẩm, Phan Tồn (ông Bốn Được) do ông Phan Trình 1/14 hướng dẫn đến các nhà bà con ở

Đà Nẵng để vận động. Sở dĩ ông Trình biết được nhiều nhà bà con trong thân tộc vì lúc ấy ông đang làm thu ngân viên cho nhà máy nước Đà Nẵng, thường đi lại khắp nơi trong vùng. Ông Trình là người rất nhiệt tâm với Tộc họ. Trong những năm chiến tranh, ông đã đứng ra tổ chức Lễ Thanh Minh tại nhà ông. Lễ tế được tổ chức theo nghi thức cổ truyền. Bà con đến tham dự rất đông.

Cuộc vận động nằm trong thời kỳ bao cấp. Bà con ta đều làm ăn sa sút, cán bộ công nhân viên chỉ có đồng lương cố định vì vậy việc vận động không thu được kết quả khả quan. Phan Đức Mỹ 3/14 tức Nam Hà, bấy giờ là Phó Giám đốc Công an QN/ĐN về thăm nhà thờ, có cúng 5 bao ciment. Tuy với số tiền ít ỏi ấy, tộc ta cũng xây lại được 3 bức tường gạch và 3 bệ thờ. Cát tô, xây và công do bà con ở Bảo An đóng góp.

- Năm 1989:

Đến năm 1988, một số tôn mái nhà bị rớt rỉ, đòn tay tre bị mục nát, nhà thờ bị xuống cấp, cần phải trùng tu nếu không sẽ bị sụp đổ. Nhận thấy bà con ta nay đã ổn định nơi ăn ở, kinh tế phục hồi, công việc làm ăn phát đạt, tình hình kinh tế sáng sủa hơn, Ban Tri tộc đề xướng xây dựng mới lại nhà thờ. Trong một thư ngỏ, do 5 ông trưởng Phái ký tên, đã được gửi đến các nơi trong cũng như ngoài nước kêu gọi bà con đóng góp tài vật để thực hiện công trình nói trên.

- Ở Tp.HCM, các ông Phan Toán, Phan Hiên, Phan Nhi, Phan Kinh, Phan Chính... chịu trách nhiệm vận động bà con trong ấy.

- Ở Đà Nẵng, ông Phan Sô đã cùng các ông Phan Minh Lộc, Phan Huỳnh Diệu, Phan Tuấn đi mời bà con họp để phổ biến chủ trương của tộc. Phan Tuấn mượn được 1 phòng tại chùa Chiêu Ứng, đường Lý Thái Tổ để họp. Đến dự họp có trên 30 người. Ông Sô báo cáo tình hình nhà thờ hiện tại đã xuống cấp, số tiền bà con ở Tp.HCM đã đóng góp được, đồng thời kêu gọi bà con tích cực tham gia. Bà con nhiệt liệt hưởng ứng. Phan Minh Lộc làm thủ quỹ. Tiền đóng góp của mỗi người đều ghi vào sổ quỹ và có xuất phiếu thu. Tổng số tiền thu được chuyển về Ban Tri tộc ở Bảo An. (Phiếu thu và sổ quỹ không còn lưu giữ nên không rõ số tiền đã thu được bao nhiêu). Trong khi chờ đợi làm nhà thờ, số tiền ở Tp.HCM thu được đều mua vàng giữ lại, sợ để tiền mất giá. Trong số tiền do ban vận động ở Tp.HCM gửi về, rất tiếc chúng tôi không nắm rõ được danh sách của từng người cụ thể ở trong cũng như ở nước ngoài để ghi vào đây được.

Tộc dự kiến khởi công xây dựng nhà thờ vào đầu năm 1989. Ban xây dựng nhà thờ gồm có:

- Tp.HCM : Các ông Phan Toán, Phan Kinh, Phan Trung Tấn, Phan Nhi.
- Ở Bảo An: Các ông Phan Lượng, Phan Nhị, Phan On, Phan Trà, Phan Chín và Phan Tiết.

Giám sát thi công : Ông Phan Kinh.

Thư ký : Ông Phan Chiến.

Công trình khởi công vào đầu năm 1989 và khánh thành vào dịp Thanh Minh năm Kỷ Tị (5.4.1989), đúng như dự kiến. Bà con khắp nơi về tham dự rất đông.

Nhà thờ chia làm 3 gian, tường xây bằng gạch, mái lợp ngói ciment, chừa đắp tượng tứ linh. Mỗi gian rộng 2,20m dài 4m. Gian giữa kéo dài thêm 2m để làm khám thờ Ngài Tiên Hiền. Vật liệu nhà thờ cũ được tận dụng để làm nhà bếp. Về từ khí, bà con đã cúng:

- Ông Phan Lắm 5/14 : 1 tủ gỗ chạm.
- Gia đình ông Phan Bá Lân : 1 bộ tam sự bằng đồng.
- Bà Phan Thị Kính 4/14 : - nt -
- Bà Phan Thị Kham 3/13 : - nt -
- Ông Phan Nhi 3/14 : - nt -

Còn một bộ chúng tôi chưa rõ người cúng. Tổng cộng 5 bộ.

- Thanh Minh năm Kỷ Mão 1999, ông Phan Như Liễu 3/14 từ Canada về cúng một chuông đúc bằng đồng nặng 105 kg, đường kính đáy 0,56m, cao 1,27m. Mặt ngoài của chuông có chạm trổ hoa văn. Ông đã thuê thợ đúc gia truyền phường đúc Huế ở Sài Gòn đúc bằng đồng nguyên chất, được chọn lọc kỹ lưỡng dưới sự giám sát của ông. Từ Sài Gòn ông thuê xe chở về Nhà thờ Tộc ở Bảo An. Về Bảo An ông thuê thợ mộc đóng một giá treo chuông bằng gỗ kiền kiền chắc chắn, có chạm trổ hoa văn. Chuông được dâng cúng trong dịp Lễ Thanh Minh. Tiếng chuông trong và ngân xa, ai nghe cũng tấm tắc ngợi khen. Ông Phan Thành 4/13 từ Sài Gòn về cúng một cái trống, đường kính mặt trống 0,8m, dài 1,2m. Ông đã thuê thợ làm trống cổ truyền ở làng Lâm Yên, xã Đại Minh, huyện Đại Lộc thực hiện. " Trống Lâm Yên, chiêng Phước Kiều là hai nơi làm trống và chiêng cổ truyền có tiếng ở Quảng Nam. Trống đã được phụng cúng trong ngày giỗ Ngài Thế tổ Phái Tư Mông 8 tháng 3 năm Kỷ Mão 1999.

Sau khi khánh thành, bà con ở Tp.HCM vận động thêm được 1,5 triệu đồng. Các ông Phan Trung Tấn, Phan Nhi, Phan Toán mang tiền về xây dựng tiếp các công việc còn đang dang dở.

- Đắp tượng Long Lân Qui Phụng trên mái nhà thờ - Xây bình phong - Xây trụ biểu (trên có chạm nổi 2 câu liên chữ Hán âm tiếng Việt) - Xây tường rào mặt tiền và lát gạch sân - Đóng 10 bộ bàn tròn và 100 ghế gỗ - Mua chén bát đĩa và tách trà.

Sau giải phóng 15 năm, con cháu xây dựng được một Từ Đường, tuy không bằng trước nhưng cũng đã có một cơ ngơi vững chắc, trước hết để thờ phụng Tổ tiên và sau là có nơi để con cháu hội ngộ khi về thăm lại cố hương.

- NĂM 1996 XÂY DỰNG TIỀN ĐƯỜNG:



Nhà Thờ tộc Phan tại Bảo An

Đã có Nhà Thờ, hằng năm đến ngày Thanh Minh con cháu về dự rất đông. Ban tổ chức phải dựng một cái trại trước sân nhà thờ. Giàn làm bằng mấy cây tre, trên phủ vải tấm ni-lông. Khi làm lễ và khi ăn uống, bà con phải ngồi dưới nắng nóng. Quang cảnh trông chẳng đẹp mắt tí nào. Nếu có được một Tiền Đường thì tốt biết bao! Muốn có được chỉ còn trông nhờ vào bà con ở hải ngoại tiếp tay. Từ suy nghĩ ấy, ông Sô gợi ý với Tộc, cho ông viết thư gửi bà con ở nước ngoài kêu gọi họ đóng góp để thực hiện điều mong muốn. Nhân gặp Phan

Bá Phụng 2/15 về thăm quê hương, ông Sô đề cập vấn đề này với Phụng. Phụng tán thành và bảo gởi thư cho bà Phan Thị Kế tức bà trợ Bạc 2/13, con gái ông Chánh Huệ. Phụng sẽ tiếp tay với bà vận động bà con bên ấy. Thư gởi đi tháng 5 năm 1995 đến cuối năm Ất Hợi tức đầu năm 1996, ông Sô nhận được thư của bà Trợ Bạc với số tiền 1300 đô la Mỹ, do bà Phan thị Sự, cháu gái ông Tú Võ mang về. Theo thư, bà Trợ Bạc cho biết bà con ta ở Mỹ có nhiều nhưng không biết địa chỉ, hơn nữa bà vừa vận động tiền xây dựng Nhà Thờ tộc tại Bình Triệu. Số tiền gởi về do con cháu ở gần chỗ bà đóng góp. Bà không thể làm hơn thế nữa.

Theo hồi suất năm 1996, số tiền này đổi được 16 triệu đồng VN. Với số tiền này thì chưa có thể xây dựng được Từ Đường, ít nhất phải có hai lần như thế nữa.

Thanh Minh năm Bính Tý (5.4.1996) nhân có Phan Nhi ở Canada về, Phan Chính ở Tp.HCM ra, Tộc bàn nên vận động thêm bà con các nơi. Tộc nhất trí và thành lập ban vận động:

- Tại Tp.HCM: Ban Đại diện Tộc và Phan Chính phụ trách.
- Tại Quảng Nam, Đà Nẵng: Phan Sô, Phan Long, Phan Đức Mỹ, Phan Nam, Phan Hương, Phan Văn Thê phụ trách.
- Tại nước ngoài: Phan Nhi, Phan Liễu, Phan Bá Phụng, Phan Mạnh Lương ... phụ trách.

Đến ngày Giỗ Tổ, mùng 6 tháng 10 năm Bính Tý, số tiền lên đến 35 triệu. Tộc quyết định tiến hành việc xây cất; còn thiếu bao nhiêu, sẽ kêu gọi bà con đóng góp thêm trong dịp Thanh Minh năm Đinh Sửu (5.4.1997). Tộc cử ra Ban xây dựng gồm Đại diện 5 Phái, lập đề án xây dựng Từ Đường sao cho vừa chắc chắn, vừa thẩm mỹ mà phù hợp với số tiền vận động được. Theo ý của tộc, Kỹ sư xây dựng Phan Thị Thục Anh 4/15, con ông Phan Văn Thê, thiết kế và dự toán công trình, chiết tính và khảo giá vật liệu, nhằm giúp cho Ban xây dựng mua sắm vật liệu và gọi thầu dễ dàng.

Tiền Đường dài 10m, rộng 5m, xây cổ lầu, kết cấu bằng ciment cốt sắt, tường gạch, mái tôn chống nhiệt, trên có đắp tượng tứ linh. Ngoài ra còn xây lại bình phong và lát 80m² sân bằng đánh ciment.

Tiền Đường khởi công xây cất ngày 4 tháng 12 năm Bính Tý và khánh thành ngày Thanh Minh Đinh Sửu (5.4.1997).

Số tiền do con cháu nội ngoại đóng góp xây dựng Tiền Đường:

* **Tp.HCM:** Gởi về 3 đợt :

- Ngày 18.1.1997	:	10.000.000 đồng.
- Ngày 28.2.1997	:	14.140.000 đồng.
- Ngày 16.3. 1997	:	3.500.000 đồng.

* Quảng Nam/ Đà Nẵng :	8.400.000 đồng
-------------------------------	----------------

* Hà Nội	:	200.000 đồng.
-----------------	---	---------------

* Nghệ An	:	100.000 đồng.
------------------	---	---------------

* Quảng Ngãi	:	400.000 đồng
---------------------	---	--------------

* **Nước ngoài :**

- Phan Thị Kế (Bà trợ Bạc)	2/13	:	200 đô la Mỹ.
- Phan Bá Phụng	2/15	:	500 -
- Phan Mạnh Lương	2/14	:	50 -
- Phan Qui	2/14	:	150 -
- Phan Giảng	2/14	:	300 -
- Phan Thị Hiền	2/14	:	100 -

(Số tiền 1300 USD nói trên do bà trợ Bạc gởi về.)

- Phan Văn Hòa	:	100 đô Canada.	
- Phan Văn Huy	:	100 đô-la Mỹ.	
- Phan Văn Trọng	:	100 -	
- Phan Toại	:	100 -	
- Phan Mười	:	100 -	
- Phan Thị Thanh Vân	:	100 -	
- Phan Liễu	3/14	:	3.300.000 đồng VN.
- Phan Bá Phụng (lần 2)	:	500.000 -	

* Tổng số thu	:	62.906.000 đồng
----------------------	---	------------------------

* Tổng chi	:	62.567.000 đồng
-------------------	---	------------------------

* Còn tồn quỹ	:	339.000 đồng
----------------------	---	---------------------

- NĂM 1998: XÂY DỰNG NHÀ TỪ



Sau khi xây xong Tiền Đường, một vấn đề khác không kém quan trọng lại được đặt ra : Con cháu ngày nay đã xây dựng được một cơ ngơi đẹp đẽ, huy hoàng để thờ phụng Tổ tiên, không thể để cho trống vắng, vì mỗi năm chỉ có 6 lần con cháu tụ họp vào những ngày Giỗ Tổ Tiên Hiền, 4 vị Tổ Phái (Phái Nhì đã có Nhà Thờ riêng) và Thanh Minh. Phải có người trông coi, quét dọn và thắp hương nhà thờ hằng đêm. Như vậy phải xây thêm một nhà Từ. Nhà Từ không những dành cho người ở từ mà còn là nơi để cho bà con ta ở xa về cúng bái Tổ tiên có nơi tạm nghỉ. Điều này thật rất chính đáng.

Nhân ngày Thanh Minh năm Đinh Sửu, ông Phan Long đã trình bày vấn đề này trước đông đủ bà con về dự lễ. Bà con hưởng ứng nồng nhiệt và đã tự nguyện đóng góp ngay tại chỗ gần 3 triệu đồng. Sau đó Tộc tiếp tục vận động và đến cuối năm 1997, số tiền được trên 22 triệu đồng. Tuy chưa đủ tiền, nhưng Tộc vẫn quyết định xây cất. Nhà Từ khởi công xây cất đầu năm 1998 và hoàn tất vào ngày Thanh Minh năm Mậu Dần (5.4.1998). Nhà Từ do Kỹ sư Phan thị Thực Anh thiết kế và dự toán công trình.

Nhà Từ dài 12m, rộng 5m, chia làm 3 phòng: Phòng ngoài dùng làm văn phòng, phòng giữa dành cho khách vãng lai, phòng cuối dành cho người trông coi nhà thờ ở. Cuối nhà là nhà bếp, nhà tắm và nhà vệ sinh - hố xí 3 ngăn tự hủy - Trên nhà cầu có xây một hồ chứa nước với dung tích một mét khối. Ngoài nhà ở còn làm thêm một giếng đóng và trang bị máy bơm nước chạy bằng điện.

Nói chung, chỗ ăn ở cho khách và người Từ tương đối đầy đủ tiện nghi.

Số tiền do con cháu Nội Ngoại đóng góp xây dựng Nhà Từ:

*** Nước ngoài:**

- Phan Văn Minh 4/14 : 100 USD - Ở Ca.USA.
- Phan Thị Bích Hà 4/14 : 50 - - nt -
- Phan Đức Bảo 4/14 : 50 - - nt -
- Phan Dư Bách 4/14 : 100 - - nt -
- Phan Liễu 3/14 : 125 - Ở Canada.
- Phan Nhi 3/13 : 1.000.000 đồng VN - Ở Canada.
- Phan Thị Kế 2/13 : 100 USD - Ở Ca. USA.
- Phan Bá Phụng 2/14 : 100 - - nt -
- Phan Thị Thiết 4/13 : 100 - - nt -
- Phan Qui 2/14 : 200 - - nt -
- Phan Minh Lộc 5/14 : 650.000 đồng VN.
- Phan Liễu 3/14 : 162 USD + 550.000 đồng VN.

*** Trong nước:** 22.875.000 đồng VN.

Tổng thu : 38.206.000 đ

- Chi :**
- Chi phí vận động : 1.880.000 đ.
 - Trùng tu Khu Mộ Tiền Hiền : 1.850.000 đ.
 - Quét vôi Nhà Thờ : 350.000 đ.
 - Làm bao lơn trước Tiền Đường : 850.000 đ.
 - Xây dựng Nhà Từ : 38.206.000 đ.

Tổng Chi : 43.136.000 đ.

Các đóng góp khác không nằm trong phần thu để xây dựng Nhà Từ:

- Bà con Tộc Phan hiện đang sinh sống tại Duy Hòa, Duy Xuyên, Quảng Nam cung cấp toàn bộ số gỗ để làm đòn tay trị giá 1.000.000 đồng.
- Phan Nhấn 4/14, Phan Minh Tâm 4/14, Phan Thị Xin (tức Tấn): 4 giường bố Liên Xô, 4 cái mùng, 2 quạt đứng, 2 phích đựng nước sôi loại 2,5l của Trung Quốc, 2 bộ ấm tách trà của Trung Quốc.

- Phan Nam 2/15 : 1 bộ xa lông bằng gỗ, 1 giường nằm bằng gỗ.
- Phan On 5/14 : Công giám sát thi công 500.000 đ.
- Phan Thị Thục Anh 4/15 : Công thiết kế 900.000 đ.

Sau khi xây dựng Nhà Từ , Phan Bá Phụng gửi về 500.000 đồng VN, Phan Liễu ở Canada gửi về 481 USD để Tộc thanh toán số tiền còn thiếu và trả lương cho người ở từ.

Danh sách con cháu Nội Ngoại đã đóng góp xây dựng Tiền Đường và Nhà Từ được lưu giữ trong **"Sổ vàng"** của Tộc, hiện do Ông Phan Long 2/14 cất giữ và trong bảng danh sách lưu tại văn phòng của tộc đặt tại nhà từ. (Vì danh sách quá dài nên chúng tôi không đăng vào tập Kỷ yếu này như ý định lúc ban đầu. Rất mong quý thân tộc thông cảm cho).

Trong khi Tộc đang tiến hành xây dựng Nhà Từ, anh Phan Liễu ở Canada, ngoài việc đóng góp xây dựng, anh còn đề nghị tộc tìm một người để trông coi nhà thờ, hằng ngày chăm lo việc thắp hương cho ông bà nơi thờ phụng, quét dọn, trồng hoa và cây cảnh. Anh nhận phụ cấp cho người ở từ mỗi tháng 10 kg gạo, liên tục trong 5 năm liền.. Được sự tán trợ của Phan Liễu, tộc mạnh dạn tìm người. Ông Phan Tre 4/13 được Tộc chọn để giao công việc này. Gia đình ông Tre gồm vợ và một con trai trên 20 tuổi đã dọn đến ở vào đầu tháng 6 năm 1998. Nhà thờ, vườn tược từ đây được quét dọn sạch sẽ. Nhân chuyến về thăm quê hương, nhận thấy người ở từ đã thực hiện tốt công việc được tộc giao phó, ông Liễu đã tăng phụ cấp gạo từ 10 kg lên 18kg. Đêm đêm, những đóm lửa lòe sáng, mùi thơm hương trầm ngào ngạt bốc lên từ các lư hương đã xua tan cái không khí lạnh lẽo, u trầm ở nơi thờ tự. Quang cảnh nhà thờ trông quang đãng và vui tươi hẳn lên.

Có được cơ ngơi thờ phụng huy hoàng và đẹp đẽ như ngày nay là do lòng nhiệt thành, thiết tha tưởng nhớ đến tổ tiên của con cháu nội, ngoại xa gần trong cũng như ngoài nước đồng tâm hiệp lực mà nên. Tộc đánh giá cao tinh thần vì dòng họ, và những công sức của con cháu đã đóng góp, kể ít người nhiều, người có công góp công, người có của góp của. Tuy nhiên, "... Bàn tay có ngón ngắn ngón dài, trong tộc họ ta còn nhiều người có hoàn cảnh khó khăn, không đóng góp được nhiều cho việc xây dựng tộc họ cũng đành vì thế làm buồn mà xa lánh tộc họ ...".

(Trích diễn văn do ông Phan Long đọc trong dịp Lễ khánh thành Tiền đường năm 1997 Đình Sửu).

Phải nhận chân rằng, nếu không có những tình cảm nồng nàn và sâu đậm của con cháu ở hải ngoại đóng góp tích cực từ tinh thần đến vật chất thì tộc ta chưa xây dựng được ngôi Tiền đường và Nhà Từ sớm như hiện nay. Tộc đặc biệt biểu dương các thân tộc hiện đang sinh sống ở nước ngoài, dù xa quê hương, xa nơi chôn nhau cắt rốn, sống nơi nghìn trùng xa cách nhưng lòng vẫn luôn nhớ về cội nguồn của dòng tộc như:

- Bà Phan thị Kế tức bà trợ Bạc 2/13, tuy tuổi đã ngoài 80 nhưng bất chấp sự già nua của tuổi tác đã ra sức vận động con cháu đóng góp xây dựng Tiền Đường và Nhà Từ.

- Phan Bá Phụng 2/15 đã tích cực vận động bà con, luôn luôn đi đầu và dẫn đầu trong mọi đóng góp xây dựng. Ngoài ra, cùng với bà con trong nước, anh còn gởi tiền cứu trợ bà con trong tộc gặp khó khăn sau cơn lũ lụt tháng 10 Mậu Dần. Một nghĩa cử cao đẹp thật đáng trân trọng và đề cao.

- Phan Nhi 3/14, lúc còn sống, anh rất hăng hái hoạt động xây dựng tộc họ, đóng góp xây dựng nhà thờ tộc ở Bảo An và cả ở Bình Triệu nữa.

- Phan Liễu 3/14, em ruột Phan Nhi. Cũng như Phan Nhi, Phan Liễu đã hăng hái tham gia mọi công việc của tộc ở Bình Triệu. Ngoài việc đóng góp xây dựng Tiền Đường và Nhà Từ, anh còn nhận trợ cấp cho người ở từ nhà thờ ở Bảo An trong 5 năm liền. Anh luôn luôn khuyên nhủ con cháu của anh không được quên cội, quên nguồn, phải nhiệt tâm làm tròn bốn phận hiếu đạo đối với tổ tiên, không chỉ ngày nay mà mãi mãi về sau.

- Phan Mạnh Lương 2/14, không những đã đóng góp xây dựng nhà thờ, quỹ Khuyến học của tộc mà còn đóng góp rất nhiều ý kiến quý giá về việc tổ chức và phát triển Chi Hội Khuyến Học của Tộc. Anh là người rất nhiệt tâm và tha thiết với việc học hành của con cháu trong tộc ở nước nhà.

- Ngoài ra còn có nhiều thân tộc khác nữa như Phan Phong 2/16, Phan Dư Bách 4/14, Phan Giảng 5/14 ... và một số con cháu ở hải ngoại tham gia đóng góp xây dựng Tiền Đường và Nhà Từ.

Hiện nay bà con ở xa về thăm quê hương, viếng thăm Nhà Thờ đã có chỗ nghỉ ngơi thoải mái.

vvvvvv

* NHÀ THỜ TỘC PHAN TẠI BÌNH TRIỆU, TP. HCM



Nhà Thờ tộc Phan tại Bình Triệu, Tp/HCM

Nhà thờ được xây dựng năm 1992 tại 23A/1 Ấp Bình Triệu, xã Hiệp Bình Chánh, QL13, Quận Thủ Đức, khánh thành trong dịp Lễ Thanh Minh ngày 4.4.1993 (13.3 năm Quý Dậu).

Cựu Trưởng Ban Vận động và Xây dựng: Ông Phan Trung Tấn 5/13.

Ông Tấn vạch kế hoạch, phương án vận động tài chánh, tìm mua đất, xin giấy phép xây dựng. Công việc đang tiến hành, đột nhiên ông Tấn lâm bệnh nặng không tiếp tục nhiệm vụ được nữa. Tộc phải cử ông Phan Huỳnh 3/13 thay thế.

Ban Xây dựng gồm có các ông:

- Trưởng ban : Phan Huỳnh.
- Hội Chủ : Phan Bá Thôn 2/15
- Đốc công : Phan Kinh 3/13
- Thủ quỹ : Phan Liễu 3/14
- Thư ký : Phan Chính 2/14

Các thành viên: Ô. Phan Minh Kế 3/13, Phan Mười 3/13, Phan Cừ 4/13, Phan Nhật Sanh 5/13, Phan Mua 5/13, Phan Thóa 2/14, Phan Văn Đức 4/14, Phan Năm 5/14, Phan Long 1/15.

* Nhà Thờ xây dựng trên một khu đất:

Chiều rộng phía trước 15.90m , phía sau 11.90m , chiều sâu 24,45m.

- Mặt trước là Từ Đường (8,25m x 7,25m).

- Bên hông phải Từ Đường là Nhà Trù (10,45m x 3,65m).

- Phía sau Tiền Đường là phòng ngủ của người ở từ, nhà bếp và nhà vệ sinh.

- Sân trước 15,9m x 11m.

Từ cổng chính đi vào có xây bình phong chạm trổ hoa văn và đắp hình long mã nổi 2 mặt, sau bình phong có đức đỉnh để thắp nhang và đốt giấy vàng mã.

Kinh phí xây dựng: 224.500.000 đồng.

Vật dụng khí mãnh: 8.600.000 đồng. Tất cả số tiền trên đều do con, cháu Nội Ngoại ở trong và ngoài nước tự nguyện đóng góp.⁹

Hằng năm tổ chức Lễ Thanh Minh, giỗ Tổ Tiên Hiền và các Ngài Tổ Phái tại Nhà thờ, trước là để tưởng niệm công đức của Tổ tiên, sau là tạo điều kiện cho con cháu gặp gỡ nhau nhằm thắt chặt tình đoàn kết gia tộc nơi đất khách quê người. Các ngày Lễ Giỗ được tổ chức rất trọng thể theo nghi thức cổ truyền của gia tộc, con cháu đến tham dự rất đông.

⁹ Danh sách con cháu đóng góp XD còn lưu tại Nhà thờ và Ông Phan Chính 14/2 lưu giữ

* NHÀ THỜ TỘC PHAN TẠI ĐÀ LẠT



Bà con đa số chủ yếu sống về nghề làm rau, làm vườn, buôn bán và CB/CNVC Nhà Nước gồm trên 170 hộ.

Họ cũng đã thành lập HĐGT và sinh hoạt về tộc họ thường xuyên. Từ ngày chưa xây dựng được nhà thờ, hằng năm bà con đã tổ chức Lễ Thanh Minh và các ngày giỗ Tổ tiên, tạm thời tại nhà ông Phan Việt đường Phù Đồng Thiên Vương, khu chợ rau Đa thiện Đà Lạt. Sau một thời gian dài vận động của Ban Tri Tộc, các con cháu nội ngoại đang sinh sống tại Lâm Đồng đã tự nguyện đóng góp để xây dựng nhà thờ. Trước là có nơi thờ phụng tổ tiên, sau để con cháu có dịp gặp mặt nhau, thắt chặt thêm tình gia tộc nơi đất khách quê người.

Ban vận động & xây dựng nhà thờ gồm các:

Trưởng Ban : Phan Cước 5/13

Phó ban : Phan Việt 4/14

Đốc công : Phan Long Phùng 2/14 và Phan Cũng 4/14.

Thủ quỹ : Phan Lạc (Tám) 4/14.

Nhà thờ được xây dựng trên một khu đất rộng 12m x 30m nằm trên trục đường Phù Đồng Thiên Vương, qua đường vòng cung Lâm Viên đến ngã ba, rẽ phải đi hết đường rải nhựa khoảng 500m là đến.

- Diện tích nhà thờ: 4m x 9m chia làm 3 gian.

- Vật liệu xây dựng: Tường gạch, mái lợp tôn, hiên trước và trụ cột đúc bê tông cốt thép.

- Kinh phí xây dựng: - Tiền mua đất : 25.000.000 đồng (5 hượng vàng).

- Xây dựng : 27.000.000 đồng.

Tổng cộng : 52.000.000 đồng¹⁰

Nhà thờ làm xong và khánh thành vào dịp Lễ Thanh Minh năm Kỷ Mão 1999. Nhà thờ tuy đã làm xong nhưng còn nhiều dự án cần phải làm thêm như trụ cổng, bình phong, tường rào, cửa ngõ và mua sắm các dụng cụ thờ cúng, tế lễ như chiêng trống, cờ xí... Trong nguồn kinh phí hạn hẹp vận động được trong con cháu nội ngoại ở tỉnh Lâm Đồng, bước đầu Ban Tri Tộc tộc Phan Bảo An tại Đà Lạt đã xây dựng được cơ ngơi thờ phụng tổ tiên, thật đáng trân trọng. Chúng ta tin rằng trong những ngày sắp tới, dần dần con cháu khắp nơi sẽ lại tiếp tay cùng Ban Tri Tộc thực hiện nốt những dự án còn lại.

Đây là ngôi nhà thờ thứ năm do con cháu tộc Phan Bảo An xây dựng từ ngày nước nhà hòa bình, độc lập, thống nhất đến nay.

Những người đã tích cực và thường xuyên tham gia việc Tộc Họ ở Đà Lạt gồm có các ông Phan Văn Tùng 3/13 - Phan Đình Cước 5/13 - Phan Luông 5/14 - Phan Long Phùng 2/14 - Phan Việt 4/14 - Phan Cung 4/14 - Phan Tám 4/14 , Phan Thiên 4/14 .

¹⁰ Danh sách con cháu đóng góp XD còn lưu tại Nhà thờ và ông Phan Tám 14/4 lưu giữ

* NHÀ THỜ PHAN PHÁI NHÌ TẠI BẢO AN



Nhà Thờ tộc Phan Phái Nhì tại Bảo An

Nhân dịp lễ Tế Xuân năm 1992 tại nhà ông Phan Tư đời 14, ông Phan Phong đời thứ 16 hiện đang sinh sống tại Hoa Kỳ có cử người con trai là Phan Văn Phú về dự để tìm hiểu ý kiến bà con tại quê nhà về việc xây dựng lại nhà thờ Phan Phái Nhì đã được đa số tán thành. Ông Phan Tám đời thứ 15, đại diện cho con cháu Chi 5/42 hiến 1/2 khuôn viên đất (nguyên của ông Phan Bá Thành) để tộc xây dựng nhà thờ. Toàn bộ kinh phí xây dựng do ông Phan Văn Phong tài trợ.

Hội nghị đã bầu ra Ban Xây dựng gồm các ông : Phan Nhị, Phan Mẹo 14/2, Phan Hiền 2/15, Phan Minh Âu 2/16, Phan Đức Châu 2/16 và ông Phan Văn Minh, Phan Văn Bình làm Kế toán, Thủ Quỹ.

Công trình khởi công tháng 11 năm 1992 và khánh thành vào Lễ Thanh Minh năm 1993. HĐGT tộc Phan, Đại diện 4 Phái 1,3,4,5 và bà con tộc Phan trong làng, cùng đông đảo bà con nội ngoại trong Phái về tham dự trong niềm hân hoan vô hạn.

Thế theo đề nghị và tài trợ của ông Phan Văn Phong, năm 1999 nhà thờ được xây tiếp phần nhà sinh hoạt, nhà từ, nhà bếp trên 1/2 diện tích đất còn lại.

Ban xây dựng gồm các ông Phan Long 2/14, Phan Nam 2/15, Phan Hiền 2/15.

Kế toán thủ quỹ do các ông Phan Văn Minh, Phan Văn Bình phụ trách.

Thiết kế, bản vẽ và dự toán công trình do kỹ sư Phan Thị Thục Anh 4/15. Đến tháng 3/2000 thì công trình hoàn tất, có trụ biểu, bình phong, tường rào bao bọc chung quanh một cách hoàn chỉnh.

Phần trang trí bên trong nhà thờ, dụng cụ thờ cúng, liễn đối, chiêng trống do con cháu nội ngoại phụng cúng. Trước chiến tranh, ngoài nhà thờ Phan Cả, 5 Phái của tộc Phan đều có nhà thờ riêng, nhưng tất cả đều bị tàn phá trong chiến tranh. Hiện nay chỉ có Phái Nhì xây dựng lại nhà thờ. Ngày giỗ các Ngài Tổ Phái đều được tổ chức tại Nhà Thờ Phan Cả, riêng Phái Nhì tổ chức tại nhà thờ Phan Phái Nhì vì đã có nhà thờ riêng.

*** NHÀ THỜ PHAN PHÁI 3 CHI LA THÁP, XÃ DUY HOÀ, DUY XUYỀN, QUẢNG NAM**



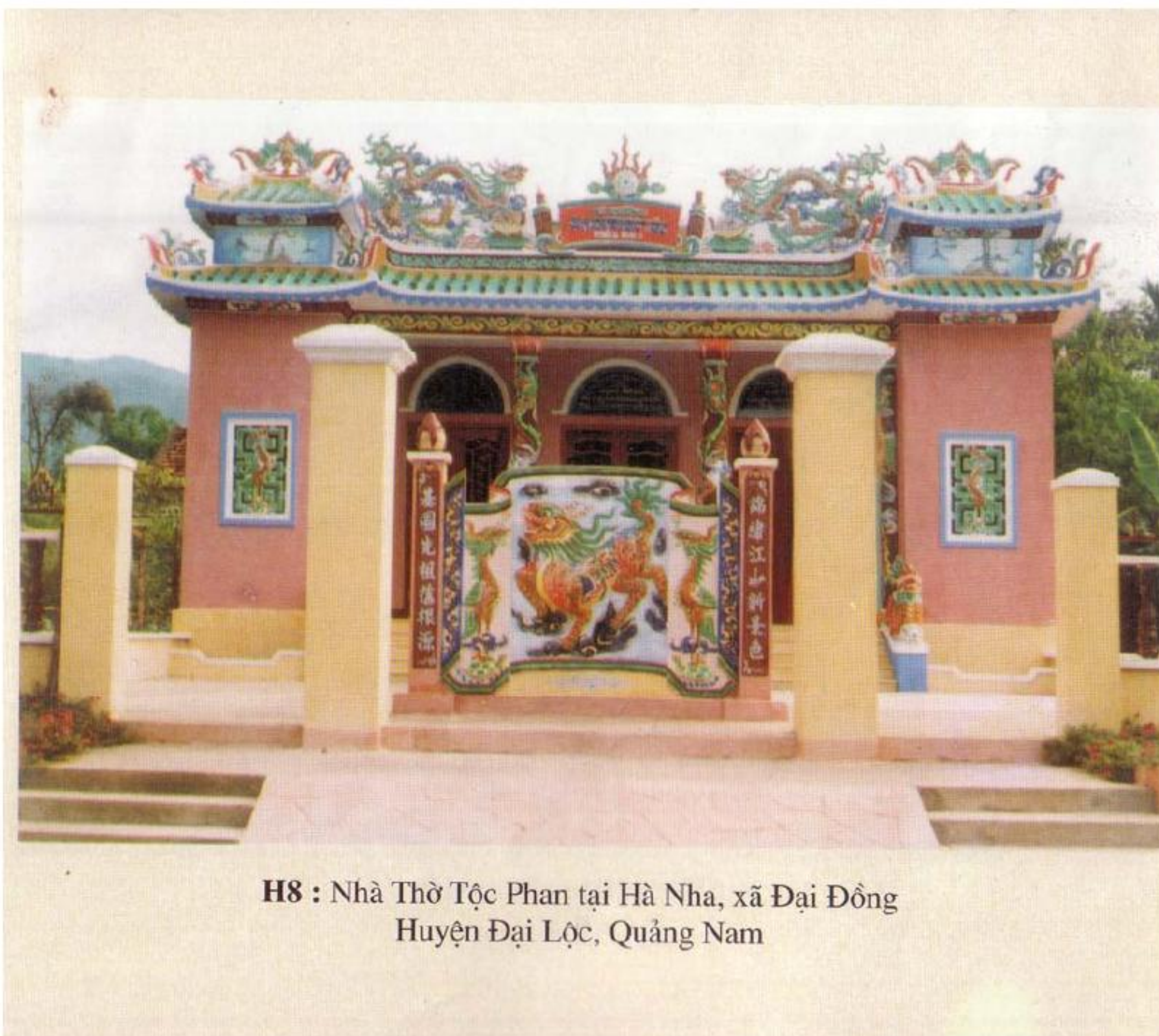
Ngài khởi tổ là ông Phan Đức Thuần đời thứ 11 đến dạy chữ Hán tại các làng thuộc khu tây huyện Duy Xuyên. Ông kết duyên với bà Trần Thị Nguyễn người thôn Châu Phương, xã Duy Hòa và định cư luôn tại đây. Ông bà sanh hạ được 3 người con là ông Phan Đức Ngoạn, Phan Đức Cảnh và Phan Thị Lộc. Tộc Phan tại Duy Hoà đến nay đã trải qua 17 đời gồm có 16 hộ đang sinh sống tại La Tháp , một số hộ khác đến định cư tại Đà Nẵng, Sài Gòn, Gia Lai, Ninh Thuận, Bình Thuận... Qua 2 cuộc chiến tranh giữ nước giành độc lập, con cháu

ông Phan Đức Cảnh, trong 4 đời liên tiếp, đã tích cực tham gia kháng chiến, nhiều người đã anh dũng hy sinh cho đất nước, được Nhà Nước nước CHXHCN/VN phong tặng 32 liệt sĩ và 9 Bà Mẹ VN Anh Hùng gồm 5 gái và 4 dâu.

Năm Giáp Thân 2004, con cháu nội ngoại đã tự nguyện đóng góp trên 50 triệu đồng để xây dựng nhà thờ tại thôn La Tháp, xã Duy Hoà, huyện Duy Xuyên, Quảng Nam. Nhà thờ nằm trên trục đường từ Nam Phước đi khu di tích Mỹ Sơn, cách trụ sở UBND xã Duy Hoà và trường THCS Lê Quang Sung khoảng 300m. Nhà thờ được xây dựng trên khu đất rộng 300 m² do ông Phan Đức Mỹ phụng cúng. Khu Chánh đường có kích thước 6,5m x 6m, riêng Tiền Đường sẽ xây dựng tiếp trong tương lai. Ngoài ra con cháu còn phụng cúng các đồ dùng thờ cúng như lư đồng, liễn đối, chiêng trống...

Được sự uỷ thác của HĐGT, các ông Phan Tuấn, Phan Đức Mỹ, Phan On và Đại diện 5 Phái thay mặt tộc đến dự Lễ khánh thành. Lễ được tổ chức trọng thể, con cháu nội ngoại các nơi về tham dự đông đủ trong không khí vui mừng, phấn khởi. Đây là ngôi nhà thờ thứ 6 do con cháu tộc Phan xây dựng từ sau 1975.

*** NHÀ THỜ PHAN PHÁI TỰ NHÁNH 5, CHI 5, TẠI HÀ
NHA, ĐẠI ĐỒNG, HUYỆN ĐẠI LỘC**



H8 : Nhà Thờ Tộc Phan tại Hà Nha, xã Đại Đồng
Huyện Đại Lộc, Quảng Nam

Phan Hà Nha, xã Đại Đồng, huyện Đại Lộc thuộc Nhánh 5, Chi 5, Phái
Tự:

Ngài khởi Tổ là ông Phan Ngọc Nghê (tức Viên Năm), Đời thứ 12 đến
đây lập nghiệp, đến nay con cháu đã có đến đời thứ 17. Tại Hà Nha có 8 hộ và
Cầu Chìm xã Đại Quang 5 hộ. Một số hộ đã đi Đà Nẵng, Biên Hòa và Bà Rịa
Vũng Tàu. Tuy số con cháu định cư tại đây không đông nhưng họ đã chung
nhau góp công, góp của xây dựng được nhà thờ khang trang và đẹp đẽ. Năm Tân
Tỵ 2001, các thân tộc nơi đây đã xây dựng từ đường có kích thước 9,1m x 6m để
thờ phụng tổ tiên. Nhà thờ tọa lạc trên Quốc lộ 14B, cách chợ Hà Nha, xã Đại
Đồng khoảng 500m về phía Tây. Kinh phí do con cháu nội, ngoại tự nguyện
đóng góp trên 54 triệu đồng. Ban Xây dựng gồm có các ông Phan Xuân Kiên
4/14, Phan Dư 4/15, Phan Dũng 4/16, Phan Bảy 4/16 ... Ngoài ra con cháu còn
phụng cúng các đồ dùng thờ cúng như lư đồng, liễn đối, chiêng trống...

Được sự uỷ thác của HĐGT, hai ông Phan Sô và Phan Văn Thê thay mặt tộc đến dự Lễ khánh thành. Lễ được tổ chức trọng thể, con cháu nội ngoại các nơi về tham dự đông đủ trong không khí vui mừng, phấn khởi. Đây là ngôi nhà thờ thứ 7 do con cháu tộc Phan xây dựng từ sau 1975.

Người Đại diện là ông Phan Ngọc Hoàng 4/15 hiện cư ngụ tại thôn Hà Nha, xã Đại Đồng, Huyện Đại Lộc, Quảng Nam.

☞ Thơ

TUỞNG NIỆM

Phi Hán (*Phan Hý*)

Mỗi độ Thanh Minh lại nhớ ngày,
Đường thôn rộn rã hướng về đây.
Năm canh chung cội tươi chồi nụ,
Mỗi đoá muôn màu rực sắc mây.
Rạng mặt quê cha công sáng chói,
Xứng danh đất mẹ nghĩa cao dày.
Tâm hương một nén lòng thương tưởng,
Trì độ cháu con vạn phúc đây.

◆◆◆◆◆

❖ MỘ NGÀI TIỀN HIỀN VÀ CÁC VỊ THẾ TỔ 5 PHÁI



Lễ Khánh Thành khu Mộ Tiền Hiền



Mộ Ngài Tiền Hiền nằm trong khu đất cùng với mộ 2 Ngài Tiền Hiền Nguyễn, Ngô tại Bảo an. Năm 1977 làng Bảo An được qui hoạch lại. Tất cả mồ mã được dời qua núi Thọ Sơn, xã Duy Châu, huyện Duy Xuyên, Quảng Nam - nơi đây trồng cây bạc hà nên mọi người thường quen gọi là Nghĩa trang Bạc Hà. Để cho việc chọn đất được công bằng, chính quyền đã phân chia khu đất ra từng lô và đánh số thứ tự 1, 2, 3 ... rồi tiến hành bốc thăm. Trong các khu đất đã phân

lô, khu số 1 là khu đất nằm ở trên đầu nghĩa trang, cao ráo, riêng biệt, quang đãng, rộng rãi nhất, nhìn toàn bộ khu nghĩa trang nằm trải dài phía bên dưới. Tộc nào cũng ước mong bốc được khu đất này. Ông Phan Kinh 3/13 và một số bà con trong tộc ta tham dự cuộc bốc thăm. Họ đã thề khấn nguyện, vang vái tổ tiên anh linh hộ trì cho họ bốc được lô số 1 ấy, tức là Khu mộ Tiền Hiền hiện nay. Kết quả bốc thăm thật quá bất ngờ: Họ đã đạt được điều cầu nguyện. Không sao tả xiết nỗi vui mừng trong lòng các thân tộc ở Bảo An lúc bấy giờ!

Chấp hành chủ trương của chính quyền địa phương, các thân tộc đang sinh sống tại Bảo An đã cùng nhau lo việc di dời mộ ông bà Ngai Sơ Tổ, Ngai Tổ Bá, ông bà Ngai Tiền Hiền và ông bà các Ngai Thế Tổ 5 Phái đến nghĩa trang Duy Châu. Các ông Phan Ngọc Cầu (tức ông Biện Khanh) 5/12, Phan Đồng 5/12, Phan Kinh 3/13, Phan Tri 5/13, Phan Huỳnh 5/13, Phan Tài 5/13, Phan Lượng 1/14, Phan On 5/14 và một số đông bà con khác trong Tộc đứng ra lo liệu toàn bộ công việc. Trong tình hình kinh tế khó khăn của đất nước sau ngày giải phóng Miền Nam năm 1975, tất cả các vị nói trên vẫn không quên chăm lo mồ mã ông bà. Họ đã đứng ra lo liệu mọi công việc : đóng quách, hốt hài cốt, khâm liệm và khiên qua Duy Châu cải táng. 15 ngôi mộ được cải táng trên khu đất đã bốc thăm. Ban đầu, các ngôi mộ chỉ đắp bằng đất.

Năm 1989, cùng lúc với xây dựng Nhà Thờ Tộc, từng ngôi mộ được xây lại bằng gạch và ciment, dựng bia và xây tường gạch bao bọc chung quanh khu mộ. Trước khu mộ có xây cổng ra vào.

Muốn đến khu mộ Tiền Hiền ta có thể đi bằng hai ngã:

- Từ Đà Nẵng đi theo Quốc lộ 1A đến ngã Tư Nam Phước, rẽ phải theo đường huyện lộ, qua khỏi đường rây xe lửa khoảng 3km, nhìn bên trái có bảng " Đường vào đập Vĩnh Trinh ", (khoảng giữa 2 cột cây số 13 và 14) đi thẳng theo đường đất độ 1km là đến khu mộ Tiền hiền.

- Từ đầu làng Bảo An đi bằng qua một bãi cát rộng, qua một nhánh sông con của sông Thu Bồn, tức là Sông Trước. Vào mùa khô, sông cạn mới đi được. Qua khỏi sông, ta sẽ gặp con đường từ Nam Phước lên La Tháp. Rẽ trái, đi ngược về phía Nam Phước khoảng 2km, gặp con đường đất đi vào đập Vĩnh Trinh nằm bên phải.

Hằng năm con cháu các nơi về dự Lễ Thanh Minh đều đến khu mộ dâng hương Tổ tiên. Nhìn khu mộ nằm trang nghiêm trên một khu đất cao ráo, sạch

sẽ và khoáng đảng, mọi người vẫn thắm quý trọng công lao các vị nói trên đã không quản ngại khó khăn, vất vả để chu toàn công việc di dời phần mộ Tổ tiên.

TÔN TẠO VÀ NÂNG CẤP KHU MỘ TIỀN HIỀN ¹¹

Trong thời kỳ kinh tế còn nhiều khó khăn, các ngôi mộ được xây dựng tạm thời, chưa được khang trang theo ý nguyện của con cháu trong Tộc. Qua 26 năm, từ năm 1977 đến 2003, các ngôi mộ đã xuống cấp : sụt lở, nứt nẻ ... mặc dù hằng năm vẫn quét vôi, tu bổ. Thế theo ý nguyện của bà con, HĐGT nhất trí khởi công tôn tạo và nâng cấp khu mộ. Qua các buổi họp HĐGT mở rộng ngày 27.12.2002 tại nhà thờ Bảo An gồm có các Ông:

Tộc trưởng Phan Tuấn Đời 15 Phái Nhất , Đại diện Phái Nhất: Phan Lượng 1/14, Phái Nhì: Phan Dũng 2/15, Phái Ba: Phan Chín 3/14 , Phái Tư: Phan Văn Định 4/15, Phái Năm: Phan Tiết 5/14. Phan Tài 5/13, Phan On 5/14. Từ Đà Nẵng về tham dự gồm có các ông : Phan Sô 4/13, Phan Long 2/14, Phan Đức Mỹ 3/14, Phan Hường 4/14, Phan Văn Thê 4/14, Phan Văn Quang 3/15, Phan Nam 2/15 , Phan Nhật Trung 2/15. Hội nghị nhất trí lập Ban Vận động tài chánh để Xây dựng các công trình của tộc, ưu tiên một là Khu Mộ Tiền Hiền:

BAN VẬN ĐỘNG

✓ **Trưởng Ban** : Phan Long

✓ **Phó Ban & Thủ Quỹ** : Phan Nam

✓ **Thư ký & Kế toán** : Phan Văn Thê

✓ **Kiểm tra, đơn đốc** : Phan Sô, Phan Tài, Phan Đức Mỹ

- **Tại Bảo An** : Phan Tài, Phan On, Phan Chín, Phan Tín.

- **Tại Đà Nẵng** : Phan Sô, Phan Long, Phan Đức Mỹ, Phan Hường, Phan Văn Thê, Phan Nam, Phan Nhật Trung.

- **Tại Tp. HCM** : Phan Nhật Sanh, Phan Xuân Huy, Phan Đức Bình, Phan Chính, Phan Thóa, Phan Quang Thanh, Phan Long, Phan Văn Mai.

- **Tại Đà Lạt** : Phan Cước, Phan Long Phùng, Phan Việt, Phan Củng, Phan Luông.

- **Tại Hà Nội** : Phan Vĩnh

¹¹ Viết tiếp để đưa vào website của tộc PHAN tại Đà Nẵng

- **Tại Hải ngoại :** Phan Mạnh Lương CA/USA, Phan Bá Phụng CA/USA, Phan Như Liễu CANADA

Cuộc họp ngày 03.5.2003 tại nhà ông Phan Long, đã bầu ra Ban xây dựng và bàn về các công việc cụ thể phải làm như sau:

Thiết kế từng hạng mục:

- **Hạng mục 1:** Tăng nền móng lên cao 0,5m so với thực tế. Chiều cao tường 2 bên hông 0,7m kể từ móng lên, tức cao 2,2m so với cote thiên nhiên.

- **Hạng mục 2:** Khu mộ Tiền Hiền gồm 15 ngôi mộ. Từ cổng đi vào, dãy đầu tiên là 5 ngôi mộ của 5 bà Tổ Phái. Dãy thứ hai là 5 ngôi mộ của 5 ông Tổ Phái. Dãy thứ ba là 3 ngôi mộ của Ông Bà Tiền Hiền và Ông Tổ Bá. Dãy thứ tư là 2 ngôi mộ của Ông Bà Sơ Tổ Phan Nhơn Huyện. Năm ngôi mộ dãy thứ 3 và thứ 4 xây thêm có kích thước dài 2,3m, rộng 1m, cao 1,10m. Mười ngôi mộ ở dãy thứ nhất và thứ hai xây thêm có kích thước 2,3m x 0,9m x 0,8m. Tất cả đều ốp đá granic nhân tạo.

- **Hạng mục 3:** Thay tất cả các bia mộ xi măng hiện có bằng bia đá Non Nước, khắc chữ cả hai mặt. Mặt trước bằng chữ Hán, mặt sau bằng tiếng Việt ghi rõ tên thật. Nội dung bằng chữ Hán do Phan Đức Mỹ biên soạn. Nội dung bằng tiếng Việt do Phan Văn Thê biên soạn. Cả hai lên bản thảo gửi các nơi góp ý. HĐGT mở rộng quyết định thực hiện sau khi chỉnh sửa.

- **Hạng mục 4:** Xây lại trụ cổng 0,6m x 0,6m cao 4,68m bằng bê tông cốt sắt, ngoài xây gạch. Bàng cổng bê tông cốt thép rộng 0,6m gối lên hai đầu trụ, ghi 9 chữ:

**KHU MỘ TIỀN HIỀN TỘC PHAN
LÀNG BẢO AN**

- **Hạng mục 5:** Nhà Tưởng Niệm hình lục giác bằng bê tông cốt thép. Bên trong có khối lăng trụ hình lục giác, ốp 6 tấm bia bằng đá ghi công đức của dòng tộc theo thứ tự từ mặt chính diện đi theo chiều kim đồng hồ :

- Mặt thứ nhất (chính diện): Nguồn gốc tộc Phan - Quan Tước & Các nhà khoa bảng thời Hán học (1807 - 1919) - Chí sĩ Cách mạng Phan Thành Tài - Nhà Trí thức Cách mạng Phan Thanh, Phan Bôi - Học giả, Nhà Văn, Nhà Báo

Phan Khôi - Bà Mẹ VN anh hùng & Các Liệt sĩ trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. (Do Phan Đức Mỹ & Phan On sưu tầm biên soạn).

Ông Phan Văn Thê soạn thảo nội dung 6 mặt bia đá, lên bản thảo gửi các nơi góp ý. HĐGT mở rộng họp quyết định theo nội dung đã chỉnh sửa.

✓ Vẽ thiết kế toàn bộ Khu mộ và dự toán công trình do Kỹ sư XD Phan Nhật Trung 2/15 phụ trách.

✓ Vẽ thiết kế và dự toán Nhà Tưởng Niệm do Kỹ sư XD Phan Thị Thực Anh 4/15 phụ trách.

Các hạng mục khác thực hiện theo dự án đã đề ra.

Nội dung 2 câu liễn ở trụ cổng và 2 trụ sau (hậu đầu), hai ông Phan Sô và Phan Đức Mỹ chịu trách nhiệm soạn thảo, lên bản thảo gửi bà con trong tộc góp ý. Nhiều câu liễn của các thân tộc từ các nơi gửi về, HĐGT mở rộng đã nhất trí chọn 2 câu liễn sau đây :

Hai câu liễn ở trụ cổng trước mang nội dung cảnh quan nơi khu mộ:

"Thọ sơn linh địa quang minh cảnh

Thu thủy bích giang diễm lục ba"

Ông Phan Văn Thê dịch:

"Núi Thọ đất thiêng trời sáng tỏ

Sông Thu nước biếc sóng xanh ngời."

Hai câu liễn sau (hậu đầu) nói lên công đức của tổ tiên:

"Phát huy tài đức vinh Tông Tộc

Bảo trọng tinh thần hiển Tử Tôn"

Ông Phan Sô dịch:

"Phát huy tài đức tông môn càng rạng rỡ,

Gìn giữ tinh thần con cháu được vẻ vang"

Sau khi dự toán, lên bản chiết tính từng hạng mục, Ban xây dựng gọi thầu và ký kết hợp đồng thi công.

✓ Chỉ huy công trình: Phan Nam, Phan Long, Phan Văn Thê

✓ Giám sát kỹ thuật: Kỹ sư XD Phan Nhật Trung.

✓ Giám sát thi công: Phan Tài, Phan On, Phan Chín

Hưởng ứng thư kêu gọi của Tộc ngày 27.12.2002, con cháu trong tộc, kể ít người nhiều, đã tự nguyện đóng góp tại địa phương nơi mình đang cư trú hoặc tại Đà Nẵng hay Bảo An (tính đến ngày 30.8.2003):

- Đà Nẵng: 70.040.000 đồng

- Tp. HCM: (do Phan Chính chuyển về)

Lần 1: 25.000.000 đồng

Lần 2: 10.000.000 đồng

- Tại Bảo An: 1.930.000 đồng

- Tại Lễ Khánh thành: 4.780.000 đồng

- Hà Nội & Các nơi khác: 14.040.000 đồng

- Tổng Thu: 125.790.000 đồng

- Chi : - Làm Mộ : 111.698.000 đồng

- Sửa Nhà bếp : 20.332.000 đồng

- Tổng Chi : 132.030.000 đồng

Công trình được khởi công ngày 15.5.2003 đến ngày 17.8.2003 thì hoàn thành. Lễ khánh thành được tổ chức trọng thể, khách mời tham dự gồm có chính quyền các cấp, các đoàn thể địa phương, các tộc bạn và con cháu từ khắp nơi, trong cũng như ngoài nước về tham dự trong niềm hân hoan vô hạn.

vvvvvvv

*** XÂY LẠI 30 NGÔI MỘ VÔ DANH**

Năm 1977, khi di dời toàn bộ phần mộ Ngải Tiên Hiền và 5 ông bà Tổ Phái, các vị trong tộc ở Bảo An đã di dời luôn 30 ngôi mộ không còn bia mộ, nhưng biết chắc chắn là của con cháu tộc Phan, qua Duy Châu cải táng trên một khu đất nằm trước khu mộ Tiên Hiền. Từ năm 1977 - 2003, đây là những ngôi mộ bằng đất. Năm 2003, nhân dịp trùng tu Khu mộ Tiên Hiền, được sự hỗ trợ tài chánh của con cháu ông Phan Xuân Cáo, tộc đã đứng ra xây lại các ngôi mộ này bằng gạch, ximent và dựng một tấm bia chung trước khu mộ. Tộc đã cho gọi thầy và cử ông Phan Tài 13/5 đứng ra trông coi trong suốt thời gian thi công.

Đây là một việc làm được mọi người vô cùng quý trọng, vì biết đâu trong số các ngôi mộ đó có mộ của ông bà, cha mẹ mình, mà một số người đã không tìm lại được sau chiến tranh, sau khi qui hoạch phải di dời mồ mã.

vvvvvv

✓ XÂY DỰNG KHU NHÀ BẾP

Sau khi nâng cấp và tôn tạo Khu mộ Tiền Hiền, Ban xây dựng tiếp tục xây dựng và sửa chữa toàn bộ khu nhà bếp theo bản vẽ thiết kế đã đề ra gồm 2 phòng:

- Tháo dỡ mái tôle cũ, vì kèo gỗ - Đập bỏ 1 bức tường đầu nhà - Xây tường đá hộc bó móng - Đắp nền đất 2 diện tích 22 m³75 - Thay xà gỗ và vì kèo bằng thép - Thay toàn bộ 95 m² tôle - Xây tường bao che 45m² - Làm đường, tráng xi ment từ cổng vào 20m x 1,2m - Xây cấp 3 bậc - Lát lại bếp bằng gạch hoa, xây tủ để thức ăn ốp gạch men trắng - Quét lại vôi toàn bộ khu nhà bếp - Đào và xây 1 hầm rút. - Đúc hiên trước, trở cửa ra vào và các cửa sổ hợp lý tránh khói bay vào Hậu tẩm và Tiền đường.

Phòng thứ nhất xây các kệ ốp gạch men trắng để chén bát và dụng cụ nấu nướng vừa gọn gàng vừa sạch sẽ và 1 bàn dài để thức ăn. Phòng bên cạnh để bàn ghế và các vật dụng linh tinh phục vụ cho việc nấu nướng.

Trong nguồn kinh phí dự trù ban đầu từ 28 đến 30 triệu đồng chỉ đủ để thực hiện các công trình nói trên. Thế theo nhu cầu thực tế, còn có nhiều công trình phụ khác phía sau nhà bếp như: tráng xi ment toàn bộ phía sau từ Nhà từ, Hậu tẩm cho đến hết phía sau nhà bếp để chế biến thức ăn sạch sẽ, xây bể chứa nước, bắt ống dẫn nước, vòi rửa, nhà tiểu tiện, lợp tôle bên trên để tránh mưa nắng trong khi chế biến thức ăn, nhưng chưa có kinh phí để thực hiện.

Qua chuyến đi công tác cứu trợ ở miền Trung, thầy Thượng tọa Thích Hạnh Thu (tức ông Phan Minh 3/14) và các tăng ni Phật tử chùa Pháp Hoa Tp/HCM đến thắp hương tại nhà thờ tộc. Nhân đó, đoàn đã tặng cho tộc 500 kg gạo + 50 thùng mì ăn liền + 50 kg đường và 2,5 triệu tiền mặt để làm quà cho bà con thân tộc ở Bảo An. HĐGT mời đại diện bà con 5 Phái trao đổi thống nhất, xin ý kiến của sư Thích Hạnh Thu sử dụng nguồn kinh phí này để thực hiện các công trình nói trên nhưng chưa có kinh phí. Được sự chấp thuận của ông, và được sự nhất trí của bà con trong tộc tại Bảo An, HĐGT đã sử dụng số tiền nói trên cho các công trình phụ của nhà bếp. Năm 2006, thầy Thích Hạnh Thu và các ông Phan Văn Thích 3/14, Phan Văn An 3/14 (cùng đời ông nội với Thầy) đã chứng kiến thực tế việc làm của HĐGT, ông rất phấn khởi và tặng thêm 5

triệu đồng để tráng ciment thay cho các lối đi bằng đất giữa khu Nhà Từ và Nhà Thờ, phía trước nhà thờ nối với đường bê tông. Quét vôi lại Tiền Đường, Nhà Từ, tường rào, cổng ngõ và sơn lại tất cả các cửa sắt với tổng kinh phí 9.832.000đ.

Hiện nay ta thấy có bảng đá ghi công đức của sư Thích Hạnh Thu và tăng ni Phật tử chùa Pháp Hoa, Tp/HCM tại chân công trình nói trên.

Riêng bờ rào phía đông do bà Đỗ Thị Nại (bà Phan Lý 4/15) và các con hỗ trợ kinh phí.

Ngoài ra các bà, các cô trong tộc còn cung cấp bàn ghế, chén bát, muống dừa để nấu nướng, dọn ăn trong các buổi tế lễ, thay cho chén bát đĩa đã cũ từ năm 1990.

Cho đến nay, trong ác dự án xây dựng, chỉ còn một dự án chưa thực hiện được là thành lập **PHÒNG TRUYỀN THỐNG** để bảo tồn những tư liệu quý giá, trưng bày các thành quả nối tiếp từ đời này qua đời khác của tộc ta từ trước đến nay, từ mặt vật chất cho đến tinh thần.

DỰ ÁN:

Dùng phòng sẵn có trước Nhà từ có kích thước 4m x 5m và sân trước của phòng này 4m x 5m. Tổng cộng 40m².

a/ Phòng Truyền thống:

- Đóng trần bằng nhựa, làm cửa hông ngăn cách với phòng sau, lát gạch men nền.

- Đóng một tủ sách 1,10m x 0,6m cao 2,20 m bằng gỗ hoặc khung nhôm, cửa kính gồm 4 tầng, tầng dưới đóng kín mặt

- 1 kệ gỗ, trám kín cửa sổ ngăn cách giữa 2 phòng, 1 quạt trần, 1 bộ bàn dài để đọc sách + 10 ghế

- Khắc hình và lý lịch tóm tắt các nhà cách mạng yêu nước của tộc ta vào đá hoa

b/ Sân trước:

- Nhà vòm khung sắt, lợp tôle hết mặt tiền của Nhà từ.

- Lát gạch men nền, 2 băng ghế đá mài

Tổng kinh phí dự trù 20.000.000 đồng

vvvvvvvv

CHƯƠNG HAI: CÁC SINH HOẠT CỦA TỘC HỌ

❖ LẬP PHỔ HỆ

Nhờ có Phổ Hệ con cháu đời sau biết rõ được nguồn gốc của mình, không bị thất truyền. Tộc ta, cũng như các tộc khác đều có Phổ Hệ. Trải qua trên 500 năm lịch sử của Dòng Tộc, Tộc ta đã nhiều lần lập Phổ Hệ và lưu lại cho đến ngày nay :

- Lần thứ Nhất:

Do Ông Phan Long Lân, Phái 5 Đời thứ 4 lập từ Đời Thứ 1 - Đời Thứ 4.

- Lần thứ Nhì:

Năm 1634, năm Đức Long thứ 6, do 2 ông Phan Văn Du và ông Phan Ngọc Điện, Phái 5 Đời thứ 6 lập.

- Lần thứ Ba:

Năm 1810, năm Canh Ngọ, Gia Long thứ 9, do ông Phan Nhơn Tá, Phái 5 đời thứ 9 lập Phổ Hệ Tự Tự. Trong Phổ Hệ Tự Tự, ông Nhơn Tá đã viết " Năm Đức Long thứ 6, ông Phan văn Du, phái 5 đời thứ 6, bảo em cùng đời ông nội, là Phan Ngọc Điện chép lại sự tích tổ tông. Ông Điện dựa theo bốn cũ chép ra, dâng lên Ngài xem. Sau đó Ngài giao cho ông Tổ ta cất giữ... Qua cứ liệu này, chữ " bốn cũ " cho thấy Tộc ta đã có Phổ Hệ từ trước, do ông Phan Long Lân lập - Ông Long Lân là nội tổ của ông Du và ông Điện.

- Lần thứ Tư:

Do ông Phan văn Nghi, Phái 1 đời thứ 9 và con là Phan văn Sỹ cùng viết " Thủy Tu Phổ Hệ Phan Tộc ".

- Lần thứ Năm:

Năm 1856 Bính Thìn, năm Tự Đức thứ 9, ông Phan Khắc Nhu 2/11 lập Phổ Hệ Nguyên Tự.. Trong lời mở đầu Phổ Hệ Nguyên Tự ông Phan Khắc Nhu đã viết " ... Năm Bính Dần triều Gia Long thứ 6, những bậc lương đồng cùng những người làm mọi nghề nghiệp trong Tộc đều được triệu tập, họp lại ghi chép rõ ràng những chưa đầy đủ... ". Ông Nhu đã dựa theo Phổ Hệ Bính Dần chép và bổ sung một số đời kế tiếp.

- Lần thứ Sáu:

Năm 1891 Tân Mão, năm Thành Thái thứ 3, ông Phan Trân 2/12 lập Phổ Hệ Tiểu Tự viết tiếp đến đời thứ 9.

Qua các tư liệu đã dẫn, chúng ta thấy từ Ngải Sơ Tổ và Ngải Thủy Tổ vào Nam lập nghiệp đến năm Tân Mão (1891), tộc ta đã 6 lần lập Phổ Hệ. Thời gian ngắn, dài tuy có khác nhau nhưng vẫn giữ được tính liên tục. Thế thứ các đời từ Ngải Sơ Tổ đến đời thứ 9 được ghi chép đầy đủ, không bị gián đoạn. Tất cả Phổ Hệ trước đây đều viết bằng chữ Hán. Phổ Hệ Tiểu Tự do ông Phan Trân lập năm 1891 là quyển cuối cùng còn lưu lại đến nay do ông Phan Nhơn 3/12 ở Gò Vấp, Tp. HCM cất giữ.

Năm 1988, ông Phan Minh Sô 4/13 xin thỉnh về Đà Nẵng phiên âm và dịch ra tiếng Việt. Theo thường lệ, cứ khoảng 30 năm người ta trùng tu phổ Hệ 1 lần. Không rõ tại sao, từ năm 1891 đến năm 1945, tộc ta không chép thêm vào Phổ Hệ các đời kế tiếp. Trong chiến tranh từ năm 1945-1975 bà con thân tộc ly tán, việc tục biên Phổ hệ bị gián đoạn là điều tất yếu. Khi nước nhà độc lập và thống nhất, con cháu tộc ta, chỉ một số ít trở về làng cũ, còn đa số định cư tại những nơi đã đến làm ăn sinh sống trước đây. Đà Nẵng, các huyện khác ở Quảng nam, Tp.HCM, Đà Lạt... là những nơi con cháu tộc ta sinh cư nhiều nhất.

Tình trạng chia cách này sẽ ảnh hưởng không tốt đến tình đoàn kết, tính thống nhất của dòng tộc. Bốn mươi năm sau nữa, con cháu chẳng còn biết gốc tích của mình ở đâu, mình là người thuộc họ Phan nào. Lập Phổ Hệ Tộc, do đó là việc làm hết sức bức thiết cần phải làm ngay. Hai đoạn mở đầu trong 2 bài tựa ghi dưới đây, chứng minh cho điều ấy:

- Phổ Hệ Nguyên Tự viết: " Phổ Hệ ghi chép sự tích làm rõ từ các đời vậy. Vì sự tích tiền nhân, thứ tự các đời không được lưu truyền lại thì thứ tự lớn nhỏ, cao thấp của đời sau mất đi, để lại cái tệ là không biết qui về đâu, làng nào, xã nào. Huống hồ công đức tổ tông trăm đời không đổi, do đó không thể không rõ ràng ...".

-Phổ Hệ Tiểu Tự viết: " Nước sông Hoàng Hà chia chảy nhiều giòng, nếu không tìm cội nguồn thì có thể xem cành lá sum sê của cây đồng trên núi Dịch Dương nước Sở và nước Việt như nhau. Để làm rõ điều đó phải có Phổ Hệ. Thật một ngày không thể không có vậy ..."

Đến nay tộc ta đã có con, cháu đến đời thứ 19 mà Phổ Hệ Tiểu Tự chỉ ghi chép đến đời thứ 9. Các đời từ thứ 10 về sau càng đông hơn, lại ở tản mạn khắp nơi. Nếu không kịp trùng tu Phổ Hệ thì hậu quả sẽ tai hại vô cùng, con cháu sẽ chia lìa, hậu thế thất truyền, không còn biết nguồn gốc, không còn tưởng nhớ đến công đức của tổ tiên.

- Lần thứ Bảy:

Năm 1994 Giáp Tuất. Ý thức được tầm quan trọng và sự cấp thiết của vấn đề, ông Phan Sô 4/13 và Phan đức Mỹ 3/14 đã đề xuất với tộc việc trùng tu Phổ Hệ nhân ngày Thanh Minh năm Tân Mùi (5.4.1991). Tộc hoan nghênh chủ trương này và đã ủy nhiệm cho 2 ông Sô và ông Mỹ lo việc tổ chức và nội dung buổi họp. Buổi họp đầu tiên được tổ chức tại nhà ông Phan Lắm 5/14, số 87 đường Lê Lợi Đà Nẵng, ngày 19.5.1991 (Mồng 6 tháng 4 năm Nhâm Thân), gồm Đại diện 5 Phái. Thật ngẫu nhiên và thật kỳ lạ, buổi họp tục biên Phổ Hệ lần này lại đúng vào năm thứ 100, năm ông Phan Trân viết Phổ Hệ Tiểu Tự năm Tân Mão (1891).

Lần trùng tu này, lấy Phổ Hệ năm 1891 làm cơ sở và chép tiếp từ đời thứ 10 đến đời thứ 13. Phổ Hệ viết bằng chữ quốc ngữ. Riêng tên các Ngài từ đời Sơ tổ đến đời thứ 10 âm thêm chữ Hán vì có một số chữ Hán, viết một chữ nhưng đọc nhiều âm khác nhau. Ví dụ : Chữ 分 đọc là Phân, Phận, Phần; Chữ 丑 đọc là Tản, Tiến v.v... Để bảo đảm cho việc lập Phổ Hệ đạt kết quả tốt phải có tổ chức và người chịu trách nhiệm. Tất cả bà con thân tộc các nơi có bốn phận tham gia, nhưng chịu trách nhiệm chính là các thân tộc ở Bảo an. Hội nghị nhất trí bầu một Ban lấy tên là: Ban Tục Biên (BTB) Phổ Hệ Phan Cả và cử các vị sau đây vào ban tục biên :

- | | | | |
|------------------------------|------------------|-------------------------|----------|
| - <i>Trưởng Ban</i> | : Phan Niên | 3/13 | Bảo An. |
| - <i>Phó Trưởng Ban</i> | : Phan Minh Sô | 4/13 | Đà Nẵng. |
| - <i>Phó Ban 2</i> | : Phan On | 5/14 | Bảo an. |
| - <i>Tổng Thư ký</i> | : Phan đức Mỹ | 3/14 | Đà Nẵng. |
| - <i>Ủy viên</i> | : Phan Hý | 3/13 | Đà Nẵng. |
| | : Phan Đức Thông | 3/14 | Bảo An. |
| | : Phan Trà | 4/14 | Bảo An. |
| | : Phan Lắm | 5/14 | Đà Nẵng. |
| | : Phan Tuấn | 1/15 | Đà Nẵng. |
| - <i>Cố vấn chung</i> | : Phan Mạch | 2/13 | Đà Nẵng. |
| - <i>Phụ trách tài chánh</i> | : Phan Nam | 2/15 | Đà Nẵng. |
| - <i>Các nơi khác</i> | : -Hà Lam | 1 Ủy viên | |
| | - Tp.HCM | 1 Phó Ban và 2 Ủy viên. | |

Ban tục biên bắt tay ngay vào công việc:

- Mỗi Phái cử người đi trực tiếp đến từng gia đình để ghi chép.
- Gửi thư ngỏ về việc tục biên Phổ hệ toàn tộc đi các nơi trong và ngoài tỉnh.

-Cử Phan Huỳnh Diệu và Phan Đức Mỹ đi Tp.HCM để trình bày việc tục biên và đồng thời xin cử người vào ban tục biên.

- Tham khảo một số Phổ hệ của các tộc khác, nghiên cứu và đối chiếu với Phổ hệ của tộc ta: Họ Nguyễn, Ngô, Phạm ở Bảo an, họ Trần Công ở Tư Phú, họ Nguyễn Đình, họ Trần ở Kỳ Lam, họ Đoàn ở Xuân Đài.

Sau 10 tháng - kể từ ngày thành lập Ban Tục Biên - đi sưu tra, nghiên cứu, góp nhặt tư liệu của bà con các nơi gửi về, Phan Đức Mỹ đã xây dựng một bản thảo ghi chép được khoảng 80% con cháu các đời kế tiếp của các vị Tổ đời thứ 9. Trong dịp Thanh minh năm Nhâm Thân (5.4.1992) Phan Đức Mỹ báo cáo kết quả và trình bày bản thảo trước đông đủ bà con về dự lễ tại nhà thờ Tộc ở Bảo an. Bản thảo được photocopy thành 4 bản gửi các nơi : Bảo an, Tp.HCM và Đà Lạt để bà con các nơi ấy bổ sung hoặc sửa chữa những sai sót. Năm 1992, sau khi nhận lại các bản thảo đã được bà con bổ sung và sửa chữa, Phan Đức Mỹ viết sạch lại và đóng thành một tập dày gần 500 trang. Phổ hệ gồm có: - Lời nói đầu - Tựa các Phổ hệ cũ (phiên âm và dịch ra tiếng Việt) - Thế thứ các đời từ đời thứ 1 đến đời thứ 13 - Phần phụ lục ghi bản tổng kết hoạt động của Ban Tục Biên (BTB) và những ý kiến đóng góp xây dựng Phổ hệ, Bản Cung Lục Thực Lục bằng chữ Hán.

Phổ hệ này được photocopy gửi Bảo an 1 bản, Đà Nẵng 1 bản, Tp.HCM 2 bản. Ban tục biên phân trách nhiệm trình bày nội dung Phổ hệ mới với bà con các nơi trong các buổi lễ tưởng niệm công đức tổ tiên. Suốt trong năm 1993, BTB không nhận thêm một ý kiến nào mới nữa của bà con các nơi. Nhận thấy, nếu có chờ đợi cũng chẳng được gì hơn, BTB đề nghị với tộc cho phát hành chính thức quyển Phổ hệ vừa được tục biên này. Tộc nhất trí.

Phan Huỳnh Diệu 2/14 viết lại bằng tay toàn bản Phổ hệ, trừ bản Cung Lục Thực Lục bằng chữ Hán. Phổ hệ đã được photo thành 9 tập, bìa cứng, chữ màu vàng gửi các nơi: - Bảo an 6 tập, Họ Cả 1 tập, mỗi Phái 1 tập - Đà Nẵng 1 tập - Tp.HCM 1 tập.

Sau khi phát hành Phổ hệ, tộc có thông báo cho bà con thân tộc biết: " Từ nay, nếu thấy Phổ hệ còn có gì sai sót, xin viết thư về cho tộc để bổ sung và sửa chữa trong lần tục biên sau này.

Trong buổi Lễ Thanh Minh năm Giáp Tuất (5.4.1994), trước đông đủ bà con khắp nơi trong nước về dự Lễ, ban Đại diện Tộc tuyên dương Ban Tục Biên Phổ Hệ đã hoàn thành tốt trọng trách của tộc giao. Tộc cũng đặc biệt ngợi khen các ông:

- Phan Đức Mỹ tức Nam Hà đã góp nhiều công sức trong suốt thời gian biên tập.

- Phan Huỳnh Điều đã bỏ rất nhiều công sức, ngồi ròng rã suốt 4 tháng trời để chép tay gần 500 trang (cổ giấy 21cm.27cm) của cuốn Phổ hệ.

Công lao của các vị trong ban Biên tập và một số đông các vị khác nữa, mà chúng tôi không có đủ điều kiện để nêu tên trong tập sách này, thật vô cùng quý giá và thật đáng trân trọng .

Ngoài các Phổ hệ Phan Cả, các Chi Phái đều có lập Phổ hệ riêng cho Chi Phái của mình. Đa số chưa được đầy đủ. Chỉ có Phổ hệ của Phái 2 là tương đối đầy đủ nhất:

*** PHỔ HỆ PHÁI NHÌ**

Ngoài các Phổ hệ Phan Cả, các Chi Phái đều có lập Phổ hệ riêng cho Chi Phái của mình. Phổ hệ của Phái 2 là tương đối đầy đủ nhất :

- **Phổ hệ Phái Nhì năm 1907** viết bằng chữ Hán do 2 Ông Phan Nghiên, và Phan Thúc Luyện đời thứ 12 lập .

- **Phổ hệ năm 1965** do ông Phan Xuân Cáo, Phan Quý Thuyền đời thứ 13 và ông Phan Bá Mạo đời thứ 14 phụng dịch từ chữ Hán ra tiếng Việt. Ông Phan Xuân Cáo viết lời tựa. Các ông tiếp tục sưu tầm, bổ túc, biên soạn lại và ấn hành vào năm 1971.

- **Phổ hệ năm 1998:** Ban Tục Biên gồm các ông :

Phan Mạch

Trưởng Ban

Phan Xuân Huy

Phó Trưởng Ban

Phan Long

Thư ký tổng hợp

Phan Chính, Phan Thóa, Phan Huỳnh Điều, Phan Bá Thôn : Ủy viên

Phan Nam : UV tài chánh.

Ban Tục biên đã làm việc cẩn thận và liên tục trong suốt 4 năm mới hoàn thành và ấn hành vào ngày 20 tháng 7 năm 1998 (Ngày giỗ Ngài Thế tổ Phái 2) năm Mậu Dần. Phổ hệ Phan Phái Nhì chẳng những ghi tất cả các con, dù trai hay gái, mà còn ghi cả các con cháu Ngoại nữa, một việc làm thật vô cùng khó khăn, mấy Tộc Phái nào đã làm được như vậy !

*** PHỔ HỆ PHÁI TƯ**

Từ trước đến nay, Phái Tư không lưu lại một dấu vết nào về Phổ Hệ Phái. Có chăng là chỉ có Phổ hệ riêng trong mỗi gia đình hay từng Chi, Nhánh. Năm 1997, Ban Biên Tập đã được thành lập gồm các ông:

- | | |
|--|--|
| - <i>Trưởng Ban</i> | Phan Sô, Đồi Thứ 13 |
| - <i>Phó trưởng ban</i> | Phan Hường, Đồi 14 |
| - <i>Thư ký & Vi tính</i> | Phan Văn Thê, Đồi 14 |
| - <i>Phụ trách tài chánh</i> | Phan Tấn Thiện, Đồi 13 |
| | Phan Văn Lâm, Đồi 14 |
| - <i>Ủy viên phụ trách tại Tp/HCM</i> | Phan Thành, Đồi 13 |
| | Phan Văn Mai, Đồi 14 |
| - <i>Ủy viên phụ trách tại Phan Rang</i> | Phan Văn Ngô, Đồi 13 |
| - <i>Ủy viên phụ trách tại Đà Lạt</i> | Phan Việt, Phan Cũng, Phan Tám, Đồi 14 |
| - <i>Ủy viên phụ trách tại Thăng Bình, Quảng Nam</i> | |
| | Phan Minh Đường, Đồi 14 |
| - <i>Ủy viên phụ trách tại Bảo An</i> | Phan Văn Định, Đồi 15 |

Phổ hệ được lập từ đời Ngài Thủy Tổ đến đời thứ 16 như sau:

- Từ đời thứ 1 - Đời thứ 11: Trích từ Phổ Hệ Phan Đại Tộc và bổ sung thêm.

- Từ đời thứ 12 - Đời thứ 16: Tự tìm tư liệu, ghi chép theo mẫu đã qui định gởi trước cho bà con. Phổ hệ ghi tất cả dù trai hay gái, gái chỉ ghi một đời, tên chồng và quê quán.

Sau hơn 3 năm làm việc cật lực với tinh thần trách nhiệm cao, sưu tra tư liệu cũ, gởi thư hoặc điện thoại cho bà con ở xa để xin tư liệu, liên hệ trực tiếp đến từng gia đình ... Ban Biên tập đã hoàn thành 2 lần bản thảo gởi bà con khắp

nơi đóng góp, bổ sung, sửa chữa và lên bản thảo hoàn chỉnh gồm 636 trang. Phổ hệ được ấn hành vào năm Canh Thìn 2000.

Hiện nay các Phái đều tiếp tục viết tiếp Phổ hệ đến đời thứ 19 - 20. **PHỔ HỆ PHÁI 3** hiện nay cũng đã sắp hoàn thành và đưa vào in ấn trong một ngày gần đây.

Trong các Phổ hệ từ trước đến nay chỉ ghi các đời con trai mà không ghi con gái. Tộc đã thống nhất và quyết định từ nay về sau sẽ ghi tất cả các con, dù trai hay gái. Gái chỉ ghi một đời, tên chồng và quê quán.

*** VIẾT SỬ TỘC**

Phụ trách biên soạn **PHAN TỘC KỶ YẾU** gồm có các ông Phan Minh Kế 3/13, Phan Sô 4/13, Phan Văn Thê 4/14, qua nhiều đóng góp ý kiến, cung cấp tư liệu, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp của một số đông thân tộc, từ tinh thần cho đến tài chánh. Suốt hơn 4 năm cố gắng làm việc cẩn thận, liên tục qua 2 lần bản thảo gửi HĐGT, Ban Trị tộc các nơi trong nước, các vị cao niên cao thế hằng quan tâm đến công việc tộc họ để góp ý kiến bổ sung và sửa chữa. **Được sự chấp thuận của Hội Đồng Gia Tộc**, tập sách PHAN TỘC KỶ YẾU (mà các bạn đang đọc) đã được Nhà XB Đà Nẵng ấn hành vào năm Nhâm Ngọ 2002. Rất tiếc vì nguồn tài chánh hạn hẹp nên sách chỉ in có 300 cuốn nên không đến tay đông đảo các thân tộc!

Năm 2008, sách được ông Phan Văn Thê 4/14 viết bổ sung các công việc của tộc họ từ năm 2000-2008. Để bảo quản lâu dài, di chuyển nhẹ nhàng, giá thành rất thấp, sách được copy ra đĩa CD gửi đăng trên website của tộc, gửi tặng các Ban Trị sự tộc ta các nơi trong nước và tộc Phan tại Hà Tĩnh. Quý thân tộc, ai ai cũng có thể đọc được toàn văn cuốn sách qua máy vi tính của mình, dù máy của bạn không cài font chữ Hán, các chữ Hán sẽ không bị nhiễu (bể font) vì đã được chụp hình.

VVVVVV

❖ LIỄN ĐỐI TREO TRONG NHÀ THỜ

Trước năm 1945, trong Nhà thờ tộc Phan có nhiều câu liễn đối viết bằng chữ Hán. Chữ khắc trên nền gỗ quý thiếp vàng. Nhưng qua chiến tranh, nhà thờ bị tàn phá hoàn toàn, các câu liễn đối cũng không còn nữa.

Sau khi hòa bình vẫn hồi, Nhà thờ Tộc được xây dựng lại. Tưởng nhớ công đức Tổ tiên, các câu liễn đối đều được phục chế. Bản gốc không còn, các vị cao niên cao thế trong tộc am hiểu chữ Hán cũng chẳng còn mấy người, lại sống tản mạn khắp nơi và chẳng có tài liệu nào ghi chép lại nguyên gốc. May thay, tộc ta có ông Cửu Điều 3/12 là người có nhiệt tâm, nhiệt tình với tộc họ đã ghi chép lại một số các câu liễn đối và lưu giữ một cách cẩn thận, dấu cho cuộc sống rày đây mai đó qua suốt những năm dài chiến tranh.

Tại Nhà Thờ Phan Cả ở Bảo An hiện nay có một số liễn mang nội dung:

- Ngợi ca sự nghiệp của Ngài Thủy Tổ khai sinh ra dòng họ.
- Nhắc nhở con cháu luôn nhớ công đức cao dày của Tổ tiên.

Liễn có ba loại: - Khảm chữ bằng mảnh sành sứ trên nền vôi.

- Khắc chữ trên nền gỗ quý và thiếp vàng.
- Khắc trên đá hoa Non Nước.

Chúng tôi chép lại toàn bộ các câu liễn đối và chữ trên các bức hoành hiện đang treo tại Nhà Thờ Phan Cả Bảo An.

- Phụng sao bằng chữ Hán và phiên âm tiếng Việt : Ông Phan Đức Mỹ 3/14.

- Thủ bút bằng chữ Hán trong tập sách này : Ông Phan Đức Mỹ. Và (Theo font chữ Hán Hanokey 1.0)

- Để hiểu rõ ý nghĩa của những câu liễn chữ Hán, chúng tôi có gửi thư cho một số thân tộc biết chữ Hán ở Tp.HCM, Đà Nẵng, Bảo An ... đề nghị tham gia dịch - theo thể đối - nhưng chỉ nhận được những lời dịch của các ông: Phan Hý 3/13, Phan Sô 4/13 và Phan Đức Mỹ. Chúng tôi không nhận xét hay dở và cũng không được phép chọn lựa, nên xin ghi lại nguyên văn những câu dịch của 3 dịch giả nói trên.

a/ Liễn trụ ngõ : Cẩn mảnh sành sứ trên nền vôi.

- **Câu liễn mặt chánh diện (Mặt trước) :**

溯南坳澗溯北滎陽花冑從來名四海
如石奠磐如瓜延福洪基終古屹中洲

Phiên Âm : " Tổ Nam Ao Giản tổ Bắc Vinh Dương ba trụ từng lai danh tử hải
Như thạch Điện Bàn như qua Diên Phước hồng cơ chung cổ ngật trung châu "

Lời dịch 1 : (Phan Hý) :

* Trông Nam Ao Giản trông Bắc Vinh Dương áo mào từ đây vang bốn biển
Như đá Điện Bàn như dưa Diên Phước nền cao bền vững dậy trung châu.

Lời dịch 2 : (Phan Sô)

* Trời Nam Ao Giản đất bắc Vinh Dương dòng dõi nối đời từ đây vang bốn biển
Đá cứng Điện Bàn, dưa dài Diên Phước cơ đồ bền vững muôn thưở ngất trung Châu.

Lời dịch 3 : (Phan Đức Mỹ)

* Nhớ quê Ao Giản nhớ gốc Vinh Dương con cháu từ đây vang bốn biển.
Như đá Điện Bàn như dưa Diên Phước nền cao bền vững giữa trung châu.

- **Câu liên mặt giao diện (mặt hông bên trong trụ ngõ) :**

隆友誼作民初在人耳目
服先疇植舊德浦我東西

Tác giả : Tú tài Phan Khôi 2/13.

Phiên âm : " Long hữu nghị tác dân sơ tại nhân nhĩ mục.

Phục tiên trù thực cật đức phổ ngã đông tây "

Lời dịch 1 : (Phan Hý)

Kết bạn bè dấy lập dân cùng người tai mắt
Về nếp xưa trông đức cũ mở lối đông tây.

Lời dịch 2 : (Phan Đức Mỹ)

Giàu tình bạn nặng nghĩa dân là người trí tuệ
Nhớ chí xưa trông ân đức mở rộng đông tây.

Lời dịch 3 : (Phan Sô)

Kết bằng hữu làm người dân đầu ai ai đều nghe thấy
Nói nghiệp xưa vun trồng nhân đức chốn chốn được thấm nhuần.

Trước năm 1945, hai câu liễn này viết bằng chữ Hán, được cẩn bằng mảnh sành sứ trên mặt trụ vôi. Năm 1989 khi tái lập nhà thờ, 2 câu liễn này được chuyển tự sang quốc ngữ và hoán vị nhau : câu ở chánh diện chuyển sang giao diện và ngược lại.

Để không hiểu sai ý nghĩa của câu liễn, vì chữ Hán có nhiều chữ đồng âm nhưng dị nghĩa. Nay nhiều thân tộc đề nghị nên khôi phục lại chữ Hán, vì chữ Hán có ưu điểm là chữ nào nghĩa ấy không thể hiểu khác được.

Đề nghị này đã được thực hiện và hoàn thành vào lễ Thanh Minh năm Kỷ Mão 1999. Mỗi chữ được khắc trên một miếng đá hoa Non Nước và cẩn vào trụ ngỗ, đúng vào vị trí cũ trước năm 1945.

b/ Liễn treo ở Tiền Đường : Cẩn mảnh sành sứ vào cột Tiền Đường.

• **Câu 1 :**

世 普 采 田 傳 北 地
將 門 令 宙 進 南 天

- *Tác giả :* Chưa rõ . Câu liễn này nguyên của Nhà Thờ Chi Phái Phan văn ở huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Nguyên tác như sau :

" Thế phổ thái điền truyền Bắc địa
Tướng môn lệnh trụ chấn Nam thiên

Phiên âm và lời dịch: Ông Phan Tương, tác giả cuốn sách " Họ Phan trong cộng đồng dân tộc"

" Dòng dõi Thái Điền truyền đất Bắc

Tướng môn vũ trụ dậy trời Nam "

Câu liên hiện treo ở Tiền đường tộc Phan Bảo An hiện nay là :

" Thế phổ Thái Diên truyền Bắc địa

Tướng môn lệnh trụ tấn Nam thiên "

Lời dịch 1: (Của ông Phan Hý)

* Nói tổ ruộng vườn truyền đất Bắc.

Theo vua áo mào tiến trời Nam.

Lời dịch 2 : (của ông Phan Đức Mỹ)

* Ân lộc thái diên truyền đất Bắc.

Lệnh vua cửa tướng đến trời Nam.

Lời dịch 3 : (Của ông Phan Sô)

* Dòng họ thái diên truyền đất Bắc.

Lệnh ban cửa tướng tiến trời Nam.

Câu 2 : (Cẩn mảnh sành sứ vào cột Tiền Đường)

歷代文章今自古
榮陽世系北如南

Tác giả : Phan Đức Mỹ.

Phiên âm :

* *Lịch đời văn chương kim tự cổ*

Vinh dương thế hệ Bắc như Nam.

Lời dịch 1 : (Của ông Phan Hý)

* Văn chương đời trải nay như trước

Thế hệ tộc truyền Bắc lẫn Nam.

Lời dịch 2 và 3 : (Của ông Phan Sô).

* Nói nghiệp văn chương nay như trước

Vinh dương phân hệ Bắc mà Nam.

* Văn chương nét đất bao đời trái

Nam Bắc Vinh dương vốn một dòng.

c/ Liễn treo ở Hậu Tẩm :

• **Câu 1 :** (Treo hai bên khám thờ Ngài Tiên Hiền). Chữ khắc trên nền gỗ quý thiếp vàng.

北地從王三夏銷
南天立社作民初

Phiên âm :

" Bắc địa từng vương tam kiệt hữu (Long 隆 Hữu 友 nghị 誼)

Nam thiên lập xã tác dân sơ "

Lời dịch : (Của ông Phan Sô).

* Đất Bắc theo vua nông nghĩa bạn.

Trời Nam lập xã ấy dân đầu.

* **Câu 2 :** Treo ở Chánh đường. Chữ khắc trên nền gỗ quý thiếp vàng.

尊祖千年功德其來遠矣
厚仁一脈子孫勿替引之

Tác giả : Chưa rõ. Câu liễn do hậu duệ Phái 1 phụng cúng.

Phiên âm : "Tôn tổ thiên niên công đức kỳ lai viễn hỷ

Hậu nhân nhất mạch tử tôn vật thế dân chi."

Lời dịch 1: (Của ông Phan Hý):

* Công đức cha ông nghìn năm lưu truyền mãi mãi.

Nhơn từ cháu con một mạch nối tiếp đời đời.

Lời dịch 2: (của ông Phan Sô):

* Công đức tổ tông nghìn năm vang xa mãi.

Nhân hậu một lòng con cháu nhớ đừng sai.

* **Câu 3 :** Treo ở chánh đường. Chữ khắc trên nền gỗ quý thiếp vàng.

功德大難名南土開基垂後裔
雲仍懷初自西流分水本同源

Tác giả : Chưa rõ. Câu liên do hậu duệ Phái 2 phụng cúng.

Phiên âm : " Công đức đại nan danh nam thổ khai cơ thùy hậu duệ

Vân nhừng hoài sơ tự tây lưu phân thủy bốn đồng nguyên.

Lời dịch 1 : (Của ông Phan Hý):

* Công đức lớn khôn nêu đất Nam mở nền lưu hậu duệ

Cháu con nay nhìn lại dòng Tây rẽ lối vốn đồng nguyên.

Lời dịch 2 : (Của ông Phan Sô):

* Công đức lớn khó nêu tên đất nam dựng nghiệp lưu con cháu

Hậu thế muôn đời nhớ cội dòng tây chia nước vốn cùng nguồn.

* **Câu 4 :** Treo ở Chánh đường. Chữ khắc trên nền gỗ quý thiếp vàng.

南土重來為國為民功莫大
蜂巢兆應而孫而子德綿長

Tác giả : Cử nhân Phan Đức Thạnh 3/12.

Câu liên do hậu duệ Phái Ba phụng cúng.

Phiên âm:

* Nam thổ trùng lai vị quốc vị dân công mạc đại.

Phong sào triệu ứng nhi tôn nhi tử đức miên trường.

Lời dịch 1 : (Của ông Phan Hý):

* Trở lại đất nam vì nước vì dân công quá lớn

Ong xây diêm tốt này con này cháu đức lâu dài.

Lời dịch 2 : (Của ông Phan Sô) :

* Đất nam trở về lo cho dân nước công to lớn.

Diêm lành ong báo hữu để cháu con đức lâu dài.

- **Câu 5 :** Treo ở Chánh đường. Chữ khắc trên nền gỗ quý thiếp vàng.

源遠琉長派脈江頭千載下
根深葉茂桂蘭階下四時春

Tác giả : Chưa rõ . Câu liên do hậu duệ Phái Tư phụng cúng.

Phiên âm :

* *Nguyên viễn lưu trường phái mạch giang đầu thiên tải hạ*

Căn thâm diệp mậu quế lan giai hạ tứ thời xuân.

Lời dịch 1 : (Của ông Phan Hý) :

* Nguồn xưa dòng chảy mạch nước đầu sông nghìn năm nồng khí hạ

Lá thắm rể bền quế lan tiếp cội bốn tiết ấm trời xuân.

Lời dịch 2 : (Của ông Phan Sô) :

* Nguồn xưa tuôn xuống nhánh mạch đầu sông nghìn năm xuôi dòng chảy

Lá tốt rể sâu lan quế trước thềm bốn tiết đậm màu xanh.

Chữ **Tải hạ :** (載下) viết theo liên phục chế hiện có ở Nhà thờ.

Ông Hý dịch chữ Hạ (夏) là mùa Hạ theo chữ sao trong Phổ hệ Phan Cặp. Ông Sô dịch chữ Hạ (下) là dưới theo liên phục chế ở nhà thờ. Chữ **Thiên tải hạ** (千載下, 夏) có nhiều ý kiến khác nhau, nhưng tôn trọng chữ của câu liên phục chế, chúng tôi viết đúng Hạ là dưới. Chữ **Giai hạ** (偕下) ở vế 2, có nghĩa là đều khắp. Ông Sô đề nghị sửa lại chữ (階下) có nghĩa là dưới thềm. Viết **giai hạ** như thế này mới đúng nghĩa và đối được với **Giang đầu** ở vế 1.

* **Câu 6 :** Treo ở Chánh đường. Chữ khắc trên nền gỗ quý thiếp vàng.

飴缺孫謀締造丕基垂不拔 克成先志光輝世德永流芳

Tác giả : Chưa rõ . Câu liễn do hậu duệ Phái Năm phụng cúng.

Phiên âm : Di khuyết tôn mưu đế tạo phi cơ thùy bất bạt.

Khắc thành tiên chí quang huy thế đức vĩnh lưu phương.

Lời dịch 1 : (Của ông Phan Hý):

* Báu để cháu con nối dõi nền móng tốt tươi đâu dám đổi

Chí xưa dòng giống rạng ngời đức đời bền vững mãi thơm danh.

Lời dịch 2 : (Của ông Phan Sô)

* Mưu để cháu con, đắp xây nghiệp lớn nghìn sau không chuyển đổi

Đạt thành chí cả công đức sáng ngời muôn thưở mãi thơm danh.

* **Câu 7 :** Treo ở phía hữu Chánh Đường.

北 望 鴻 山 遺 俚 念 南 佔 秋 水 想 思 懷

Câu liễn được khắc trên một phiến đá cẩm thạch. Giữa hai câu liễn là một bức tranh, chạm cảnh núi Hồng Lĩnh, đồng ruộng và Nhà Thờ. Toàn cảnh biểu trưng nơi phát tích của Tổ tiên hai Phái Phan Xá và Bảo An.

Câu liễn của Tộc Phan Phan Xá , Xuân Mỹ, Nghi Xuân, Hà Tĩnh phụng cúng trong dịp Lễ Khánh Thành Tiền Đường - Thanh Minh năm Đinh Sửu 1997. Đoàn gồm 4 người do ông Phan Tấn làm trưởng đoàn từ Hà Tĩnh vào dự Lễ và trao câu liễn.

Tác giả: Phái Tộc Phan Phan Xá gửi vào 3 câu liễn, đề nghị Phái tộc Phan Bảo An xem góp ý và hồi âm để tộc Phan Phan Xá tiến hành khắc. Sau khi tham khảo ý kiến các thân tộc cao niên, Tộc Phan Bảo An chọn câu 3 như sau :

"Phước lưu Hồng Lĩnh di tư niệm

Đức diển Thu giang tưởng vọng hoài."

Chữ **Đức diển** thay cho chữ **Ân chí** theo nguyên tác trong câu liễn do tộc Phan Phan Xá gởi vào.

Những vì đường sá xa xôi, liên lạc chậm trễ nên tộc Phan Phan Xá khắc câu:

" Bắc vọng Hồng Sơn di tưởng niệm

Nam chiêm Thu thủy ngưỡng tư hoài ".

Lời dịch 1: (Của ông Phan Hý):

* Trông Bắc Hồng Sơn lòng tưởng niệm

Nhìn Nam Thu thủy chạnh tơ vương.

Lời dịch 2: (Của ông Phan Sô):

* Trông về Bắc, non Hồng Lĩnh khơi niềm tưởng nhớ

Hướng về Nam, nước Thu Bồn gợi nỗi cảm hoài.

- **Câu 8 :** Treo ở phía tả Chánh đường.

保 重 先 恩 年 月 皓
安 平 正 局 古 今 香

Tác giả : Phan Đức Mỹ

Câu liễn được khắc, chạm trở hoa văn trên bảng đá Non Nước, có biểu tượng lư hương và 5 cây hương đang tỏa khói; của Bà con tộc Phan Bản An đang sinh sống tại Tp.HCM phụng cúng. Ông Phan văn Thóa 2/14 lo nội dung câu liễn, xin ý kiến tộc và xuất kinh phí. (Trích trong tập Liễn Từ Đường Phan Tộc của ông Phan Đức Mỹ).

Phiên âm: " *Bảo trọng tiên ân niên nguyệt hạo*

An bình chính cuộc cổ kim hương ".

Lời dịch 1: (Của ông Phan Hý):

* Gìn giữ ơn xưa ngày tiếp tháng

Lừng danh chánh cuộc trước cùng sau.

Lời dịch 2: (Của ông Phan Sô):

* Ôn Tổ gìn lòng thảng năm rực sáng

Chánh cuộc yên bình nay trước ngát hương.

d/ Các bức hoành:

Treo tại Tiền đường. Chữ khắc trên bảng gỗ quý hình chữ nhật, khung gỗ chung quanh có chạm trổ hoa văn, chữ thiếp vàng, do con cháu Nội Ngoại cư trú tại các tỉnh phía Nam phụng cúng.

飲 何 思 源

Phiên âm : " Ẩm hà tứ nguyên ".

Có nghĩa là : " Uống nước nhớ nguồn ".

Ngoài các câu liễn đối và các bức hoành treo tại Nhà Thờ Phan Cả ở Bảo An, còn có các câu sau đây :

- Treo tại Từ Đường Nhà thờ tộc Phan Bảo An tại Bình Triệu Tp.HCM. Chữ khắc trên bảng gỗ quý hình chữ nhật, khung gỗ chung quanh có chạm trổ hoa văn, chữ thiếp vàng.

潘 堂 滋 一 統

Bức hoành của bốn Tộc Phan Cả Bảo An đạo hạ.

Tác giả : Phan Đức Mỹ chọn và được sự đồng ý của các vị Trưởng tộc và Đại diện 5 Phái.

Tộc cử ông Phan Sô 4/13 trực tiếp vào Nhà thờ Bình Triệu Tp.HCM, dự Lễ khánh thành Nhà thờ và trao bức hoành.

Phiên âm: " Phan đường tư nhất thống "

Có nghĩa là: " Thêm Nhà thờ nhưng cùng thờ một Tổ ".

- Câu liễn đối của Tộc Phan Bảo An phụng cúng tại Từ đường Tộc Phan Phan Xá xã Xuân Mỹ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh nhân ngày Giỗ Tổ 15

tháng Giêng Giáp Tuất 1994. Câu liễn được khắc trên đá Non Nước có chạm trổ hoa văn và biểu tượng lư hương.

Tộc Phan Bảo An cử đoàn Đại diện gồm 9 thành viên đại diện cho 3 nơi : Bảo An, Tp.HCM, Đà Nẵng ra Hà Tĩnh dự Lễ Giỗ và trao câu liễn như sau :

潘 舍 原 前 心 望 想
保 安 奕 候 志 嚴 恭

Tác giả : Phan Đức Mỹ viết bản thảo và tham khảo ý kiến của 3 Ông Phan Bá Ích, Phan Hý, Phan Sô trước khi trình Tộc duyệt và quyết định.

Phiên âm: " *Phan Xá Nguyên Tiền Tâm Vọng Tưởng*
Bảo An dịch hậu chí nghiêm cung ".

Lời dịch 1&2: (Của ông Phan Sô):

- * Phan Xá đầu nguồn hăng tưởng vọng
Bảo An chung gốc mãi kính tôn.
- * Nghìn xưa Phan Xá lòng mong tưởng
Muôn thưở Bảo An dạ kính cung.

- Câu đối ghi trong PHỔ HỆ năm 1994, phần " Tìm về cội nguồn dòng tộc ":

人生懷所本還生
別祖連恩而奉祖

Tác giả : Phan Đức Mỹ.

Phiên âm : " *Nhân sanh hoài sở bản hoàn sanh*

Biệt Tổ liên tư nhi phụng Tổ ".

Lời dịch 1: (Của Phan Đức Mỹ):

- * Người sanh phải nhớ gốc mình sanh
Chia tổ luôn chăm lo thờ phụng Tổ.

Lời dịch 2 & 3: (Của ông Phan Sô):

- * Là người luôn nhớ gốc mình sinh
Chia tổ chăm lo thờ phụng Tổ.
- * Nhớ gốc mình sanh là bốn phận.
Phụng thờ Tiên Tổ dầu chia dòng.

- CÁC BỨC HOÀNH TREO TẠI TIỀN ĐƯỜNG :

Chữ khắc trên bảng gỗ quý hình chữ nhật, khung gỗ chung quanh chạm trổ hoa văn, chữ thếp vàng, do con cháu Nội Ngoại cư trú tại các tỉnh phía Nam phụng cúng, có nội dung : " Âm hà tư nguyên "

Các bàn thờ trong hậu tẩm xây bằng gạch & xi ment, nước vôi quét bên ngoài lâu ngày phai màu, các tiết hoạ hoa văn đã loan lổ, ông Phan Minh 4/14 (Nhà may Bảo Toàn ở Tam Kỳ), đã trình với tộc cho ông được thuê thợ sơn sửa lại, đẹp dễ sáng sửa hơn, trang trọng hơn. Nhân đó ông phụng cúng một bức hoành bằng gỗ quý, sơn son thếp vàng 4 chữ **TỬ ĐƯỜNG PHAN TỘC**. Ông Phan Sô 4/13 phụng cúng một bức hoành bằng gỗ quý ghi 4 chữ thếp vàng **NAM THIÊN VỌNG TỘC**, treo phía tả Tiền Đường.

Nhân dịp từ Úc về thăm quê hương, ông Phan Bá Sanh 2/15 đã trình với tộc cho ông thuê thợ làm lại 7 bài vị Ông Bà Ngai Tiền Hiền và năm vị Thế tổ 5 Phái. Ông giao cho con là Phan Bá Hưng liên hệ với tộc để thực hiện 7 bài vị nói trên. Thế theo nhu cầu thực tế, ông còn thuê thợ đóng 1 tủ gương để sách vở, tài liệu và 2 tấm bảng để trình bày tranh ảnh, trang trí... trong những ngày lễ hội ở Tiền Đường. Ông Phan Hiến 2/16, hiện đang công tác tại Đắc Lắc, cúng một bộ bàn, 10 ghế để tiếp khách tại Tiền Đường.

- Ngoài ra còn có 6 khuôn hình các nhà Cách mạng, Nhà văn, Nhà báo trong tộc: Ô.Ô. Phan Thành Tài, Phan Thanh, Phan Bôi, Phan Khôi, Phan Triêm và Phan Thao được trình trọng treo phía hữu Tử đường, như những tấm gương sáng ngời vì dân, vì nước cho các thế hệ con cháu noi theo.

❖ CON CHÁU TỘC PHAN ĐỊNH CƯ CÁC NƠI

Suốt theo chiều dài lịch sử của đất nước, một số con cháu tộc Phan Bảo An đã rời làng quê đến định cư khắp nơi trên đất nước Việt Nam và nước ngoài.

Trước năm 1945 vài ba trăm năm, nhiều người ra làm quan, trấn nhậm tại một địa phương và đưa gia đình vợ con đến định cư luôn ở nơi đó. Một số khác lấy vợ và ở luôn lập nghiệp nơi quê vợ. Sau ngày toàn quốc kháng chiến 19.12.1946, con cháu trong tộc hoặc tham gia kháng chiến hoặc chạy tản cư đến các địa phương khác làm ăn sinh sống.

*** Hà Nội:** Năm 1954, nhiều con cháu trong tộc là cán bộ, quân đội, sinh viên học sinh tập kết ra Bắc tiếp tục công tác hay học tập rồi định cư luôn tại miền Bắc. Nhiều nhất là ở Hà Nội có khoảng 30 hộ, đa số là cán bộ, công nhân viên chức Nhà Nước, Quân đội và hưu trí.

*** Thừa Thiên Huế:**

Khởi tổ là Ngài Phan Văn Lắm, Đời thứ 10, Chi Ba, Phái Tư đến đây lập nghiệp khoảng 200 năm. Nay đã có con cháu đến đời thứ 16. Ở Vân Dương có 10 hộ, ở Huế có 2 hộ. Họ đã liên hệ tìm về cội nguồn của dòng tộc. Năm 1997, con cháu chi nhánh tộc Phan ở Vân dương, Vân Thê, huyện Hương Thủy đã cử một phái đoàn về Bảo An dự Lễ Thanh Minh do ông Phan Từ làm trưởng đoàn.

Tại Hương Trà, Thừa thiên có con cháu của Ngài Phan văn Du 6/5, Đặc Tấn Phụ Quốc Thượng Tướng Quân Toàn Đức Hầu. Không rõ họ có còn ở đó hay đã đi nơi khác trong lúc chiến tranh.

*** Thành phố HCM:**

Đa số đến định cư vào những năm 1954 -1964 - 1975. Đây là thành phố có số bà con tộc Phan Bảo An đến định cư đông nhất gồm 548 hộ. Phái Nhất : 9 hộ - Phái Nhì : 235 hộ - Phái Ba : 145 hộ - Phái Tư : 87 hộ - Phái Năm : 72 hộ. Đa số là CB/CNVC Nhà Nước, làm nghề dệt và buôn bán. Bà con đã thành lập HĐGT gồm có các ông :

Tri Tộc	: Ô. Phan Nhật Sanh	5/13
Phó Tri Tộc	: Ô. Phan Minh Kế	3/13
Tư Lễ	: Ô. Phan Mười	3/13
Thư ký	: Ô. Phan Chính	2/14
Thủ quỹ	: Ô. Phan Thóa	2/14
Đại diện Phái Nhất	: Ô. Phan Long	1/15
- Nhì	: Ô. Phan Xuân Huy	2/14
- Ba	: Ô. Phan Quang Thanh	3/13
- Tư	: Ô. Phan văn Mai	4/13
- Năm	: Ô. Phan Năm	5/13
Cố vấn :	- Ô. Phan Kinh	3/13
	- Ô. Phan Thành	4/13
	- Ô. Phan Mua	5/13

Đây là nơi sinh hoạt về Tộc Họ có nề nếp và có tổ chức :

*** Xây dựng nhà thờ:** Năm 1992 Xây Dựng Nhà Thờ Tại 23A/1 Ấp Bình Triệu, xã Hiệp Bình Chánh, QL 13, Quận Thủ Đức, khánh thành trong dịp Lễ Thanh Minh ngày 4.4.1993 (13.3 năm Quý Dậu).

*** Tổ chức Lễ tưởng niệm công đức của tổ tiên:** Hằng năm tổ chức Lễ Thanh Minh, giỗ Tổ Tiên Hiền và các Ngài Tổ Phái tại Nhà thờ, trước là để

tưởng niệm công đức của Tổ tiên, sau là tạo điều kiện cho con cháu gặp gỡ nhau nhằm thắt chặt tình đoàn kết gia tộc nơi đất khách quê người. Các ngày Lễ Giỗ được tổ chức rất trọng thể theo nghi thức cổ truyền của gia tộc, con cháu đến tham dự rất đông.

*** Lập Hội Khuyến học :** Hưởng ứng cuộc vận động xây dựng Hội Khuyến học Tộc Phan , ban Tri sự tộc Phan tại Tp.HCM đã thành lập Phân Chi Hội Khuyến học vào ngày 15.11.1998.

Ban thường vụ gồm có các ông:

- Trưởng ban : Phan Nhẫn
- Phó ban : Phan Minh Tâm, Phan Xuân Huy, Phan Chính, Phan Đức Bình

- Thư ký : Phan Bá Lương
- Kế toán : Phan Tân Minh
- Thủ quỹ : Bà Phan Thị Kim

Ban Khuyến học có quỹ tài chánh riêng để phục vụ cho công tác khuyến học gồm có :

- Do tộc Phan Bảo An tại Tp.HCM cấp hằng năm .
- Do các mạnh thường quân và bà con trong tộc, trong cũng như ngoài nước, tự nguyện đóng góp.

Mục tiêu chính của Hội Khuyến học là nhằm tạo điều kiện giúp đỡ cho con cháu tộc Phan hiếu học trong các gia đình khó khăn tại quê nhà Bảo An cũng như tại Tp.HCM.

Ngoài các sinh hoạt tại địa phương, bà con thân tộc ở Tp.HCM còn tích cực tham gia xây dựng Tộc Họ ở Bảo An cả vật chất lẫn tinh thần. Dù sống nơi xa xôi cách trở, những hằng năm vào dịp Thanh Minh, nhiều bà con vẫn về Bảo An dự Lễ Thanh Minh và dâng hương tại khu mộ Tiên Hiên ở xã Duy Châu, huyện Duy Xuyên.

Những người hoạt động thường xuyên và trực tiếp gồm có các ông Trưởng tộc, Đại diện 5 Phái nói trên và các ông Phan Kinh 3/12 - Phan Mười 3/13 - Phan Mua 5/13 - Phan Nhi và Phan Liễu 3/14 (trước khi đi Canada) - Phan Thóa 2/14 và Phan Chính 2/14 ...

• **Lâm đồng, Đà Lạt:**

Gồm trên 170 hộ. Bà con đa số chủ yếu sống về nghề làm rau, làm vườn, buôn bán và CB/CNVC Nhà Nước.

Họ cũng đã thành lập HĐGT và sinh hoạt về tộc họ thường xuyên. Từ ngày chưa xây dựng được nhà thờ, hằng năm bà con đã tổ chức Lễ Thanh Minh và các ngày giỗ Tổ tiên, tạm thời tại nhà ông Phan Việt đường Phù Đồng Thiên Vương, khu chợ rau Đa thiện Đà Lạt. Sau một thời gian dài vận động của Ban Tri Tộc, các con cháu nội ngoại đang sinh sống tại Lâm Đồng đã tự nguyện đóng góp để xây dựng nhà thờ. Trước là có nơi thờ phụng tổ tiên, sau để con cháu có dịp gặp mặt nhau, thắt chặt thêm tình gia tộc nơi đất khách quê người.

*** Nước ngoài:** Sau năm 1975, một số bà con tộc ta đã định cư tại nước ngoài theo diện ODP, HO hoặc đi du học. Chúng tôi đã tìm biết được một số bà con thường hay liên hệ với Tộc Họ ở quê nhà như sau :

- **Ở Hoa kỳ:** Bà Phan thị Kế (bà trợ Bạc) 2/13 - Phan Thị Thiết 4/13 - Phan Bá Phụng 2/14 - Phan Minh Lộc 3/14 - Phan Mạnh Lương 2/14 - Phan Văn Minh 4/14 - Phan Đức Bảo 4/14 - Phan Dư Bách 4/14 - Phan Văn Phải 2/14 - Phan Thị Bích Hà 4/14 - Phan Phong 2/14 (Minnesota) - Phan (Nguyễn) Phải 2/14, Anh Nguyễn 2/15 ...

- **Ở Canada:** Phan văn Huy 3/13, Phan Văn Hoa 3/13, Phan Nhi 3/14 - Phan Liễu 3/14.

- **Ở Australia:** Phan Long 4/14 - Phan Minh Trí 5/14.

- **Ở Pháp :** Phan Thuyết 2/14 - Phan Xuân Hổ 2/14 - Phan Xuân Dũng 2/14 - Phan Hoàng Định 2/15...

Còn một số đông bà con ở nước ngoài nhưng chúng tôi chưa sưu tầm được.

T *** QUẢNG NAM:**

- **Bảo An:** Năm 1965 chiến tranh ác liệt đã xảy ra, làng quê Bảo An cũng như khu Gò Nổi bị cày ủi biến thành một vùng đất trắng. Câu: " Nhất Củ Chi nhì Gò Nổi " nói lên sự tàn phá ghê gớm của bom đạn giặc và lòng yêu nước, dũng cảm hy sinh, kiên quyết chống lại quân thù ở nơi này. Một số ít bám trụ ở lại làng Bảo An, còn tất cả chạy tản cư lánh nạn khắp các nơi, nhiều nhất là ở Tp.HCM và Đà Nẵng.

Năm 1975, sau ngày đất nước hòa bình, thống nhất và độc lập, một số trở về làng cũ sống trên mảnh đất mà Tổ tiên đã dày công xây dựng. Hiện nay ở Bảo An có 167 hộ, đa số sống về nông nghiệp và buôn bán nhỏ.

Phần đông con cháu trong tộc đã ổn định cuộc sống nên định cư luôn tại các địa phương khác không trở về làng quê nữa như :

Ngoài việc tìm về cội nguồn của dòng tộc ở Nghi Xuân, Hà Tĩnh, chúng ta không thể nào không ghi lại việc con cháu trong tộc ở mọi miền đất nước đã tìm về quê tổ ở Bảo An.

Trước năm 1945, nhiều Chi Phái con cháu tộc ta dù sinh sống xa quê vẫn luôn về quê nội Bảo An trong các ngày Lễ Thanh Minh, giỗ tổ Tiên Hiền và các Ngải Tổ Phái. Qua một thời gian dài gián đoạn vì chiến tranh, sau năm 1975, các thế hệ kế thừa lại tiếp bước các thế hệ đi trước về Bảo An, như ông cha ta đã từng làm. Dù xa quê hương, xa nơi chôn nhau cắt rốn, đi làm ăn sinh sống ở nơi xa, việc đi lại có nhiều khó khăn, nhưng vẫn không bao giờ quên tổ tiên, dòng tộc. Cụ thể các Chi Phái sau đây :

- **Quế Sơn:** Ngải khởi tổ đời thứ 3 đến định cư tại Phước Bình, Quế Lộc, Quế Sơn từ trước năm 1945. Hiện nay đã sinh hạ đến đời thứ 16,17. Qua chiến tranh, gia phả đã bị thất lạc, nay trở về tra cứu gia phả của tộc để biết thêm chi tiết về cội nguồn của Chi Phái mình. Người đại diện cho Chi Phái này là ông Phan Phờ.

- **Phan Quang Hiện, xã Điện Hòa, huyện Điện Bàn:** Tại đây có 3 Chi. Một trong bốn vị Tổ vô tự. Các Ngải là con của Ngải Phan Đình Cao, đời thứ 4 Phái Nhì. Con cháu đã có đến đời thứ 17. Các con cháu nơi đây bắt đầu kể từ đời thứ 5. Các nhà thờ đều thờ Ngải Tổ đời Thứ 5 và theo đó kể các đời tiếp theo. Tổng số 3 Chi có trên 100 hộ.

- **Phan Tịnh Tây, xã Đại Lãnh, huyện Đại Lộc :** Ngải khởi Tổ đến đây lập nghiệp từ đời thứ 8, có khoản 30 hộ. Ở Đà Nẵng có 2 hộ từ Đại Lãnh ra định cư nhưng con cháu về sau không biết gốc của mình có phải là tộc Phan Bảo An hay không. Ông Phan Đức Mỹ Tra cứu gia phả, thay mặt cho tộc đã xác định: Đây là một Chi Phái thuộc Phái 3, đời thứ 9 đã đến Tịnh Tây, xã Đại Lãnh lập nghiệp từ đó cho đến nay.

Thanh Minh năm Đinh Hợi - 2007, một phái đoàn gồm 7 người đại diện cho con cháu tộc Phan tại Đại Lãnh do các ông Phan Thanh Cao, Phan Thanh Bốn dẫn đầu, về Bảo An dâng lễ tổ tiên và chính thức tìm về cội nguồn của dòng tộc. HĐGT và một số đông con cháu từ các nơi về đang dự Lễ Thanh Minh rất vui mừng và vô cùng cảm động.

- **Phan Hà Nha, xã Đại Đồng, huyện Đại Lộc :** Ngải khởi Tổ là ông Phan Ngọc Nghê (tức Viên Năm), Đời thứ 12 Phái Tư đến nơi đây lập nghiệp, đến nay con cháu đã có đến đời thứ 17. Tại Hà Nha có 8 hộ và Cầu Chìm xã Đại Quang 5 hộ. Một số hộ đã đi Đà Nẵng và Biên Hòa. Tuy số con cháu định cư tại đây không đông nhưng họ đã chung nhau góp công, góp của xây dựng được nhà

thờ khang trang và đẹp đẽ. Nhà thờ tọa lạc trên Quốc lộ 14B, cách chợ Hà Nha, xã Đại Đồng khoảng 500m về phía Tây. Người Đại diện là ông Phan Ngọc Hoàng 4/15.

- Phan Phú Hanh, xã Đại Thạnh, huyện Đại Lộc : Các vị Tổ lên đây lập nghiệp từ đời thứ 10. Có khoảng 35 hộ, Phái Ba và Phái Năm đông người nhất, Phái Nhì ít hơn.

- Phan thôn Bình Xuân, xã Bình Chánh, huyện Thăng Bình : Khởi Tổ là Ngài Phan Văn Viện, đã đến nơi đây lập nghiệp khoảng 200 năm đến nay đã có cháu đời thứ 8 (So với Phan Cả là đời thứ 17).

Sau năm 1975, ông Phan Long Phái 2 đời thứ 15 đã cùng các thân tộc đang sinh sống tại Bình Chánh đã về lại Bảo An để nối lại quan hệ gia tộc đã vốn có từ trước.

- Phan xã Duy Hòa, huyện Duy Xuyên: Khoảng 150 năm trước đây, ông Phan Đức Thuần đời thứ 11 đến dạy chữ Hán tại các làng thuộc khu tây huyện Duy Xuyên. Ông kết duyên với bà Trần Thị Nguyễn người thôn Châu Phương, xã Duy Hòa và định cư luôn tại đây. Ông bà sanh hạ được 3 người con là ông Phan Đức Ngoạn, Phan Đức Cảnh và Phan Thị Lộc. Tộc Phan tại Duy Hoà đến nay đã trải qua 17 đời gồm có 16 hộ đang sinh sống tại La Tháp , một số hộ khác đến định cư tại Đà Nẵng, Sài Gòn, Gia Lai, Ninh Thuận, Bình Thuận... Hiện nay ở La Tháp có 20 hộ. Đây là một chi nhánh tộc Phan rất được trọng vọng tại Duy Hòa vì có rất nhiều Bà Mẹ VN anh hùng và liệt sĩ.

- Phan Hà Lam, huyện Thăng Bình: Tản cư vào đây từ năm 1946 và định cư luôn tại nơi đây. Có đủ con cháu năm Phái gồm 101 hộ, 309 nhân khẩu : Phái Nhất 26 hộ - Phái Nhì 41 hộ - Phái Ba 9 hộ - Phái Tư 12 hộ - Phái Năm 13 hộ. Đa số ở Dốc Sỏi, thị trấn Hà Lam, Bình Chánh, Bình Phú, Bình Quý ... Từ những năm 1957 - 1962 bà con ta sống bằng nghề dệt vải, nghề truyền thống của làng quê Bảo An. Về sau nghề dệt không còn thịnh hành nữa, bà con chuyển sang nghề làm bún, nấu rượu, nuôi heo, chạy chợ và buôn bán nhỏ. Hiện nay đa số sống về nông nghiệp, buôn bán, CB/CNVC. Dù cuộc sống có nhiều khó khăn nhưng bà con ta lúc nào cũng cố vươn lên lo nuôi con ăn học đạt kết quả tốt theo truyền thống hiếu học của dòng tộc ta từ bao đời nay. Đến nay đã có 3 cử nhân, 40 tú tài, đa số còn lại đã tốt nghiệp Cấp 2 phải nghỉ học để giúp đỡ gia đình ! Hằng năm con cháu đều qui tụ về Nhà thờ Bảo An dự các Lễ tưởng niệm công đức của tổ tiên, đóng góp xây dựng Nhà thờ và trùng tu các cơ ngơi thờ phụng tổ tiên.

Ngoài những nơi kể trên, bà con sống lẻ tẻ ở các nơi như Điện Bàn, Hội An, Tam Kỳ, Trung Phước, Phú Gia, Núi Thành, Qui Nhơn, Nha Trang, Phan Thiết và rải rác ở các tỉnh Nam Bộ. Chúng tôi sẽ tiếp tục tìm biết để chép vào sổ tộc, vì chắc chắn một vài trăm năm sau, con cháu của họ sẽ lập thành những chi nhánh Tộc Phan gốc Bảo An càng ngày càng đông đúc. Chúng tôi xin ghi lại đây những người Đại diện các nơi nói trên để tiện liên hệ sau này :

- **Hội an:** Ông Phan Quy 4/12 - **Tam Kỳ:** Ông Phan Mỹ, Phan Minh 4/14 - **Quảng Ngãi:** Ông Phan Quỳnh 4/13 - **Qui Nhơn:** Ông Phan Tám, Phan Chín 4/14 - **Nha Trang:** Ông Phan Tam 2/13, Phan Nghinh 2/14.

*** Đà Nẵng:**

Đa số đến định cư sau năm 1964 và một số khác từ Bắc trở về sau năm 1975, tất cả gồm 170 hộ. Đa số là cán bộ công nhân viên chức Nhà nước và sống nghề buôn bán. Họ đã lập Hội Đồng Gia Tộc, có Trưởng tộc và Đại diện 5 Phái, sinh hoạt có nề nếp và có tổ chức :

- **Lập Nghĩa trang** tộc Phan Bảo An / Đà Nẵng tại thôn Thanh Vinh, xã Hòa Khánh, huyện Hòa Vang, Quảng Nam vào năm 1978. Ban vận động gồm các ông Phan Sô 4/13, Phan Kiện 4/13, Phan Tồn 4/13, Phan Minh 4/13, Phan Trình 2/14, Phan Đức Mỹ 3/14 . . . liên hệ với chính quyền địa phương xin đất, quyền góp tiền thuê máy cày ủi thành lập nghĩa trang. Con cháu trong tộc đang sinh sống tại Đà Nẵng, mỗi khi trong gia đình có người qua đời đều được Ban Nghĩa trang cấp đất để chôn cất tử tế, không phải mua đất bên ngoài tốn kém .

- **Lập Hội Khuyến Học:** *Nhớ về cội nguồn, không gì hơn là vun đắp cho cội nguồn ấy ngày càng tươi tốt và phát triển thêm lên. Thiết thực nhất là chăm lo cho các thế hệ tương lai của dòng tộc là những SVHS trên con đường học vấn, rèn luyện tư cách đạo đức để trở thành những công dân tốt cho xã hội (theo Phan Mạnh Lương 2/14, trong thư góp ý xây dựng Hội Khuyến Học của tộc).* Từ nhận định đó, bà con tộc Phan Bảo An / Đà Nẵng đã quyết định thành lập Hội Khuyến Học. Mục đích của Hội là khen thưởng, động viên, trợ cấp cho các cháu Nội, Ngoại học giỏi nhưng gia đình khó khăn, cấp học bổng cho những SV thi đỗ vào các trường Đại học nhưng không đủ điều kiện theo học vì gia đình quá nghèo khó, có khả năng bỏ học. Chi Hội Khuyến Học tộc Phan Bảo An / Đà Nẵng thành lập ngày 30.3.1993. Ban đầu quỹ hội còn eo hẹp nên chỉ thực hiện mục tiêu thứ nhất là khen thưởng SVHS học giỏi và xuất sắc hằng năm vào dịp Thanh Minh.

- Niên khóa 93-94: số SVHS được khen thưởng 28 cháu. Mỗi cháu nhận được một giấy khen của Tộc và 50.000 đồng.

- Niên khóa 94-95: Số SVHS được khen thưởng 31 cháu. Trợ cấp cho hai cháu con nhà nghèo học giỏi 300.000 đ/ người.

- Niên khóa 95-96: Hoạt động của Hội ngày càng được sự ủng hộ nhiệt tình của bà con trong tộc ở Đà Nẵng và số SVHS được khen thưởng ngày càng nhiều, nên Hội đã tổ chức riêng một buổi Lễ Phát thưởng vào cuối tháng 8 D1 hằng năm tại Hội trường trường Hoàng văn Thụ, đường Trần Phú do bà Phan Long liên hệ mượn không tốn tiền thuê, vì trước đây bà nguyên là Hiệu phó của trường này. Số SVHS giỏi, xuất sắc và đoạt các giải thi học sinh giỏi cấp Tỉnh, cấp Quốc gia lên đến 73 cháu.

- Niên khóa 96-97 : Số SVHS được khen thưởng lên đến 98 cháu.

Chi Hội Khuyến Học đã gia nhập vào Hội Khuyến Học Quảng Nam Đà Nẵng theo Quyết định số 11/VP-KH ngày 3.5.1996.

- **Hằng năm tổ chức Lễ Thanh Minh** tại nhà ông Phan đình Huyền 4/15 số 279b kiệt 6 Hoàng Diệu, Đà Nẵng, trước là Lễ Tưởng niệm công đức của Tổ tiên, sau để con cháu có dịp gặp gỡ nhau nhằm thắt chặt tình đoàn kết gia tộc.

Ngoài ba hoạt động chính nói trên, HĐGT còn tổ chức Lễ Mừng Thọ, thăm viếng phúng điếu, giúp đỡ bà con trong thân tộc khi hoạn nạn, ốm đau, qua đời ... Bà con còn tham gia xây dựng tộc họ ở Bảo An một cách tích cực từ vật chất đến tinh thần. Những người hoạt động thường xuyên và trực tiếp gồm có các ông Phan Mạch 2/13, Phan Sô 4/13, Phan Long 2/14, Phan Đức Mỹ 3/14, Phan Hường 4/14, Phan Văn Thê 4/14, Phan Tuấn 1/15, Phan Nam 2/15 ...

- **Cứu trợ nạn lụt:**

* **Năm Bính Dần:**

Bảo An là một vùng đất thấp ở Gò Nổi, nằm giữa hai con sông : một bên là nhánh sông Thu Bồn thường gọi là sông con hay sông trước, một bên là sông Thu Bồn thường gọi là sông cái hay sông sau. Về mùa mưa thường bị lụt. Sau nhiều ngày mưa to gió lớn, nước sông Thu dâng cao, tràn ngập cả một vùng rộng lớn. Làng mạc dọc theo hai bên ven sông, trong đó có Bảo An, Gò Nổi đều chìm dưới biển nước mênh mông, đục ngầu. Lụt nhỏ thì nước ngập nền nhà, bàn ghế, tủ giường. Lụt lớn nước lên xấp mái nhà, chỉ còn nóc nhà nhô trên mặt nước .

Trước tai họa thiên nhiên đó, người dân Bảo An đã có những biện pháp để phòng bão lụt hữu hiệu. Nhà nhà cố gắng đắp nền thật cao, làm gác để bảo quản

nông sản, thực phẩm. Nhà khá giả thì sắm ghe, xây nhà lầu. Ghe là phương tiện duy nhất để đi lại trong làng, cấp cứu, di dời những người từ nơi thấp đến nơi cao hơn trong những ngày lũ lụt.

Tuy thế, qua những trận lụt quá lớn như lụt năm Giáp Thìn 1964, Bính Dần 1998, dân trong vùng không sao tránh khỏi những tai họa đau thương ập đến. Nhà sập, nông sản thực phẩm bị ngập nước hoặc bị cuốn trôi theo dòng nước. Người người phải leo lên gác để ở, cơm không có ăn, nước sạch không có uống. Đói khát, lạnh lẽo, tính mạng bị đe dọa trầm trọng. Nhiều người đã phải nhai gạo sống, uống nước lạnh để cầm hơi.

Ngày trước, vào những năm lụt lớn, nhiều thân tộc khá giả có nhà cao đã nấu cơm vắt ra từng nắm phân phát cho mọi người. Mỗi người một vắt để cầm cự chờ nước rút. Người có ghe thì dùng ghe, không ghe thì kết bè chuối bơi đến nhận cơm về trao cho những nhà bị ngập nước.

Thật là : " *Miếng khi đói gói khi no,*

Của tuy tơ tóc, nghĩa so nghìn trùng "

Đầu tháng 10 năm Bính Dần 1998, cơn bão số 5 đã gây lụt lớn ở Quảng Nam. Các vùng đồng bằng của tỉnh bị ngập nước trong nhiều ngày liền. Tánh mạng và tài sản của những người ở quê có thể bị nước lũ cuốn trôi. Chạnh nghĩ đến bà con ở quê nhà, chắc chắn họ đang phải gánh chịu những thảm họa, tai ương do thiên tai này mang đến, nhiều thân tộc ở Đà Nẵng, Tp.HCM, noi gương người trước thực hiện câu " *lá lành đùm lá rách* " đã cùng nhau đứng ra vận động cứu trợ ngay trong những ngày nước còn ngập trắng làng quê.

Ban vận động ở Đà Nẵng gồm các ông Phan Sô, Phan Long, Phan Tám, Phan Văn Thê, Phan Tuấn đã đi đến từng nhà để quyên góp phẩm vật cứu trợ. Bà con ta đã đồng lòng hưởng ứng nhiệt tình, kể ít người nhiều, quyết " *nhường cơm xẻ áo* " cho bà con đang trong cơn hoạn nạn.

Việc cứu trợ thực hiện làm 3 đợt:

- Đợt 1: (Khi nước chưa rút) Mua 60 thùng mì ăn liền, quyên góp được 5 bao áo quần cũ. Ban vận động theo xe đồ chở vào Vĩnh Điện, tại chân cầu, đáp ca-nô ngược dòng về Bảo An. 14 giờ ngày 27.11.98, ông Long và ông Tuấn đưa hàng cứu trợ về đến Bến Đường. Ca-nô chạy vào tận mép làng (ngay nhà ông Tri Hậu). Mì gói và áo quần được đưa về nhà thờ Tộc và phân phát cho tất cả các gia đình trong tộc. Tình tương thân, tương ái, nghĩa gia tộc thấm thiết, đậm đà làm cho mọi người cảm động đến rơi nước mắt.

- Đợt 2: (Sau khi nước vừa rút, đường bộ tạm thông) Mua 20 thùng mì ăn liền và 140 ve dầu gió. Các ông Sô, Thê, Dũng, Tuấn đi xe honda theo đường bộ chở hàng về Bảo An. Nước vừa mới rút nên nhiều đoạn đường còn ngập nước đến nửa bánh xe. Nhiều nơi bị sạt lở, bùn non trơn trượt lại phải chở nặng, việc đi lại thật khó khăn, nhưng bốn người vẫn về đến nhà thờ tộc ở Bảo An. Lần này phẩm vật cứu trợ chỉ phát cho các con gái trong tộc đã có chồng ở Bảo An, vì lần trước đã phát cho con trai rồi.

- Đợt 3: Theo kế hoạch, việc cứu trợ đến đây coi như chấm dứt. Nhưng sau đó, nhiều thân tộc từ các nơi trong nước như Tp.HCM, Hà Nội ... và ở nước ngoài gởi tiếp tiền về ủng hộ.

Để thể hiện tấm lòng ưu ái của những người xa xứ muốn cứu trợ bà con bị hoạn nạn vì thiên tai, Ban vận động tiếp tục phân phát số tiền nhận thêm được cho những gia đình có nhà cửa bị sập, thóc lúa bị nước cuốn trôi và những người còn nhiều khó khăn sau cơn lụt. Ngày 28 Tết ÂL, ông Sô và ông Thê mang tiền về Bảo An trợ cấp cho những gia đình nói trên. Tùy theo mức độ khó khăn, do các Phái đề nghị, mỗi hộ nhận từ 50.000 đồng - 200.000 đồng để ăn Tết.

Tổng số tiền quyên góp được : 12.065.000 đồng

Tổng chi 8.828.000 đồng

Còn 3.137.000 đồng

Số tiền còn lại là tiền do Ban vận động nhận được sau khi thực hiện 3 đợt cứu trợ nói trên. Dự kiến trợ cấp tiếp cho các hộ còn khó khăn. Danh sách bà con đóng góp đã được Ban vận động tổng kết và gởi đến từng thân tộc. Rất tiếc vì danh sách quá dài nên chúng tôi không đăng vào đây được.

Nhìn vào danh sách, chúng tôi vô cùng cảm động vì có người chỉ góp có 5 ngàn đồng, *"của ít lòng nhiều"*, dù nghèo khó nhưng vẫn không quên câu : *"một giọt máu đào hơn ao nước lã"*. Việc người trong tộc cứu giúp nhau trong cơn hoạn nạn, âu đó cũng là lẽ thường tình. Nhưng đặc biệt nhất là có một người ngoài tộc ta là cô Diệu Hiền, em vợ ông Phan Xuân Huy, từ Pháp gởi về 500.000 đồng nhờ Ban vận động chuyển về cứu trợ cho bà con tộc Phan ta ở quê nhà trong cơn lũ lụt. Thật cảm động biết bao, thật đáng trân trọng biết bao !

- Năm Kỷ Mão:

Tháng 9 năm Kỷ Mão (11/1999) một trận lụt lớn xảy ra trên khắp các tỉnh miền Trung, từ Quảng Trị đến Bình Định. Làng Bảo An lại ngập trong biển nước mênh mông. Chương trình cứu trợ rộng lớn từ trung ương cho đến địa

phương, các cơ quan từ thiện, các đoàn thể tôn giáo, tư nhân trong cũng như ngoài nước đều tham gia. Nhiều đoàn cứu trợ đã trực tiếp đến từng nơi bị ngập lụt nặng nề trao tiền, hàng cứu trợ, trong đó có nhiều thân tộc của chúng ta đã tham gia tích cực. Rất tiếc chúng tôi không thống kê hết được việc làm cao quý của các thân tộc này, họ không thông qua Tộc vì công việc cứu đói quá cấp bách và khẩn thiết. Sau lụt, ngày 21.11.1999 Hội Khuyến Học tộc Phan có nhận được 2200 quyển vở học sinh và 300 cây viết của các ông Phan Đức Bảo 4/14, Phan Dư Bách 4/14 và Phan Quốc Tâm 4/15 từ Mỹ gửi về tặng cho các học sinh tộc Phan tại Bảo An, qua ông Phan Văn Thê. Vở và viết được Phân Chi Hội Khuyến Học tộc Phan Tại Bảo An nhận và phát trực tiếp cho các cháu tại Từ Đường nhà thờ tộc. Số vở và viết được phân chia như sau :

- SV Đại học: 20 cuốn / người
- HS Cấp 2 & 3: 15 cuốn / người + 1 cây viết
- HS Cấp 1: 10 cuốn/ người + 1 cây viết.

Cũng trong dịp này Ông Phan Long và Phan văn Thê, thay mặt Hội Khuyến học Tộc Phan đến thăm và tặng các thầy, cô giáo Trường Phan Thanh 200 cuốn vở + 100 cây viết loại tốt để dùng soạn bài. Ngoài ra còn gửi tặng các học sinh tộc Phan đang cư trú tại Thừa Thiên 200 cuốn vở do ông Phan Sô trao lại. Của tuy chẳng đáng là bao nhưng các cháu nhận được vở cứu trợ rất cảm động vì qua cơn lụt sách vở bị cuốn trôi, không tiền mua sắm lại để tiếp tục việc học. Các cháu hứa quyết tâm học tập tốt để không phụ lòng mong mỏi của các bậc cha, anh luôn luôn quan tâm đến các thế hệ tương lai của dòng tộc.

Tất cả bà con tộc Phan Bảo An dù đang làm ăn sinh sống ở bất cứ nơi đâu, trong cũng như ngoài nước, vẫn không quên cội nguồn của mình. Nhiều người đã không ngại đường xá xa xôi cách trở vẫn về Bảo An dự Lễ Thanh Minh, dâng hương Tổ Tiên và thăm lại quê hương yêu dấu của mình. Tất cả đã đóng góp tích cực trong việc xây dựng Nhà Thờ, trùng tu Khu Mộ Tiên Hiền, xây dựng Tiễn Đường, xây dựng Nhà Từ và xây dựng quỹ Khuyến Học của Tộc.

Dù cuộc sống có trải qua bao biến động, bao mất mát đau thương qua hai cuộc chiến tranh giữ nước giành độc lập, con cháu tộc ta phải ly tán khắp mọi miền đất nước vẫn luôn luôn tìm về cội nguồn của mình. Và đó chính là truyền thống vô cùng quý báu của tộc Phan chúng ta vậy.

vvvvvv

LỄ THANH MINH

Từ trước đến nay, hằng năm tộc ta đều tổ chức Lễ Thanh Minh tại Từ Đường tộc Phan ở Bảo An để tưởng niệm công đức của Tổ tiên.

Như một thông lệ, tất cả con cháu tộc ta, dù đang sống ở bất cứ nơi đâu, dù xa xôi cách trở, vẫn thu xếp công việc gia đình, tạm gác công việc làm ăn để về quê tổ. Trước là thắp nén hương thơm tưởng niệm công đức của tổ tiên, sau là đi viếng thăm mồ mả tổ tiên, ông bà, cha mẹ. Và cũng nhân đó về thăm lại quê hương yêu dấu, nơi chôn nhau cắt rốn của mình đã chôn chặt biết bao kỷ niệm êm đềm của một thời ấu thơ. Nhiều người đã đứng trên mảnh vườn xưa, nơi gia đình mình đã từng sinh sống, lòng bồi hồi xúc động tưởng nhớ đến hình bóng thân yêu của những ngày đã qua. Bà con, anh em, bạn bè mỗi người một nơi tìm kế sinh nhai xa cách lâu ngày ít có dịp gặp nhau để hàn huyên tâm sự. Hôm nay trong dịp Thanh Minh, ta lại được gặp nhau, tay bắt mặt mừng, lòng vui khôn xiết. Họ thăm hỏi nhau về sức khỏe, về cuộc sống, và nhất là việc học hành của con cháu. Và vì thế mà cứ mỗi độ Thanh Minh mọi người đều nô nức trở về làng xưa. Người ở gần trong tỉnh thì đi honda, xe đồ xe buýt, người ở xa như Tp/HCM, Đà Lạt, Hà Nội ... đi xe hơi, máy bay. Chẳng những họ đi một mình mà còn đưa con cháu trong cả gia đình cùng đi, để " Tre tàn thì măng mọc ".

Số người về dự lễ, năm nào cũng lên đến 300 - 400 người. Việc tiếp đón con cháu ở xa về dự lễ đã được HĐGT quan tâm lo lắng chu toàn, bố trí nơi ăn chốn ở, lên chương trình cụ thể, phân công phân nhiệm rõ ràng cho các thành viên trong tộc đang sinh sống tại Bảo An tự nguyện tham gia. Lễ Thanh Minh được tổ chức rất trọng thể, trang nghiêm theo đúng tập tục cổ truyền của dòng tộc.

Từ lâu, tộc ta không có qui định bắt buộc việc đóng góp tài chánh trong các ngày Lễ Thanh Minh, ngày giỗ Ngai Tiên Hiền, giỗ ông bà Tổ Phái. Thế nhưng, con cháu đã tự nguyện đến bàn thư ký đóng góp vào Quỹ của tộc, quỹ Khuyến học, làm cho các người phụ trách làm việc liên tục ghi sổ cũng không kịp. Người có nhiều đóng nhiều, người có ít đóng ít. Có người vài ba triệu nhưng cũng có người chỉ có vài ba chục ngàn, nhưng tất cả đều do tấm lòng vì tộc họ, và do hoàn cảnh của mỗi người, đều đáng quý trọng như nhau cả.

Ngoài ra, mỗi khi về thăm quê hương, ai cũng đến nhà thờ thắp nén hương thơm tưởng nhớ đến công đức của tổ tiên. Nhân đó tự nguyện ghi vào SỔ VÀNG một số tiền để HĐGT thay mặt cho họ lo việc hương khói ông bà.

Quỹ của tộc là do con cháu tự nguyện đóng góp để HĐGT lo vào các công việc hương khói, trùng tu nơi thờ tự, mồ mả ông bà, các chi phí vào việc cúng tế. Tất cả mọi khoản Thu Chi đều đưa vào sổ sách rõ ràng, công khai và minh bạch. Hằng năm, trước lễ Thanh Minh, HĐGT họp tổng kết tiền quỹ, các công việc đã làm và đề ra các phương hướng, nhiệm vụ cho năm sau.

Các thành viên trong HĐGT, các người phụ giúp công việc trong các ngày Tế Lễ như nấu nướng, bưng dọn đều làm tự nguyện, không nhận tiền phụ cấp, không tiền thù lao, nhưng tất cả đều vì tộc họ, có khi đến vã mồ hôi mà vẫn vui vẻ làm việc. Thật đáng quý biết dường nào !

Lễ Thanh Minh còn được tổ chức tại các nơi khác có con cháu tộc ta sinh sống đông đúc như Tp/HCM, Đà Lạt, Đà Nẵng để những người không có đủ điều kiện về Bảo An, trước là để thắp hương tưởng niệm công đức của Tổ tiên, sau là tạo điều kiện cho con cháu gặp gỡ nhau nhằm thắt chặt tình đoàn kết gia tộc nơi đất khách quê người. Các ngày Lễ Giỗ được tổ chức rất trọng thể theo nghi thức cổ truyền của gia tộc, con cháu đến tham dự rất đông.

- **Tp/HCM:** Hằng năm tổ chức Lễ Thanh Minh, giỗ tổ Tiên Hiền và các Ngài Tổ Phái tại nhà thờ Tộc Phan, 23A/1 Ấp Bình Triệu, xã Hiệp Bình Chánh, QL13, quận Thủ Đức, sau lễ giỗ là sinh hoạt về tộc họ. Cộng đồng con cháu tộc Phan tại Tp/HCM sinh hoạt có nề nếp, có tổ chức, hoạt động có hiệu quả, nhất là về Khuyến học. Chàng những tự lo trang trải mọi công việc tộc họ, công tác từ thiện tại Tp/HCM mà còn hỗ trợ đắc lực cho cho tộc ta tại Bảo An, từ xây dựng cho đến công tác Khuyến học.

- **Đà Lạt:** Ngày chưa xây dựng nhà thờ, Lễ Giỗ được tổ chức tại tư gia của ông Phan Việt 4/14, đường Phù Đổng Thiên Vương. Năm Kỷ Mão 1999 các thân tộc nơi đây đã xây dựng nhà thờ nên các buổi Lễ Giỗ được tổ chức một cách trang trọng tại nhà thờ. Con cháu đang sinh sống tại Đà Lạt và cả tỉnh Lâm Đồng đều về tham dự.

- **Đà Nẵng:** Các ngày Lễ Giỗ được tổ chức trước ngày Lễ Thanh Minh ở Bảo An 1 tuần trong khuôn viên của ông Phan Đình Huyền 4/15, số 279 B kiệt 6 Hoàng Diệu, trước là để tưởng niệm công đức của Tổ tiên sau là sinh hoạt về tộc họ như : Mừng thọ, tổ chức thăm viếng, phúng điếu, giúp đỡ bà con trong thân tộc khi ốm đau, hoạn nạn, qua đời.

HỘI KHUYẾN HỌC

* THÀNH LẬP HỘI KHUYẾN HỌC TỘC PHAN

Tộc ta có truyền thống hiếu học từ bao đời nay. Noi gương các bậc tiền nhân, các thế hệ con cháu về sau quyết tâm trau dồi kiến thức và tu rèn đạo đức, được xem là mục đích hàng đầu trong việc tu thân. Trên con đường học vấn, biết bao tấm gương hiếu học của gia đình, cá nhân quyết vượt qua muôn vàn khó khăn của cuộc sống đời thường, tạo mọi điều kiện thuận lợi để con cháu ăn học đến nơi đến chốn. Nhờ thế, việc học hành đã đạt được những thành quả tốt đẹp, làm rạng rỡ, vẻ vang cho dòng tộc, góp phần xây dựng quê hương đất nước.

Qua hai cuộc chiến tranh giữ nước giành độc lập, việc học hành đã bị xao lãng. Sau ngày hoà bình lập lại, đa số đồng bào ta trở về quê cũ làm ăn sinh sống. Mặc dù cuộc sống gặp muôn vàn khó khăn, nhưng mọi người vẫn không thể để con em thất học. Kể có công góp công, người có của góp của đã cùng với các bậc có trình độ học vấn và các cấp chính quyền địa phương tổ chức dựng lại ngôi trường xưa gần khuôn viên trường Tiểu học Bảo An cũ. Có thầy, có trường, nhưng việc học của các em cần phải có sự cộng tác, hỗ trợ đặc lực của tộc họ, cha mẹ mới mang lại kết quả tốt đẹp được. Vì thế, việc tổ chức hội khuyến học để khen thưởng, động viên, giúp đỡ các em trên con đường học vấn là một nhu cầu thiết thực.

Thanh Minh năm 1993 tại Đà Nẵng, ông Phan Sơn 4/13 và Phan Văn Thế 4/14 đã đưa vấn đề thành lập hội KH ra trưng cầu ý kiến của bà con thảo luận, bàn bạc. Toàn thể bà con trong buổi Lễ Thanh Minh hôm đó đều đồng loạt giơ tay tán thành. Hội KH đã được thành lập, bà con nhất trí cử ông Phan Long 2/14 làm Hội trưởng từ nhiệm kỳ đầu và tái đắc cử liên tiếp trong các nhiệm kỳ sau, qua các kỳ đại hội.

Mục đích của Hội là khen thưởng, động viên, trợ cấp cho các cháu nội, ngoại học giỏi nhưng gia đình khó khăn, cấp học bổng cho những SV thi đỗ vào các trường Đại học nhưng không đủ điều kiện theo học vì gia đình quá nghèo khó, có khả năng bỏ học. **Chi Hội Khuyến Học tộc Phan Bảo An / Đà Nẵng thành lập ngày 30.3.1993.** Ban đầu quỹ hội còn eo hẹp nên chỉ thực hiện mục tiêu thứ nhất là khen thưởng SVHS học giỏi và xuất sắc hằng năm vào dịp Thanh Minh. Việc làm của Hội ngày càng được mọi người trong tộc, trong cũng như ngoài nước, nhiệt tình hưởng ứng, ủng hộ từ vật chất cho đến tinh thần, nhờ thế quỹ khuyến học ngày càng dồi dào hơn. Từ đó, việc khen thưởng cho các

cháu đang theo học tại các trường từ Tiểu học cho đến Đại học được tổ chức riêng tại một hội trường vào đầu tháng 8 DL, đồng thời mở rộng sang mục tiêu thứ hai và thứ ba:

- Khen thưởng cho các cháu đạt loại giỏi trong các kỳ thi học sinh giỏi từ cấp Huyện, Thành phố đến Quốc gia. Mỗi cháu được nhận một giấy khen của HĐGT và Hội Khuyến Học với một phong bì khen thưởng bằng tiền mặt từ 50.000 đ - 100.000 đ.

- Hỗ trợ cho các cháu học giỏi, con nhà nghèo tiếp tục học tập, không bỏ học nửa chừng, mỗi cháu được hỗ trợ từ 300000đ - 500.000đ/ năm.

- Cấp học bổng cho các sinh viên đã thi đỗ vào Đại học, những nhà quá nghèo, có đủ điều kiện học hết bậc đại học, mỗi cháu được cấp từ 500000đ - 1.000.000đ/ năm.

Công tác khuyến học của tộc đã thúc đẩy, khích lệ con cháu chúng ta ngày một học tập tốt hơn - số cháu học giỏi, xuất sắc năm sau gấp 2-3 lần năm trước. Các buổi lễ trao thưởng được tổ chức trang trọng, nói lên được truyền thống giáo dục của tộc ta. Gắn kết được tình huyết thống, nghĩa gia tộc cho các phụ huynh học sinh, thúc đẩy cha mẹ có trách nhiệm lo cho việc học tập của con em mình.

Chi Hội Khuyến Học Tộc Phan đã gia nhập vào Hội Khuyến Học Quảng Nam Đà Nẵng theo Quyết định số 11/VP- KH ngày 3.5.1996.

Hội Khuyến Học của tộc đã vận động các địa phương có đông con cháu tộc ta đang sinh sống thành lập Chi Hội Khuyến Học Bảo An, Đà Nẵng, Tp/HCM tự điều hành, tự vận động tài chánh, làm tròn bốn phận khuyến học tại mỗi địa phương, tiếp nối truyền thống hiếu học vốn có từ lâu của tộc ta.

Đại hội hội viên ngày 13/8/2000, có 30 vị đại diện cho bà con tộc Phan tại Bảo An tham dự đã bầu Ban Chấp Hành Chi Hội KH Bảo An do ông Phan Đức Bình 3/14 làm Chi Hội Trưởng. Ở Đà Nẵng Ban Chấp hành gồm 11 thành viên, ông Phan Hường 4/14 làm Chi Hội Trưởng. Tại Tp/HCM gồm 17 thành viên, do ông Phan Nhẫn 4/14 làm Chi Hội Trưởng.

Hoạt động khuyến học khó khăn nhất là lãnh vực tài chánh. Song với tấm lòng vì tương lai của con em chúng ta, bà con đã đóng góp ngày càng dồi dào hơn.

Nguồn tài chánh của Hội do :

- * Do Hội viên đóng hội phí hằng năm:

- Đà Nẵng : 24.000 đ / Năm

- Tp/HCM : 50.000 đ/ Năm
- Bảo An : 6.000 đ/ Năm

* Các nhà hảo tâm đóng góp vào các ngày Lễ Thanh Minh tại Tp/HCM, Đà Nẵng và Bảo An.

* Con cháu các ông được địa phương lấy tên đặt tên trường, hỗ trợ đóng góp hằng năm.

* Năm 2005, Hội KH lập **QUỸ KHUYẾN TÀI** do các nhà hảo tâm trong tộc đóng góp được 103.060.000 đồng, gửi ngân hàng hằng năm lấy lãi để cấp học bổng cho con em con nhà nghèo học giỏi, trợ cấp cho SV đang theo học Cao Đẳng và Đại học.

TỔNG KẾT KHEN THƯỞNG TỪ NĂM 1993 - 2007

- Khen thưởng cho HSSV	: 88.221.000 đồng
- Cấp học bổng	: 19.441.000 đồng
- Trợ cấp cho HS nghèo hiếu học	: 39.345.000 đồng
- Khen thưởng GV	: 7.400.000 đồng
- Trợ cấp khuyến tài	: 27.900.000 đồng
- Chi phí văn phòng	: 6.170.000 đồng
- Các chi phí khác	: 6.046.000 đồng

Tổng cộng : 194.523.000 đồng

Tổng thu : 294.767.000 đ

Tổng Chi : 194.523.000 đ

Tồn quỹ : 100.244.000 đ + 120 USD

*** GIA ĐÌNH HIẾU HỌC**

Ngoài các công tác nói trên, Hội còn khen thưởng, động viên, khuyến khích, khen thưởng những gia đình hiếu học có con học hành thành đạt. Cứ 2 năm tổ chức liên hoan nhằm tuyên dương các gia đình hiếu học trong tộc.

Từ những việc làm thực tế của Hội, không những tạo ra phong trào thi đua học tập vốn có từ lâu đã trở nên truyền thống hiếu học của tộc ta, mà còn làm cho tinh thần đoàn kết, tương thân, tương trợ trong gia tộc ngày càng gắn bó, bền vững. Công tác khuyến học của tộc ta chẳng những đã tác động tích cực đến các tộc bạn và cộng đồng dân cư mà còn đi đúng chủ trương chính sách của Đảng và Nhà Nước theo Chỉ thị số 50CT-TW của Bộ Chính trị " Về tăng cường

lãnh đạo của Đảng đối với Hội Khuyến học VN " và Chỉ thị số 29CT-TTg " *Về việc phát huy vai trò của Hội Khuyến học VN trong sự nghiệp phát triển giáo dục "*, các hướng dẫn của các cấp Hội KH, từ Trung ương cho đến tỉnh. Năm 1993 toàn xã Điện Quang mới chỉ có 2 tộc có Hội Khuyến học thì đến nay đã có 15 tộc có Hội Khuyến học và 7/11 thôn có Chi Hội KH.

Ban Chấp Hành Hội Khuyến Học của tộc cứ 5 năm được bầu lại một lần qua một cuộc Đại hội toàn thể hội viên, các vị cao niên cao thế, các thân tộc hàng quan tâm đến các thế hệ tương lai của dòng tộc. BCH các nhiệm kỳ kế tiếp đã được đại hội bầu chọn là các thành viên trẻ tuổi, có khả năng, có nhiệt tình, tích cực tham gia, dần dần thay bước các bậc đàn anh để công tác khuyến học ngày càng hiệu quả hơn, năng động hơn. Hội KH đã hoạt động theo Nội Qui sinh hoạt gồm 7 Chương và 21 điều qua các kỳ Đại hội thông qua.

- BCH HỘI QUA CÁC NHIỆM KỲ:

**BCH/ HỘI KHUYẾN HỌC
TỘC PHAN
(Nhiệm kỳ đầu theo QĐ 28/QĐ-KHDN)**

- Ông Phan Long	2/14	Chủ tịch
- Phan Nam	2/15	Phó Chủ tịch
- Phan Văn Thê	4/14	Thư ký
- Phan Sô	4/13	UV thường trực
- Phan Hường	4/14	Ủy viên
- Phan Đức Mỹ	3/14	-
- Phan Tấn Thiện	4/13	-
- Phan Tín	5/14	-
- Phan Minh Nhạn	5/14	-
- Phan Thị Lệ Hoa	3/14	-
- Phan Tấn	3/14	-
- Phan Chín	3/14	-
- Phan On	5/14	-
- Phan Tuấn	1/15	-
- Phan Sanh	1/15	-
- Phan Minh Âu	2/16	-

**BCH/ HỘI KHUYẾN HỌC
TỘC PHAN**

(Nhiệm kỳ 2005 -2010)

- Hội Trưởng : Phan Long 2/14
- Hội Phó : Phan On 5/14
Phan Nhật Trung 2/15
- Ủy viên :
 - Phan Hường 4/14
 - Phan Quang 3/14
 - Phan Chín 3/14
 - Phan Ngọc Kỳ 4/14
 - Phan Tuấn 1/15
 - Phan Thanh Lâm
- Thủ quỹ : Phan Nam 2/15
Phan T.Kim Xuyên 4/14
Phan Huỳnh Huynh 2/14
Phan Thị Đào 4/15
Phan Hữu Nguyên 4/15
Phan Phúc 2/15
Phan Văn Lâm 4/14

**BCH/ CHI HỘI KHUYẾN HỌC
TỘC PHAN TẠI ĐÀ NẴNG
(Nhiệm kỳ 2005 -2010)**

- Chi Hội Trưởng : Phan Văn Hường 4/14
- Chi Hội Phó : Phan Ngọc Kỳ 4/14
Phan Thị Đào 4/14
- Ủy viên : Phan Quang 3/14
Phan Thị Kim Xuyên 4/14
Phan Phúc 2/15
Phan Tuấn 1/15
Phan Tiến 5/14
Phan Thị Nhi 4/14
- Thủ quỹ : Phan Văn Lâm 4/14

**BCH/ CHI HỘI KHUYẾN HỌC
TỘC PHAN TẠI BẢO AN
(Nhiệm kỳ 2005 -2010)**

- | | |
|--------------------|-----------------------|
| - Chi Hội Trưởng : | Phan Huỳnh Huynh 2/14 |
| - Chi Hội Phó : | Phan Thiện 5/15 |
| - Ủy viên : | Phan Tín 3/15 |
| | Phan Thị Hoa 4/16 |
| | Phan Chín 3/14 |
| | Phan On 5/14 |
| | Phan Hữu Nguyên 5/15 |
| - Thủ quỹ : | Phan Thị Thu Ba 5/15 |

BCH/ CHI HỘI KHUYẾN HỌC TỘC PHAN TẠI TP/HCM

- | | |
|--------------------|------------------|
| - Chi Hội Trưởng : | Phan Nhân |
| - Chi Hội Phó : | Phan Đức Bình |
| | Phan Minh Tâm |
| - Ủy viên : | |
| Phan Chính | Phan Quang Thanh |
| Phan Đắc Lữ | Phan Long |
| Phan Tấn Minh | Phan Thị Cúc |
| Phan Thị Kim | Phan Thị Lê |
| Phan Thị Nhuận | Phan Thị Quế |
| Phan Thị Huỳnh Cúc | Phan Hoàng Dinh |
| Lê Văn Nhân | Trần Việt Hùng |

Qua 14 năm làm công tác khuyến học, Hội KH tộc Phan đã cùng các Chi Hội KH Tp/HCM, Đà Nẵng, Bảo An đạt được nhiều thành quả vô cùng tốt đẹp, chẳng những được bà con thân tộc tán dương mà còn nhiệt liệt hưởng ứng, hỗ trợ về mọi mặt, từ vật chất cho đến tinh thần.

Hội đã được Tỉnh Hội KH/Quảng Nam bình chọn tham dự Đại Hội Khuyến học do Trung ương Hội Khuyến học VN tổ chức tại Hà Nội năm 2007. Ngoài ra Hội còn nhận được sự khen thưởng của Trung ương Hội KH/VN và các cấp chính quyền:

- 1 cờ Thi đua xuất sắc - 4 bằng khen - 3 giấy khen - 11 kỷ niệm chương " Vì Sự Nghiệp Khuyến Học " cho cán bộ và các thân tộc đã hoạt động tích cực trong công tác khuyến học do TW/ Hội Khuyến Học VN, Hội KH/ Đà Nẵng, UBND thành phố Đà Nẵng và Mặt trận ố quốc Đà Nẵng ban tặng.

*** VẬN ĐỘNG TÀI CHÁNH HỖ TRỢ CHO CÁC TRƯỜNG**

Ngoài công tác khuyến học trong tộc, Hội Khuyến Học còn quan hệ vận động tài chánh để hỗ trợ cho các trường trong tỉnh như sau :

1/ Trường Tiểu học Phan Thanh Tài - Điện An:

- Hỗ trợ xây dựng cơ bản : 30.000.000 đ
- Hỗ trợ hằng năm (2001 - 2007) : 6.000.000 đ x 7 năm
= 42.000.000 đ
- Hỗ trợ tổ chức trường chuẩn Quốc gia : 8.000.000 đ
- Hỗ trợ mua sách tham khảo : 4.000.000 đ

2/ Trường THPT Phan Thành Tài - Hoà Châu, Hoà Vang :

- Hỗ trợ hằng năm: (2003 - 2007) 8.000.000 đ x 5
= 40.000.000 đ
- Cấp 2 suất học bổng: 1.000.000 đ
(Tổng số tiền này do con cháu của ông Phan Thành Tài trợ cấp)

3/ Trường Tiểu học Phan Bôi - Điện An :

- Hỗ trợ hằng năm (2002-2007) 6.000.000 đ x 6 năm
= 36.000.000 đ
- Hỗ trợ xây dựng tủ sách: 3.000.000 đ
- Giúp khắc phục lụt năm 2007: 1.000.000 đ

(Do con cháu ông Phan Bôi quỹ Khuyến học Phan Bôi tài trợ)

4/ Trường Tiểu học Phan Thanh xã Điện Quang và trường Lê Thị Xuyên huyện Đại Lộc :

- Năm 2005 - 2006 : 10.000.000 đ x 3 = 30.000.000 đ
- Năm 2006 - 2007 : 10.000.000 đ x 3 = 30.000.000 đ
- Năm 2007 - 2008 : 15.000.000 đ x 3 = 45.000.000 đ

- Dựng 3 bức tượng : = 160.000.000 đ

(Do các con cháu của ông Phan Thanh tài trợ)

5/ Trường THCS Trần Cao Vân - Điện Quang :

- Xây một công trình nước sạch = 32.000.000đ

- Trợ cấp cho 80 HS cấp 3 Bảo An = 17.600.000 đ

- Mua sách tặng 3 trường = 12.000.000 đ

(Do Ô Nguyễn Tùng, VK Pháp và bạn là Bà Phương Nga tài trợ)

- Phan Mạnh Lương tặng tiền khen thưởng = 6.000.000 đ

- Năm 2007 thưởng các trường ở Điện Quang
và Phạm Phú Thứ, Điện Trung = 3.000.000 đ

- Hỗ trợ trường Phan Thanh, Điện Quang
1 tủ lạnh = 3.500.000 đ

- Trường Mẫu Giáo Phan Triêm 1 bếp gaz = 2.800.000 đ

(Do Phan Nam vận động các mạnh thường quân hỗ trợ)

Tổng số tiền = 506.900.000 đ

*** CÁC GIẢI THƯỞNG MANG TÊN CÁC NHÀ CÁCH MẠNG,
NHÀ GIÁO TRONG TỘC**

Hằng năm, thông qua Hội khuyến học, các giải thưởng Phan Thành Tài, Phan Thanh, Phan Bôi, Phan Xuân Cáo được trao cho các GV và HS xuất sắc của các trường trong tỉnh. Mỗi giải thưởng từ 500.000 đ - 1.000.000 đ. Qua 4 năm, Hội KH cùng nhà trường đã xét chọn và trao 15 giải thưởng với tổng số tiền là 12.500.000 đ, 5 chiếc xe đạp, 150 bộ đồng phục cho học sinh và 15 bộ quần áo cho các thầy cô. Riêng phần thưởng Phan Xuân Cáo còn trao tặng cho các trường Trịnh Thị Liên ở Đại Lộc (Trước 1945 là trường Ecole Primaire de Dai Loc), nơi mà trước 1945 ông đã từng làm Hiệu trưởng, và trường Phan Thanh ở Bảo An. Năm 2008, cô Phan Xuân Dương Cẩm, con ông Phan Xuân Huy, hỗ trợ kinh phí :

- 20 triệu đồng cho trường Phan Thanh tại Bảo An lập hệ thống nước sạch sát trùng bằng tia lade.
- 31 triệu đồng xây nhà vệ sinh + 20 triệu đồng xây lối đi nhà vòm từ trường đến nhà vệ sinh cho trường Trịnh Thị Liên xã Đại Quang, huyện Đại Lộc.

(Các phần thưởng này do con cháu các ông Phan Thành Tài, Phan Thanh, Phan Bôi, Phan Xuân Cáo tài trợ)

*** TRƯỜNG MẪU GIÁO PHAN TRIÊM:**

Trường Mẫu giáo bán công Phan Triêm được thành lập năm 2005. Hiện nay trường có 2 cơ sở :

- Cơ sở chính tại thôn Bảo An Đông:

(quê hương của nhà cách mạng Phan Triêm).

	Kinh phí xây dựng :	530.000.000đ
Trong đó	* Ngân sách UBND xã	100.000.000đ
	* Gia đình Ô. Phan Triêm	430.000.000đ
	Kinh phí dự trù nâng cấp	150.000.000đ
	* Gia đình Ô. Phan Triêm đã hỗ trợ	20.000.000đ

- Cơ sở 2 tại thôn Thạnh Mỹ :

	Kinh phí xây dựng :	1.105.000.000đ
Trong đó	* Ngân sách UBND xã	900.000.000đ
	* Gia đình Ô. Phan Triêm	70.000.000đ
	* Gia đình Ô. Phan Nam	2.000.000đ
	* Gia đình Ô. Nguyễn Đức Lập	110.000.000đ
	* Các tổ chức và cá nhân	23.000.000đ

- Lớp lẻ tại thôn Kỳ Lam : Lớp này hiện nay mượn nhà sinh hoạt thôn dạy tạm. Dự kiến kinh phí xây dựng 70.000.000đ, chưa có người tài trợ.

Hằng năm trường nuôi dạy 250 cháu. Trong đó có trên 150 cháu nuôi dạy bán trú. Trường rất khang trang, xanh, sạch đẹp, có đầy đủ phương tiện, dụng cụ học tập và vui chơi cho các cháu. Năm học 2006-2007, trường được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia. Đạt được thành tích trên là nhờ sự quan tâm của các cấp chính quyền, tộc Phan Bảo An cùng gia đình, con cháu cụ Phan Triêm và các tổ chức cá nhân quan tâm giúp đỡ.

*** TRƯỜNG MẪU GIÁO DO CON CHÁU ÔNG PHAN MẠCH HỖ TRỢ**

Trường được xây dựng năm 2007 tại thôn Châu Phong, xã Duy Hoà. Đây là nhà Mẫu giáo cũ đã xuống cấp nằm trên khu đất do chính quyền địa phương cấp. Để con cháu có nơi học hành tử tế, được chăm sóc dạy dỗ chu đáo, giúp cha mẹ yên tâm trong công việc đồng áng, trường phải được nâng cấp, nhưng chưa có kinh phí để thực hiện. Trước nhu cầu thực tế đó, con cháu của

ông Phan Mạch 2/13 nhận hỗ trợ toàn bộ kinh phí hơn 100 triệu đồng để cùng chính quyền địa phương thực hiện các công trình sau đây:

- Xây dựng lại phòng lớp cho khang trang, chắc chắn.
- Xây tường rào cổng ngõ
- Cung cấp bàn ghế, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học, dụng cụ vui chơi, giải trí cho học sinh.

Trường Mẫu giáo này, chẳng những đã trở thành một ngôi trường xanh, sạch đẹp mà còn đạt chuẩn của một ngôi trường tiên tiến, dạy dỗ con em đúng theo phương pháp sư phạm, ngay từ khi chập chững vào đời.



Bà con tộc Phan quyết tâm xây dựng Hội Khuyến Học



Đại Hội KH tộc Phan tại Đà Nẵng



BCH/ Hội Khuyến Học tộc Phan
Nhiệm kỳ đầu



BCH/ Hội Khuyến Học tộc Phan
Nhiệm kỳ 2000-2005



BCH/ Hội Khuyến Học tộc Phan
Nhiệm kỳ 2005-2010



BCH/ Chi Hội Khuyến Học tộc Phan tại Tp/HCM



Ông Phan Đức Bình, Đại diện Chi Hội KH Tp/HCM
trao phần thưởng cho SVHS tại Nhà Thờ Bảo An



BCH/ Chi Hội Khuyến Học tộc Phan tại Đà Nẵng
(Hình chưa được đầy đủ)



BCH/ Chi Hội Khuyến Học tộc Phan tại Bảo An - Nhiệm kỳ đầu



Ông Phan Mạch 2/13, Đại diện Tộc trao học bổng



Lễ Phát thưởng SVHS tại Đà Nẵng - Ô. Phan Sô 4/13 đang trao phần thưởng



Bằng khen “ Dòng Họ KH tiêu biểu toàn quốc năm 2007

Do Trung ương Hội KH Việt Nam tặng



Biểu tượng do Trung ương Hội KH Việt Nam
khen tặng hội KH Tộc Phan Bảo An đạt danh hiệu
“ DÒNG HỌ KHUYẾN HỌC TIÊU BIỂU TOÀN QUỐC ”



CHƯƠNG BA

TRUYỀN THỐNG HIẾU HỌC & YÊU NƯỚC

I. TRUYỀN THỐNG HIẾU HỌC:

Tộc ta có truyền thống hiếu học từ bao đời nay. Noi gương các bậc tiền nhân, các thế hệ con cháu về sau quyết tâm trau dồi kiến thức và tu rèn đạo đức, được xem là mục đích hàng đầu trong việc tu thân. Trên con đường học vấn, biết bao tấm gương hiếu học của gia đình, cá nhân quyết vượt qua mọi khó khăn của cuộc sống đời thường, tạo mọi điều kiện thuận lợi để con cháu ăn học đến nơi đến chốn, đạt được những thành quả tốt đẹp làm rạng rỡ, vẻ vang cho dòng tộc.

Chúng tôi muốn ghi lại tất cả những tấm gương hiếu học đó qua từng gia đình, từng cá nhân cụ thể nhưng chưa làm được như mong muốn vì tộc ta quá đông lại sống tản mạn khắp mọi miền, trong cũng như ngoài nước, nên việc thống kê đã gặp nhiều khó khăn, thiếu sót. Rất mong các thân tộc vui lòng bổ sung thêm.

1/ BẢNG KÊ HỌC VỊ VÀ CHỨC TƯỚC:

a/ TỪ ĐỜI THỨ 1 ĐẾN ĐỜI THỨ 13:

(Trích Phổ Hệ 1994, có bổ sung thêm)

* Xếp theo thế thứ trong dòng tộc từng Đời, Phái.

Chữ in đứng: Ghi theo gia phả .

Phần chữ in nghiêng: Chú thích của người viết - NV.

- Ngài Tiên Hiền PHAN NHƠN BÀN:

Sắc phong Tiên Hiền khai canh. Đặc Tấn Phụ Quốc Thượng Tướng Quân Cẩm Y Vệ Đô Chỉ Huy Sứ. Dịch Nghĩa Bá, Phan Nhơn Bàn Quý Công.

* Vua Lê Thánh Tông (1460-1497) lập ra Vệ Kim Ngô và Vệ Cẩm Y để bảo vệ Cẩm thành. Trong việc bảo vệ Cẩm thành, các triều Vua Chúa ngày xưa thường dùng người trong Hoàng Tộc hoặc được Vua đặc biệt tín nhiệm, tin dùng vì có nhiều công lao to lớn. Quân Ngũ tại Kinh sư gồm có Vệ, Ty, Sở. Đứng đầu mỗi Vệ có Đô Chỉ Huy Sứ. Như vậy, chức vụ của Ngài Tiên Hiền là Đô Chỉ Huy Sứ. Thặng thụ Đặc Tấn Phụ Quốc Thượng Tướng Quân. Tước phong Dịch Nghĩa Bá, Phan Nhơn Bàn Quý Công. Năm Tước Vua ban thưởng cho các công thần gồm có: Công, Hầu, Bá, Tử, Nam.

- Tước Công, Hầu, Bá, đứng trên hàng Chánh Nhất phẩm

- Tước Tử ngang hàng Chánh Nhất Phẩm .

- *Tước Nam ngang hàng Tòng Nhất Phẩm*

- PHAN VĂN BÀI: Tự Ngài Tuế (Tổ Phái Nhất)

Cai Tổng. Sùng Lương Bá.

** Chức vụ là Cai Tổng. Tước phong là Sùng lương Bá. Tước Bá đứng trên hàng Chánh Nhất Phẩm. Nếu Cai Tổng là Chánh Tổng, là đơn vị hành chánh gồm nhiều Xã đứng dưới Phủ, Huyện chỉ có hàm Cửu phẩm. Chúng tôi đã tra cứu nhiều sử sách nhưng vẫn chưa rõ được chức vụ này vì thời ông sinh sống chưa có đơn vị hành chánh là Tổng.*

Vậy Cai Tổng ở đây không nên hiểu là Chánh Tổng được. Đối chiếu với với Phổ Hệ các tộc khác ta thấy Ngai Tiên hiền họ Bùi Vĩnh Trinh là Cai Phủ Khánh Sơn Hầu, Ngai Tiên Hiền Ngô Văn Át làng Cẩm Lệ là Cai Tổng Lễ Bá v.v... Vậy ta có thể hiểu Cai Tổng và Cai Phủ để phân cấp lớn, nhỏ trong các tước: Cai Phủ dùng cho tước Hầu, Cai Tổng dùng cho tước Bá. Mong được đón nhận ý kiến của các bậc cao minh, đọc nhiều hiểu rộng về chức vụ này.

Sùng Lương Bá : - Sùng là cao, là tôn trọng như sùng bái, sùng kính..

- Lương là lành, là thuần tốt như trung lương, hiền lương...

- PHAN VĂN HÀN: Tự Tiêu Khanh (Tổ Phái Nhì).

Khuyến Nông Quan .

** Vua Lê Thánh Tông đặt ra Quan Hà Đê lo về việc đê điều, quan Khuyến Nông lo về việc Nông nghiệp .*

(Việt Nam Sử Lược Trần Trọng Kim- Trang 257- Quyển 1)

- PHAN VĂN YẾN: Tự Ngai Lâm (Tổ Phái Tư)

Văn sai Xã trưởng .

- PHAN VĂN HUYỀN: (Tổ Phái Năm)

Thứ Đội Trưởng. Tuấn Trung Bá.

** Dưới triều vua Lê Thánh Tông, quân ngũ được chia làm Vệ, Ty, Sở, Đội (Quân Kinh Sư) hoặc Phủ, Vệ, Sở, Đội (Quân Ngự Phủ). Đến thời Trịnh Nguyễn phân tranh quân đội đặt làm Dinh, cơ, Đội, Thuyền . Chức quan võ đứng đầu trông coi Đội có Cai Đội, Đội Trưởng hoặc Thứ Đội Trưởng giúp việc .Tước phong Tuấn Trung Bá.*

- PHAN PHƯỚC HÈ: 4/4

Tướng Thần.

- PHAN LONG LÂN: 5/4

Thượng Tướng Quân. Tướng Thần. Lão Nhiêu Quan. Nghĩa Lý Tử.

* *Lão Nhiêu Quan: Vị quan đã trên 60 tuổi.*

Ông từ Tướng Thần thăng lên Thượng Tướng Quân. Tước Phong Nghĩa Lý Tử

- PHAN ÍCH TRẮNG : 5/4

Thủ Đội Trưởng . Kiên Lộc Bá.

* *Chức vụ: Thủ Đội Trưởng.*

Tước phong: Kiên lộc Bá, tước Bá đứng trên hàng Chánh Nhất phẩm.

- PHAN VĂN DU : 5/6

Đặc Tấn Phụ Quốc Thượng Tướng Quân. Cẩm Y Vệ Đô Chỉ Huy Sứ. Chương cơ. Toàn Đức Hầu .

* *Chức vụ: Chương Cơ, là một chức Quan Võ đứng đầu một đơn vị quân đội gọi là Cơ. Cơ lớn có 500 quân, cơ nhỏ có 200 quân, thăng thụ Đặc Tấn Phụ Quốc Thượng Tướng Quân Cẩm Y Vệ . Tước Phong Toàn Đức Hầu (Vị quan văn võ song toàn .*

- PHAN VĂN HUYỀN : 5/7

Đặc Tấn Phụ Quốc Thượng Tướng Quân Cẩm Y Vệ Đô Chỉ Huy Sứ Ty. Liêm đức Hầu.

* *Chức vụ : Cai Đội thăng lên Đô Chỉ Huy Sứ Ty, vị quan võ đứng đầu trong một Ty gồm 5-6 Sở, mỗi Sở có 400 quân lính, thăng thụ Đặc Tấn Phụ Quốc Thượng Tướng Quân Cẩm Y Vệ. Tước Phong Liêm Đức Hầu.*

Trong tổ chức chính quyền, quan chế của một triều Vua,Chúa đương triều thường hay giữ nguyên như cũ khi mới lên nối ngôi hoặc nhiếp chính, về sau mới dần dần thay đổi. Ví dụ : Thời vua Lê, trong Quân ngũ có Vệ-Ty-Sở-Đội nhưng đến thời Chúa Trịnh ở Đàng Ngoài và Chúa Nguyễn ở Đàng Trong chỉ có Dinh-Cơ-Đội-Thuyền. Đơn vị quân đội là Ty không còn nữa .Vì thế ta không lấy gì làm ngạc nhiên là một người làm quan dưới thời Chúa Nguyễn lại có chức tước ở đời vua Lê.

- PHAN VĂN TRỰC : 2/9.

Cựu Sắc Xá Chánh .

- PHAN VĂN TRÌ : 2/9

Văn Sai Xá Trưởng

- PHAN VĂN KIẾT : 3/9

Tướng Thần kiêm Quốc Thủ .

* *Quốc thủ*: Chức vụ này không thấy ghi trong sổ sách suốt từ đời nhà Lê cho đến thời Trịnh, Nguyễn phân tranh. Có nhiều ý kiến khác nhau về chức vụ này

a/ Một chức tước vua ban thưởng cho những quan cận thần có công với hoàng tộc như Quốc trưởng, Quốc phó, Quốc cữu v.v...

b/ Các Ông Phan Văn Nghi, Phan Đức Trọng, Phan Đức Điều, Phan Đức Thành 9/3 đều là Quốc Thủ, là những thầy thuốc nổi danh trong Tộc, trong Làng và có thể lan ra cả vùng Thuận, Quảng nên đã được Chúa Nguyễn phong cho danh hiệu Quốc Thủ (Phan Bá Lương trong HTTVDT tr.61)

- PHAN VĂN NGHI: 3/9

Nhiều Học kiêm Tri Hương Sự .

* Năm Đinh Hợi (1674) Chúa Nguyễn mở khoa thi Chính Đồ và Hoa Văn. Thi Chính Đồ gồm 3 kỳ: Đề Nhất, Đề Nhị, Đề Tam. Người đậu chia làm 3 hạng: Hạng Nhất gọi là Giám sinh bổ làm Tri Phủ, Tri Huyện. Đồ hạng Nhị gọi là Sinh Đồ bổ làm Huấn Đạo dạy học ở Huyện lỵ. Hạng Ba cũng gọi là Sinh Đồ bổ làm Lễ Sinh hoặc Nhiều Học. Thi Hoa văn : Năm Canh Thân (1740), Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát định lại phép thi .Những người đậu kỳ Đề Nhất gọi là Nhiều Học (VNSL Trần Trọng Kim T.76-77 Q2)

Ông Phan văn Nghi đã đậu trong khoa thi Chính Đồ hoặc Hoa văn, là một nhà khoa bảng nên ông được mọi người tôn cử ông tham gia vào việc Làng, Xã (Chữ tri hương sự cho ta hiểu theo nghĩa này).

- PHAN ĐỨC DŨ: 3/9

Cai Đội Thăng Thụ Phó Kỳ .

* Thời Trịnh,Nguyễn phân tranh, cả Đàng Ngoài và Đàng Trong ,quân đội được chia ra làm Dinh-Cơ-Đội-Thuyền. Đội lớn có 275 người trở lên, đứng đầu Đội có Cai Đội.. Sau đó ông được Thăng thụ Phó Kỳ -Chỉ huy một Cơ gồm 500 quân trở lên (Theo Phan Bá Lương trong HTTVDT đề nghị thay chức Chương kỳ ra Chương Cơ, Phó Kỳ ra Phó Cơ để tiện việc tra cứu về sau cho hợp với sổ sách).

- PHAN ĐỨC TRỌNG : 3/9

Quốc Thủ .

- PHAN ĐỨC ĐIỀU : 3/9

Quốc Thủ .

- PHAN ĐỨC THÀNH : 3/93

Quốc Thủ .

- PHAN VĂN DIỆP : 4/9

Lý Trưởng .

** Dưới triều Gia Long (1802-1819) trong nước vẫn còn chia ra 23 Trấn và 4 Doanh . Trấn lại chia ra Phủ, Huyện, Châu. Đến đời vua Minh Mạng (1820-1840) qua các phẩm cấp quan chế từ Cửu phẩm đến Nhất phẩm ta mới thấy có chức vụ Chánh tổng và Lý trưởng. Chức vụ Chánh tổng hàm tòng cửu phẩm. Tổng là đơn vị hành chánh bao gồm nhiều xã hoặc làng dưới Phủ và Huyện. Dưới triều Tự Đức (1847-1883) quan của triều đình bỏ ra chỉ có đến Phủ, Huyện. Từ tổng trở xuống thuộc quyền tự trị của dân. Đứng đầu mỗi tổng có Chánh Tổng và Phó Tổng do Hội Đồng Kỳ Dịch của làng cử ra trông coi việc thuế khóa, đề điều và mọi việc trị an trong tổng.*

Hội Đồng Kỳ Dịch do dân cử ra để trông coi mọi việc, có Tiên Chỉ và Phó Tiên Chỉ đứng đầu rồi cử ra Lý trưởng và Phó Lý thay mặt làng mà làm việc và giao thiệp với các quan trên. Làng, Xã có phong tục, luật lệ riêng của mỗi làng, làng nào hay làng ấy, triều đình không can thiệp đến. Vì thế mới có câu : "Phép vua thua lệ làng". (VNSL-Trần Trọng Kim-T247-Q2).

Theo Phan Bá Lường trong HTTVDT khi nói về chức vụ Cai Tổng, Chánh Tổng đã kê cứu sử sách viết trên 3 trang, xin tóm lược như sau: Tổng là một đơn vị hành chánh ở giữa Huyện và Xã. Thời điểm xuất hiện của đơn vị hành chánh là Tổng, hiện nay vẫn chưa được các nhà sử học nhất trí với nhau. Ở làng Trong, xem Phủ Biên Tạp Lục của Lê Quý Đôn viết vào năm 1776, khi vào làm Hiệp trấn Thuận hóa, ông đã liệt kê tên Phủ, Huyện, Tổng, Xã, Thôn, Phường, Giáp, Ấp, Châu, mới có chức vụ Cai Tổng. Đầu đời Gia Long, nhà vua đặt chức Tổng trưởng sau đổi thành Cai tổng. Đời Thiệu Trị đổi thành Chánh tổng. Ban đầu (1822) chức Cai tổng do các Tri Phủ, Huyện kén chọn nhân viên trong Doanh, Trấn rồi đề đạt lên Bộ Lại tâu Vua cho cấp bằng làm Cai tổng tập sự (Thí sai) sau 3 năm, sát hạch cho thực thụ. Lệ năm Minh Mạng thứ 9 (1828) qui định tất cả Cai tổng, Phó tổng đều kén chọn trong hàng ngũ Lý trưởng tài giỏi. Tri Phủ, Tri Huyện, Tri Châu sổ tại báo cáo danh sách lên quan đứng đầu Trấn hoặc Tỉnh xin cấp văn bằng, mộc triện rồi cho thực thụ. Năm Thành Thái thứ 19 (1907) và Nghị định của quan Thống sứ Bắc kỳ về bầu cử Chánh tổng và Phó Chánh tổng: Những người được dự bầu là Phó tổng đương chức, Phó tổng cũ, Lý trưởng đương chức hoặc cũ đều phải làm việc từ 3 năm và tuổi từ 30 trở lên

lại là người thông hiểu chữ nghĩa, có nhiều đức tính tốt mới được bầu ra. Quan Su, quan Tỉnh sát hạch trước mặt mới được bổ nhậm.

Ở đây chúng tôi hơi dài dòng về hai chức vụ Chánh tổng và Lý trưởng để bạn đọc thấy được ảnh hưởng sâu sắc của họ đối với dân trong làng, " hay nhờ, đỡ chịu". Chính họ là những người kế thừa trực tiếp tạo nên làng Bảo An, một làng quê trù phú, qui hoạch nhà cửa ruộng vườn, đình chùa, làng chợ, sân vận động v.v...một cách khoa học, văn minh như ngày nay, ít có làng quê nào ở Việt nam có được như thế. Hơn 100 năm đã trôi qua vẫn còn làm cho các thế hệ kế thừa phải thán phục, ngưỡng mộ.

- PHAN VĂN GIÁO : 4/9

Đội Trưởng.

- PHAN NGỌC THỨC : 4/9

Ngũ Đồn Trung Quân Thư Ký .

** Chúa Nguyễn Phúc Anh chia quân ra làm 5 Dinh: Trung quân, Tả quân, Hữu quân, Hậu quân và Tiên phong .Ông làm Thư ký ở Ngũ Đồn Trung quân thuộc quân Thân binh (quân Thân sách hoặc quân Ngự lâm).*

- PHAN VĂN HÒA : 5/9

Tiền Phong Doanh . Võ vệ Cai Đội . Võ Công Đô Úy .

** Tiền Phong Doanh là một trong 4 Doanh ở thị nội .Chức vụ Võ Công Đô Úy hàm Chánh Ngự phẩm.*

- PHAN VĂN NHỤY : 2/10

Sắc Tử Thọ Dân .

** Ông được Sắc phong Sắc Tử Thọ dân. Đây là một sắc phong của các vua triều Nguyễn ban cho những người sống lâu, có tuổi thọ cao.*

- PHAN VĂN LANG : 2/10

Cai Tổng .

- PHAN ĐỨC LIỆU : 3/10

Lãnh binh .

** Năm Minh Mạng thứ 12, Tân mao (1831) đổi Trấn ra Tỉnh và đặt ra các quan chức để cai trị. Tỉnh lớn có Tổng Đốc, tỉnh nhỏ có Tuần Phủ đứng đầu. Dưới Tổng Đốc có các quan :*

- Bô Chính : *Coi việc thuế má, dinh điền, thi hành các lệnh ban ra của triều đình, hàm Chánh Tam Phẩm.*

- **Án Sát Sứ** : *Coi việc hình án, kiện thưa, thi hành luật pháp của triều đình kiêm cả việc bêu chính, hàm Chánh Tử Phẩm .*

- **Lãnh binh** : *Trông coi quân đội, giặc giã cướp phá, giữ gìn an ninh trật tự trong tỉnh, hàm Chánh Tam Phẩm .*

- **Đốc Học** : *Coi việc học hành thi cử trong tỉnh, hàm Chánh Ngũ Phẩm .*

Tất cả các quan nói trên đều phải có học vị từ Cử nhân trở lên .

- **PHAN VĂN ĐẬU** : 3/10

Lý Trưởng .

- **PHAN VĂN GIẢNG** : (Húy Bằng) 3/10

Đội Trưởng.

- **PHAN VĂN THOẠI** : 3/10

Kiến công Đô úy Tinh binh Chánh Đội.

- **PHAN VĂN TÍN** : (xã Nguyệt) 3/10

Lý Trưởng.

- **PHAN VĂN ĐÔNG** : 3/10

Đội Trưởng .

- **PHAN NGỌC KỶ** : 4/10

Chánh Đội Trưởng .

- **PHAN NGỌC TRÍ** : 4/10

Cử nhân . Án Sát Sứ tỉnh Quảng bình .

** Học vị Cử nhân và Tú tài Hán học : Năm Minh Mạng thứ 10 cử 3 năm mở một khoa thi.*

Vào các năm Tí, Ngọ, Mão, Dậu, mở khoa thi Hương .

Các năm Thìn, Tuất, Sửu, thi Hội, thi Đình. Mỗi khoa thi chia làm 4 kỳ:

- *Kỳ Đệ Nhất : Thi kinh nghĩa .*

- *Kỳ Đệ Nhị : Thi Tử Lục .*

- *Kỳ Đệ Tam: Thi Phú .*

- *Kỳ Đệ Tứ : Thi Văn Sách .*

Ai đỗ Tam trường là Sinh Đồ, đỗ Tứ trường là Hương Cống. Về sau Sinh đồ đổi là Tú tài và Hương Cống là Cử nhân.

Đến triều vua Tự Đức cũng 3 năm mở một kỳ thi Hương ở các địa phương . Những người đỗ cao gọi là Cử nhân, đỗ thấp gọi là Tú tài . Năm sau mở khoa

thi Hội tại bộ Lễ, những người đỗ Cử nhân năm trước được vào thi - Ai trúng cách thi được vào thi Đình ở trong điện nhà vua để lấy các bậc Tiến sĩ, là những bậc đại khoa .

Mỗi khi có khoa thi Hương tại các địa phương, các quan ở kinh ra chấm thi đều mang một cái biển đề "Phụng chỉ cầu hiền", có nghĩa vâng lệnh vua ra tìm người tài giỏi giúp nước . Những người thi hai kỳ thi Hương đều đỗ Tú tài gọi là Tú kép, đỗ Tú tài trong 3 kỳ thi Hương gọi là Tú mèn .

- **PHAN HÙNG TOẢN :** 5/10

Cảnh Bình Thơ Lại.

* *Lính bộ binh gồm Kinh binh và Cơ binh. Kinh binh chia ra làm Doanh, Vệ, Đội hoặc đóng giữ kinh thành hoặc đóng giữ các tỉnh. Ông làm thư ký ghi chép sổ sách văn phòng ở Kinh binh.*

- **PHAN HÙNG ĐƯƠNG :** 5/10

Lý Trưởng .

- **PHAN VĂN ÂU :** 5/10

Đội Trưởng Thất phẩm .

- **PHAN DOÃN ĐỨC :** 2/11

Cử nhân năm Bính Ngọ (1846) Thiệu Trị thứ 6. Cửu phẩm Bá hộ. Thị độc Nội Các.

* *Chức tước ban đầu : Cửu phẩm Bá hộ. Sau khi ông đậu Cử nhân được bổ làm Thị Độc Nội Các. Đời vua Gia Long (1802-1819) đã đặt ra Thị Thư viện. Năm Minh Mạng nguyên niên, Canh Thìn (1820) cải làm Văn Thư Phòng đến năm Minh Mạng thứ 10 (1829) đổi thành Nội Các. Chọn các quan Tam, Tứ phẩm trở lên tài giỏi, uyên bác, văn hay chữ tốt vào quản lĩnh mọi việc trong Nội Các. Nội Các là chốn cơ yếu trong cung để lúc cần vua hỏi han và biên soạn các biểu, sách, chế, cáo, chương, tấu, sắc, mệnh vv.. . (VNSL Trần Trọng Kim .T 188-Q2). Nội các Hành tấu có các quan chức sau : Thị độc, Tu soạn, Biên tu, Kiểm chiếu, Điển bạ, Đãi chiếu, Trước tác, Thừa chỉ .*

- **PHAN KHẮC NHU:** 2/11

Cử nhân khoa Đinh Mùi (1847) Thiệu Trị 7 . Án sát sứ .

- **PHAN VĂN GIAI :** 2/11

Lý Trưởng .

- **PHAN VĂN HỌC :** 2/11

Sắc phong Đẳng Sĩ Tá Lang.

- **PHAN VĂN CÁC :** 2/11

Đội Trưởng .

- **PHAN ĐỨC PHỤNG :** 3/11

Cử nhân . Lãnh binh . Anh dũng Tướng Quân.

- **PHAN VĂN ĐIỂN :** 3/11

Lý Trưởng .

- **PHAN VĂN ĐÊ :** 3/11

Lý Trưởng .

- **PHAN VĂN HUY :** 3/11

Tú tài.

- **PHAN VĂN CHÍN :** (Ô. Tú Dụng) 3/11

Tú tài .

- **PHAN VĂN TOẠI :** 3/11

Bá Hộ .

- **PHAN THỨ :** 3/11

Lý Trưởng . Tri Tộc .

- **PHAN VĂN TIẾP :** (Tự Tấn, tức ông Viên Tiếp) 3/11

Quan viên tử. Nhiều ấm. Thí sinh.

Tốt nghiệp trường Đốc ở tỉnh gọi là Thí sinh , được dự kỳ thi Hương để lấy bằng Cử Nhân- Xem tiếp chú thích trang 147.

- **PHAN VĂN DƯ :** 4/11

Lý Trưởng . .

- **PHAN NGỌC ĐỨC :** 4/11

Cử nhân khoa Bính Ngọ, Thiệu Trị 6 (1844). Hàn Lâm Viện Thị Giảng Đại Học sĩ

** Hàn lâm Viện là cơ quan nội chính trong triều qui tụ các văn thần khoa bảng, tài giỏi, thông thái phụng mệnh vua lo việc biên soạn các chiếu chỉ, sắc phong, chế, cáo ... hoặc soạn các bài biểu các quan dâng lên nhà vua, các văn bản ngoại giao, văn bia . Hàn Lâm Viện đầu tiên thành lập ở nước ta dưới đời vua Lý Nhân Tông (1072-1127) và trải qua các triều vua Trần, Hồ, Lê, Chúa Trịnh Nguyễn và các triều vua Nhà Nguyễn sau này. Dù danh xưng có thay đổi nhưng các chức vụ vẫn giống nhau. Trong tập sách này, chúng tôi chỉ trích lược các chức vụ ở Hàn Lâm Viện có liên quan đến các Ông trong Tộc ta:*

- Hàn Lâm Viện Thị Giảng Đại Học Sĩ : Giải thích, bình luận, chú thích, các văn thư, thơ, ca, chế, biểu ... giúp Chưởng viện (người đứng đầu trong Hàn Lâm Viện) biên soạn các chỉ, dụ, chương số, chiếu cáo, sách vở ... Thường được vào châu hầu trong triều thay Chưởng viện - Hàm chánh Tử phẩm .

- **PHAN NGỌC THANH :** (Ô. Huyện Lịch) 4/11

Cử nhân . Tri Huyện .

* Theo Phổ hệ Chi 5 phái 4 do ông Phan Tuyên lập đã ghi : Ông là một vị quan thanh liêm nổi tiếng ở Thanh Hóa, nhưng không nói rõ vì sao ông có tên gọi là Huyện Lịch.

- **PHAN VĂN THỰC :** 5/11

Lý Trưởng .

- **PHAN VĂN TRUYỆN :** 5/11

Lý Trưởng .

- **PHAN VĂN CHÂU :** 1/12

Lý Trưởng .

- **PHAN CÔNG VỊNH :** 2/12

Đội Trưởng .

- **PHAN VĂN TÁNH :** 2/12

Lý Trưởng .

- **PHAN NGỌC THIỀU :** 2/12

Bá Hộ .

- **PHAN DOÃN CUNG :** 2/12

Bá Hộ .

- **PHAN DUY HÌNH :** 2/12

Bá Hộ .

- **PHAN VĂN QUỲNH :** 2/12

Bá Hộ .

- **PHAN QUÝ TẶNG :** 2/12

Chánh Tổng . Cửu phẩm .

- **PHAN KHẮC DOÃN :** 2/12

Tú tài .

- **PHAN TRÂN :** 2/12

Cử Nhân khoa Mậu Tý Đồng Khánh 3 (1888) . Phó Bảng khoa Ất Mùi Thành Thái 7 (1895) . Tri Phủ Diên Khánh .

** Năm Nhâm Ngọ (1822) Minh Mạng thứ 3 mở khoa thi Hội, thi Đình để lấy Tiến sĩ, đến năm Minh Mạng thứ 10 (1829), nhà vua cho những người trúng cách, nhưng không cấp phân được đỗ Phó Bảng .*

- **PHAN TẤN :** 2/12

Cử Nhân khoa Giáp Thân, Kiến Phúc 1 (1884) Tri Huyện Mộ Đức Quảng Ngãi.

- **PHAN LỤC :** 2/12

Cử Nhân Khoa Tân Mão, Thành Thái 3(1891) . Tri Huyện .

- **PHAN DOÃN TẾ :** 2/12

Bá Hộ .

- **PHAN ĐÔN :** 2/12

Tú Tài .

- **PHAN QUANG :** 2/12

Tú Tài .

- **PHAN PHUỞNG :** 2/12

Bá Hộ .

- **PHAN VĂN NGHIỆN :** 2/12

Kinh binh Thơ Lại .

- **PHAN THÀNH TÍCH :** 2/12

Cử Nhân khoa Mậu Tý Đồng Khánh 3 (1888) . Giáo Thọ.

** Giáo thọ : Trông coi việc giáo dục ở Phủ, hàm Chánh Thất Phẩm.*

Huấn đạo : Trông coi việc giáo dục ở Huyện, hàm Chánh Bát Phẩm.

Đốc học : Trông coi việc giáo dục ở Tỉnh, hàm Chánh Ngũ Phẩm.

Hệ thống giáo dục này tồn tại trong các triều vua cuối nhà Nguyễn gồm 3 bậc học : Ấu học, Tiểu học và Trung học song song với chương trình Bảo hộ Pháp Việt.

- **Ấu học** ở các trường làng dạy chữ Hán và Quốc ngữ, tốt nghiệp thi bằng Tuyển sinh.

- **Tiểu học** ở các trường Giáo thọ ở Phủ, Huấn đạo ở Huyện dạy các tuyển sinh chữ Hán và Quốc ngữ. Chương trình Hán học gồm có Tử Thư, Ngũ

Kinh, Bắc sử, Nam sử- Pháp văn là môn tình nguyện- tốt nghiệp thi bằng Khóa sinh.

- **Trung học** là các trường Đốc học ở tỉnh lỵ dạy các khóa sinh chữ Hán, chữ Quốc ngữ và Pháp văn. Cứ 3 năm, trước kỳ thi Hương, mở một kỳ hạch, người đậu gọi là Thí sinh được đi thi Hương. Ở tỉnh lỵ lại có trường Pháp Việt để dạy học sinh không muốn học theo chương trình trên, muốn học chữ Pháp nhiều hơn, không có chữ Hán. Tốt nghiệp các trường này, học sinh ở Trung kỳ vào học trường Quốc Học Huế, ở Bắc kỳ vào học trường Bảo hộ ở Hà Nội..

Khoa cử Hán học cáo chung ở Bắc kỳ vào năm 1915, ở Trung kỳ vào năm 1918 (VN Pháp thuộc Sử- Phan Khoang).

- **PHAN TIẾT :** 2/12

Tú Tài .

- **PHAN THÀNH DANH :** 3/12

3 Bá Hộ .

- **PHAN ĐỨC THẠNH :** 3/12

Cử Nhân . Tri Phủ . Hàn Lâm Viện Thị Giảng.

- **PHAN KIỆT :** (Xã Thạc) 3/12

Lý Trưởng .

- **PHAN NGUYỄN HOÀNH :** (Trợ Hoàn) 3/12

Thành Chung. Tư học. Tiên Chỉ làng Bảo An. Hàm Chánh Ngũ phẩm văn giai. Hàn Lâm Viện Biên tu.

* **Bằng Thành Chung:** Bằng tốt nghiệp bậc Trung học Cấp Hai. Tên gọi được thay đổi qua nhiều thời kỳ: Thời Pháp thuộc gọi Diplôme, Thành Chung. Dưới chế độ VNCH miền Nam là bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp. Trong kỳ thi phải qua 2 kỳ : - thi viết và thi vấn đáp.

Tư học : Những người có bằng Diplôme, Thành Chung hay Trung Học Đệ Nhất Cấp thi vào học trường Sư phạm, tốt nghiệp ra trường được bổ đi dạy tại các trường tiểu học. Thời Pháp thuộc gọi là Tư Học, dưới chế độ VNCH miền Nam gọi là Giáo viên Tiểu Học, dưới chế độ CHXHCN/VN gọi là Giáo viên cấp 1.

Nhân đây, cũng nên biết qua ngành Giáo Viên Tiểu Học :

a/ **Hương sử :** Thầy dạy trường làng (Instituteur du village) là Hương sử, hưởng lương khoán, không có ngạch, trật .Hương sử có ít nhất là bằng

Primaire, không qua trường lớp Sư phạm chính qui nào cả mà qua những khóa Sư phạm ngắn ngày do Ty Giáo dục tỉnh tổ chức.

b/ Trợ giáo : (*Instituteur auxiliaire*) là những thầy giáo có bằng *Primaire* trở lên và tốt nghiệp trường Sư phạm.

c/ Giáo học, Tư học (*Instituteur*): Có bằng Thành Chung, tốt nghiệp trường Sư phạm dưới thời Pháp thuộc.

d/ Giáo viên Tiểu học : - Có bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp, tốt nghiệp trường Sư phạm dưới chế độ VNCH miền Nam

- Tốt nghiệp Cấp 2, tốt nghiệp trường Sư phạm Trung Cấp dưới chế độ VNDCCCH & CHXHCN/VN.

e/ Giáo Học Cấp Bổ túc : (*Instituteur complétif*) Có bằng THĐNC, học 3 năm tại trường Sư phạm, về sau là bằng Tú tài toàn phần mới được thi tuyển.

g/ Thanh Tra Tiểu học : (*Inspecteur des Écoles primaires*) Tuyển chọn trong các Hiệu trưởng trường Tiểu học có khả năng và thâm niên trong nghề. Qua một kỳ thi tuyển, nếu đậu được đưa đi tu nghiệp qua các khóa Quản trị Học đường, Thanh tra học đường...và được nhập ngạch Thanh tra. Thanh tra Tiểu học nằm trong Thanh tra đoàn của Bộ Giáo dục được tổ chức theo hệ thống dọc từ trung ương đến các tỉnh, vì thế không bị chi phối bởi các cấp chính quyền địa phương nhằm bảo đảm cho công tác Thanh tra được vô tư. Thanh tra tiểu học có quyền thanh tra tất cả các trường Tiểu học trong tỉnh về phương diện chuyên môn .

Trở lại với học vị và chức vụ của ông Phan Nguyên Hoành, ông vẫn thường được mọi người trong làng gọi là ông Trợ Hoành đã thành quen thuộc, thật ra sau khi đậu bằng Thành Chung và tốt nghiệp trường Sư phạm Huế ông được bổ đi dạy tại trường tỉnh lỵ Nghệ An, sau thuyên chuyển đến dạy tại trường Tiểu học Phan Rang, tỉnh Ninh Thuận. Ông nằm trong trường hợp (c).

Tiên chỉ : a/ (*Premier notable du village*) Tiên chỉ của làng là một chức danh có định chế của triều đình, được tuyển chọn trong số những người có phẩm hàm cao nhất đang sinh sống trong làng, được ban hành bằng nghị định, có đăng vào công báo VN. Đây là loại Tiên Chỉ hợp pháp, có giá trị với hàng Tổng, Phủ, Huyện, Tỉnh và Triều đình. Ông Phan Nguyên Hoành là Tiên Chỉ trong trường hợp này.

b/ Tiên chỉ thừa hưởng công danh sự nghiệp của ông cha để lại (*Oeuvre laissée par les ancêtres*).

c/ Tiên chỉ của những làng không hội đủ tiêu chuẩn phẩm hàm để được triều đình cửu xét công nhận, được bầu trong số thân hào nhân sĩ, chỉ có giá trị trong làng mà thôi.

Hằng năm, làng có tế lễ gì phải kính thủ vĩ (đầu heo, lòng, đuôi, 4 móng tượng trưng con heo) cho Tiên chỉ.

- **PHAN VĂN ĐIỀU :** (ông Cửu Điều) 3/12

Cửu Phẩm .

- **PHAN NGUYỄN NHUNG :** 3/12

Thông sự Hỏa xa .

- **PHAN NGHI :** 3/12

Chánh Tổng .

- **PHAN CẨM :** (Nghè Cẩm) 3/12

Thành Chung. Hàn Lâm Viện kiểm tịch sung Lục Sự. Hàm Chánh Bát phẩm văn giai.

- Trong kháng chiến chống Pháp : Phó Chủ tịch xã Hoàng Diệu. Lục sự Tòa Án Nhân dân Liên Khu 5 tại Bồng Sơn.

- Dưới chế độ VNCH miền Nam : Trưởng Ty Kinh tế tòa Hành Chánh tỉnh Quảng Ngãi.

- Chánh Lục sự Tòa Hòa giải rộng quyền, tỉnh Phú Yên. Lục sự tòa Sơ thẩm tỉnh Quảng Ngãi.

** Lục sự : Viên chức ghi chép án văn tại Tòa án.*

- **PHAN THÀNH HIỆP** (Ông Cửu Quỳnh) 4/12

Lý trưởng (Xem Ông Lý trưởng thông minh trong phần phụ lục)

- **PHAN HUY :** 4/12

Kinh binh thơ lại.

- **PHAN TUYÊN :** (Ô.Phó Năm) 4/12

Phó Tổng .

- **PHAN NGỌC PHỔ :** 4/12

Tú tài .

- **PHAN NGỌC TRÍ :** 4/12

Cử nhân . Hàn Lâm Viện Nghè Nội Các .

** Ông làm việc ở Hàn Lâm Viện được sung vào Nội Các .Rất tiếc không biết chức vụ của ông ở Hàn Lâm Viện cũng như ở Nội các nên không ghi vào đây được.*

- PHAN VĂN NIÊN : 5/12

Quan viên Phụ.

** Quan viên phụ tức là người cha sinh ra con là quan chức đương triều. Hàm quan Viên Phụ chỉ có dưới triều Nguyễn được hưởng một số đặc quyền như miễn giảm sưu dịch. Quan Viên Tử, đây là chế độ tập ấm dành cho con cái các quan lại đương triều. Ví dụ : Các ông Phan Ngọc Phổ, Phan Ngọc Nghê, Phan Ngọc Đoan (12/4) là con Ông Phan Ngọc Đức, Hàn Lâm Viện Thị Giảng Học sĩ.*

- PHAN VĂN THAO : 5/12

Đội Trưởng . Bát Phẩm .

- PHAN BÁ CẢNH : 5/12

Cử Nhân khoa Đinh Dậu Thành Thái 9 (1897) . Tri Phủ .

- PHAN THÀNH : 2/13

Bá hộ .

- PHAN VĂN HANH : 2/13

Bá hộ .

- PHAN KÍNH : 2/13

Đội Trưởng .

- PHAN VÕ : (Ông Tú Võ) 2/13

Tú Tài .

- PHAN CỬU : 2/13

Cửu phẩm .

- PHAN DẬT : 2/13

Cửu phẩm .

- PHAN HOÁN : 2/13

Cửu phẩm.

- PHAN XUÂN CÁO : 2/13

Cao đẳng Sư phạm . Hiệu trưởng

** Thời Pháp thuộc muốn đi dạy học phải học qua trường Sư phạm (École Normal) Trường Cao đẳng Sư phạm (Ecole supérieure pédagogique).*

Ông Phan Xuân Cáo làm Hiệu trưởng các trường ... Đại lộ, Hòa vang và Đà Nẵng trước khi về nghỉ hưu.

- PHAN KHÔI : 2/13

Tú tài - Nhà văn - Nhà báo - Nhà phê bình văn học.

** Xem tiếp chương 4, trang 243.*

- PHAN HẠNH : 2/13

Tham Tá .

** Sau khi thi đỗ bằng Thành chung thi vào các trường chuyên nghiệp như trường Cao đẳng Công chánh, Bưu điện, Canh nông, Thương mại v.v.. Ra trường được bổ đi làm ở các cơ quan nhà nước.*

- PHAN NHUY : 2/13

Phó Chủ Tịch Ủy Ban Kháng Chiến Hành Chánh Huyện Điện Bàn .

- PHAN THANH : 2/13

Diplôme . Chí Sĩ Cách Mạng chống Pháp.

** Xem tiếp chương Ba, trang 231.*

- PHAN BÔI : (Tức Hoàng Hữu Nam) 2/13

Nghị Viên Quốc Hội . Thứ Trưởng Bộ Nội Vụ.

** Xem tiếp Chương Ba, trang 236 .*

- PHAN TRIÊM : 2/13

Phó Ban tổ chức Trung ương Đảng CSVN. Hàm Thứ Trưởng dưới chế độ CHXHCN/VN

- PHAN MẠCH : 2/13

Chuyên viên .

- PHAN VĂN TRỦ : 2/13

Lý Trưởng .

- PHAN ĐOAN : 2/13

Lý Trưởng .

- PHAN HẠNH : 2/13

Thí sinh Giáo Dưỡng .

** Ngạch Giáo dưỡng : Con các quan từ Ngủ phẩm đến Tam phẩm được vào học trường Giáo dưỡng được cấp lương bổng và cử quan đại thân ra dạy.*

Đủ hạn học 3 năm, qua kỳ sát hạch sẽ bổ thụ Chánh bát phẩm Đội trưởng, sau 2 năm được thăng bổ Cẩm binh Đội trưởng, hàm tòng Thất phẩm.

- **PHAN BÁ TẢO :** (Ô. Tú Chức) 2/13

Tú Tài .

- **PHAN TÚC :** 2/13

Cửu phẩm .

- **PHAN TOẠI :** 2/13

Lý Trưởng .

- **PHAN DIỆU :** 2/13

Cửu phẩm .

- **PHAN TÚ :** 2/13

Cửu phẩm .

- **PHAN CHÂU :** 2/13

Chánh Tổng .

- **PHAN BÍCH :** 2/13

Chánh Tổng .

- **PHAN THÀNH TÀI :** 2/13

Chí Sĩ Cách mạng . Liệt sĩ .

** Xem tiếp Chương Ba, trang 224 .*

- **PHAN PHIÊN :** 2/13

Phó Tổng.

- **PHAN QUÝ THUYỀN :** 2/13

Cửu phẩm .

- **PHAN TAM :** 2/13

Diplôme tại Lycée Pétrus Ký. Tú tài 1939 tại Sài Gòn. Thẩm phán Tòa An Quân sự Liên Khu 5. Viện Phó Viện Kiểm sát Hải Phòng. Quyền Viện Trưởng Viện Kiểm Sát Phú Khánh. Phó Ban Nội Chính Tỉnh Ủy Khánh Hòa.

Viện Kiểm sát tối cao phong danh hiệu Chiến sĩ thi đua - 5 danh hiệu Chiến sĩ thi đua. Huân chương kháng chiến chống Pháp hạng 3. Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất. Huy chương Bảo vệ Pháp chế.

** **Lyceé Pétrus Ký Sài Gòn:** Trường nam trung học công lập lớn nhất tại miền Nam dưới chế độ Pháp thuộc và VNCH miền Nam, bây giờ là trường chuyên Lê Hồng Phong. Trần Văn Ôn đã học ở trường này, bị thực dân Pháp*

bắn chết trong một cuộc biểu tình chống thực dân Pháp của HS-SV Sài Gòn, Gia Định ngày 09.01.1950 (Ngày truyền thống HS-SV : 09.1)

Tú tài Tây học và những năm đầu của chế độ VNCH miền Nam : Sau khi đỗ Diplôme học tiếp 2 năm thi bằng Tú tài Phần I (Baccalauréat 1ère partie), năm sau thi bằng Tú tài phần II (Baccalauréat 2 ème partie). Bằng diplôme, bằng Trung học Đệ Nhất cấp, Tú tài Phần thứ Nhất và Tú tài Toàn phần đều phải thi 2 kỳ : - Thi viết và thi vấn đáp, đầu kỳ thi viết mới được vào thi vấn đáp.

Viện Kiểm Sát : Dưới chế độ VNDCCH và CHXHCN/VN, cơ quan tối cao trong ngành tư pháp, giám sát việc thi hành pháp luật của một Huyện, Tỉnh, Trung ương.

- PHAN THÁN : 2/13

Cửu phẩm. Xã trưởng

- PHAN ĐỨC HANH : (Ô. Tú Âm) 3/13

Tú Tài. Âm sanh.

- PHAN ĐỨC CUỒNG : 3/13

Cửu phẩm .

- PHAN ĐỨC THUẦN : 3/13

Primaire. Trợ giáo. Hàn Lâm Viện Thi Độc.

- PHAN ĐỨC THÁI : 3/13

Cửu phẩm .

- PHAN VĂN DIỄN : 3/13

Lý Trưởng .

- PHAN NIÊN : 3/13

Thiếu Tá Công An . Giám thị Trưởng

** Cấp bậc : Thiếu tá Công an. Chức vụ : Giám thị trưởng Trại Cải tạo.*

Tổ chức trong Quân đội và Công an của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có các cấp bậc :

Thanh niên đến 18 tuổi phải thi hành Nghĩa vụ quân sự, sau 2 năm mãn hạn NVQS.

- Binh : Có Binh Nhì, Binh Nhất.

- Hạ sĩ quan : Hạ sĩ, Trung sĩ, Thượng sĩ.

- Sĩ quan : Có cấp Ủy, Cấp Tá, Cấp Tướng. Cấp Ủy có Thiếu úy, Trung úy, - Thượng úy và Đại úy. Cấp Tá và Tướng cũng vậy.

Trong Quân đội của chế độ Việt Nam Cộng Hòa (1954-1975), từ vĩ tuyến thứ 17 vào Nam, các cấp bậc trong quân đội cũng giống như nước CHXHCN Việt nam nhưng không có các cấp bậc Thượng Úy, Thượng Tá, Thượng Tướng mà có Chuẩn Úy.

- Binh : Có Binh Nhì, Binh Nhất, Hạ sĩ.

-Hạ sĩ quan : Trung sĩ, Thượng sĩ, Chuẩn úy.

-Sĩ quan : Cấp Úy có Thiếu Úy, Trung Úy, Đại Úy. Cấp Tá và Tướng cũng vậy. Riêng cấp Tướng có Chuẩn Tướng và Thống Tướng.

Thanh niên đến 18 tuổi bắt buộc phải thi hành quân dịch, sau 2 năm mãn hạn quân dịch. Quân đội gồm 2 hệ Trừ bị và Chính qui: Trừ bị là những người bị động viên, chính qui là những người tình nguyện vào lính suốt đời.

Trở lại với chức vụ của ông Phan Niên:- Trại Cải tạo là nơi giam giữ những người vi phạm pháp luật. Hướng dẫn các tù nhân biết ăn năn, hối lỗi, tu sửa bản thân, học nghề để trở thành người công dân tốt trở về với gia đình và xã hội sau khi mãn hạn tù.- Giám thị : trông coi, quản lý, hướng dẫn các tù nhân. Người đứng đầu Trại Cải tạo là Giám thị trưởng.

- PHAN NHỊ :

3/13

Trung Úy Quân đội . Liệt sĩ.

** Liệt sĩ : Người đã hy sinh cho Tổ quốc, được Nhà Nước nước CHXHCN/VN xét phong là Liệt sĩ. Vợ con các liệt sĩ được hưởng một số ưu tiên trong nhiều lãnh vực để nâng đỡ họ trong cuộc sống khi mất chồng, mất cha. Liệt sĩ chưa có gia đình thì cha, mẹ được hưởng các quyền lợi này. Ngoài mục đích nâng đỡ còn thể hiện lòng biết ơn đối với những người đã hy sinh cho Tổ quốc.*

** Tử sĩ : Nhân dịp giải thích chức danh Liệt sĩ, chúng ta nhắc đến chức danh Tử sĩ dưới chế độ VNCH miền Nam. Tử sĩ là những người lính đã hy sinh trong thời chiến tranh. Nếu tử sĩ còn cha mẹ thì cha mẹ được trợ cấp Tổ phụ suốt đời. Vợ được trợ cấp tiền Quả phụ suốt đời. Con được công nhận là Quốc gia nghĩa tử và được hưởng trợ cấp đến 18 tuổi. Sau 18 tuổi, nếu còn học Đại học thì được hưởng trợ cấp đến 21 tuổi.*

- PHAN ĐẮC LỰC :

3/13

Phó Tiến Sĩ . Tổng Giám Đốc.

** Học vị Phó Tiến sĩ: Những người đã tốt nghiệp Đại học, tự nghiên cứu tiếp một đề tài về ngành của mình đã học ở đại học, dưới sự hướng dẫn của một giáo sư đại học. Nghiên cứu sinh trình bày đề bảo vệ luận án của mình trước*

một Hội đồng Giáo sư làm Giám khảo do trường đó triệu tập các giáo sư trong trường hoặc mời thêm các giáo sư ngoại quốc tham dự. Hội đồng giám khảo đánh giá và khảo hạch trực tiếp nghiên cứu sinh qua một buổi trình bày để bảo vệ luận án. Nếu luận án tốt, có giá trị cao sẽ được Hội đồng giám khảo xét cho đậu Phó Tiến sĩ hoặc Tiến sĩ. Trường đại học sẽ cấp văn bằng sau khi được Bộ Đại học xét duyệt. Thời gian nghiên cứu và lập luận án từ 2 đến 3 năm. Tuổi tối đa không quá 33 tuổi..

Chức vụ Tổng Giám Đốc đứng trên nhiều Giám đốc trực thuộc. Ví dụ Tổng Giám đốc Bưu điện, bên dưới có nhiều Giám đốc Bưu điện các tỉnh v.v..

- PHAN PHỤ :

3/13

Bác sĩ .

* Dưới chế độ VNCH miền Nam : Những người có bằng Tú tài vào học các trường Đại học Y, Dược. Nếu học ngành Y, sau 7 năm học, thi tốt nghiệp ra trường gọi là Bác sĩ. Nếu học ngành Dược, sau 4 năm, thi ra trường gọi là Dược sĩ.

* Dưới chế độ CHXHCN/ VN :- Sau khi tốt nghiệp Phổ thông Trung học (Hệ 10 năm hoặc 12 năm), sau 5 năm học, thi tốt nghiệp ra trường gọi là Bác sĩ.

- Bác sĩ chuyên tu : Bán tập trung và tập trung. Loại tập trung là các Y sĩ có bằng Phổ thông trung học, đã phục vụ trong ngành Y từ 3 năm trở lên, thi đậu vào trường Đại học Y, sau 4 năm học, ra trường gọi là Bác sĩ chuyên tu. Loại bán tập trung là các Y Sĩ được đề cử đi học, không đòi hỏi bằng cấp, mỗi năm chỉ tập trung vào trường học vài ba tháng, thời gian còn lại vẫn đi làm việc như thường lệ.

- PHAN ĐỊNH CÔNG :

13/3

Kỹ sư Kinh tế. Trung tá. Tỉnh Ủy viên tỉnh Đồng Nai.

- PHAN CỬ :

3/13

Cửu phẩm.

- PHAN NGỌC THÀNH :

3/13

Trung Ủy.

- PHAN THỊ NHƯ LÂM :

3/13

Cử nhân Hóa.

*Cử nhân Hóa Đại Học Tổng hợp Hà Nội 1964 - Chủ tịch Công Đoàn - Huân chương KC chống Pháp hạng Nhất - KC chống Mỹ hạng 2 -

- PHAN ĐẮC LẬP :

3/13

Đại Học Ngữ văn. Phóng viên. Phê bình văn học.

- **PHAN ĐẮC LŨ :** 3/13

Tú tài. Nhà thơ

- **PHAN VĂN ĐỆ :** 3/13

Giám Đốc Công Ty Xuất Nhập Khẩu.

- **PHAN CỬ :** 3/13

Thành Chung. Đại Ủy.

- **PHAN VĂN THUẬN :** 3/13

Trung học Đệ Nhất Cấp. Thư ký Tòa Hành Chánh tỉnh Quảng Ngãi.

- **PHAN VĂN HÒA :** 3/13

Tú tài II. Cán Sự Y Tế . Đại Ủy. Định cư tại Canada.

- **PHAN VĂN KÍNH :** 3/13

Cử nhân Văn Khoa. Giáo viên cấp III.

- **PHAN VĂN NHƯỢNG :** 3/13

Cử nhân Vật lý. Đại Học Sư phạm. Giáo viên Cấp III.

- **PHAN VĂN HUY :** 3/13

Kỹ sư, Cao học điện lực Hydro - Québec, Canada. Định cư tại Montréal
Canada

- **PHAN VĂN TRÍ :** 3/13

Cao học Hải Dương Học 1971. Giáo viên cấp III. Sĩ quan.

- **PHAN VĂN TRƯỚC :** 3/13

Cao học Địa lý. Giáo viên Cấp III. Sĩ quan.

- **PHAN VĂN TÙNG :** 3/13

Cao học văn chương. Giáo viên Cấp III. Trung Ủy.

PHAN NHƯ LIỄU : 3/13

Cử nhân Lý Hóa - Giáo viên cấp 3 - Trung úy

- **PHAN MINH KẾ :** 3/13

Trung Học Đệ Nhất Cấp. Chủ Sự Phòng Hành Chánh cấp Bộ.

- **PHAN VĂN LONG :** 3/13

Tú tài. CBCNVC Công Ty Lương thực Thực phẩm Tp.HCM.

- **PHAN VĂN KIÊN :** 3/13

- Tú tài. Trung cấp kỹ thuật
- **PHAN THỊ NGỌC ANH :** 3/13
Bác Sĩ Y Khoa.
- **PHAN THỊ MỸ CHÂU :** 3/13
Tú tài .
- **PHAN THỊ THÚY :** 3/13
Trung Học Đệ Nhất Cấp.
- **PHAN THỊ TUỜNG :** 3/13
Trung Học Đệ Nhất Cấp. Nữ Hộ Sinh Quốc Gia.
- **PHAN THỊ THANH :** 3/13
Cử nhân Văn Khoa. Giáo viên Cấp III. Định cư Canada.
- **PHAN DUY TRUNG :** 3/13
Kỹ sư Công chánh. Định cư ở Canada.
* *Kỹ sư công chánh (dưới chế độ VNCH miền Nam). Dưới chế độ CHXHCN/VN gọi là Kỹ sư cầu đường.*
- **PHAN THỊ THU TỊNH :** 3/13
Đại học Khoa học. Định cư Hoa kỳ.
- **PHAN DUY THÀNH :** 3/13
Tốt nghiệp Đại học Canada
- **PHAN THỊ THU THỦY :** 3/13
Bác Sĩ Y Khoa. Định cư Canada
- **PHAN THỊ THU THẢO :** 3/13
Bác sĩ Nha khoa. Định cư Canada.
- **PHAN THỊ THU TRANG :** 3/13
Tốt nghiệp Đại học Canada.
- **PHAN DUY TOÀN :** 3/13
Tốt nghiệp Đại học Canada.
- **PHAN SÔ :** 4/13
Trung học Pháp văn. Phó Giám đốc Cty Shell chi nhánh Đà Nẵng tại miền Trung.
- **PHAN VĂN QUYÊN :** 4/13
Thiếu Tá . Liệt sĩ .

- **PHAN ĐÌNH HIỂN :** 4/13

Ủy viên kinh tế Khu 5.

- **PHAN HỒNG LIÊN :** 4/13

Đại Tá .

- **PHAN VĂN QUÁN :** (ô. Đội Quán) 4/13

Đội Trưởng.

** Đội trưởng dưới thời Pháp thuộc là người đứng đầu một Đội trông coi về quan thuế ở Ty, Sở Quan thuế, hoặc Hải quan ở các bến cảng v.v...*

- **PHAN MINH :** 4/13

Trung học Pháp văn. Cử phẩm .

- **PHAN NGỌC CỰ :** 4/13

Lý Trưởng .

- **PHAN NGỌC TỈNH :** 4/13

Cử phẩm .

- **PHAN TẤN THIỆN :** 4/13

Cử nhân kinh tế.

- **PHAN TẤN ĐẠT :** 4/13

Cử nhân kinh tế.

- **PHAN LEM (Tự THƠ HUY)** 4/13

Kinh binh thơ lại

- **PHAN HUYNH :** 5/13

Cử nhân kinh tế. Phó Chủ nhiệm Khoa Đại học TCKT. Chuyên viên cấp

3/3

- **PHAN VĂN TỈNH :** 5/13

Đội Trưởng . Cử phẩm .

- **PHAN VĂN LỘC :** 5/13

Lý Trưởng .

- **PHAN VĂN THÌN :** 5/13

Cử phẩm .

- **PHAN NĂM :** 5/1313/5

Thiếu Uy .

- **PHAN VĂN XUÂN :** 5/1313/5

Dược sĩ.

vvvvvvv

b/ TỪ ĐỜI 14 ĐẾN ĐỜI 17 :

Xếp theo vần A,B,C từng Phái, Đời .

Chúng tôi đã gửi thư đến từng gia đình, sau một năm chúng tôi thống kê và bổ sung thêm về học vị và chức vụ từ đời thứ 14 đến 17. Đây là bảng thống kê chưa đầy đủ, chỉ khoảng 60% thực tế, tính đến thời điểm năm 2000. Chúng ta sẽ cố gắng tìm cách bổ sung thêm dần dần.

HỌ VÀ TÊN	ĐỜI PHÁI	HỌC VỊ	CHỨC VỤ
✓ ĐỜI THỨ 14 :			
= PHÁI 2 =			
PHAN AN	2/14	Phó Giáo sư - Phó tiến sĩ	Giám đốc trung tâm Dân tộc học và Tôn giáo
PHAN THỊ XUÂN ANH	"	Tú tài 1974	
PHAN THỊ KIM ANH	"	Giáo viên Trung Học Y tế / TƯ 2	
PHAN THỊ THU BA	"	Đại học kinh tế	
PHAN LONG THẾ BẢO	"	Kỹ sư Nông Lâm	Gò Vấp Tp.HCM
PHAN NGỌC BÁU	"	Tú tài Sài gòn 1974	
PHAN KỲ BẮC	"	Kỹ sư cơ khí	
PHAN LƯU BIÊN	"	Đại học sư phạm. Cử nhân Toán	Giáo viên.Tp.HCM
PHAN THỊ HÒA BÌNH	"	Cử nhân kinh tế	
PHAN THÁI BÌNH	"	Kỹ sư cơ khí	
PHAN THỊ CẨM	"	Tú tài	

PHAN LONG CHÍ	"	Tú tài	Qui Nhơn
PHAN LONG CÔN	"	Cử nhân văn khoa	Hiệu trưởng trường cấp 3 Tuy Hòa
PHAN THỊ CÚC	"	Bác sĩ 1967 Đại học Y khoa Tp.HCM. Cử nhân kinh tế 1976 Hà nội, trường ĐHK T/KT Hà Nội Phó, Trưởng phòng Y tế Bộ Công Nghiệp Thực phẩm. Thư ký Công đoàn Bộ lương thực, thực phẩm. Huân chương : - kháng chiến chống Pháp hạng 1.- Chống Mỹ cứu nước hạng 1. Huy chương : - Vì sự nghiệp công đoàn - Vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ.	
PHAN THỊ KIM	2/14	Bác sĩ	
PHAN CỬ	"	Cao đẳng Tiểu học	Thượng tá QĐ/NDVN
PHAN CHÁU	"	Kỹ sư Đại Học Giao thông vận tải Hà Nội 1963. Chuyên viên kỹ thuật cơ khí. Trưởng phòng Kỹ thuật Bộ Giao thông vận tải. Giám đốc, Chủ tịch CĐ Sở GTVT. Huân chương:- KC hạng 3- Chiến thắng hạng 1 Huy chương :- Vì sự nghiệp Công nghệ.- Vì sự nghiệp Xây dựng CĐ. Vì sự nghiệp GTVT.Giấy khen tham gia xây dựng Lăng Bác Hồ do Tổng Bí thư Đỗ Mười ký. Và nhiều giấy khen khác.	
PHAN THÀNH CHƠN	"	Kỹ sư vô tuyến. Đại học thông tin vô tuyến điện Mát - cơ -va	Trưởng phòng kỹ thuật viễn thông Sở Bưu điện Đà Nẵng
PHAN THỊ XUÂN DUNG	"	Trung học Sư Phạm	
PHAN XUÂN DŨNG	"	Tiến sĩ Vật Lý tại	Định cư tại Pháp

		Pháp	
PHAN THỊ THÙY DƯƠNG	"	Tú tài	Hoa kỳ
PHAN ĐĂNG	"	Cao đẳng sư phạm	Giáo viên
PHAN ĐẦU	2/14	Diplôme. Thông phán	
PHAN HUỖNH ĐIỀU	"	Thiếu úy	QĐ/VNCH
PHAN THẾ ĐỒNG	2/14	Thạc sĩ	Gò Vấp Tp.HCM
PHAN VĂN ĐỨC	2/14	Tú tài	Giáo viên Lý Hóa.
PHAN NHƯ HẢI	"	Tú tài	Trung úy QĐ/VNCH
PHAN HẠP (Nhà thơ Xuân Tâm).	"	Thành chung, Tú tài, Tham tá.	Giám đốc Sở Ngân khố liên khu 5, chuyên viên UBKH nhà nước. Huân chương : - Kháng chiến chống Pháp hạng 1- Chống Mỹ cứu nước hạng 1.
PHAN THỊ HIỀN	"	Tú tài	Hoa kỳ
PHAN THỊ MỘNG HOA	"	Tú tài	Giáo viên. Huế
PHAN XUÂN HÙNG	"	Kỹ sư điện (ET 1956 Sài gòn)	Định cư tại Hoa kỳ
PHAN XUÂN HỔ	"	Tiến sĩ Điện toán tại Pháp. Khảo nghiệm Nguyên tử.	Định cư tại Pháp
PHAN THỊ XUÂN HOA	"	Trung học Đệ Nhất cấp. Tốt nghiệp Sư phạm Huế	Giáo viên
PHAN THỊ XUÂN HƯƠNG	"	Trung học Đệ Nhất Cấp . Tốt nghiệp Sư phạm khóa 1 Nha trang	Giáo viên
PHAN XUÂN HUY	"	Cử nhân Toán	Giáo sư. Dân biểu Hạ Nghị Viện VNCH - Dân biểu đối lập chính

			quyền Sài Gòn
PHAN XUÂN HOÀNG	"	Kỹ sư kỹ nghệ đông lạnh ĐH Pháp	
PHAN VĂN HOÀNG	"	Đại học đường sắt	Trưởng Ga Ma Lâm.
PHAN LONG KHẮN	"	Cử nhân luật.	Cần Thơ
PHAN THỊ KIM	"	Tốt nghiệp Cấp 3	Hữu trí. Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng 3.
PHAN THỊ KIM	"	Tú tài	Giáo viên
PHAN LAI	2/14	Thành chung Quốc học Huế.	Trưởng ty Kho bạc tỉnh Quảng Nam . Huân chương : - Kháng chiến hạng 1 - Chống Mỹ cứu nước hạng 1
PHAN THẾ LÂM	"	Tú tài	
PHAN NHƯ LÂM	"	Đại học	Phó Bí thư Thành ủy Đà Nẵng
PHAN THỊ LÊ	"	Diplôme. Tốt nghiệp Sư phạm Đồng Khánh, Huế.	Công tác phụ vận các Xã, Huyện Quảng Nam. Hội trưởng Hội Phụ nữ Huyện Thăng Bình, Q.Nam.
PHAN BÁ LIÊM	"	Trợ giáo	
PHAN THỊ LIỄU	"	Phụ nữ cứu quốc xã Hoàng Diệu, UV/BCH Hội Phụ Nữ Cứu quốc Huyện Điện Bàn. Bí thư đảng bộ xã Thanh sơn. Đảng ủy Thị xã Gia Định. Hoạt động nội thành Phân khu 5. Bị đày đi tù Côn Đảo , trở về năm 1975.	
PHAN LONG	"	Trung học Đại tá QĐND/VN. Huy chương: - Quân công hạng 3 - Chiến thắng hạng 3. Huân chương : - Chiến sĩ vẻ vang 1, 2, 3 - Chiến công hạng 3 - Chống Mỹ hạng 1.	

PHAN LỮU LONG	2/14	Kỹ sư cầu đường	Đại tá QĐND/VN
PHAN THỊ LUYẾN	"	Diplôme	Qui Nhơn
PHAN THỊ LÝ	"		Đại úy Cục Tài chính Bộ Quốc phòng.
PHAN THỊ XUÂN LÝ	"	Tú tài	
PHAN THỊ MAI	2/14	Tú tài	
PHAN THỊ MÃN	"	Bác sĩ Đại học y Khoa Hà Nội.	Nguyên Giám Đốc TT/YT Quận Ba Đình Hà Nội.
PHAN THỊ BÌNH MINH	"	Phó Tiến Sĩ Hóa học	
PHAN VĂN MINH	"	Kỹ sư xây dựng	
PHAN MUỖI	"	Bác sĩ Quân Y	Hà Nội
PHAN KỲ NAM	"	Bác sĩ	
PHAN NGANG	"	Đại học kinh tế kế hoạch	
PHAN NGHINH	"	Kỹ sư nuôi trồng thủy sản 1974 ĐH/TS. Trung cấp tổ chức trường Tổ chức Trung ương Hà Nội. Trường chính trị Mác-Lênin 1961. Trung đội trưởng Trung đoàn 108. Trưởng Phòng tổ chức cán bộ ĐH Thủy sản Nha Trang. Huân chương : - Chiến thắng hạng 3 chống Pháp - Kháng chiến chống Mỹ hạng 1. Huy chương : - Vì sự nghiệp XD nghề cá. 1 bằng khen do Thủ tướng Chính phủ cấp - 4 bằng khen do Bộ Thủy sản cấp.	
PHAN NGỌC	2/14	Đại học sư phạm	Hoa kỳ
PHAN THỊ XUÂN NGUYỆT	"	Cử nhân Đại học Quốc gia Hành Chánh	
PHAN LONG PHÙNG	"	Cử nhân	Giáo viên. Đà Lạt

PHAN QUẢNG	"	Bác sĩ ĐHYK Huế 1972	
PHAN AN SA	"	Cử nhân kinh tế	Cán bộ Bộ Văn hóa
PHAN NAM SINH	"	Cử nhân ĐHSP	Giáo viên
PHAN TỈNH	"	Thiếu tá	
PHAN TỊNH	2/14	Thiếu tá QĐND/VN Trưởng ban tài chính trường quân sự Quân khu 4. Huân chương : - Chiến sĩ vẻ vang !,2,3.- Chiến thắng hạng 3 - Quân công hạng 3 - Giải phóng hạng 3 - K.C chống Mỹ cứu nước hạng 1 - Chiến công do nước CHDCND Lào tặng. Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.	
PHAN XUÂN TUẤN	"	Bác sĩ y khoa	
PHAN TRẦN	"	Cử nhân	Giảng viên Đại học Ngoại ngữ Tp.HCM
PHAN KỲ TRUNG	"	Kỹ sư điện tử	
PHAN XUÂN TRƯỜNG	"	Cử nhân luật	
PHAN VĂN TRƯỜNG	"	Tú tài Sài gòn 1955	Định cư tại Hoa Kỳ
P. LONG TUỜNG	"	Tú tài	Hoa kỳ
PHAN THẾ THANH	2/14	Tú tài điện tử	Đà Lạt
PHAN NHƯ THẠCH	"	Đại học	Phó Giám đốc Công An Quảng Nam
PHAN THỊ THÁI	"	Cử nhân kinh tế	Cán bộ ĐHK T/Tp.HCM
PHAN NHẬT THỌ	"	Cán bộ kỹ thuật	Hà Nội
PHAN VĂN THÓA	"	Kỹ sư cơ khí	
PHAN HỨA THÔI	"	Cử nhân Học viện Quốc gia Hành chánh Sài gòn	Phó quận trưởng. Trưởng ty Kinh tế.

PHAN THAO	"	Tú tài	Đại biểu Quốc hội Khóa I nước VNDCCH. Nhà báo. Chủ bút báo Thống nhất Hà Nội.
PHAN THỰC	2/14	Bác sĩ	Bệnh viện Chợ Rẫy
PHAN VIÊN	"	Tú tài. Đại tá QĐND/VN. 13 Huân chương kháng chiến, chiến thắng, Quân công, Chiến công. Huy chương quân kỳ quyết thắng.	
PHAN THỊ VIỆN	"	Dược sĩ	
PHAN VỸ	"	Trung học	Khu trưởng Hành Chánh Khu Phụ Kỳ. Thắng bình, Tam kỳ. Tổng ủy trưởng Khu Dinh điền VNCH.
PHAN THỊ XUÂN YẾN	"	Tú tài	
= PHÁI 3 =			
PHAN THỊ LAN ANH	3/14	Cử nhân nghệ thuật Nhạc viện Tp.HCM	
PHAN AMÉLIE (PHAN MAI LY)	"	Bác sĩ Y Khoa Canada	Định cư tại Montréal Canada
PHAN THỊ HOÀNG ANH	3/14	Tú tài	
PHAN TRỌNG ANH	"	Đại học Toán Tin học. ĐH/QTĐ	
PHAN PHẠM PHÚ QUỐC BẢO	"	Kỹ sư điện	Sở Điện lực Đà Lạt
PHAN ĐỨC BÌNH	"	Đại học Y Dược. Dược sĩ. Phó Tổng Biên tập bán nguyệt san "Thuốc và Sức khỏe" tổng hội Y Dược học VN tại Tp.HCM	

PHAN HUY CHẤN	3/14	Tú tài. Trung cấp KTTC	
PHAN THỊ QUỲNH CHÂU	"	Tú tài	CNV Bưu điện Phan Rang
PHAN PHẠM PHÚ NAM CHÂU	"	Cử nhân KTTC	Công ty Lado Đà Lạt
PHAN VĂN CHƠN	"	Cử nhân Đại học kinh tế	
PHAN PHẠM PHÚ QUỐC CHUÔNG	"	Kỹ sư Xây dựng cầu đường	
PHAN QUỐC DŨNG	"	Tú tài	
PHAN QUỲNH GIAO	"	Đại học Kinh tế	Phó Giám đốc
PHAN PHẠM PHÚ NAM GIAO	"	Cử nhân Kinh tế Tài chính	Công Ty Leaprodexim VN
PHAN HỮU HẠNH	"	Tiến sĩ	Giáo sư Đại Học Tp.HCM
PHAN THỊ HOÀNG HẢO	3/14	Đại học kinh tế	Kế toán trưởng cơ quan vật tư Phan Rang
PHAN HUỲNH THANH HIỀN	"	Đại học	Định cư tại Canada
PHAN THU HIẾU	"	Cao học Kế toán	Định cư tại Montréal Canada
PHAN HÒA HIỆP	"	Dược sĩ Canada	Định cư tại Montréal Canada
PHAN PHẠM PHÚ NAM HOÀNG	"	Tú tài	Đang học Đại học Ngân Hàng
PHAN ĐỨC HUY	3/14	Diplôme tại Huế	Cán bộ Vô Tuyến Điện QĐND/VN - Liệt sĩ

PHAN THỊ MAI HƯỜNG	"	Cao đẳng sư phạm Anh văn	Giáo viên
PHAN QUỐC ANH KHOA	"	Tú tài	
PHAN QUỲNH LÂM	"	Tú tài	
PHAN THỊ MỸ LINH	"	Tú tài. Trung cấp thương nghiệp	
PHAN LÊ THÙY LINH	"	Tú tài	
PHAN THỊ PHƯƠNG LINH	"	Tú tài	
PHAN THỊ NGỌC LINH	"	Tú tài	Đang du học tại CHLB Đức
PHAN THỊ HOÀI LINH	"	Tú tài 1986 Tp.HCM	
PHAN VĂN LỮU	3/14	Tú tài	
PHAN ĐỨC MỸ (Tức Nam Hà)	"	Tốt nghiệp nghiệp vụ trường An ninh cao cấp Liên Xô . Tốt nghiệp trường cao cấp chính trị Nguyễn Ái Quốc Đại tá CAND/VN. Phó Giám Đốc Sở Công An Quảng Nam - Đà Nẵng. Huân chương :- Kháng chiến hạng 1 - Chiến thắng hạng 1 - Chiến công hạng 2 - Quyết thắng hạng 1 - Giải phóng hạng 3. Huy chương : - Kháng chiến hạng 1 - Giải phóng hạng 1 - Vì sự nghiệp an ninh tổ quốc	
PHAN ĐỨC MINH	3/14	Diplôme Cán bộ thuế quan chính quyền Việt minh trong kháng chiến chống Pháp - Liệt sĩ	

PHAN THỊ TỔ NGA	"	Tốt nghiệp Đại học pháp lý	
PHAN NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	"	Tú tài	
PHAN PHẠM PHÚ NAM PHƯỜNG	"	Tú tài. Trung cấp thương nghiệp	
PHAN THỊ TƯỜNG QUÂN	"	Tú tài	
PHAN THỊ TƯỜNG QUY	"	Tú tài	
PHAN LÊ HIỀN TÂM	"	Cử nhân Anh văn	
PHAN MINH TÂM	3/14	Tú tài	
PHAN HOÀNG TÂM	"	Tú tài	
PHAN THỊ GIAO TIỀN	"	Tú tài	Đang sinh sống tại Hoa kỳ
PHAN BÁCH TIẾN (SÉ BASTIEN)	"	Kỹ sư vi tính Ingénieur informatique	Định cư tại Canada
PHAN QUỐC TUẤN	"	Tú tài	
PHAN ANH TUẤN	3/14	Kỹ sư thủy sản	Cán bộ KCS (Kiểm tra Chất lượng Sản phẩm)
PHAN THỊ HOÀNG TÚY	"	Tú tài	
PHAN PHẠM PHÚ NAM TRÂN	"	Kỹ sư Ngân hàng	Ngân hàng Công thương Đà Lạt

PHAN LÊ TUYẾT TRINH	"	Tú tài	
PHAN VĂN TỬ	"	Cử nhân kinh tế	
PHAN MINH THẢO	"	Tiến sĩ	Đại tá QĐNN/VN
PHAN ĐỨC THÂM	"	Tú tài	Giáo viên
PHAN ĐỨC THÔNG	"	Diplôme tại Huế	Giáo viên
PHAN THỊ HOÀNG THỦY	"	Tú tài	Kế toán trưởng Nông nghiệp Phan Rang
PHAN NGUYỄN HOÀN VŨ	3/14	Đại học Đại cương Anh văn . Trung cấp hàng hải. Kỹ thuật viên cao cấp Tin học.	
PHAN ĐỨC XUYỀN	"	Diplôme tại Huế Đại tá QĐND/VN -HC: Chiến sĩ vẻ vang 1, 2, 3 - Kháng chiến hạng 3.	
PHAN ĐỨC XƯƠNG	"	Diplôme tại Huế	Y tá QĐND/VN - Liệt sĩ
= PHÁI 4 =			
PHAN VINH AN	4/14	Đại học	Định cư tại Mỹ
PHAN ĐỨC ANH	"	Tú tài	Tp.HCM
PHAN THỊ KIỀU ANH	"	Tú tài 1972	

PHAN THỊ XUÂN ANH	"	Dược sĩ	Tp.HCM
PHAN THỊ PHI ANH	"	CDSP Đà Nẵng	Giáo viên
PHAN NGỌC ÁNH	"	Tú tài	Đà Lạt
PHAN ÂN	"	Đại học.	Thiếu tá
PHAN THỊ THU BA	"	CD Sư Phạm	Giáo viên
PHAN THỊ BẢY	"	Đại học Sư phạm Văn	Giáo viên - Đà Nẵng
PHAN ĐỨC BẢO	"	Tú tài 1960	Đại úy quân đội VNCH. Định cư tại Hoa kỳ
PHAN THỊ DIỆU BÍCH	"	Tú tài toán 1970	Giáo viên
PHAN XUÂN BỬU	"	Tú tài	Đà Lạt
PHAN THỊ MINH CHÂU	"	Tú tài	Tp.HCM
PHAN MINH CHÂU	"	Tú tài	Nhà báo SGGP
PHAN TRẦN CHÂU	4/14	Đại học	Tp.HCM
PHAN TÙNG CHÂU	"	Kỹ sư cơ khí	
PHAN CHÍ CƯỜNG	"	Tú tài	
PHAN THỊ MINH DÂN	"	Cử nhân	Huế

PHAN NGỌC DIỆP	"	Tú tài	Tân Bình, Tp.HCM
PHAN PHÚ DŨNG	"	Đại học sư phạm	Giáo viên cấp 3 Thủ Đức
PHAN ANH DŨNG	"	Tú tài	
PHAN ĐÌNH DŨNG	4/14	Tú tài	
PHAN LONG DŨNG	"	Tú tài Pháp 1973 Sài gòn	
PHAN MINH DŨNG	"	Tú tài	
PHAN ĐỊNH	"	Cử nhân	Tp.HCM
PHAN BÁ ĐỘ	"	Đại học	Tp.HCM
PHAN ĐÌNH ĐỨC	"	Tú tài tin học	Đà Nẵng
PHAN TIẾN ĐỨC	"	Cử nhân khoa Văn	Tp.HCM
PHAN THỊ BÍCH HÀ	4/14	Tú tài	Giáo viên. Định cư tại Hoa kỳ
PHAN HIỂN	"	Kỹ sư	Giám đốc XN thực phẩm Lâm Đồng
PHAN TẤN HIẾU	"	Tú tài	Tp.HCM
PHAN LÊ HỒNG	"	Tú tài	

PHAN THỊ LỆ HỒNG	"	Tú tài	Đà Lạt
PHAN THỊ CẨM HƯƠNG	"	Dược Sĩ	Úc
PHAN VĂN HƯỜNG	4/14	Kỹ sư thủy sản. Nghiên cứu sinh tại Bắc kinh Trung Quốc Hội đồng nhân dân tỉnh .Giám đốc.Huân chương KC chống Mỹ hạng 2. Hai kỷ niệm chương và nhiều bằng khen	
PHAN KHOA	"	Kỹ sư Xây Dựng	Trưởng ban Kỹ thuật Cty Du Lịch Lâm Đồng
PHAN THỊ MINH KHOA	"	Tú tài	Tp.HCM
PHAN NGỌC KỲ	"	Cao đẳng Điện tử	
PHAN NGỌC LAN	"	Đại học Kinh tế	
PHAN XUÂN LANG (Túc Phan Mãi)	"	Tốt nghiệp trung học	Giám đốc Sở Điện lực Quảng Ninh
PHAN VĂN LÂM	4/14	Kỹ sư xây dựng	Cảng Đà Nẵng
PHAN THỊ LIÊN	"	Tú tài	Đà Lạt
PHAN LÝ LONG	"	Cao đẳng Điện tử Đại học RMI - Úc	Định cư tại Úc
PHAN NGỌC LONG	"	Cử nhân Kinh tế	Trưởng Phòng
PHAN VĂN MAI (Túc Khăng)	"	Trung học Đệ Nhất Cấp	Giáo viên - Biên Hoà

PHAN MINH MÃN	"	Cử nhân KTTC	Công ty Incomex Tp.HCM
PHAN VĂN MINH	"	Tú tài 1960	Đại úy quân đội VNCH. Định cư tại Hoa kỳ
PHAN HUỖNH NAM	"	Tú tài. Cao Đẳng Sư Phạm Toán	GV Trường PTCS Dũng sĩ Điện Ngọc.
PHAN THỊ BÍCH NGÀ	"	Đại học	CB Hải quan Tp.HCM
PHAN THỊ KIỀU NGÀ	"	Bác sĩ y khoa	Bệnh viện C Đà Nẵng.
PHAN VĂN NGÀ	"	Tốt nghiệp ĐHTH/ Đà Lạt	Đà Lạt
PHAN THỊ TUYẾT NGÀ	"	Kỹ sư	Tp.HCM
PHAN NHẪN	4/14	Trung học Pháp	Chánh văn phòng Bộ. Chuyên viên cấp cao tại Hội nghị Paris về VN
PHAN THỊ NHI	"	Đại học Sư phạm Mẫu giáo	Giáo viên
PHAN BÍCH NGỌC	4/14	Đại học luật	Đoàn luật gia Tp.HCM
PHAN THỊ NGOAN	"	Tú tài	Giáo viên
PHAN THỊ MỸ NGỌC	"	Đại học Quản trị Kinh doanh	
PHAN TÙNG NGUYỄN	"	Tú tài	Đà Nẵng
PHAN ĐÌNH PHÚC	4/14	Cử nhân	Đà Nẵng

PHAN HỮU PHƯỚC	"	Tú tài 1964	Trung úy không quân quân độiVNCH. Định cư USA
PHAN THỊ MỸ PHƯƠNG	"	Đại học Pháp văn	
PHAN LÝ PHƯỢNG	"	Cử nhân Luật	Trưởng Ty thuế vụ
PHAN VĂN QUANG	"	Tú tài	Đà Lạt
PHAN ĐÌNH SĨ	4/14	Tú tài	
PHAN THỊ BÍCH SƠN	"	Đại học	Giáo viên
PHAN TÙNG SƠN	"	Tú tài	
PHAN THỊ HUYỀN SƯƠNG	"	Tú tài	Đà Nẵng
PHAN MINH TÂM	"	Đại học	Luật sư
PHAN TÂN	4/14	Tú tài toàn phần Kỹ thuật	Phó Phòng Kỹ thuật Cty Vôi QN/Đà Nẵng
PHAN ĐỨC TẤN	"	Kỹ sư Đại học Bách khoa Đà Nẵng	
PHAN THỊ MỸ TIÊN	"	Tú tài	Đà Nẵng
PHAN MINH TIẾN	"	Đại học kinh tế	Giám đốc Lâm trường Cà Di huyện Giồng.
PHAN VĂN TIỂU	4/14	Đại học sư phạm. Kỹ sư điện tử	Định cư tại Hoa kỳ
PHAN THỊ THU TRANG	"	Dược sĩ	Đà Nẵng

PHAN HIẾU TÚ	"	Kỹ sư Nông nghiệp	
PHAN NGỌC TUÂN	"	Đại học Tin học	
PHAN THANH TÙNG	"	Tú tài 1967	Trung úy QĐ.VNCH
PHAN TUYỀN	"	Dược sĩ	
PHAN VÂN TUYỀN	"	Tú tài	
PHAN THỊ TUYẾT	"	Tú tài	Tp.HCM
PHAN THỊ ÁNH TUYẾT	"	Tú tài. Tốt nghiệp Sư phạm Qui Nhơn	Giáo viên
PHAN TẤN THÀ	"	Tú tài	Sĩ quan QĐ/VNCH
PHAN THỊ DIỆU THANH	4/14	Tú tài	
PHAN ĐÌNH THÀNH	"	Tú tài	Đà Nẵng
PHAN TRUNG THÀNH	"	Tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Huế	Giáo viên Cấp III
PHAN THỊ DIỆU THẢO	"	Tú tài	
PHAN LÊ THẨM	"	Đại học ngoại ngữ	
PHAN ĐỨC THẮNG	"	Tú tài	Tp.HCM

PHAN VĂN THÊ	"	Tú tài 1959 trường Pétrus Ký Sài Gòn. Tốt nghiệp Quốc gia Sư phạm Sài Gòn Hiệu trưởng, Thanh tra Tiểu học Sở Giáo dục Quảng Nam (60-75)	
PHAN THỊ THÂN	"	Tú tài	Tp.HCM
PHAN THỊ MINH THỊ	"	Tú tài	Tp.HCM
PHAN THIÊN	"	Kỹ sư Nông Nghiệp	Chủ tịch UBND thành phố Đà Lạt. Bí thư Thành ủy Đà Lạt. Chủ tịch tỉnh Lâm Đồng
PHAN TẤN THIẾT	"	Tú tài	Tp.HCM
PHAN THỊ THU	"	CD Sư phạm	Giáo viên
PHAN THỊ THƯƠNG	4/14	Cao đẳng Sư phạm	Giáo viên cấp 2
PHAN THỊ KIỀU THU	4/14	Đại học Kinh tế	Ngân hàng Công Thương
PHAN THỊ THUỶ	"	Tú tài	Tp.HCM
PHAN LÊ THUÝ	"	Đại học Sư phạm	
PHAN THỊ VÂN	"	Tú tài	
PHAN VINH	"	Kỹ sư	Giám đốc XNLH Vật tư Thiết bị Bưu điện 3 Tp.HCM
PHAN THỊ TƯỜNG VI	"	Tú tài	

PHAN XUỐNG	"	Cán sự Y tế	BV Quảng Ngãi
PHAN THỊ KIM XUYẾN	"	CDSP Đà Nẵng	Giáo viên
PHAN NGỌC YẾN	"	Tốt nghiệp trung học	Cán bộ nông thôn trung ương thành ủy
PHAN THỊ PHI YẾN	4/14	CDSP Đà Nẵng	Giáo viên
= PHÁI 5 =			
PHAN THỊ BÌNH	5/14	Đại học Tài chính kinh tế	CB thống kê Cảng Đà Nẵng
PHAN THỊ THU DUNG		Tú tài	
PHAN THANH ĐẠT	"	Tú tài. Trung cấp Kỹ thuật	
PHAN VĂN HOÀNG	5/14	Đại học	
PHAN THANH HUY	"	SV 5 - Kỹ sư điện lạnh	Hoa kỳ
PHAN THỊ THU NGỌC	"	Cử nhân kinh tế	
PHAN ĐÌNH NHẤT	"	Trung cấp Hàng hải	Thuyền phó , Cảng Đà Nẵng
PHAN THỊ THU NGUYỆT	5/14	Tú tài. Nữ hộ sinh	UBND/ Q.6 Tp.HCM
PHAN ON	"	Trung học	Chủ tịch Mặt trận Tổ Quốc xã Điện Quang
PHAN THANH PHƯƠNG	"	Kỹ sư điện toán. Hoa kỳ 1985.	

PHAN BẮC QUẢNG	"	Kiến trúc sư	Cty Tư vấn đầu tư & XD miền Trung
PHAN VĂN TUẤT	"	Cao đẳng Sư phạm.	
PHAN THANH TÙNG	"	Tú tài Liệt sĩ chiến trường Campuchia 1778. Huân chương quân công hạng 3. Huy chương chiến sĩ vẻ vang.	
PHAN QUẢNG THÁI	5/14	ĐH/TDĐT	- Sĩ quan
PHAN QUẢNG THÔNG	"	Thạc sĩ Kinh tế	
✓ ĐỜI THỨ 15 :			
= PHÁI 1 =			
PHAN THỊ BAN	1/15	Tú tài	
PHAN VĂN BÔNG	"	Tú tài	
PHAN THỊ HIỀN	"	Tú tài	Hà lam , Thăng Bình
PHAN THỊ NHỊ	"	Tú tài	Hà Lam, Thăng Bình
PHAN VĂN SĨ	"	Tú tài	- nt -
PHAN VĂN THÔNG	"	Tú tài	Bình Quí, Thăng Bình

PHAN THỊ THUYỀN	"	Tú tài	Hà Lam, Thăng Bình
PHAN THỊ VÂN	"	Tú tài	- nt -
= PHÁI 2 =			
PHAN HOÀI AN	2/15	Kỹ sư điện	
PHAN LONG AN	2/15	Đại học	
PHAN VŨ HOÀNG ANH	"	Tú tài	Đang học ĐH
PHAN THỊ NHƯ ANH	"	Đại học giao thông	
PHAN THỊ THU ANH	2/15	Đại học giao thông	Tp.HCM
PHAN NGUYỆT ÁNH	"	Cử nhân kinh tế	Cán bộ KCS
PHAN HOÀNG BÁU	"	Tú tài	Trưởng CA/F4. Q6 Tp.HCM
PHAN XUÂN BẰNG	"	Phó tiến sĩ (MA). Kỹ sư điện tử điện toán. Kỹ sư cơ khí	
PHAN CAO BÌNH	"	Đại học Y Khoa 1980	Lương y - 6 bằng khen cấp TP
PHAN LONG BÌNH	"	Đại học Toán Lý	
PHAN THÁI BÌNH	"	Cử nhân kinh tế ĐHBK/ĐN	Thuyền phó Cty Vận tải sông biển
PHAN XUÂN DƯƠNG CẨM	"	Cử nhân luật	

PHAN THỊ HUỲNH CÚC	2/15	Dược sĩ Đại học được Pháp	Nguyên Thanh tra bảo chế được phẩm Cộng hòa Trung Phi. Đang sống tại Pháp
PHAN THỊ CUỐC	"	Kỹ sư điện	Q5/ Tp.HCM
PHAN MẠNH CUỒNG	2/15	Kỹ sư thực hành kim loại màu	Cán bộ kỹ thuật
PHAN CHÁNH	"	Đại học Sư phạm Huế	Hiệu trưởng trường Hoa Lư Đà Nẵng
PHAN DUY CHÁNH	"	Tú tài	Đang học ĐHTH
PHAN HUY CHÂU	2/15	Cao học luật ĐH Luật Sài gòn 1974	
PHAN TRƯỞNG DẪN	"	Cử nhân toán	Giáo viên
PHAN THỊ BÍCH DIỆP	"	Cử nhân Nga văn	Cán bộ biên dịch
PHAN THỊ BÍCH DIỆP	"	Cử nhân Ngoại ngữ	Cán bộ Phiên dịch TTX/VN
PHAN THỊ NGỌC DUNG	"	Tú tài	Giáo viên
PHAN THỊ MỸ DUNG	"	Tú tài	Hà Lam Thăng Bình
PHAN TRUNG DUNG	"	Kỹ sư điện tử	Đang sống tại Hoa kỳ
PHAN THANH DŨNG	"	Kỹ sư Quản trị Kinh doanh	Trưởng phòng Kỹ thuật Cty Thủy tinh Tp.HCM
PHAN THANH DŨNG	2/15	Tú tài	

PHAN DŨNG	"	Tiến sĩ KHKT	Giảng viên ĐHBK Tp.HCM
PHAN TUẤN DŨNG	"	Kỹ sư	Tp.HCM
PHAN XUÂN ĐÀO	2/15	ĐHSP Anh văn	
PHAN HOÀNG ĐỊNH	"	Được sĩ Đại học Được tại Paris	Giám đốc - Sáng lập viên Viện bảo chế được phẩm Tiandi Sài gòn. Đang sống tại Pháp
PHAN MINH ĐỨC	2/15	Kỹ sư ô tô máy kéo. Tiến sĩ ĐH/ Thái Lan	Giảng viên ĐHKT Đà Nẵng
PHAN TRỌNG ĐỨC	"	Bác sĩ	Đang sống tại Montréal Canada
PHAN DUY ĐỨC	"	Tú tài 1989	
PHAN THỊ HẢI ĐƯỜNG	"	Tú tài 1960	Đang sống tại Canada
PHAN NGÂN GIANG	"	Cử nhân Học viện Kỹ thuật QĐ Hà Nội	Quản đốc A75 Tp.HCM
PHAN THANH HÀ	"	Tú tài	Tuy Hòa, Phú yên
PHAN THỊ THU HÀ	"	Phó tiến sĩ kinh doanh (MS)	
PHAN THỊ THU HÀ	"	Cử nhân kế toán	Kế toán công ty thực phẩm Miền Trung
PHAN HAI	2/15	Trung Học Đệ Nhất Cấp 1962	(Xem chú thích văn bằng TH Đệ Nhất Cấp trang 113)

PHAN HÀ HẢI	"	Kỹ sư	Tp.HCM
PHAN THANH HẢI	"	Tú tài	Đà Lạt
PHAN XUÂN HẢI	2/15	Đại học Ngoại ngữ Anh, Pháp văn	
PHAN THỊ THANH HẰNG	"	Tú tài	
PHAN THỊ HỒNG HẠNH	"	Tú tài 1985	
PHAN HẢO	2/15	Kỹ sư điện	Q10/ Tp.HCM
PHAN THỊ MINH HIỀN	"	Kỹ sư Đại học Kinh tế	
PHAN NGUYỄN NGỌC HIẾN	"	Kỹ sư điện tử	Hoa kỳ
PHAN CAO HIỆP	"	Kỹ sư Điện Công nghiệp	Phó phòng kỹ thuật Cty Điện tử Bình Hòa - 15 bằng khen cấp TP
PHAN THỊ NGỌC HIẾU	"	Cử nhân Pháp văn	Bình Định
PHAN MINH HIẾU	"	Tú tài	
PHAN THỊ HUỲNH HOA	"	Dược sĩ Đại học Dược Sài gòn	Quản lý & Giám đốc chuyên môn Viện bào chế Tiandi Sài gòn
PHAN THỊ MAI HOA	"	Cử nhân kế toán	Kế toán Chi nhánh nhà xuất bản Giáo dục Đà Nẵng
PHAN THỊ ÁI HÒA	2/15	Tiến sĩ Dược khoa	

PHAN CAO HOÀI	"	Tú tài 1963 Phó Chủ tịch Phường. Huân chương chống Mỹ H2. Huy chương sự nghiệp Công Đoàn. 6 bằng khen cấp Thành phố	
PHAN VĂN HỒ	2/15	Sĩ quan QĐND/VN	Hà Nội
PHAN HỒNG	"	Kỹ sư xây dựng	Tp.HCM
PHAN VĂN HỒNG	"	Chuyên viên Ban tổ chức Quận ủy Q.10	Huân chương kháng chiến hạng Nhất
PHAN THỊ ÁNH HỒNG	2/15	Kỹ sư chế biến thủy sản ĐH Thủy sản Nha Trang	Cán bộ KCS/Cty Chế biến thủy sản XNK Khánh Hòa
PHAN HÙNG	"	Tú tài	
PHAN MẠNH HÙNG	"	Kỹ sư Đại học kỹ thuật	Cán bộ kỹ thuật lò cao khu gang thép Thái Nguyên
PHAN NGUYỄN NGỌC HÙNG	"	Kỹ sư điện tử	Hoa kỳ
PHAN TRƯỞNG HÙNG	"	Đại học sư phạm	Tp.HCM
PHAN TỬ HUY	"	Cử nhân Anh văn	Du học Khoa Toán & Điện tử tại Hoa Kỳ
PHAN THẾ HÙNG	2/15	Tú tài	Tân Châu, Di Linh Lâm đồng
PHAN THỊ MINH HƯƠNG	"	Tú tài Sài gòn 1974	
PHAN THI MỸ HƯƠNG	"	Được sĩ chuyên khoa Cấp 1	Trưởng phòng nghiên cứu kỹ thuật XN được phẩm TƯ 26 OPC

PHAN ANH KIÊN	"	Tú tài 1977	
PHAN VĂN KIÊN	2/15	Tú tài 1979	
PHAN THỊ MỸ KHÁNH	"	Tú tài	Giáo viên Tam kỳ, Quảng Nam
PHAN THỊ MỸ KHÊ	"	Kỹ sư ngành dệt	Ban kinh tế Tp Đà nẵng
PHAN QUỐC KIẾT	2/15	Tú tài	
PHAN THÁI ANH KHOA	"	Tú tài 1995	Đang học ĐH
PHAN KHUỠNG	"	Cử nhân công nghiệp . Cao đẳng Mỹ thuật	Trưởng phòng kinh doanh
PHAN DUY KHUỠNG	"	Tú tài	Trung Uy QĐ/VNCH
PHAN GIA KHUỠNG	"	Tú tài	Thiếu Uy QĐ/VNCH
PHAN AN KHUỠNG	"	Tú tài	Tp.HCM
PHAN HUYỀN LINH KHUỠNG	"	Tú tài. Đại học sư phạm	Giáo viên Tp.HCM
PHAN HUYỀN VĂN KHUỠNG	2/15	Tú tài	
PHAN THỊ NGỌC LAN	"	Dược sĩ	Tp.HCM
PHAN THỊ THU LAN	"	Kỹ sư Môi trường	
PHAN THỊ BỘI LAN	"	Cử nhân toán điện toán	

PHAN THỊ MỘNG LÀNH	2/15	Đại học kinh tế	Nhân viên Tòa Lãnh sự Hoa kỳ Tp.HCM
PHAN LẬP	"	Tú tài 1967 Sài gòn	Đang sống tại CHLB Đức
PHAN THỊ LÊ	"	Cao đẳng sư phạm Đồng Khánh Huế Giáo viên. Hội trưởng Hội Phụ nữ Thăng Bình trong chiến tranh chống Pháp. Huân chương kháng chiến hạng 3.	
PHAN PHƯƠNG LIÊN	"	Kỹ sư Hóa dầu	
PHAN THỊ PHƯỢNG LIÊN	2/15	Kỹ sư dầu khí	Cán bộ kỹ thuật
PHAN THỊ MỸ LINH	"	Kỹ sư Vô tuyến điện	Trung tá Bộ Công an
PHAN THỊ MỸ LIÊN	"	Kỹ sư Hóa thực phẩm	Phó giám đốc CTy liên doanh bột mì với Malaxia
PHAN XUÂN LỘC	"	Kỹ sư cơ khí. Tin học	
PHAN TUẤN LONG	"	Kỹ sư hàng hải cơ khí tàu thuyền	Quản đốc phân xưởng đóng ráp tàu biển ĐH Thủy sản Nha Trang
PHAN ĐỔ KINH LUÂN	2/15	Tú tài	
PHAN CÔNG LUẬN	"	Tiến sĩ	Giáo sư Viện Khoa học ở Canada
PHAN THỊ BẠCH MAI	"	Tú tài	
PHAN TÂN MINH	"	Cử nhân văn khoa Sài gòn 1970. Đại học viết văn ĐHTH Hà Nội 1982 Nhà thơ, nhà văn, nhà báo. Huân chương kháng chiến. Huy chương chống Mỹ cứu nước hạng 1	

PHAN THỊ DUY MINH	2/15	Tú tài 1989	
PHAN LONG MINH	"	Đại học	Cần Thơ
PHAN VĂN MINH	2/15	Sĩ quan QĐND/VN	Hà Nội
PHAN VĂN MINH	"	Kỹ sư Xây dựng	
PHAN THÁI MINH	"	Kỹ sư cơ khí	Phó Giám đốc Xưởng sửa chữa và đóng mới tàu thuyền - Đại úy.
PHAN TRƯỞNG MINH	"	Tú tài	Q3 Tp.HCM
PHAN NAM	"	Đại học kinh tế quốc dân	Huân chương chống Mỹ hạng 1. HC vì sự nghiệp Giao thông Vận tải
PHAN HOÀI NAM	"	Kỹ sư kiến trúc	Cán bộ kỹ thuật
PHAN HOÀI NAM	"	Đại học khoa văn & ĐHTH Hà Nội Trưởng phòng Biên tập Thông tấn xã MTGP Miền Nam. Huân chương chiến công Giải phóng Hạng 3. Huy chương vì sự nghiệp báo chí VN. Liệt sĩ. Mộ tại Nghĩa trang Liệt sĩ Long An	
PHAN HOÀI NAM	2/15	Kiến trúc sư	
PHAN HOÀI NAM	"	Bác sĩ y khoa	
PHAN THANH NAM	2/15	Cao đẳng Tin học	Huế

PHAN NHU	"	Đại úy QĐND.VN	
PHAN THỊ KIM NGA	"	Tú tài	
PHAN THỊ THIÊN NGA	2/15	Tú tài	
PHAN THỊ THANH NGA	"	Tú tài	
PHAN THỊ BỘI NGỌC	"	Cử nhân kinh doanh, quản lý	
PHAN HOÀI NGUYỄN	"	Kỹ sư Hàng hải	Giám đốc Công ty vận tải biển Tp Đà Nẵng
PHAN NGUYỄN	"	Đại học Kinh tế	
PHAN THỊ MINH NGUYỆT	"	Đại học Sư phạm 1978	
PHAN BÁ NGHỊ		Cao đẳng thương mại, Ngân hàng	
PHAN CAO NGHỊ	2/15	Tú tài 1963	Phòng kế hoạch nông trường Lê Minh Xuân - 8 bằng khen cấp Thành phố
PHAN THỬA NGHỊ	"	Tú tài	
PHAN NGHĨA	"	Trung học đệ nhất cấp	Thiếu úy
PHAN DUY NGHĨA	2/15	Tú tài	Đang học ĐHK T/QT K D
PHAN THỬA NGHĨA	"	Đại học luật khoa Sài gòn	

PHAN THỬA NGHIỆM	"	Kỹ sư địa chất	
PHAN THÀNH NGHIỆP	2/15	Tú tài	
PHAN QUÍ NGHIỆM	"	Tú tài	
PHAN QUÍ NGHINH	"	Tú tài	
PHAN NGUYỄN	"	Đại học kinh tế	
PHAN HỮU NHÂN	"	Đại học kỹ thuật điện tử	Hoa kỳ
PHAN TÂN NHỰT (Chinh Ba)	"	Tốt nghiệp Đại học Sorbonne 1970	Quản đốc phân xưởng đóng ráp tàu biển ĐH Thủy sản Nha Trang
PHAN THỊ NHỰT	"	Tú tài 1976	
PHAN PHÚC	2/15	Đại học Kinh tế, Luật	Đà Nẵng
PHAN ĐỨC PHÙNG	"	Đại học kinh tế	
PHAN THỊ NGỌC PHƯƠNG	"	Tú tài	
PHAN TÚ PHƯƠNG	"	Cao đẳng Sư phạm	
PHAN XUÂN QUANG	2/15	Cử nhân Toán, Lý	
PHAN QUÂN	"	Đại học Bách khoa Hà Nội Khoa tin học	

PHAN THANH QUỐC	"	Tú tài	Tuy Hòa
PHAN TÚ QUYÊN	2/15	Kỹ sư Hóa thực phẩm	Điều phối viên dự án Cty TD&D
PHAN THỊ QUỲNH	"	Tú tài 1966 Sài gòn	
PHAN THỊ NHƯ QUỲNH	"	Tú tài	Q6/ Tp.HCM
PHAN SANH	"	Tú tài	Canada
PHAN THỊ MINH SANG	"	Tú tài 1992	
PHAN NGÂN SƠN	"	Cử nhân 1985 tại Liên Xô	Phó phòng Cục Sở hữu Công nghệ Bộ KH-CN Môi trường
PHAN THỊ HỒNG TÂM	"	Tú tài	
PHAN THỊ MINH TÂM	2/15	Cử nhân ĐHSP Sài gòn 1984	Giáo viên cấp 3
PHAN THỊ NGỌC TÂM	"	Tú tài	
PHAN THỊ THANH TÂM	"	Tú tài	Hoa kỳ
PHAN HỮU TIẾN	"	Kỹ thuật điện tử	Hoa kỳ
PHAN MẠNH TIẾN	2/15	Kỹ sư điện	Hoa kỳ
PHAN MINH TIẾN	"	Cử nhân Kinh tế. ĐHKT Sài gòn	Chuyên viên Kiểm toán kế toán.
PHAN NHẬT TIẾN	"	Kỹ sư xây dựng	Thiết kế cảng Đà Nẵng

PHAN BẢO TOÀN	2/15	Kỹ sư dầu khí	Vũng Tàu
PHAN ANH TUẤN	"	Bác sĩ	Tp.HCM
PHAN GIA TUẤN	"	Đại học kỹ thuật	Tp.HCM
PHAN TRƯỞNG TUY	"	Giáo viên	Q3/ Tp.HCM
PHAN TUỜNG	"	Thạc sĩ chuyên khoa ngành chế tạo máy	Giảng viên Đại học Kỹ thuật Đà Nẵng
PHAN THỊ NGỌC TRÂM	"	Tú tài	
PHAN MINH TRÍ	"	Kỹ sư thương mại	
PHAN THỊ THANH TRÚC	2/15	Đại học Dược	Cần Thơ
PHAN THỊ TRÚC	"	Đại học	Cần Thơ
PHAN NHẬT TRUNG	"	Kỹ sư Xây dựng. Người thiết kế , dự toán công trình Khu Mộ Tiên Hiền & Nhà Bếp tại Nhà thờ Bảo An	
PHAN TRỰC	"	Tú tài	
PHAN TRỰC	2/15	Đại học Sư phạm 1972	Giáo sư Đệ Nhị cấp
PHAN VĂN TRƯỚC	"	Tú tài	Nha Trang
PHAN HỒNG TRƯỜNG	"	Đại học Luật	Hà Nội

PHAN DUY THANH	2/15	Kỹ thuật viên ĐH TH	Phụ trách kỹ thuật thiết kế mẫu mã
PHAN HOÀI THANH	"	Kỹ sư cơ khí	
PHAN XUÂN THIÊN THẢO	"	Sinh viên Y khoa	
PHAN HỮU VIỆT THẮNG	"	Kỹ sư xây dựng	Tuy Hòa
PHAN BẢO THIỆU	"	Tú tài	
PHAN MINH THẢO	"	Trung úy QĐND/VN	Cán bộ kỹ thuật Sở giao thông Đà Nẵng
PHAN HOÀI THANH	"	Kỹ sư cơ khí	
PHAN XUÂN THẢO	2/15	Kỹ sư kinh tế	Hà Nội
PHAN HỮU VIỆT THẮNG	"	Kỹ sư xây dựng	
PHAN ANH THỌ	"	Cử nhân ĐHSP Sài Gòn 1987	Giáo viên cấp 3
PHAN BÁ THÔN	"	Tú tài 1956 Hà Nội Chánh văn phòng Sở. Huân chương : - Kháng chiến chống Pháp hạng 3 - Kháng chiến chống Mỹ hạng 1	
PHAN THỊ ANH THƠ	2/15	Tú tài	
PHAN (NGUYỄN) VĂN THỜI	"	Cao học Phó tiến sĩ	USA
PHAN THỊ TUYẾT THU	2/15	Tú tài	

PHAN TRƯỞNG THUẬN	"	Tú tài	
PHAN THỊ XUAN THÚY	"	Cử nhân toán	
PHAN BÍCH THỦY	"	Đại học Ngân hàng	Hà Nội
PHAN THỊ HỒNG THỦY	"	Đại học Thương mại	
PHAN THỊ THANH THỦY	"	Đại học sư phạm	Đà Lạt
PHAN XUÂN THỦY	"	Kỹ sư kinh tế	Hà Nội
PHAN XUÂN THỦY	2/15	Cử nhân Toán. Cử nhân Anh văn	Tp.HCM
PHAN THỊ ANH THƯ	"	Bác sĩ Nha khoa	
PHAN BÍCH VÂN	"	Đại học Ngân hàng	Hà Nội
PHAN THỊ HỒNG VÂN	"	Tú tài	
PHAN THỊ MINH VÂN	2/15	Tú tài	
PHAN THỊ THANH VÂN	"	Tú tài	Hoa kỳ
PHAN THỊ THANH VÂN	"	Đại học Quản trị Kinh doanh	Đà Lạt
PHAN LƯU VIÊN	2/15	Tú tài	Gò Vấp
PHAN THỊ MINH VIÊN	"	Tú tài	

PHAN XUÂN VŨ	"	Kỹ sư kiều lộ, cấu trúc, giao thông.	
PHAN THỊ Ý XUÂN	"	Tiến sĩ dược khoa	
PHAN THANH XUÂN	"	Đại học Văn khoa	Nguyên Giám đốc Sở TTVH Bình Trị Thiên
PHAN THỊ THANH YÊN	"	Kỹ sư Hóa công nghiệp	
PHAN THỊ YẾN	"	Cử nhân. ĐHSP 1980	Giáo viên cấp 3
= PHÁI 3 =			
PHAN ĐỨC ANH	3/15	Cử nhân văn khoa	Giáo sư Đệ Nhị Cấp . Trưởng Phòng Học Chánh Sở Học Chánh Bình Dương
PHAN THỊ NGỌC BÉ	"	Tú tài	
PHAN ĐỨC DUY	3/15	Kỹ sư Nông nghiệp chuyên khoa kinh tế ĐH Nông nghiệp Sài gòn 1973	Giám đốc CT/TNHH
PHAN ĐỨC MINH HẢI	"	Đại học	
PHAN NGỌC HẢI	"	Tú tài	
PHAN ĐỨC HÌNH	3/15	Tú tài	
PHAN VĂN HOÀNG	"	Tú tài	Hà Lam, Thăng Bình

PHAN THANH KHUÔNG	"	Tú tài	- nt -
PHAN ĐỨC LONG	"	Tú tài	Giáo viên
PHAN ĐỨC MỸ	"	Đại học	
PHAN ĐỨC NHẬT	"	Đại học	
PHAN ĐỨC PHONG	"	Tú tài Sài gòn trước 75	Thiếu úy QĐ/VNCH . Chết năm 1969
PHAN NGỌC TẤN	3/15	Tú tài	
PHAN NGỌC THÀNH	"	Tú tài	
PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO	"	Tú tài	Đang học ĐHSP
PHAN ĐÌNH THU	"	Trung học	Thiếu tá . Trưởng ty CA/Q3 Đô thành Sài gòn
PHAN NGỌC TRƯỜNG	3/15	Tú tài	
PHAN NGỌC VÂN	"	Đại học Anh văn	
= PHÁI 4 =			
PHAN THỊ THÚY ÁI	4/15	CDSP	Đà Nẵng
PHAN THỊ VÂN ANH	"	Kỹ sư thủy sản	Cán bộ điều hành kỹ thuật

PHAN THỊ THỰC ANH	4/15	Kỹ sư Xây dựng. Phó Giám Đốc Xí nghiệp thiết kế & Xây dựng Tổng Cty XD Miền Trung. Người thiết kế & dự toán công trình xây dựng Tiền Đường, Nhà Từ Tộc Phan Bảo An, Nhà từ Phan phái Nhì. Nhà Tưởng Niệm Khu Mộ Tiền Hiền	
PHAN VĂN ANH	"	Tú tài	Đa Thiện, Đà Lạt
PHAN NGỌC ÁNH	"	Tú tài	- nt -
PHAN THỊ BẢY	"	Đại học văn	Giáo viên Cấp 2
PHAN XUÂN BỬU	"	Tú tài	Đa Thiện, Đà Lạt
PHAN VĂN CA	"	Tú tài	
PHAN VĂN CÂU	"	Tú tài	
PHAN ANH DŨNG	"	Kỹ sư thủy sản	Chuyên viên kỹ thuật cơ điện lạnh
PHAN ANH DŨNG	4/15	Tú tài	
PHAN CHÍ DŨNG	"	Tú tài	Sửa chữa máy tàu hoả
PHAN LÊ DŨNG	"	Đại học Kinh tế	
PHAN MINH DŨNG	4/15	Kỹ sư cơ khí thuỷ sản	Tp.HCM
PHAN QUỐC DŨNG	"	Đại học	

PHAN TIẾN DŨNG	"	CD Kỹ thuật	
PHAN VĂN DŨNG	"	Cử nhân ĐH Thể thao Thể dục	
PHAN VĂN ĐÌNH	"	Tú tài	Phó Giám đốc Sân Bay Ban Mê Thuật
PHAN THI LẬP ĐÔNG	"	Tú tài	
PHAN VĂN ĐỨC	"	Đại học Văn khoa	Giáo viên - Lương Y
PHAN MINH ĐƯỜNG	"	Tú tài	Hà Lam, Thăng bình
PHAN THỊ THU HÀ	"	Cử nhân kinh tế	
PHAN NGỌC HÀ	"	Đại học	Sài gòn
PHAN THỊ HỒNG HẠNH	"	Tú tài	- nt -
PHAN THỊ NGỌC HẠNH	4/15	Cử nhân kinh tế	Cty gạch men Cosecco
PHAN MINH HIẾN	"	Tú tài	
PHAN HIẾN	"	Tú tài	Đa Thiện, Đà Lạt
PHAN THỊ HÒA	4/15	Tú tài	
PHAN HOANH	"	Tú tài	
PHAN THỊ HỒNG	"	Bác sĩ y khoa Trưởng khoa Tai, Mũi, Họng Bệnh viện Hóc Môn	

PHAN THỊ THANH HỒNG	"	Cử nhân ngoại văn	
PHAN THỊ LỆ HỒNG	"	Tú tài	Đà Lạt
PHAN HỮU HÙNG	"	Tú tài	Đà Nẵng
PHAN ĐÌNH HUYỀN	"	Tú tài	Thiếu tá QĐ/VNCH
PHAN THỊ DIỆU HUYỀN	"	Bác sĩ	Trưởng khoa vi sinh BV C Đà Nẵng
PHAN THỊ THANH HƯƠNG	"	Kỹ sư Nông Lâm	Tp.HCM
PHAN THỊ THANH HƯƠNG	"	CD Hàng không	Vĩnh Điện QNam
PHAN NGỌC BẢO KHANH	"	Tú tài	
PHAN KHOA	4/15	Kỹ sư XD	Đà Lạt
PHAN LINH KHOA	"	Đại học Tin học	
PHAN THỊ THANH LAM	"	Cao đẳng Sư phạm	Giáo viên Cấp 2 trường Nguyễn Trãi, Đại Lộc
PHAN THỊ NGỌC LAN	4/15	Kỹ sư điện	Tp.HCM
PHAN TRẦN LÊ	"	Tú tài - Y sĩ	Trung tâm phòng chống sốt rét Quảng Nam
PHAN THỊ LIÊN	"	Tú tài	Đa Thiện, Đà Lạt

PHAN THỊ NGỌC LIÊN	"	Đại học	Sài gòn
PHAN THỊ THUÝ LIỄU	"	CDSP	Giáo viên
PHAN THỊ THÙY LINH	"	Cử nhân Anh văn, TCKT, ĐHSP	Kế toán trưởng ĐH Quốc tế Sài Gòn
PHAN VĂN MÃNH	"	Tú tài kỹ thuật tin học	Giáo viên tin học
PHAN LONG CAO MINH	"	Bác sĩ y khoa	Australia
PHAN LONG CAO MINH	"	Bác sĩ y khoa	Australia
PHAN LONG QUANG MINH	"	Bác sĩ y khoa	Australia
PHAN LONG UYÊN MINH	"	Bác sĩ Vật lý trị liệu	Australia
PHAN HƯƠNG TƯỜNG MINH	4/15	Cử nhân điện toán	Australia
PHAN VĂN MÃN	"	Tú tài	Đang du học tại Pháp
PHAN VĂN MÙI	"	Tú tài	
PHAN XUÂN MỸ	4/15	Cử nhân Hóa	
PHAN HOÀI NAM	"	Kỹ sư	Phó Giám đốc CTy Thiết bị Vật tư Bưu điện 2 Tp. HCM
PHAN VĂN NGÀ	"	Đại học	Đa Thiện, Đà Lạt
PHAN OANH	"	Tú tài	

PHAN THỊ TƯỜNG NGỌC	"	Đại học Tài chính Kế toán	
PHAN VĂN QUANG	"	Tú tài	Đa thiện, Đà Lạt
PHAN NGUYỄN ĐĂNG QUANG	"	Đại học Kỹ thuật	
PHAN VĂN SƠN	"	Cử nhân kinh tế	Giảng viên ĐH Kinh tế Đà Nẵng
PHAN THỊ SỬU	"	Tú tài	
PHAN VĂN TÁM	"	Tú tài	Kiểm hóa Sân bay Ban Mê Thuật
PHAN LÊ CHÍNH TÂM	"	Đại học Quản trị Kinh tế Hoa kỳ	Ca / U.S.A
PHAN TRẦN PHƯƠNG TRÂM	4/15	Đại học	Thị xã Châu Đốc
PHAN TUẤN	"	Tú tài	Bảo An
PHAN TRẦN ANH TRUNG	"	Đại học	
PHAN HỒNG TRƯỜNG	4/15	Kỹ sư Kiến trúc	Đà Lạt
PHAN NGỌC TUÂN	"	Đại học Tin học	
PHAN HÀ THỨC TUẤN	"	Đại học	
PHAN HỮU TÙNG	"	Tú tài	Đà Nẵng
PHAN LÊ HUYỀN TRANG	"	Đại học Luật Kinh tế Hoa kỳ	Ca / USA

PHAN QUỐC TRÍ	"	ĐHYK Bác sĩ California, Hoa kỳ.	Ca / USA
PHAN THI TỔ TRINH	"	Tốt nghiệp Đại học Âm nhạc	Cán bộ giảng dạy âm nhạc
PHAN TRẦN ANH TRUNG	"	Đại học	Châu Đốc
PHAN VĂN THẠNH	"	Tú tài	Đa Thiện, Đà Lạt
PHAN VĂN THÀNH	"	Tú tài	- nt -
PHAN NGỌC THÀNH	"	Bác sĩ	Tp.HCM
PHAN UYÊN THI	4/15	Đại học kinh tế	
PHAN XUÂN THIÊN	"	Kỹ sư Xây dựng	Đà Nẵng
PHAN XUÂN THIỀU	4/15	Cử nhân Sinh học	
PHAN ĐỨC THỊNH	4/15		Giaó viên cấp 2
PHAN THỊ THU THẢO	"	Đại học ngoại ngữ	Quảng Ngãi
PHAN NHƯ THỨC	"	Cử nhân Sinh học .Cử nhân Anh văn. Thạc sĩ Công nghệ & Môi trường tại Hà Lan Giảng viên Đại học BK Đà Nẵng. Đang theo học Tiến sĩ	
PHAN THỊ THU THUYẾT	"	Đại học kinh tế	Quảng Ngãi
PHAN THỊ MINH THU	"	Đại học Kinh tế	Đà Lạt

PHAN NGOC ANH THU	"	Đại học Ngoại ngữ	Quảng Ngãi
PHAN THỊ PHƯƠNG UYÊN	"	Đại học Điện tử California Hoa kỳ	Được phần thưởng Giáo dục của Tổng thống Hoa kỳ - Cty IBM Hoa Kỳ
PHAN THỊ THU VÂN	"	Bác sĩ	BV Quảng Ngãi
PHAN THỊ VINH	"	Tú tài	Đà Lạt
PHAN HUY QUANG VINH	"	Đại học Tin học Hà Nội	
PHAN ĐỨC VINH	4/15	Kỹ sư điện	Cơ điện lạnh Tp.HCM
PHAN THỊ THANH XUÂN	"	Tú tài	
PHAN THỊ XUYẾN	"	Đại học Ngân Hàng	Kế toán trưởng Ngân Hàng Đà Lạt.
= PHÁI 5 =			
PHAN MINH CHÂU	5/15	Tú tài	Hà Lam , Thăng Bình
PHAN THỊ LIÊN	"	Tú tài	Giáo viên . Hà lam, Thăng Bình
PHAN MINH THANH	"	Tú tài	Liệt sĩ. Huân chương chống Mỹ hạng Ba
PHAN THỊ THU	5/15	Bác sĩ Nhân khoa	Bác sĩ nhân khoa Bệnh viện Đà Nẵng
PHAN TRANG	"	Kỹ sư Hóa dầu ngành	

✓ ĐỜI THỨ 16 :			
= PHÁI 1 =			
PHAN THỊ LAN	1/16	Cử nhân ngoại ngữ Đại học Huế	Bình quý , Thăng Bình
PHAN NHẬT THÀNH	"	Tú tài	Hà lam, Thăng Bình
= PHÁI 2 =			
PHAN THỊ TIỀN	2/16	Tú tài	Dốc sỏi, Bình Quý, Thăng Bình
PHAN AN	2/16	Tú tài	Úc
PHN THỊ KIM ANH	"	Tú tài	
PHAN MINH ÂU	"	Tú tài. CĐSP	Giáo viên Cấp 2
PHAN THỊ QUẾ ANH	"	Tú tài	
PHAN THỊ KIM ANH	"	Tú tài	Giáo viên THPT/ Y tế TƯ 2 Bộ Y tế
PHAN MINH ÁNH	"	Đại học Bách khoa, Kỹ sư cơ khí	Úc
PHAN QUỐC BẢO	"	Tú tài	
PHAN VĂN BỬU	"	Tú tài	
PHAN VĂN CẦN	2/16	Tú tài	Giáo viên Bình Quý, Thăng Bình

PHAN THỊ KIM CÚC	"	Bác sĩ ĐHYK Huế	Bác sĩ sản khoa BVĐK Đà Nẵng
PHAN ĐÌNH CHẮM	"	Kỹ sư	Huân chương : k/c hạng 3, Chống Mỹ hạng 1
PHAN QUÝ CHÂU	"	Đại học điện	
PHAN VĂN CHÂU	"	Tú tài	
PHAN NGUYỄN THÀNH DANH	"	Đại học Tin học	Q3/Tp.HCM
PHAN QUÍ DÂN	2/16	Tú tài	
PHAN NGUYỄN YẾN ĐIỂM	"	Cử nhân kinh tế	Q3/Tp.HCM
PHAN THỊ MỸ DUNG	"	Tú tài	Giáo viên Tp.HCM
PHAN THỊ THU DUYÊN	2/16	Kỹ sư	USA
PHAN TÍN GIÁO	"	Tú tài	- nt -
PHAN THỊ THU HÀ	"	Kỹ sư	USA
PHAN HÀ HẢI	"	Kỹ sư	Q5/Tp.HCM
PHAN HOÀNG HẢI	"	Kiến trúc sư	Giải thưởng Hàn Lâm Viện Pháp
PHAN VĂN HẢI	2/16	Tú tài	
PHAN HỮU HẠNH	"	Tú tài	

PHAN HIỀN	"	Tú tài	
PHAN THỊ THANH HIỀN	"	Tú tài	Đang học Đại học kỹ thuật
PHAN BÁ HIỆP	"	Cử nhân Hóa	
PHAN TRẦN HÒA HIỆP	"	Đại học	
PHAN THỊ MINH HIẾU	2/16	Tú tài	Đang học Đại Học
PHAN THỊ NHƯ HOA	"	Cử nhân kinh tế	
PHAN THỊ HÒA	"	Cử nhân	Úc
PHAN THỊ KIM HOÀNG	2/16	Cao đẳng Sư phạm Đà Nẵng	Giáo viên cấp 2 trường Nguyễn Trãi, Đại lộc
PHAN MINH HỒNG	"	Tú tài	
PHAN VĂN HÙNG	"	Kỹ sư xây dựng	USA
PHAN BÁ HÙNG	"	Tú tài	Úc
PHAN THỊ PHÚC HƯƠNG	"	Đại học Sư phạm	
PHAN THỊ THU HƯƠNG	2/16	Cao đẳng Sư phạm	
PHAN TÍN LỄ	"	Tú tài	Hà Lam, Thăng Bình
PHAN TRỌNG LỄ	"	Kỹ sư	USA

PHAN BÁ LỢI	"	Kỹ sư cơ khí	
PHAN NGỌC LỰC	"	Tú tài	Phó Giám đốc. Giấy khen của Trung ương Đoàn TNCS/HCM
PHAN BÁ LƯƠNG	"	Cử nhân kinh tế Sài gòn 1973 Tác giả tập sách "Hành trình tìm về cội nguồn của Dòng Tộc"	
PHAN VÂN LY	2/16	Đại học Montpellier Pháp	
PHAN THỊ MAI	"	Tú tài	
PHAN CÔNG MINH	"	Bác sĩ	Canada
PHAN ĐÌNH MINH	2/16	Kỹ sư điện	USA
PHAN LÊ MỸ	"	Bác sĩ đa khoa	Đang sống tại Montréal Canada
PHAN HOÀNG NAM	"	Kiến trúc sư Khen thưởng : Khôi nguyên Hàn Lâm Viện Pháp. Đang sống tại Pháp	
PHAN THANH NAM	"	Thiếu úy. Cao đẳng tin học	
PHAN THỊ ÁNH NGA	"	Tú tài	Giáo viên Cấp 2
PHAN THỊ NHÂN	"	Đại học Sư phạm khoa Văn	Hiệu phó THPT Phường Đức, Huế
PHAN TRUNG NHÂN	"	Kỹ sư	USA
PHAN BÁ NHẪN	"	Kỹ sư	USA

PHAN THỊ KIM NGUYỆT	"	Tú tài	
PHAN VĂN PHỤNG	"	Tú tài	Bình Phú, Thăng Bình
PHAN THỊ ÂU PHƯƠNG	2/16	Dược sĩ Đại học Dược Paris, Pháp	Giám đốc Pharmacie ở Pháp
PHAN THỊ KIM TẤN	"	Tú tài CB/CNV Ngân hàng Châu Đốc, An Giang. Bằng khen của Phụ Nữ tỉnh An giang	
PHAN QUYẾT TẤN	"	Đại học kinh tế quốc dân	
PHAN TRẦN TÍN	2/16	Kỹ sư cơ khí	
PHAN THỊ TIỀN	"	Tú tài	Bình Quý, Thăng Bình
PHAN TIẾN	"	Kỹ sư Giao thông	Đà Lạt
PHAN QUYẾT TIẾN	"	Đại học kinh tế quốc dân	
PHAN BẢO TOÀN	"	Kỹ sư	Vũng Tàu
PHAN MINH TÚ	"	Đại học Khoa học & Đại học Kinh tế	
PHAN XUÂN TÙNG	"	Tú tài	
PHAN QUÝ TRINH	"	Tú tài	
PHAN XUÂN TRÚC	"	Tú tài	
PHAN HOÀNG TRUNG	"	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ Bệnh viện nội trú Pháp

PHAN THỊ KIM TUYẾN	2/16	Tú tài	Đang học Đại học BK Đà Nẵng
PHAN THỊ HÀ THANH	"	Tú tài	Q5/Tp.HCM
PHAN XUÂN THANH	"	Kỹ sư xây dựng	Huân chương chống Mỹ cứu nước hạng 1
PHAN BÁ THẠNH	"	Kỹ sư cơ khí	
PHAN NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	2/16	Cử nhân kinh tế	Q3/Tp.HCM
PHAN MINH THẢO	"	Trung úy QĐND/VN	Đà Nẵng
PHAN THANH THẢO	"	Tú tài	
PHAN QUYẾT THẮNG	"	Giám đốc Cty XNK Giao thông	
PHAN NGỌC THI	2/16	ĐHSP Lý	Giáo viên PTTH Nguyễn Tri Phương Huế
PHAN BÁ THUẬN	"	Kỹ sư Nông Lâm Súc	Úc
PHAN MINH THỤY	"	Đại học Tổng hợp Tp.HCM	
PHAN THỊ BÍCH THỦY	"	Đại học Ngân hàng	Hà Nội
PHAN THỊ GIAO THỦY	"	Tú tài	Q5/Tp.HCM
PHAN THỊ BÍCH VÂN	"	Đại học Ngân hàng	Hà Nội
PHAN HOÀNG VIỆT	2/16	Kỹ sư cao học Điện tử	Đang sống tại Pháp

PHAN XUÂN VIỆT	"	Đại học Tin học Australia	
PHAN XUÂN VINH	"	Tú tài	
= PHÁI 4 =			
PHAN BẢO AN	4/16	Kiến trúc sư	
PHAN THỊ HỒNG ÂN	"	Dược sĩ	Tp. HCM
PHAN VĂN BÌNH	"	Tú tài	Trung úy
PHAN VĂN CÂU	"	Tú tài	
PHAN VĂN CA	"	Tú tài	
PHAN THỊ HỒNG CHÂU	"	Cử nhân Anh Văn	Lyon Pháp
PHAN TRỌNG DÂN	"	CĐSP	Giáo viên
PHAN VĂN DŨNG	"	Cử nhân	
PHAN VĂN DŨNG	"	Cử nhân TĐTT	
PHAN THỊ HOÀ	"	Cử nhân	
PHAN THỊ HỒNG	"	Bác sĩ	Bác sĩ trưởng khoa
PHAN THỊ HƯỜNG	"	Bác sĩ	Trung tâm chỉnh hình Đà Nẵng

PHAN VĂN MÙI	"	Tú tài	
PHAN VĂN MẪN	"	Tú tài	
PHAN NHẬT THÙY LINH	4/16	Cử nhân kinh tế	
PHAN NHẬT NAM	"	Dược sĩ	Hà Lam, Thăng Bình
PHAN XUÂN NGHĨ	"	Đại học	Bảo An
PHAN THỊ THU NGÀ	"	Tú tài	
PHAN VĂN TÂM	"	Tú tài	
PHAN BẢO THẠCH	"	Kỹ sư	Tp.HCM
PHAN VĂN THÍNH	"	Tú tài	Giáo viên Bình Quí, Thăng Bình
PHAN THỊ KIM YÊN	"	Tú tài	Giáo viên
PHAN HỒNG THỰC UYÊN	"	Đại học SP Lý	
✓ ĐỜI THỨ 17 :			
PHAN THỊ TÀI	1/17	Tú tài	Đang học Đại học Ngoại ngữ Đà Nẵng
PHAN BÉ (NANCY)	"	Đại học luật	USA
PHAN CHRUSY	2/17	Đại học Dược - khoa bào chế	USA

PHAN VĂN QUÝ	"	Đại học Computer	USA
PHAN PHÚ (FANCY)	"	Đại học kinh tế	USA
PHAN VINH	"	Đại học Viễn thông	USA
PHAN DIỆP BÍCH QUYÊN	"	Cử nhân ngoại ngữ ĐHSP Ngoại ngữ	Q5/Tp.HCM



CÁC GIA ĐÌNH KHOA BẢNG NHIỀU ĐỜI :

Trong số các gia đình khoa bảng nhiều đời liên tiếp rất đông, chúng tôi chỉ chọn tiêu biểu mỗi đời một gia đình:

• Ông PHAN NGỌC TRÍ , Phái Tư Đời thứ 10:

Cử nhân khoa Tân Ty Minh Mạng thứ 2 (1821). Án sát sử tỉnh Quảng Bình.

- Đời thứ 11:

- Phan Ngọc Đức : Cử nhân khoa Bính Ngọ Thiệu Trị 6 (1846). Hàn Lâm Viện Thị Giảng Đại Học Sĩ.

- Phan Ngọc Thanh (Huyện Lịch) : Cử nhân khoa Đinh Mùi Thiệu Trị 7 (1847) . Tri huyện thuộc tỉnh Nghệ An, ông là một vị quan thanh liêm nổi tiếng xứ Nghệ.

- Đời thứ 12:

- Phan Ngọc Phổ : Tú tài, Thành Thái 3 (1891).

- Phan Ngọc Trứ : Cử nhân. Hàn Lâm Viện Nghè Nội Các.

• Ông PHAN ĐỨC PHỤNG , Phái Ba Đời thứ 11

Cử nhân. Lãnh binh. Anh dũng tướng quân.

* **Đời thứ 12** : Phan Đức Thạnh, Cử nhân. Tri huyện Hoằng Hóa, Tỉnh Thanh Hóa. Hàn lâm viện Thị giảng.

*** ĐỀ THỬ 13 :**

- Phan Đức Hạnh (Ông Tú Ấm), Tú tài. Ấm sinh.
- Phan Đức Thuận
- Phan Đức Trọng
- Phan Chước

*** ĐỀ THỬ 14 :**

- Phan Đức Thâm, Tú tài Pháp tại Huế. Giáo viên.
- Phan Đức Xuyên, Diplôme tại Huế. Đại tá QĐND/VN.
- Phan Đức Huy, Diplôme tại Huế. Chuyên viên Vô tuyến điện QĐND/VN.
- Phan Đức Xương, Diplôme tại Huế. Y tá QĐND/VN. Liệt sĩ.
- Phan Đức Thông, Diplôme tại Huế. Giáo viên.
- Phan Đức Minh, Diplôme Huế. Cán bộ thuế quan chính quyền Việt Minh.
- Phan Đức Nhuận, Bác sĩ
- Phan Đức An, Y sĩ
- Phan Đức Hòa, Trung Học Đệ Nhất Cấp 1959
- Phan Đức Bình, Dược sĩ 1969 Sài Gòn. Tác giả nhiều đầu sách và tạp chí về Y Học
- Phan Sáu, Tú tài toàn phần 1966
- Phan Thị Nhu Huệ, Dược sĩ Trung Cấp

*** ĐỀ THỬ 15 :**

- Phan Đức Anh, Cử nhân Văn khoa. Giáo sư. Trung úy QĐ/ VNCH. Trưởng Phòng Học Chánh Sở Học Chánh Bình Dương.
- Phan Đức Phong, Tú tài toàn phần Sài Gòn 1967. Thiếu Uy QĐ/VNCH.
- Phan Đức Duy, Kỹ sư Nông nghiệp chuyên khoa kinh tế 1973 Đại học Nông nghiệp Sài Gòn. Giám đốc Cty/TNHH.
- Phan Đức Long, Tú tài toàn phần trước 1975. Giáo viên.
- Phan Đức Hình, Tú tài II trước 1975
- Phan Thị Xuân Lan, - nt -
- Phan Thị Thanh Yên, - nt -
- Phan Thị Bạch Yến - nt -

- Phan Thị Thu Cúc, - nt -
- Phan Thị Ngọc Bích, Tú tài II. Kế toán thương mại
- Phan Thị Hoàng Mai, Tú tài.
- Phan Thị Chín, - nt - T
- Phan Đức Mỹ, Cử nhân Kinh tế
- Phan Đức Nhật, Đại học Thể thao
- Phan Thị Thu Hương, Tú tài II
- Phan Đức Minh Hoàng Tú tài II
- Phan Đức Minh Hiếu, Tú tài II
- Phan Đức Minh Hải, Đại học Ngoại thương
- Phan Thị Hội, Đại học Sư phạm
- Phan Thị Nghị, Đại học tổng hợp
- Phan Thị Yên, Tú tài II
- Phan Đức Bảo, Tú tài II
- Phan Đức Toàn, Kỹ sư Điện
- Phan Thị Chính, Tú tài II
- Phan Đức Chí Hùng, Tú tài II
- Phan Đức Thanh Tâm, Cử nhân Kinh tế
- Phan Đức Chí Hiên, Kỹ sư USA
- Phan Đức Chí Ngoan, Kỹ sư USA
- Phan Đức Hiên, Kỹ sư tin học
- Phan Đức Vĩnh Khánh, Bác sĩ
- Phan Đức Vĩnh Phúc, Bác sĩ
- Phan Thị Thị, Tú tài II

m Ông PHAN THÀNH TÍCH , Phái Nhì Đời thứ 12

Cử nhân khoa Mậu Tý Đồng Khánh 3 (1888). Giáo thọ tại một phủ, tỉnh Bình thuận. Vợ là bà Lê thị Truyền.

*** Đời thứ 13 :**

- Phan Thành Tài, Tốt nghiệp bậc Trung học . Chí sĩ Cách mạng yêu nước. Vợ là bà Bùi Thị Hậu.

- Phan Thành Pháp, Viên tử.

*** Đời thứ 14 :**

- Phan Bá Lân, thủ khoa Cao đẳng Sư phạm Hà Nội (1927). Giáo sư, Hiệu trưởng.

- Phan Kinh, Tú tài Pháp. Giáo sư Pháp văn.

- Phan Thuyết, Cử nhân văn chương Đại học Sorbonne Pháp. Giáo sư, Hiệu trưởng.

- Phan Ut, Kỹ sư giấy Đại học Grenoble Pháp, kỹ sư Hóa Đại học Toulouse Pháp. Giáo sư, Hiệu trưởng.

- Phan Bá Liêm, Trợ Giáo.

- Phan Cáp, Trung học.

- Phan Văn Thóa, Kỹ sư cơ khí.

*** Đời thứ 15:**

- Phan Hoàng Định, Cử nhân Đại học Dược khoa Paris Pháp 1956. Giám đốc, sáng lập viên Viện bào chế dược phẩm Tiandi Sài Gòn.

- Phan Hoàng Đức Long, Cử nhân kinh tế

- Phan Thị Huỳnh Hoa, Cử nhân Đại học Dược Sài Gòn. Quản lý kiêm Giám đốc kỹ thuật Viện Bào chế dược phẩm Tiandi Sài Gòn.

- Phan Thị Huỳnh Cúc, Cử nhân Đại học Dược Sài Gòn, Đại học Dược tại Pháp. Nguyên thanh tra bào chế dược phẩm Cộng Hòa Trung Phi (RCA : République Centre Africaine).

- Phan Thị Mỹ Hương, Cử nhân chuyên khoa Cấp 1 dược liệu. Trưởng phòng nghiên cứu kỹ thuật XN Dược TƯ 26 OPC/Q6 Tp.HCM.

- Phan Hoàng Báu, Tú tài.

- Phan Hoàng Lan, Quản trị Kinh doanh

- Phan Hoàng Loan, Đại học Luật

- Phan Trương Dân, Cử nhân toán.

- Phan Trương Tuy, Đại học Sư phạm.

- Phan Trương Hùng, Cao đẳng Sư phạm.

- Phan Trương Minh, Tú tài.

- Phan Trương Trắc, Đại học Sư phạm

- Phan Thành Đạt, Tú tài

- Phan Trương Thuận, Tú tài.

- Phan Bá Thôn, Tú tài 1956 tại Hà Nội
- Phan Minh Thảo, Trung úy QĐND/VN Cán bộ kỹ thuật Sở giao thông Đà Nẵng.

- Phan Kỹ Nam, Đại học tổng hợp Bắc kinh, Trung Quốc
- Phan Kỳ Mỹ, Đại học Tài chính.
- Phan Huy Châu, Cao học tư pháp ĐH Luật Sài gòn 1974.
- Phan Gia Tuấn, Kỹ sư cơ khí
- Phan Gia Thành, Tú tài
- Phan Nguyễn Mẫn Thế, Tú tài
- Phan Thị Nam Thúy, Tú tài, Y Sĩ
- Phan Thị Tâm Anh, Tú tài, Y sĩ
- Phan Thị Ánh, Tú tài
- Phan Thị Yến, Đại học tại Đức
- Phan Trương Anh, Cử nhân Toán ở Mỹ

*** Đề thi 16 :**

- Phan thị Âu Phương, Dược sư Đại học Dược Paris Pháp. Giám đốc Pharmacie tại Pháp.

- Phan Hoàng Nam, Kiến trúc sư Đại học kiến trúc Pháp. Bằng khen: Khôi nguyên Hàn Lâm Viện Pháp.

- Phan Hoàng Việt, kỹ sư cao học điện tử.
- Phan Hoàng Trung, Bác sĩ - Bác sĩ nội trú các bệnh viện ở Pháp.
- Phan Hoàng Hải, Kiến trúc sư. Giải thưởng Hàn Lâm Viện Pháp.
- Phan Nguyễn Yến Diễm, Cử nhân kinh tế
- Phan Nguyễn Phương Thảo, Cử nhân tin học
- Phan Thị Mỹ Dung, Tú tài, giáo viên
- Phan Bá Lương, Cử nhân kinh tế Sài gòn 1973.

*** Đề thi 17 :**

- Phan Thị Bích Quyên, Cử nhân - Đại học Sư phạm
- Phan Trà Hưng, Đại học Bách khoa Budapest Hungari
- Phan Trà Hải, Đại học Kỹ thuật
- Phan Kỳ Quang, Trung học Tài chính

• **Ông PHAN XUÂN CÁO , Phái Nhì Đời thứ 13**

Cao đẳng Sư Phạm, Hiệu trưởng.

*** Đời thứ 14 :**

- Phan Thị Xuân Dung, Diplôme. Tốt nghiệp sư phạm. Giáo viên.
- Phan Xuân Hùng, Kỹ sư điện tử ET 1956 Sài Gòn.
- Phan Xuân Hổ, Tiến sĩ điện toán 1955 tại Pháp. Khảo nghiệm nguyên tử tại Pháp.
- Phan Thị Xuân Hoa, Trung Học Đệ Nhất Cấp (Diplôme). Tốt nghiệp Sư phạm Huế. Giáo viên.
- Phan Thị Xuân Hương, Trung Học Đệ Nhất Cấp. Tốt nghiệp Sư phạm khóa 1 Nha Trang. Giáo viên.
- Phan Xuân Huy, Cử nhân Toán. Giáo sư. Giảng viên Đại học Huế
- Phan Xuân Hoàng, Kỹ sư kỹ nghệ đông lạnh Đại học Pháp 1961.
- Phan Thị Xuân Nguyệt, tốt nghiệp Đại học Quốc gia Hành chánh Sài Gòn.
- Phan Xuân Dũng, Tiến sĩ Vật Lý Đại học Pháp.
- Phan Thị Xuân Vân, Cử nhân Văn khoa Sài Gòn.
- Phan Xuân Tuấn, Bác sĩ Y khoa Canada.

*** Đời thứ 15 :**

Con ông Phan Xuân Hùng :

- Phan Xuân Bằng, Kỹ sư điện tử, điện toán.
- Phan Thị Bội Ngọc, Cử nhân kinh doanh quản lý.
- Phan Thị Bội Lan, Cử nhân điện toán.
- Phan Xuân Vũ, Kỹ sư kiều lộ cấu trúc giao thông (Kỹ sư thiết kế cầu đường)
- Phan Thị Ái Hòa, Tiến sĩ dược khoa.
- Phan Thị Ý Xuân, Tiến sĩ dược khoa.
- Phan Thị Anh Thư, Bác sĩ Y khoa.

Con Ông Phan Xuân Hổ :

- Phan Xuân Quang, Cử nhân Toán Lý.
- Phan Hoài Nam, Bác sĩ Y khoa.
- Phan Minh Trí, Kỹ sư thương mại.

Con ông Phan Xuân Huy :

- Phan Xuân Dương Cẩm, Cử nhân luật.

Con ông Phan Xuân Hoàng:

- Phan Xuân Hải, Cử nhân Anh, Pháp văn.

- Phan Xuân Lộc, Kỹ sư cơ khí, Tin học.

- Phan Xuân Anh Đào, Đại học Sư phạm Anh văn. Giáo viên.

Con ông Phan Xuân Dũng:

- Phan Thu Lan, Đại học.

- Phan Thu Hà, Đại học.

Con ông Phan Xuân Tuấn :

- Phan Xuân Thiên Thảo, Sinh viên Y khoa Bác sĩ.

vvvvvv

II. TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC:

Lòng yêu nước nồng nàn của con cháu tộc Phan làng Bảo An được lưu truyền và phát huy qua nhiều thế hệ, qua các thời kỳ lịch sử của đất nước, đã trở thành một truyền thống của dòng tộc.

Ngài Thủy tổ của chúng ta rời Nghệ An vào Nam, đã đóng góp công đầu trong công cuộc mở mang bờ cõi đất đai Đại Việt về phía Nam, giữ gìn trị an cho đất nước .

Dưới thời phong kiến Pháp thuộc, nhiều người đã hiển đạt, được bổ ra làm quan đến chức An sát, Lãnh binh, Tri phủ, Tri huyện ... Nhưng sau một thời gian tại chức, một số đã treo ấn từ quan vì đường lối chính sách của chế độ Nam Triều không hợp với nguyện vọng và chí hướng của mình và nhất là không chịu hợp tác với giặc Pháp xâm lược như các ông :

- Phan Thành Tích, cử nhân, quan Giáo thọ tỉnh Bình thuận.
- Phan Đức Thanh, cử nhân, tri huyện Hoằng Hóa tỉnh Thanh.
- Phan Trân, Phó bảng, tri phủ Diên Khánh.
- Phan Thành Tài, Thông phán Bác Cổ Học viện Nam Kỳ...

Hoặc lúc còn làm quan thì hết mực thương dân, thanh liêm chính trực, không cậy quyền cậy thế, hà hiếp, bóc lột dân lành.

Nhiều người đã tham gia các phong trào cách mạng yêu nước như phong trào Duy Tân, chống sưu thuế, truyền bá quốc ngữ, chống nạn mù chữ, đấu tranh trong nghị trường chống các chủ trương chính sách nô lệ, bất bình đẳng của thực dân Pháp như các ông :

Phan Thành Tài, Phan Khôi, Phan Thanh, Phan Bội...

Qua hai cuộc chiến tranh giữ nước giành độc lập (1945-1975), nhiều thân tộc đã tích cực tham gia kháng chiến trong mọi lãnh vực, nhiều người đã anh dũng hy sinh cho đất nước, đã được Nhà Nước nước CHXHCN/VN phong tặng Liệt sĩ, Anh hùng, Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng, được tặng thưởng nhiều Huân chương, Huy hiệu, Giấy khen vì có nhiều chiến công, thành tích trong kháng chiến. Chúng tôi không nêu ra hết được trong Tập 1 này những gia đình và cá nhân cụ thể vì thành tích và công lao của các vị này quá nhiều, quá đông; hơn thế nữa, lại xảy ra trong một thời gian dài suốt 30 năm cực kỳ trọng đại của đất nước. Phần này sẽ được viết tiếp trong Tập 2 sách PHAN TỘC KỶ YẾU .

VVVVVVV

CÁC NHÀ CÁCH MẠNG YÊU NƯỚC



PHAN THÀNH TÀI

Đời Thứ 13 Phái Nhì.

(1878 - 1916)

Hiệu là Đạt Đức, còn có hiệu là Trúc Sơn.

Người trong làng, trong tộc thường gọi là ông Học Tài.

Phan Thành Tài sinh năm Mậu Dần 1878 tại làng Bảo

An Tây, tổng Đa Hòa, huyện Diên Phước, phủ Điện

Bàn tỉnh Quảng Nam; nay thuộc thôn Bảo An, xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ông sinh trưởng trong một gia đình khoa bảng. Thân sinh là cụ Phan Thành Tích, đỗ Cử nhân khoa Mậu Tý (1888) được bổ Giáo thụ tại một Phủ ở Bình Thuận. Thân mẫu là cụ Lê Thị Truyền người làng Vân Ly. Vợ là bà Bùi thị Hậu, thứ nữ của ông Bùi Thân tức Quán Nghi, một nhà hào phú đất Vĩnh Trinh, huyện Duy Xuyên. Ông bà sinh hạ được 4 trai là Phan Bá Lân,

Phan Kinh, Phan Thuyết, Phan Út và 3 gái là Phan Thị Dao, Phan Thị Soạn và Phan Thị Bí.

Lúc nhỏ ông theo học chữ Hán với quan Huân đạo hữu trí, cử nhân Lê Cung người làng Nông Sơn, huyện Điện Bàn. Sớm giác ngộ, ông bỏ học chữ Hán theo học Quốc ngữ và chữ Pháp tại Đà Nẵng.

Sau khi tốt nghiệp trung học, chính quyền Pháp bổ ông làm thông ngôn tại dinh Tổng Đốc Bình Phú (Bình Định và Phú Yên) dưới thời Tổng Đốc Dương Lâm. Sau đổi qua làm thông phán tại Bác Cổ Học Viện Nam Kỳ tại Sài Gòn. Theo con đường quan tước, hợp tác với Pháp - mặc dù trong lĩnh vực chuyên môn - để được vinh thân, không phù hợp với nguyện vọng và chí hướng của mình, ông từ bỏ tất cả trở về quê nhà.

Năm 1902-1908 ông dạy quốc ngữ và tiếng Pháp tại trường Nghĩa Thục Diên Phong, một trong những nghĩa thực lớn nhất thời bấy giờ. Nghĩa Thục Diên Phong sau trở thành trường Tiểu học công lập đầu tiên tại Quảng Nam. Nghĩa thực gần nhà ông Phan Thúc Duyện làng Phong Thử. Ông vừa là giáo viên vừa là Hiệu trưởng. Ông luôn chăm lo đào tạo một lớp trẻ biết yêu nước thương dân, mở mang dân trí, bài trừ các hủ tục mê tín dị đoan từ lâu đã tồn tại trong đời sống ở nông thôn. Với nghề dạy học, được gần gũi với lớp trẻ, ông đem sở học của mình truyền bá những tiến bộ văn minh của các nước trên thế giới. Qua các cuộc diễn thuyết ông vạch rõ những bất công của xã hội đương thời, những thủ đoạn gian manh của quan lại tham ô đã cấu kết với thực dân Pháp đàn áp, bóc lột đồng bào ta. Khơi dậy trong lòng họ những xót xa, đọa đày, khổ nhục của người dân mất nước làm nô lệ cho thực dân Pháp.

Năm 1904 ông tích cực hưởng ứng và tham gia phong trào Duy Tân do các ông Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp ... khởi xướng. Tại Nam Thành Sơn Trang của Nguyễn Thành ở Thăng Bình, Duy Tân Hội được thành lập. Ông cùng tiến sĩ Trần Quý Cáp, cử nhân Phan Thúc Duyện, cử nhân Mai Dị, tú tài Trương Bá Huy thành lập Nghĩa Thục Diên Phong nhằm cổ vũ, động viên mọi người tham gia phong trào Duy Tân. Phong trào ngày càng phát triển có qui mô, có tổ chức. Đến tháng 3 năm 1908 hầu như khắp nơi trong tỉnh Quảng Nam đều có các cơ sở Duy Tân hoạt động. Và cũng từ đó nổ ra cuộc biểu tình đòi giảm sưu bớt thuế, rầm rộ nhất là ở huyện Đại Lộc, Điện Bàn, Hòa vang... Những đoàn người biểu tình, đầu tóc hớt ngắn, kéo đến các huyện lỵ, tỉnh lỵ đòi giảm sưu thuế. Có thể nói đây là cuộc biểu tình vĩ đại đầu tiên trong lịch sử cách mạng chống thực dân Pháp. Pháp và tay sai Nam triều hoảng hốt trước sự thức tỉnh và căm thù của quần chúng nên đã thẳng tay đàn áp, bắt bớ, tù đày

chém giết các nhà yêu nước lãnh đạo phong trào. Phan Thành Tài thoát được cuộc bắt bớ ấy.

Năm 1909 - 1912 : Các yếu nhân của phong trào chống thuế năm 1908 chưa sa vào tay giặc Pháp ngấm ngầm hoạt động trở lại. Ông là người tiên phong gia nhập Việt Nam Quang Phục Hội. Đây là một tổ chức cách mạng với tôn chỉ đánh đuổi giặc Pháp xâm lược, giành độc lập tự do, thành lập một nước Việt Nam độc lập do Phan Bội Châu khởi xướng và thành lập tại Quảng Châu Trung Quốc, đứng đầu là Kỳ Ngoại Hầu Cường Để. Năm 1915 hội trở thành một đảng chống Pháp trong nước, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa lật đổ nền thống trị của Pháp. Các nhân vật đầu não của cuộc khởi nghĩa năm 1916 gồm các ông Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Lê Ngung, Nguyễn Thụy, Lê Đình Dương... Chương trình của cuộc khởi nghĩa là dùng lực lượng của độ vài ngàn lính mộ đang luyện tập tại Huế và các binh lính khổ đỏ, khổ xanh ở kinh thành và các tỉnh để chiếm lấy kinh đô và 3 tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi làm căn cứ. Lật đổ chính phủ Nam triều đương kim, thành lập một chính phủ khác, tôn đức vua Duy Tân, một vị vua có lòng yêu nước yêu dân, có chí lớn lên làm vua trở lại. Trong cuộc Đại hội Đảng lần đầu tiên vào tháng 9 năm 1915 tại nhà ông Đoàn Bổng ở Huế, thành phần tham dự gồm có đại biểu các tỉnh :

- Quảng Ngãi : Lê Ngung, Lê Triết, Nguyễn Thụy, Nguyễn công Mậu, Nguyễn công Phương ...

- Quảng Nam : Thái Phiên, Phan Thành Tài, Lê Đình Dương, Trần Cao Vân ...

- Thừa Thiên, Huế : Đoàn Bổng,...

- Quảng trị : Phan Phú Tiên, Nguyễn Thành...

Sau khi thảo luận và bàn bạc kế hoạch khởi nghĩa, đại hội quyết định cử :

- Ông Trần Cao Vân, Thái Phiên bí mật tiếp xúc và mời vua Duy Tân tham dự cuộc khởi nghĩa. Trần Cao Vân làm quân sư. Thái Phiên kết nạp đảng viên và cổ động lính mộ.

- Ông Lê Đình Dương và Nguyễn Thụy liên lạc với cố đạo Bàn Gốc để mật giao với Đại tá người Đức, chỉ huy lính Lê Dương tại đồn Mang Cá Huế.

- Phan Thành Tài làm Tổng Tư lệnh Nam Nghĩa Bình, chỉ huy cuộc khởi nghĩa ở ba tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định.

- Trần Cao Vân đúc 4 ấn kinh lược để sử dụng sau khi cách mạng thành công : Ấn Bình Trị (Quảng Bình, Quảng Trị), ấn Bình Phú (Bình Định, Phú

Yên), ấn Nam Ngãi (Quảng Nam, Quảng Ngãi), ấn Khánh Thuận (Khánh Hòa, Bình Thuận).

Sắp đặt xong xuôi, định đến đúng 1 giờ sáng mồng 2 tháng 4 năm Bính Thìn (3.5.1916) thì khởi sự. Trong đêm ấy Trần Cao Vân và Thái Phiên phò vua Duy Tân xuất cung để tránh ngôi vua bù nhìn do Pháp bảo hộ rồi sau khi thành công sẽ phục vị.

Không ngờ chiều ngày mồng 2 dương lịch ở Quảng Ngãi tên lính giảng là Võ Huệ có em là Võ An làm lính tập, là người có dự vào cuộc âm mưu nói trên, báo cho anh biết sắp có sự biến động. Võ Huệ xin phép về nhà nghỉ để tránh tai biến. Quan tỉnh nghi ngờ cật vấn Huệ và biết tất cả dự mưu sắp xảy ra bèn báo cho viên trú sứ Pháp là De Tates điện về Huế. Nhà chức trách thu hết súng đạn và giữ hết binh lính trong các đồn trại không cho ra ngoài. Tối hôm ấy lúc 8 giờ, vua Duy Tân rời bỏ cung điện bên cạnh có Tôn Thất Đệ và Nguyễn Quang Siêu phò giá. Trần Cao Vân và Thái Phiên cho thuyền đậu sẵn ở bến Thương Bạc chờ rước vua lên đường. Những quân Pháp đã biết trước tuần tiễu các ngã kinh thành, sẵn sàng đàn áp cuộc biến động. Cuộc khởi nghĩa đầu náo tại Huế bị thất bại ngay từ lúc chưa khởi động. Các nơi chờ mãi đến 1 giờ sáng như đã định vẫn không có phát lệnh từ Huế, đèo Hải Vân cũng không có đốt lửa báo hiệu. Lực lượng khởi nghĩa ở phía Nam Ngãi cũng đành phải nằm im. Cuộc khởi nghĩa thất bại. Các nhân vật linh hồn của cuộc khởi nghĩa đều bị Pháp bắt. Vua Duy Tân bị Pháp đày sang đảo Réunion ở Châu Phi. Ở Huế, Trần Cao Vân, Thái Phiên, Tôn Thất Đệ, Nguyễn Quang Siêu, Phạm Hữu Khánh ... bị đem ra chém tại pháp trường An Hòa.

Ở Quảng Nam, Pháp bắt tất cả đưa đi tù hoặc đi đày như Y sĩ Lê Đình Dương bị đày vào nhà lao ở Khánh Hòa và chết trong nhà lao Ban Mê Thuột. Phan Thành Tài và ông Lương Thái Hòa trốn thoát lên miền núi Hiên Giang, được người thượng tên là U-They che giấu. Quân Pháp truy lùng ráo riết nhưng không bắt được Phan Thành Tài. Chúng bèn dùng hạ sách, bao vây làng Bảo An, dọa nếu Phan Thành Tài không về nạp mình thì sẽ làm cỏ cả làng và xóa tên làng Bảo An nhập vào các làng khác. Trước lời hăm dọa đó, nhân sĩ trong làng họp lại và cử người đi gặp Phan Thành Tài. Khi gặp đoàn, ông Phan Thành Tài nói: "Tây nó dọa đấy thôi, nhưng nếu chúng có làm thật đốt làng, giết dân, tội ác tày trời đó sẽ bị sử sách lên án, thế giới nguyên rửa. Tôi thà bỏ xác nơi đây chứ không về Bảo An để bị bắt". Đoàn lại trở lên lần thứ hai, gặp lại lần này trong lúc Phan Thành Tài đang bị sốt rét rừng hành hạ, mê mang không còn biết gì cả. Dân làng đã quyết định vồng ông ra khỏi rừng, đưa xuống ghe xuôi về Bến

Đường. Ghe vừa đến bến thì mật thám Pháp ập xuống ghe. Con sốt rét ác tính đột ngột như biến mất, ông bình tĩnh lại, hiểu rõ mọi việc nhưng không còn đường trốn chạy trong lúc sức cùng lực kiệt. Quân Pháp đưa ông về giam ở nhà lao Vĩnh Điện. Sau nhiều ngày dụ dỗ đầu hàng không được, giặc Pháp mang ông ra hành quyết tại một cồn hoang, gần chợ Vĩnh Điện bây giờ, vào lúc trời chưa sáng ngày 9. 6.1916 (Mồng 9 tháng 5 năm Bính Thìn).

Ông đã quyết tâm thà chết chứ không chịu đầu hàng giặc. Trong thời gian nằm trong nhà lao Vĩnh Điện ông đã viết hai bài thơ gửi lại cho con và cho các anh em, đồng bào, đồng chí khẳng định chí bất khuất của mình như sau :

Đóa Tự Do¹²

Con còn bụng mẹ, cha đã mất,
Con bé vào đời nước đã suy.
Thù nhà, nhục nước con phải biết
Chẳng đội trời chung chữ ấy ghi.
Cha muốn gầy ra đóa tự do,
Máu đem làm nước, xác làm tro,
Vun cho hoa nở, hoa chưa nở,
Con hãy vì cha, thế mặt lo.

Yêu nước thương dân, một dạ không sờn, trước khi chết ông đã có thơ nhắn nhủ với đồng bào, đồng chí :

Nay nói với anh em lớn nhỏ,
Có chịu khó mới nên khôn.
Phải lo cho hết việc nước non,
Tiến bộ hể, tiến bộ
Mau mau theo trái đất lăn tròn
Dặn anh, dặn cháu, dặn con :
Còn trời, còn nước, còn non
Nước Nam là nước Nam ta.

Cảm về cái chết oanh liệt của Phan Thành Tài và Thái Phiên, cụ Huỳnh Thúc Kháng đã tặng bài thơ sau :

¹² Đề bài thơ do người viết ghi

Khẳng bả Tây văn khủ tác nô,
Bất thành cam tị đoạn đầu lô.
Quốc trung Tây học nhân như tức,
Thanh dạ môn tâm quý tử vô.

Dịch :

*Âu học đâu cam chịu kiếp bồi,
Không thành nên chịu mất đầu thôi.
Kìa phường Tây học đông như kiến,
Đêm hởi lòng chẳng có hổ người.*

Về sau tại mộ ông, Tú tài Phan Bá Tảo 2/13 (tức ông Tú Chức) có viết bài văn bia chữ Hán đề tặng ông, cử nhân Lương Trọng Hối, người Quế Sơn dịch ra quốc ngữ khắc ở mặt sau bia :

*Ca chính khí vang vùng Vĩnh Điện,
Máu anh hùng xối sạch Quảng Nam.
Sông Thu Bốn mặt nước lênh đênh chứa dòng lệ thảm,
Tháp Bằng An làn mây sâm sấm ử giọt tình thâm.
Chạnh niềm nghĩ nỗi nước non, nhớ người thiên cổ,
Ngán nhẽ thương tình nòi giống, vì việc cận kim.
Giận giặc Pháp dày xéo non sông gấm vóc, lòng nào lòng, lòng
chẳng xót xa.
Tủi dân Nam thua thiệt số phận hẩm hiu, dạ để dạ, dạ càng chua*

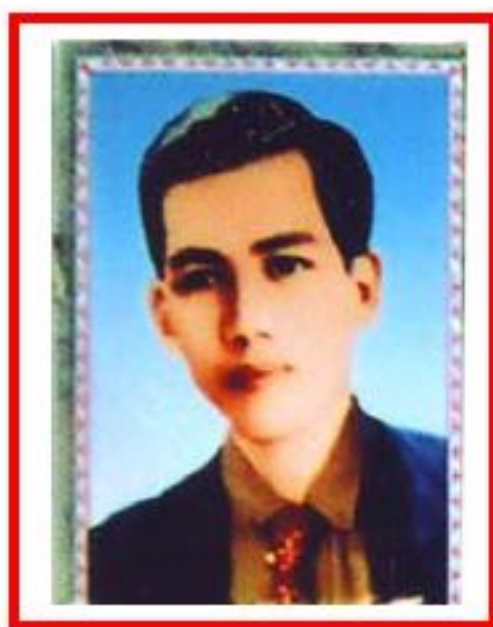
xót.

*Kết nạp đồng chí : Phan, Mai, Trần lập Đông Kinh Nghĩa Thục
đào tạo thanh niên.
Tổng tư lệnh Nam Nghĩa Bình, quyết tổ chức nghĩa binh tẩy trừ
quốc nạn.
Mùi Cần Vương chẳng rời một phút, ân cần đá tạc vàng ghi,
Chí phục quốc quyết vừng mọi bề, khẳng khái máu rơi thịt nát.
Công cả còn ghi, tiếng thơm càng mức
Sóng Duy Tân dồn dập, quốc hồn thức tỉnh, cuộc Đông Du gõ
trống khuya chuông.
Gió Cách mạng ào ào, dân chí càng hăng, lớp Tây học cầm cân
nẩy mực.
Vẻ sương phụ vẹn tròn một tiết, khuôn khổ khuê nghi,*

Chữ trượng phu ghi tạc nghìn thu, tấm bia Đạt Đức.

Mộ ông hiện nay nằm bên bờ sông đào Vĩnh Điện. Từ Đà Nẵng theo quốc lộ 1A đi về hướng Nam, qua khỏi cầu Vĩnh Điện khoảng dưới 100m, rẽ trái đi theo đường dọc bờ sông khoảng 500m là đến mộ. Theo quyết định số 320, ngày 1.12.1994 của Sở Văn Hóa Thông Tin Quảng Nam Đà Nẵng công nhận mộ ông Phan Thành Tài là " Di tích lịch sử ". Ngôi mộ được trùng tu và nâng cấp năm 2000. Thành phố Đà Nẵng đã quyết định lấy tên ông đặt tên con đường mới mở nối liền hai đường Núi Thành cũ và Tiểu La (đường Bạch Đằng nối dài), bên cạnh kho xăng dầu.

Sau khi ông Phan Thành Tài bị giặc Pháp hành quyết, nhà cửa bị tịch thu và phát mại. Vợ ông là bà Bùi Thị Hậu lúc ấy mới 35 tuổi, bà quyết ở vậy nuôi các con ăn học thành tài. Bà mất ngày 2.6.1967 (28.4 năm Đinh Mùi) tại trường Đạt Đức tại Gia Định, thọ 87 tuổi.¹³



PHAN THANH (*)

Phái Nhì- Đời thứ 13.

(1908 - 1939)

Sinh ngày 1.6.1908 năm Mậu Thân tại làng Bảo An, xã Điện Quang Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam .

Con ông Phan Định và bà Lê Thị Tiểu.

Vợ là bà Lê Thị Xuyên.

¹³ Lúc ông Phan Thành Tài bị hành quyết, bà Bùi Thị Hậu đang mang thai chưa đầy 5 tháng. Đây là người con út trong gia đình là Phan Út. Xem tiếp phần : " Một gia đình ba đời là nhà giáo ".

Ông là anh ruột của ông Phan Bôi, anh em chú bác với ông Phan Khôi. Ông là con thứ 6 trong một gia đình gồm 8 người, 5 trai và 3 gái.

Ông học ở trường Tiểu học Hội An, bậc trung học ở trường Quốc Học Huế. Đầu bằng Thành Chung năm 1926 được bổ đi dạy học ở Ngọc Lặc tỉnh Thanh Hóa. Thời còn ngồi trên ghế nhà trường ông là một học sinh xuất sắc, thông minh và chăm chỉ. Ông rất ham đọc sách báo, từ các sách văn học sử Pháp, triết học Đông Tây cho đến các chủ nghĩa cách mạng trên thế giới như công xã Pari, chủ nghĩa Mác-Lê Nin ... Ông đọc sách báo nhiều nhằm nâng cao trình độ hiểu biết của mình, đồng thời tìm tòi, chắt lọc tinh hoa của các nền văn minh khoa học tiến bộ phương Tây để xây đắp cho quê hương, đất nước. Chẳng những thế, ông còn tìm cách phổ biến, quảng bá những kiến thức thu thập được cho mọi người theo một hướng đi đúng đắn có lợi cho dân tộc, cho tổ quốc. Ông hô hào dân chúng chống áp bức, bóc lột, lên án chế độ thực dân Pháp ở Đông Dương qua báo chí và trong nghị trường. Cũng vì viết báo và tham gia các hoạt động chống Pháp nên ông bị Khâm sứ Trung Kỳ cách chức Giáo học.

Năm 1928, rời Ngọc Lặc ông ra Hà Nội dạy ở các trường trung học tư thực Thăng Long ở phố Hàng Cót do ông Phạm Hữu Ninh làm hiệu trưởng, trường Hồng Bàng và trường Thăng Long. Ông viết bài cho các báo La Cloche Féléé của nhóm Nguyễn An Ninh, báo L'Annam của Phan văn Trường xuất bản ở Sài Gòn ... Ông thường xuyên liên lạc với em trai là Phan Bôi đang học tại trường Quốc Học Huế và đang tích cực hoạt động trong phong trào thanh niên, học sinh yêu nước.

(*) Xem PHAN THANH ANH LÀ AI - PHAN VINH - XB 2008

Năm 1934, ông cùng một số nhà trí thức yêu nước như Đặng Thai Mai, Hoàng Minh Giám, Nguyễn Cao Luyện... thành lập Hội mở mang nền giáo dục tư thực (Association pour le developpement de l'enseignement libre). Trường Thăng Long, chẳng những dạy kiến thức văn hóa cho học sinh từ cấp hai cấp ba mà còn đào luyện và xây dựng một thế hệ thanh niên có lòng yêu nước nồng nàn, biết yêu dân tộc, biết đem cái hay của người áp dụng và sửa đổi dần dần xã hội Việt Nam để theo kịp đà phát triển của các nước văn minh trên thế giới. Trường Thăng Long khai giảng vào tháng 9 năm 1935 do ông Hoàng Minh Giám làm Hiệu trưởng. Trường đã thực sự trở thành lò đào tạo nhiều nhân tài cho đất nước.

Một số thầy trò xuất thân từ mái trường này đã trở thành những nhà hoạt động cách mạng nổi tiếng.

Năm 1936 khi Mặt trận Bình dân lên cầm quyền ở Pháp, đảng Cộng Sản lập ra Mặt trận Dân chủ Đông Dương, vừa hoạt động bí mật vừa hoạt động công khai. Ông được Tổ chức bí mật đưa ra ứng cử vào viện Dân Biểu Trung Kỳ thuộc hai đơn vị Hòa Vang, Đại Lộc tỉnh Quảng Nam. Ông đắc cử với số phiếu tối đa. Tại Nghị trường ông tích cực hoạt động, tranh đấu đòi quyền tự do dân chủ, cơm no áo ấm cho nhân dân lao động.

Năm 1937, theo chủ trương của Đảng, ông Phan Thanh gia nhập chi nhánh Đảng Xã Hội Pháp cùng các ông Hoàng Minh Giám, Phan Tư Nghĩa và nhiều người Pháp tiến bộ khác. Ông được cử làm phó thư ký Ban Chính trị của đảng Xã hội. Trong cuộc Hội Nghị Lý Tài Đông Dương nhóm tại Sài Gòn năm 1938 ông đã có bài tham luận về chuyên đề kinh tế Đông Dương khiến nhiều nhà kinh tế, tài chánh Pháp Việt phải kính nể và khâm phục tài hùng biện của ông.

Ông tham gia vận động thành lập Hội Truyền Bá Quốc Ngữ cùng với các ông Nguyễn Văn Tố, Bùi Kỷ, Trần Huy Liệu, Đặng Thai Mai, Võ Nguyên Giáp ... Ban trị sự gồm có :

- Hội trưởng : Nguyễn Văn Tố.
- Hội Phó : Bùi Kỷ.
- Tổng thư ký : Phan Thanh.
- Trưởng Ban dạy học : Võ Nguyên Giáp.
- Cố vấn kiêm Trưởng Ban Tu thư : Hoàng Xuân Hãn.
- Thủ quỹ : Đặng Thai Mai.

Lễ ra mắt Hội được tổ chức trọng thể tại Hội Quán Câu lạc bộ thể thao An Nam (Cercle Sportif Annamite), tại phố Khúc Hạo Hà Nội tối ngày 25.5.1938.

Ông đã từng đi diễn thuyết nhiều nơi như Qui Nhơn, Đà Nẵng ở rạp Hòa Bình (đường Phan Chu Trinh bây giờ) để kêu gọi, vận động đồng bào học chữ quốc ngữ, chống nạn mù chữ đồng thời báo cáo các kết quả đấu tranh trong viện Dân biểu và Hội đồng Kinh tế Lý tài Đông Dương.

Ông mắc bệnh ung thư hậu bối đã được các bác sĩ Phạm Văn Chương, Trần Văn Lai và bác sĩ người Pháp là Mager điều trị nhưng không chữa được.

Ông mất vào sáng ngày 1.5.1939 tại Hà Nội.

Đám tang ông Phan Thanh là đám tang lớn nhất thời bấy giờ. Bạn bè, đồng chí, học sinh và những người lao động yêu mến, thương tiếc ông đi đưa tang kéo dài hơn hai cây số, từ Đường Thành đến nghĩa trang Hợp Thiện.

Thương tiếc ông, nhà thơ Khương Hữu Dụng đã có câu đối tưởng niệm:

" Là nghị viên đặc lực, là chiến sĩ tận tâm, trang sử tương lai, tên bạn viết to hàng chữ trước.

Vì hạnh phúc hòa bình, vì quyền lợi nhân dân, con đường tranh đấu, hồn anh nâng mạnh bước người sau ".

Trong báo cáo của đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi Quốc tế Cộng sản về tình hình Đông Dương 1936 -1939, có đoạn nói về tang lễ Phan Thanh : " ... Dân chúng đã tổ chức tang lễ rất trọng thể. Đám tang có 153 vòng hoa, có Đại biểu 14 tỉnh về dự và dài hai cây số. Gia đình anh nhận được 110 điện viếng. Chưa bao giờ có một đám tang lớn như thế ở Hà Nội ".*

Bài về về Phan Thanh, chúng tôi ghi lại ở phần phụ lục, nói lên tất cả các hoạt động của nhà chí sĩ yêu nước Phan Thanh.

Khi viết về Phan Thanh, chúng ta không thể nào quên được người bạn đời của ông là Bà Lê Thị Xuyên.

Bà Lê Thị Xuyên sinh ngày 9.12.1909 tại làng Thạch Bộ, xã Đại Hòa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Bà đậu bằng Thành Chung và tốt nghiệp trường Sư Phạm năm 1928 tại trường Trung học Đồng Khánh Huế. Bà ở lại trường dạy học 3 năm, sau ra dạy học tại Hà Nội và kết duyên với ông Phan Thanh sinh hạ được hai con trai là Phan Vịnh và Phan Diễn.

Năm 1936-1939: Bà công khai tham gia Mặt trận Dân chủ, phong trào Truyền bá Quốc ngữ. Bà là người giúp đỡ và cộng tác đặc lực cho chồng.

Năm 1945 : Tham gia phong trào tiền khởi nghĩa của Cách mạng tháng 8, được cử làm Ủy viên UBND Trung Bộ.

Năm 1946 : Đại biểu Quốc hội khóa 1 khu vực Quảng Nam. Bà là một trong mười nữ Đại Biểu Quốc Hội đầu tiên ở nước ta.

20.7.1947 : Chính thức gia nhập đảng Cộng Sản Việt Nam.

1946-1956 : Hội trưởng Hội Phụ Nữ Việt Nam.

1946-1976 : Liên tiếp đắc cử Đại biểu Quốc Hội các khóa 1, 2, 3, 4 và 5. Ủy viên thường vụ Quốc Hội các khóa 4 và 5. Ngoài ra bà còn giữ nhiều chức vụ quan trọng khác nữa.

Bà mất ngày 5.5.1996 an táng tại nghĩa trang Mai Dịch Hà Nội.

Các con của ông Phan Thanh và bà Lê thị Xuyên:

PHAN VINH 2/14.

Con cả của ông Phan Thanh và bà Lê Thị Xuyên.

Sinh ngày 02.1.1932 tại Quảng Nam.

1949 : Được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Việt Nam.

1963 : Tốt nghiệp Đại học Lô-Mô-Nô-Xốp, Mát-Cơ-Va Liên Xô, khoa vật lý.

1964 - 1977 : - Phó chủ nhiệm khoa Toán Lý Đại Học Bách Khoa Hà Nội.

- Phụ trách giảng dạy môn Vật Lý Hạt Nhân.

1977 - 1992 : Trưởng Ban Kỹ thuật Viện Năng lượng Nguyên tử Quốc gia.

1992 : Nghỉ hưu.

Được tặng thưởng :

- Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì.
- Huy chương vì Sự nghiệp Khoa học và Công nghệ.
- Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

PHAN DIỄN 2/14.

Con thứ hai của ông Phan Thanh và bà Lê thị Xuyên.

Sinh ngày 11.10.1937 tại Quảng Nam.

- 1962 : Tốt nghiệp Đại Học khoa Kinh tế Kế hoạch trường Đại học Bắc Kinh Trung Quốc.

- 11.9.1962 : Được kết nạp vào Đảng Cộng sản VN. Công tác tại vụ Tổng hợp Ủy ban Kế hoạch Nhà Nước.

- 1974 : Phó Vụ Trưởng vụ Tổng hợp UB Kế hoạch Nhà Nước.

- 1978 - 1988 : - Thư ký, sau chuyển qua giữ Phó Văn Phòng cho đồng chí Trưởng Chinh.

- Phó Văn Phòng Hội Đồng Bộ Trưởng.
 - Trợ lý cho Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh.
 - 1989 : Phó văn Phòng Trung Ương Đảng.
 - 1991 : Chánh Văn Phòng Trung Ương Đảng Cộng sản Việt Nam.
 - 1994 : Hội nghị Đại biểu đảng Cộng sản VN khóa VII bầu làm Ủy viên Trung Ương Đảng.
 - 1996 : Được Đại hội Đảng lần thứ VIII bầu vào Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng.
 - 12.1997 : Hội nghị BCH Trung Ương Đảng lần thứ IX khóa VIII bầu đồng chí làm Ủy viên Bộ Chính Trị Trung Ương Đảng. Trưởng Ban Kinh tế Trung ương.
 - 02.2000 : Bí thư Thành ủy Đà Nẵng.
 - 08.2001 : Thường trực BCH/ TƯ đảng Cộng sản VN Khóa 9
- Được tặng thưởng :
- Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì.



PHAN BÔI

(Tức Hoàng Hữu Nam)

(1911 - 1947)

Phái Nhì Đời thứ 13.

Con thứ bảy của cụ Phan Định và bà Lê Thị Tiểu.

Em ruột ông Phan Thanh.

Sinh năm 1911 tại làng Bảo An, xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng nam.

Vợ là bà Trịnh Thị Tuyến.

- Năm 1926, lúc 15 tuổi học năm thứ 3 trường Quốc Học Huế. Ông là một trong những người cầm đầu cuộc bãi khóa rầm rộ của học sinh Huế, tổ chức truy điệu Phan Chu Trinh, đòi Pháp thả Phan Bội Châu, chống quyết định của tên trùm mật vụ Pháp đuổi học Võ Nguyên Giáp. Nhóm cầm đầu bãi khóa gồm các thanh niên Nguyễn Khoa Văn (Hải Triều), Phan Bôi, Đào Văn Vỹ, Tôn Thất Hoạt, Đống Quế và một số đồng chí bị đuổi học. Ông về quê rồi ra Hà Nội làm ở nhà in Ngô Tử Hạ, tiếp tục hoạt động phong trào thanh niên, học sinh chống Pháp.

- 1928 : Gia nhập An Nam Cộng Sản đảng.

- 1929 : Được Đảng phân công vào hoạt động ở Sài Gòn.

- 1930 : Được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Đông Dương, sinh hoạt cùng Chi bộ với các ông Hải Triều, Trần Văn Giàu.

- 1931 : Trong một cuộc mít tin vào chiều ngày 8 tháng 2 Phan Bôi làm diễn giả chính cùng với các ông Ung văn Khiêm, Hà Huy Giáp đứng ra tổ chức tại sân đá bóng Lagrandière Sài Gòn. Cuộc mít tin nhằm tuyên truyền vận động thợ thuyền và nông dân đòi tăng tiền lương, giảm giờ làm việc, giảm tô, giảm sưu thuế... Cuộc đá bóng vừa tan, đội bảo vệ khiên bàn chống lên nhau, Phan Bôi đứng lên nói. Cảnh sát Pháp ập đến bao vây. Tên thanh tra mật thám Pháp Le Grand nhảy tới định bắt Phan Bôi liền bị Lý Tự Trọng bắn chết. Địch vây bắt Lý Tự Trọng, Phan Bôi, Hà Huy Giáp và nhiều đồng chí khác đưa về giam ở bót Catinat. Ba anh em ruột là Phan Nhụy, Phan Bôi và Phan Tháo đều bị bắt cùng lúc. Lý Tự Trọng bị Pháp đưa vào biệt giam ở khám lớn và đưa ra chém ngày 20.11.1931. Một tháng sau địch chuyển Phan Bôi từ bót Catinat qua khám lớn trong suốt 2 năm mới đưa ra tòa xử trong vụ án gọi là " Vụ án Đảng Cộng sản Đông Dương ". Phan Bôi bị kết án 20 năm tù khổ sai đày ra Côn Đảo. Trong thời gian ở Côn Đảo, Phan Bôi cùng nhiều đồng chí khác, trong đó có đồng chí Lê Duẩn lập ra Chi bộ Đảng.

- Năm 1939 : Mặt trận Bình Dân lên cầm quyền ở Pháp. Tù chính trị được trả tự do. Từ Côn Đảo trở về, Phan Bôi tham gia hoạt động Mặt trận Dân chủ Đông Dương ở Quảng Nam Đà Nẵng, vận động phong trào Ái Hữu, phong trào Thanh niên Dân chủ. Sau đó ông ra Hà Nội ở nhà anh ruột là Phan Thanh, 165A Henri d' Orléans, viết báo của Mặt trận Dân Chủ và của Đảng : Le Travail (Lao Động), Demain (Ngày Mai), Notre Voix, Rassemblement, Dân Chúng, Tin Tức v.v ...

- Tháng 5/1940 : Phan Bội lại bị Pháp bắt cùng nhiều đồng chí khác, đưa đi an trí tại Bắc Mê (huyện Vị Xuyên, Hà Giang).

- Tháng 11/ 1940 : Một số đồng chí bị phát vãng đến Sơn La như các đồng chí Lê Thanh Nghị, Lê Đức Thọ, Lê Giản, Xuân Thủy, Nguyễn văn Trân ... Riêng Phan Bội và một số đồng chí khác bị đưa đến giam tại nhà tù Hà Giang.

- Tháng 11/ 1941 : Phan Bội cùng nhiều đồng chí khác bị Pháp đày sang Madagasca ở Châu Phi.

- Tháng 6/1943 : Phan Bội, Lê Giản, Trần văn Minh được phóng thích khỏi Madagasca. Sau khi về nước, ông đã cùng nhiều đồng chí khác tham gia công tác ở cơ quan Trung Ương để chuẩn bị khởi nghĩa. Tháng 8. 1945 Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, Tuyên Quang đã lập ra Ủy Ban Khởi Nghĩa toàn quốc và ra lệnh Tổng Khởi Nghĩa. Ngày 16.8.1945 Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào qui định Quốc ca, Quốc kỳ và bầu ra Chính phủ Lâm thời do Bác Hồ làm Chủ tịch. Trong cả một quá trình diễn biến Cách Mạng cực kỳ khẩn trương đó, Phan Bội đã đóng góp một phần với các đồng chí lãnh đạo Trung Ương Đảng.

Sau Cách Mạng tháng 8, Phan Bội được giao nhiệm vụ Thứ Trưởng Bộ Nội Vụ (Bộ Trưởng là cụ Huỳnh Thúc Kháng) và làm Chánh Văn Phòng Phủ Chủ tịch, Đại Biểu Quốc Hội Khóa I.

- Năm 1946 : Ông lại được giao thêm nhiệm vụ Trưởng Ban Liên Kiểm Việt Pháp. Trong thời gian này ông đã tham gia nhiều quyết định quan trọng của Trung Ương để bảo vệ chính quyền ta còn non trẻ trước tình hình phức tạp lúc bấy giờ.

Khi mặt trận Hà Nội vỡ, ông cùng Chính Phủ rút lên Chiến Khu Việt Bắc và tiếp tục công tác trong Hội Đồng Chính Phủ. Ông là người lãnh đạo ưu tú của ngành Công An và là người cộng tác đặc lực cho Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ông mất ngày 24.4.1947 trên đường công tác tại Tuyên Quang, an táng tại Tuyên Quang , sau cải táng về Nghĩa trang Mai Dịch Hà Nội.

Ông được truy tặng Huân Chương Kháng Chiến Hạng Nhất.

Ông có 3 người con là :Phan Thị Nhã, Phan Quốc Khánh và Phan Thị Bình Minh.

PHAN THỊ NHÃ

Sinh ngày 20.5.1940.

Con cả của ông Phan Bội và bà Trịnh thị Tuyền

- Năm 1952 : Học ở trường thiếu nhi Việt Nam tại Quế Lâm, Trung Quốc.
 - Năm 1954 : Học ở trường thiếu nhi Việt Nam tại Mát-cơ-va, Liên Xô.
 - Năm 1965 : Tốt nghiệp Kỹ sư Vô Tuyến Điện tại Liên Xô. Về nước, chỉ được cử làm Phó Cục Trưởng cục Quản lý tần số vô tuyến điện.
 - Năm 1979 : Được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Được tặng thưởng : - Huy chương Kháng Chiến chống Mỹ cứu nước Hạng Nhất.

- Huy chương Vì Sự Nghiệp Khoa Học.
- Huy chương Vì Sự Nghiệp Bưu Điện.

PHAN QUỐC KHÁNH

Con thứ hai của ông Phan Bội, sinh ngày 2.9.1946 tại Hà Nội.

- 1968 : Tốt nghiệp xuất sắc khoa Toán tại trường Đại Học Tổng Hợp Hà Nội.
 - 1968 - 1993 : Giảng dạy tại Học Viện Kỹ thuật Quân sự.
 - 1978 : Đỗ Phó Tiến Sĩ tại Ba Lan.
 - 1984 : Được phong Phó Giáo Sư.
 - 1988 : Trình bày xuất sắc luận án Tiến sĩ tại Ba Lan. Viện Hàn Lâm Khoa Học Ba Lan.
 - 1992 : Được phong Giáo Sư.
 - 1993 : Điều động vào làm Chủ Nhiệm khoa Toán Tin Học. Chủ tịch Hội Đồng Toán Học trường Đại Học Quốc gia / Tp HCM.
 - 1994- 1998 : Đại Biểu HĐND / Tp.HCM.
 - 2002 : Hiệu trưởng trường Đại Học Quốc tế Sài Gòn
- Nguyên Thượng Tá Quân Đội Nhân Dân Việt Nam.
Được tặng thưởng Huân Chương Chiến Sĩ Vẻ Vang.

PHAN THỊ BÌNH MINH

Con thứ ba của ông Phan Bội

Sinh ngày 01.01.1948 tại Hà Giang . Thông minh, học giỏi, tốt nghiệp xuất sắc Cử Nhân Hóa năm 1970 tại trường ĐHTH / Hà Nội.

- 1970 -1988 : Được ở lại giảng dạy tại Trường Đại Học Tổng Hợp Hà Nội.

- 1982 : Đỗ Phó Tiến Sĩ Khoa học môn Hóa tại Cộng Hòa Dân Chủ Đức.

- 31.3.1987 : Được kết nạp vào đảng Cộng Sản Việt Nam.

- 1988 : Phụ trách Phòng thí nghiệm Hóa Môi trường Viện Nghiên Cứu Thủy lợi Nam Bộ.

- 1995 : Phó Phòng Môi trường, Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển dầu khí thuộc Tổng Cục Dầu Khí Việt Nam.

Được tặng thưởng Huân Chương Vì Sự Nghiệp Khoa Học & Công Nghệ Việt Nam.



**DANH SÁCH CON CHÁU TỘC PHAN ĐƯỢC NHÀ NƯỚC NƯỚC
CHXHCN/VN PHONG TẶNG**

ANH HÙNG, LIỆT SĨ, BÀ MẸ VN ANH HÙNG

(Thống kê chưa đầy đủ)¹⁴

STT	HỌ VÀ TÊN	PHÁI	STT	HỌ VÀ TÊN	PHÁI ĐỜI
-----	-----------	------	-----	-----------	----------

¹⁴ Thống kê do Phan Đức Mỹ & Phan On cung cấp

		ĐÔI			
01	Phan Văn Lữ	5/12	28	Phan Thị Hồng	3/14
02	Phan Bộ	3/13	29	Phan Thanh	3/14
03	Phan On	3/13	30	Phan Đức Xương	3/14
04	Phan Đình Hiến	4/13	31	Phan Đức Khương	3/14
05	Phan Quyên	4/13	32	Phan Tại	3/14
06	Phan Văn Năm	4/13	33	Phan Khá	3/14
07	Phan Năm (Hùng)	5/13	34	Phan Nọ	3/14
08	Phan Văn Năm	5/13	35	Phan Cửu	3/14
09	Phan Thị Sáu	5/13	36	Phan Hồng Phong	3/14
10	Phan Tân	5/13	37	Phan Chức	3/14
11	Phan Ngân	5/13	38	Phan Thanh	3/14
12	Phan Bốn	5/13	39	Phan Văn Trọng	4/14
13	Phan Văn Chín	5/13	40	Phan Văn Tùng	4/14
14	Phan Văn Thảo	5/13	41	Phan Đức Huệ	4/14
15	Phan Văn Cam	5/13	42	Phan Chín	4/14
16	Phan Di	5/13	43	Phan Sáu	4/14
17	Phan Văn Đức	5/13	44	Phan Văn Cư	4/14
18	Phan Một	1/14	45	Phan Thanh	4/14
19	Phan Đức Long	2/14	46	Phan Tám	4/14
20	Phan Đức Lân	2/14	47	Phan Văn Vọng	4/14
21	Phan Thu	2/14	48	Phan Văn Châu	5/14
22	Phan Năm	2/14	49	Phan Văn Lâu	5/14
23	Phan Bảy	2/14	50	Phan Văn Chương	5/14
24	Phan Huynh	2/14	51	Phan Xin	1/15
25	Phan Kha	3/14	52	Phan Minh Lượng	1/15
26	Phan Thị Ba	3/14	53	Phan Tám	2/15
27	Phan Văn Lấp	3/14	54	Phan Chín	2/15
55	Phan Văn Bảy	2/15	69	Phan Thị Hải	3/15
56	Phan Sáu	2/15	70	Phan Đức Bình	3/15

57	Phan Văn Chín	2/15	71	Phan Văn Đoàn	3/15
58	Phan Văn Mười	2/15	72	Phan Thị Sĩ	3/15
59	Phan Huỳnh	2/15	73	Phan Đức Mẫn	3/15
60	Phan Thị Đa	2/15	74	Phan Văn Sáu	4/15
61	Phan Văn Hai	2/15	75	Phan Có (cha)	4/15
62	Phan Phú	2/15	76	Phan Văn Chín	4/15
63	Phan Quý	2/15	77	Phan Văn Ích	2/16
64	Phan Văn Mỹ	2/15	78	Phan Văn Khiến	2/16
65	Phan Thành Chương	2/15	79	Phan Có (Con)	4/16
66	Phan Văn Kha	2/15	80	Phan Văn Ba	2/17
67	Phan Văn Tín	3/15	81	Phan Văn Cấp	2/17
68	Phan Hai	3/15	82	Phan Văn Chiến	2/17

BÀ MẸ VN ANH HÙNG:

Con gái :

- Phan Thị Kha 1/14
- Phan Thị Liễu 2/14
- Phan Thị Bông 2/14
- Phan Thị Tô 3/14
- Phan Thị On 3/14
- Phan Thị Trinh 3/14
- Phan Thị Tuất 3/14
- Phan Thị Hai 2/15
- Phan Thị Toại 2/15

Dâu :

- Đoàn Thị Thơ (Bà Phan Thơ 3/13)
- Ngô Thị Long (Bà Phan Long 2/14)
- Đoàn Thị Thanh (Bà Phan Huỳnh/14)
- Trần Thị Dâu (Bà Phan Kế 2/14)
- Nguyễn Thị Ba (Bà Phan Mùi 2/15)
- Nguyễn Thị Chử (Bà Phan Bộ 3/14)
- Trần Thị Mai (Bà Phan Cửu 3/14)

CHƯƠNG BỐN: **VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT**

¶ **CÁC NHÀ VĂN, NHÀ BÁO, NHÀ THƠ :**

Tộc ta có rất nhiều nhà văn, nhà báo, nhà thơ, phóng viên các Thông Tấn Xã, Báo, Đài - chuyên nghiệp hay nghiệp dư - chúng tôi chọn vài cá nhân tiêu biểu và một số tác phẩm đã xuất bản trên văn đàn :



PHAN KHÔI

Phái Nhì - Đời thứ 13

(1887 - 1959).

Hiệu Chương Dân - Biệt hiệu Tú Sơn (Tout seul : Cô đơn).

Ông sinh vào mùa thu năm Đinh Hợi 1887 tại làng Bảo An, xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Con ông Phó bảng Phan Trân, tri phủ Diên Khánh tỉnh Khánh Hòa và bà Hoàng Thị Lệ, con gái tổng đốc Hoàng Diệu làng Xuân Đài, Điện quang, Điện Bàn, Quảng Nam. Anh em chú bác ruột với hai ông Phan Thanh và Phan Bôi. Ông sinh ra trong một gia đình khoa bảng, cả bên nội lẫn bên ngoại.

Ông kết duyên :

- Với Bà Lương Thị Tuệ, con gái cử nhân Lương Thúc Kỳ (tức ông Thượng Hà Tân, xã Đại Lãnh, huyện Đại Lộc), sinh hạ được 4 trai và 4 gái, 2 người chết lúc còn nhỏ, còn lại 3 trai là các ông Phan Thao, Phan Cừ, Phan Trảng và 3 gái là Phan Thị Thỏ, Phan Thị Viện và Phan Thị Miều.

- Với Bà Nguyễn Thị Huệ sinh hạ 2 trai là Phan Nam Sinh, Phan An Sa và 1 gái là Phan Thị Thái.

Năm 18 tuổi, ông đỗ Tú tài Hán học khoa Ất Tỵ năm 1905 nhưng chán lối học từ chương và thi cử, ông chuyển sang học Quốc ngữ và tiếng Pháp. Ban đầu ông học quốc ngữ với ông Phan Thành Tài, một người anh em cùng họ, cùng Phái. Sau ông tiếp tục theo học với ông Lê Hiên ở Bến Đền.

Năm 1907 ông ra Hà Nội học tiếp chương trình Pháp văn và tham gia Phong trào Duy Tân tại trường Đông Kinh Nghĩa Thục. Trong thời gian này ông viết cho tờ " Đăng Cổ Tùng Báo ". Khi tờ báo này và trường Đông Kinh Nghĩa Thục bị Pháp đóng cửa, ông phải trốn tránh, lúc ở Nam Định, lúc ra Hải Phòng. Lúc ở Nam Định ông học tiếng Pháp với ông Nguyễn Bá Học, một nhà nho sớm biết tiếng Pháp. Ông Nguyễn Bá Học bị mật thám Pháp tình nghi hoạt động chính trị nên ông Phan Khôi trở về quê nhà. Ở Quảng Nam tích cực tham gia phong trào đòi giảm thuế, truyền bá quốc ngữ, chống nạn mù chữ, ông bị bắt giam tại nhà lao Hội An. Trong nhà giam, ngoài việc xướng họa thi phú với các nhà cách mạng trong tù, ông còn tự học thêm tiếng Pháp. Năm 1914 ông được Pháp thả ra. Ra khỏi tù, ông lại ra Hà Nội viết cho tờ Nam Phong. Sau vì bất bình với ông Phạm Quỳnh, ông bỏ Hà Nội vào Sài gòn viết cho tờ Lục Tỉnh Tân Văn.

Năm 1920 ông lại trở ra Hà Nội viết cho tờ Thực Nghiệp Dân Báo và Hữu Thanh Tạp Chí. Cũng trong thời gian này ông dịch cuốn Kinh Thánh từ tiếng Pháp ra tiếng Việt cho Hội Thánh Tin Lành, mở mục Nam Âm thi thoại trên các

báo Nam Phong, Đông Pháp thời báo, Phụ Nữ Tân văn ...Về sau, ông chọn lọc tu chỉnh lại và in ra cuốn Chương Dân Thi Thoại.

Năm 1928 tờ Thực Nghiệp Dân Báo và Hữu Thanh Tạp Chí bị đình bản, ông lại trở vào Sài Gòn viết cho tờ Thần Chung và Phụ Nữ Tân Văn. Ông viết nhiều loạt bài phê bình sách Nho Giáo của Trần Trọng Kim, bút chiến với Phạm Quỳnh, gây tranh luận sôi nổi trong giới nhà văn, nhà báo về hai vấn đề Nho giáo và chấn hưng nền Quốc học qua các bài đăng trên Phụ Nữ Tân Văn, Đông Tây, Nam Phong và An Nam tạp Chí.

Từ nhà báo ông đã bước sang một nhà bình luận và phê bình văn học.

Năm 1932 ông khởi xướng phong trào thơ mới, từ bỏ các thể thơ mang nặng ảnh hưởng của Trung Hoa như Đường luật, ngũ ngôn, v.v... Theo ông, nhà thơ phải được nói lên tất cả những suy nghĩ, tâm tư và sự rung động của tâm hồn mà không bị gò bó, trói buộc trong niêm luật và sáo mòn đôi khi đưa đến rỗng tuếch. Bài thơ Tình Già, Dân Quạ Đình Công mở đầu cho một kỷ nguyên thơ mới của Việt Nam. Bài thơ đã làm nên một cuộc cách mạng lớn đối với nền thi ca hiện đại, quyết định cho sự hình thành lớn mạnh của phong trào thơ mới.

Năm 1933 tờ Phụ Nữ Tân Văn bị đình bản, ông trở ra Hà Nội làm Chủ bút tờ Thời Đàm.

Năm 1936 ông viết cho tờ Tràng An và sáng lập tờ Sông Hương tại Huế.

Năm 1939 ông lại vào Sài Gòn dạy chữ Nho ở trường Chấn Hưng của ông Phan Bá Lân * và viết tiểu thuyết Trở Vở Lửa Ra.

Năm 1941, khi máy bay đồng minh oanh tạc Sài Gòn, ông trở về quê nhà sống với gia đình cho đến Cách mạng tháng 8 năm 1945.

Tháng 3 năm 1946 ông nhận được thư riêng của Bác Hồ mời ra Hà Nội tham gia kháng chiến với cương vị là một nhà văn hóa. Suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp ông công tác ở Hà Nội, rồi chiến khu Việt Bắc. Tại đây ông vừa hoạt động văn học vừa dịch thuật các tài liệu từ chữ Hán, chữ Pháp ra tiếng Việt.

Năm 1954, sau ngày miền Bắc được giải phóng, ông trở về Hà Nội vào Hội Nhà Văn Việt Nam.

Năm 1956 ông đứng chủ bút tờ Nhân Văn. Cũng trong năm này, ông được cử tham gia phái đoàn, cùng với nhà văn Tế Hanh, sang Bắc Kinh Trung Quốc dự lễ kỷ niệm 100 năm nhà văn Lỗ Tấn.

Ông là một nhà văn, nhà báo, nhà thơ, nhà phê bình lý luận văn học; chẳng những nổi tiếng mà còn xuất sắc trong lĩnh vực văn học, triết học, văn chương và ngôn ngữ. Ông đã từng được sung vào Hội Đồng Giám Khảo các giải

văn học của Hội Nhà Văn Việt Nam. Ông đã đóng vai " Ngự Sử trên văn đàn ", được nhiều người ca ngợi tài năng và bút pháp của ông, nhưng bên cạnh đó cũng có một số ít người ganh tị không ưa thích ông.

Ngày 16 tháng 1 năm 1959 (Giờ Ngọ một ngày tháng Chạp năm Mậu Tuất) ông từ trần tại số nhà 73 phố Thuốc Bắc Hà Nội, thọ 73 tuổi.

- Văn nghiệp :

Suốt cả cuộc đời, ông hoạt động không ngừng. Ông chủ trương nhập thế, dấn thân, can thiệp vào đời sống để cải thiện xã hội. Những vấn đề ông đề xướng đã đăng trên các báo và tạp chí thời ấy như sau :

- Vấn đề Phụ Nữ bình quyền :

Về mặt phê bình xã hội, ông chủ trương đập đổ những hủ lậu, những tệ đoan để xây dựng cái mới. Trong các tệ đoan ấy, cái gì cần đập đổ trước tiên ? - Đó là vấn đề trọng nam khinh nữ, nền móng của sự bất bình đẳng trong đời sống con người. Đi trước Nhất Linh trong cuốn " Đoạn Tuyệt " và Khái Hưng trong cuốn " Nửa Chừng Xuân ", ngay từ năm 1931, ông đã đả kích chế độ đại gia đình; nguyên nhân của những thù nghịch hay hục hặc bất hòa giữa mẹ chồng và nàng dâu, quyết liệt chống lại việc cưỡng bức hôn nhân. Sớm hơn người nào hết, kể từ năm 1929, ông đã đặt ra vấn đề nam nữ bình quyền và vấn đề nữ quyền trong văn học. Sự tranh đấu cho quyền lợi của người đàn bà trong xã hội Khổng Mạnh, nằm trong hệ tư tưởng dân chủ của Phan Khôi. Đây không phải là thứ dân chủ bài bản tìm thấy trong các tuyên ngôn quốc tế nhân quyền đầy chữ nghĩa nhưng bất lực trên thực tế.

- Vấn đề Quốc học :

Ông Phan Khôi định nghĩa quốc học : Chữ quốc học ở đây chỉ về cái học riêng của một nước, có sự khác biệt, có chỗ khác với người ngoài. Ví dụ : Học thuật Trung Hoa - không luận hay hay dở - nó vẫn có cái vẻ đặc biệt, nếu đem so sánh với các nước Âu Mỹ thì không giống của nước nào hết. Vấn đề quốc học là đề tài sôi nổi được đem ra tranh luận giữa năm 1931. Ông Lê Dư thì quyết rằng có quốc học, các ông Phan Khôi, Phạm Quỳnh, Trịnh Đình Rự thì quyết là không. Theo ông Phan Khôi, thì cái học của ta từ trước đến nay chỉ sản xuất ra những ông " quan lớn " chứ không sản xuất ra những ông Thánh, ông Hiền đem truyền cái học lại cho ai.

Ông chủ trương học biện luận, học phê bình theo phương pháp luận phương Tây. Mở các cuộc đối thoại. Tranh luận nảy sinh ra ý kiến, ra tư tưởng. Tư tưởng nọ cọ xát với tư tưởng kia mới sinh ra học thuyết. Cái nào không phù

hợp với thời đại thì tiêu đi. Cái nào thích hợp thì còn lại. Những cái còn lại đó sẽ dần dần lập nên một nền Quốc học.

- Vai Ngự Sử Văn Đàn :

Cuối năm 1929, ông Phan Khôi mở mục Ngự Sử Văn Đàn trên báo Phụ Nữ Tân Văn để sửa sai những chữ, những câu viết sai trên các báo. Điển hình là vụ hai ông Nguyễn Chánh Sắt và Đặng Thúc Liêng viết sai tên mình (Trên danh thiếp, hai ông viết chữ Nho là Sắc và Liên). Phan Khôi chỉ trích thẳng : " ...chữ quốc ngữ mà viết sai bậy bạ hết là bắt đầu từ các ông nhà báo. Tôi cứ nói ra tên hai ông rồi, quyết luận rằng hễ cứ tên mình mà viết sai thì bất luận chữ nào cũng viết sai được hết ... ".

Về vai trò Ngự Sử Văn Đàn của ông Phan Khôi, nhà văn Vũ Ngọc Phan trong quyển "Nhà văn hiện đại" đã viết như sau : " ... Phan Khôi mà đóng vai Ngự Sử Văn Đàn thì thật là xứng đáng vì không có mấy người kiêm được nhiều điều kiện như ông. Ông có óc tỉ mỉ, phân tích, lại dùng chữ rất đúng, học rộng, kinh nghiệm nhiều. Từ ngày cái mục ấy không còn, tôi thấy rằng về sau các tạp chí văn học khác cũng có nêu lên những mục tương tự như thế, nhưng không mấy người đủ tài để viết ... ".

Văn nghiệp của ông thật vĩ đại nhưng xuất bản thành sách chỉ chiếm một ít trên toàn bộ sự nghiệp của ông đã trước tác trên nửa thế kỷ. Những tác phẩm của ông gồm có :

- Chương Dân Thi Thoại : Xuất bản năm 1936. Đây là một tuyển tập do chính ông thực hiện, trích in những bài nói chuyện về thơ ca của ông trong Nam Ca Thi Thoại đã đăng trên các báo từ năm 1918 đến năm 1931 ; Nam Phong, Đông Pháp Thời Báo, Phụ nữ Tân Văn, Trung Lập ... Với cuốn Chương Dân Thi Thoại, ông là người viết tiểu luận phê bình thi ca đầu tiên xuất hiện trên văn đàn Việt Nam.

- Việt Ngữ Nghiên cứu : Đây là một cuốn tổng hợp một số bài viết trong vòng ba năm từ 1948-1950, sau đó được in lần đầu vào năm 1950 dưới tựa đề " Tìm tòi trong tiếng Việt ". Tuy sách đã in ra như thế, ông vẫn tiếp tục suy nghĩ về những điều tìm tòi mà mình đã trình bày trong tập sách ấy. Ông cũng để ý đến các đề nghị, phẩm bình của người đọc. Đến năm 1955, sau khi đã đính chính hoặc viết những lời " Viết thêm " cho quan điểm của mình được sáng tỏ, được mạch lạc hơn, ông đã cho tái bản tập sách ấy với tựa đề mới là Việt Ngữ Nghiên Cứu.

Trong tình hình nghiên cứu tiếng Việt của ta vào giai đoạn đó, có thể nói Phan Khôi đã đóng góp một công trình đáng kể vào việc đặt một cái nền cho việc nghiên cứu tiếng Việt sau này. Bởi thế chúng ta không thể phủ nhận công lao, nổ lực cũng như những kiến giải hết sức sâu sắc và độc đáo của ông trong những đóng góp về vai trò mở đường của ông trên lĩnh vực Nghiên Cứu Tiếng Việt.

- **Tiểu thuyết Trở Vó Lửa Ra** : Sách được xuất bản năm 1930. Ông Vũ Ngọc Phan phê là không có gì đặc sắc.

Viết về Phan Khôi trong cuốn Nhà Văn Hiện Đại, ông Vũ Ngọc Phan đã nhận xét: " .. ông là thi sĩ có biệt tài, lời thơ cứng cáp có cái giọng cảm khái. Thật vậy, cũng như bao nhà Nho khác, ông cũng làm thơ, bình thơ rất thâm thúy. Trong ông có hai phong cách khác nhau: Một tâm hồn thi nhân bên cạnh một nhà lý luận. Tâm hồn thơ là gì, nếu không phải là một tâm hồn tinh tế biết cảm nhận những vẻ đẹp, vẻ sâu sắc của đời. Ông không ưa chuộng lối văn hoa phù phiếm, sáo mòn trong thơ văn... "

Tài năng và Nhân cách :

Muốn biết toàn diện hệ thống tư tưởng của Phan Khôi, cần phải có một tuyển tập đầy đủ những bài viết của ông đăng trên các báo từ Bắc vào Nam trong khoảng nửa thế kỷ qua. Tuy nhiên, đọc những trích dẫn sau đây trong những bài của những nhà văn, nhà học giả nổi tiếng đã ca ngợi ông, chúng ta cũng thấy rõ cái biệt tài và nhân cách của ông :

- **Vũ Ngọc Phan** : Tác giả cuốn " Nhà văn Hiện Đại " xuất bản tại Hà Nội năm 1942, đã đưa ra một số đặc điểm :

- Ông là một nhà cựu học nhưng rất mới, đưa ra nhiều cái mới mà đến những nhà tân học cũng phải cho là mới quá.

- Ông có lối bình thơ châm phá, nói bạo và rất có duyên trong " Chương Dân Thi Thoại ".

- Ông là thi sĩ có biệt tài, lời lại rất cứng cáp có cái giọng cảm khái.

- Còn về thơ mới, chính ông là người khởi xướng trước nhất với bài "Tình già ".

- Về tiểu thuyết, ông có cuốn "Trở vó lửa ra" còn mang nhiều lỗi của cả tiểu thuyết Tây lẫn Tàu, vừa kể vừa bình phẩm.

Vũ Ngọc Phan nhận định : " Phan Khôi là một nhà văn xuất sắc nhất trong phái nho học và trong văn giới Việt Nam, dù thuộc về phái già hay phái

trẻ. Tuy nhiên có một số người không đồng ý với ông nhưng ai ai cũng phải công nhận ông là một tay kiện tướng.

- **Nguyễn văn Xuân** : Trong cuốn "Khi những lưu dân trở lại", Thời Mới xuất bản năm 1969 tại Sài Gòn, Nguyễn văn Xuân đã viết :

- Không gì vô lý và đau xót cho bằng một học sinh Đề Nhị học Đông Dương tạp chí mà không học Phụ Nữ Tân Văn. Nói về mọi phương diện thì tạp chí sau này đã vượt xa tạp chí trước về biên khảo, dịch thuật, bút chiến, phê bình tiểu thuyết. Đã nói đến Phụ Nữ Tân Văn không thể không nói đến Phan Khôi. **Tại sao học sinh học Phan Kế Bính, Trần Trọng Kim mà không học Phan Khôi?** Chính hai học giả trên chỉ sao chép lại những tư tưởng của Khổng Mạnh, có hệ thống chữ khám phá ra cái hay, cái dở một cách đích đáng nhất bằng lương tri và tri thức, với giọng văn vứt bỏ cái lối nặng nề, bác học rề rà của Phạm Quỳnh, để diễn tả bằng giọng văn sống động, còn ai hơn Phan Khôi ? Có nhà nho nào có óc hoạt động và sáng kiến những ít thành kiến như ông ?

- **Nguyễn Thanh Lăng** : Giáo sư Đại học Văn Khoa Sài Gòn : - Phan Khôi là một khuôn mặt đẹp đẽ nhất của thời đại ta, một tổng hợp kỳ diệu được hình thành do những gì tinh túy nhất của nền cổ học vô cùng tế nhị Đông phương và nền học thuật minh bạch, khúc chiết của Tây phương. Ông yêu Đông phương nhưng ông cũng không thể chịu giam hãm trong cái ao tù Đông phương. Ông đi tìm Tây phương nhưng ông cũng chẳng chịu để cho Tây phương nuốt hết nơi ông những góc rẽ cổ kính đã do Đông phương ăn sâu vào tâm hồn ông.

Cái cuộc đời lạ lùng ấy, cái tổng hợp diệu kỳ ấy, ông không muốn nhờ ai nặn nó ra mà ông muốn chính ông tự mò mẫm ra, nhiều khi rất gian truân, để tự làm lấy cuộc đời mình... Là cây bút thường xuyên của Phụ Nữ Tân Văn, Phan Khôi như thân bướm nhồn nhơ trên tất cả mọi cánh hoa của vườn văn học. Cọng lại, văn ông trên tờ Phụ Nữ này có cả mấy trăm bài. Ông bàn về văn học của nữ giới và nhờ vào thi ca, nhất là thi ca bình dân, để tìm hiểu thân phận của người đàn bà Việt Nam. Ông nghiên cứu về văn tự ngôn ngữ Việt Nam, từ nguồn gốc tiếng nói, cách thức đặt câu sao cho đúng luật viết văn. Ông phê bình Nho Giáo, ông công kích nó là gò bó, hủ lậu. Ông nghiên cứu và phê bình văn học khi thì đứng ở cương vị một nhà tư tưởng, lúc lại nhân danh một nhà xã hội, khi lại nhân danh một tay nghệ sĩ tài tử.

- **Nguyễn Hưng Quốc** : Không còn nghi ngờ gì nữa, Phan Khôi là một gương mặt lớn trong lịch sử văn học Việt Nam hiện đại mặc dù ông không phải là một nhà văn lớn, không phải là một học giả lớn, cũng không phải là một nhà

báo lớn. Nhận định trên đây có cái gì như nghịch lý. Những nghịch lý ấy đã xuất hiện từ lâu, khá phổ biến trong các công trình nghiên cứu văn học Việt Nam hiện đại : viết phê bình văn học, chỉ tập trung vào những ngọn đỉnh cao nhất của từng thể loại, người ta thường bỏ qua Phan Khôi ! Tuy nhiên khi viết văn học sử, nhằm tái hiện diện mạo nền văn học Việt Nam hiện đại trong quá trình vận động của nó qua những thời kỳ, những biến thái, những trào lưu và những khuynh hướng khác nhau, người ta lại hay nhắc đến Phan Khôi, hơn nữa, nhắc một cách trọng vọng.

- **Đào Xuân Kiên** : ... Phan Khôi là một người suốt đời giữ được khí tiết nhà nho cương trực, không thỏa hiệp với điều mà thời đại hôm nay gọi là "chà đạp nhân quyền". Ông là phần tử hoạt động hăng say trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội, của phong trào Duy Tân ở Quảng Nam, một Nhà báo tiên phong và nổi tiếng qua phong cách bút chiến rắn rỏi, khúc chiết mà đối tượng của ông thường chỉ là đấu tranh cho một phong thái tự do, bình đẳng. Ông có kiến thức quảng bác, lại có nhiệt tâm tìm kiếm cái đúng cái tốt, nên văn bút chiến là một sở trường của ông trong sự nghiệp làm báo. Những tính cách nổi bật của văn bút chiến Phan Khôi là ở chỗ ông chuộng sự chính xác, sự minh bạch, sự liêm khiết, trí thức. Đó là loạt bài tranh luận về Nho giáo với Trần Trọng Kim, của bài cảnh cáo những "nhà học phiệt". Cho đến cuối đời, Phan Khôi vẫn là người như thế...

Qua những đoạn trích dẫn trên chúng ta nhận thấy, quả thật không một nhà văn, nhà báo nào, được nhiều người viết đến - ca ngợi có và khen chê cũng có - như Phan Khôi.

Cả một đời người, từ tuổi thanh xuân đến lão thành, nhà văn này đã sống thuần túy bằng ngòi bút. Tên tuổi, bài vở của ông xuất hiện thường xuyên trên các diễn đàn báo chí rông rãi hơn nửa thế kỷ, cho chúng ta hình dung ra sự nghiệp đồ sộ và đa dạng mà ông đã tạo dựng. Rất tiếc, mãi đến bây giờ chưa một ai xuất bản toàn bộ sự nghiệp sáng tác của ông để các thế hệ sau có dịp đọc và học hỏi một tấm gương, một ngòi bút suốt đời sống ngay thẳng, mạnh mẽ và luôn luôn cầu tiến, cập nhật cái mới. Lĩnh vực nào trong văn học cũng có ông và lĩnh vực nào ông cũng luôn luôn đi đầu.

Phan Khôi xứng đáng tiêu biểu cho hai chữ **NHÀ VĂN**.

THƠ CA ÔNG ĐÃ SÁNG TÁC

Ngoài những bài thơ ông sáng tác đã được đăng trên các báo từ trước, chúng tôi xin chép lại 2 bài thơ **Dân Quảng Nam xin sưu** và **Khuyến học** mà

ông đã làm trong những năm 1908 và 1914, lúc ở quê nhà. Đây là 2 bài thơ chúng tôi đã sưu tầm được qua truyền khẩu của các bậc lão thành ở Bảo An.

Báo Phụ Nữ Tân Văn số ra ngày 10.3.1932 in bài tiểu luận " Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ " với bài Tình già của Phan Khôi đã gây một tiếng vang trong làng thơ. Có thể xem như ngày ấy là ngày khai sinh phong trào thơ mới. Trước ngày lịch sử này, Phan Khôi đã thai nghén ý tưởng từ nhiều bài viết phê phán lối thơ cũ với những niêm luật quá khắc khe, gò bó, sáo mòn mất hết cả hồn thơ tự nhiên, trong sáng. Trong " Thi Nhân Việt Nam", Hoài Thanh - Hoài Chân đã nói về Phan Khôi thật trân trọng : "Ông Phan Khôi hăng hái như một vị tướng quân, dong dạt bước ra trận. Ông tự giới thiệu - Trước kia...trong một năm tôi cũng có năm, bảy bài hoặc bằng chữ Hán hoặc bằng chữ Nôm. Mà năm, bảy bài của tôi, không phải nói phách, đều là năm, bảy bài nghe được - Ấy thế mà ông kết án thơ cũ ! Thơ cũ bị câu thúc quá nên mất chơn. Bởi vậy, ông bày ra một lối thơ đản ý thật có trong tâm khảm mình, tả ra bằng những câu có vần mà không bị bó buộc niêm luật gì hết và tạm mệnh danh là Thơ Mới... Bài " Tình Già " của ông đã khiến cho số đông thanh niên trong nước bỗng thấy mở ra một góc trời vì cái táo bạo giầu giém của mình đã được một bậc đàn anh trong văn giới công nhiên thừa nhận". Mà " Tình già " hay thật. Đến bây giờ vẫn thấy hay, dù thơ mới đã phát triển qua suốt chặng đường dài gần 70 năm."

Tình già

Hai mươi bốn năm xưa,
Một đêm vừa gió lại vừa mưa.
Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ,
Hai mái đầu xanh, kề nhau than thở :
" Ôi đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng,
Mà lấy nhau hẵn là không đặng.
Để đến nỗi tình trước, phụ sau;
Chỉ cho bằng sớm liệu mà buông nhau !".
Hay ! Nói mới bạc làm sao chớ !
Buông nhau làm sao cho nỡ ?
Thương được chùng nào hay chùng nấy,
Chẳng qua ông trời bắt đôi ta phải vậy !
Ta là nhân ngãi, đâu có phải vợ chồng mà tính chuyện
thủy chung ?

Hai mươi bốn năm sau,
Tình cờ nơi đất khách gặp nhau :
Đôi mái đầu đã bạc
Nếu chẳng quen lung đố có nhìn ra được !
Ôn chuyện cũ mà thôi.
Liếc đưa nhau đi rồi !
Con mắt còn có đuôi.

✓ Sau khi cùng Tế Hanh sang Trung Quốc dự kỷ niệm 100 năm ngày sinh Lỗ Tấn, Phan Khôi trở về với tâm trạng của một người vào tuổi " Nhân sinh thất thập cổ lai hy " . Tâm sự ấy, ông gởi vào bài thơ :

Nắng chiều

*Nắng chiều đẹp có đẹp
Tiếc tài gần chạng vạng
Mặc dù gần chạng vạng
Nắng được thì cứ nắng.*

Thăm bộ đội

Vượt núi trèo non tôi đến đây,
Về thăm anh nghỉ dưới chân mây.
Chúc anh mạnh khỏe rồi ra trận,
Máu sức càng hăng để đánh Tây.
Đánh đến bao giờ độc lập thành,
Tôi dù già rụi ở quê anh,
Cũng đành nhắm mắt không ân hận,
Nằm dưới mồ nghe khúc thái bình.

Dân Quảng Nam xin sưu

(Cổ động tuyên truyền cho phong trào chống sưu cao thuế nặng, để quần chúng bình dân dễ hiểu, ông sáng tác theo dạng vè - NV)

Dân trong tỉnh Quảng Nam mình
Không kham sưu thuế ỨC TÌNH phải kêu.
Kể ra cực khổ trăm điều
Quan coi dân dưới như rêu rác trôi.
Một trăm món thuế cũng bao
Công ngân, công ích thêm cao bội phần.
Người nào chẳng có thuế thân
Không lo kêu tố để phần cho ai ?
Dân thời than ngắn thở dài,
Người thì đợi lệnh quan sai thì làm.
Như vậy dân chịu sao kham ?
Người thì còn để ngủ dòm xem sao.
Dân đi lên xuống lao xao,
Trách ai mấy kẻ anh hào vô tâm.
Như đui, như điếc, như câm
Để cho dân dưới chịu bầm khổ đau.
Hay là còn đợi người thừa,
Mắt tuy đã thấy mà chưa dám làm.
Dân kêu tòa sứ đã tràn,
Trách ai đi đến nửa đường lại lui.
Phải chi có chút thịt đùi,
Đã trách : " Kính biểu sao tôi không phần ".
Việc nhằm mà lại lẩn khân,
Loanh quanh rúc bếp mọi lần đã quen.
Sao không bỏ thói ngu hèn,
Cũng là máu đỏ đầu đen với người.
Sao không sợ các xã cười,
Cùng là các huyện, hổ người dân nghèo.
Lẽ công ai lại không theo,
Dẫu mà sấm chớp cũng gieo mình vào.

Tương nhu đảo thử thị hào,
Tương thân tương ái đồng bào một phen.
Lại khuyên những kẻ thiếu niên,
Học cho biết chữ dân quyền mới hay.
Lẽ công nào đợi ai bày,
Trăm dâu cũng quyết một tay anh hùng.
Việc nhảm ta cũng lo chung
Mong cho hào phú, công, nông một lòng.

Khuyến học

(Bài này ông làm lúc về quê nhà dạy học, sau khi ra tù năm 1914).

Em ơi, gà đã gáy dòn,
Láng giềng đã dậy, em còn ngủ sao ?
Ngoài đường kẻ búa, người dao,
Kẻ vô xướng máy, người vào xướng in.
Trên cánh rủ rỉ đàn chim,
Kêu nhau làm tổ, kiếm tìm bọ sâu.
Muôn ngàn sinh vật đua nhau,
Ở trên thế giới địa cầu khác chi.
Mạnh thì được, yếu thì suy,
Em ơi mau dậy mà đi đến trường.
Tập rèn máy móc, văn chương
Y khoa cứu thế, công thương giúp đời.
Thử xem ở các nước ngoài,
Tìm dò đáy biển, lặn chui dưới hầm.
Tập trồng dâu, tập nuôi tằm,
Học đi dưới nước, học cầm máy bay.
Nước mình chẳng được mảy may,
Thấy người ta, chỉ nuốt cay ngậm sầu.

Như ta cũng mắt cũng đầu,
 Cũng tay chân ấy, cũng dầy trí khôn.
 Làm người phải biết tự tôn,
 Học như Ung Đạo, Lý Bôn mới là.
 Hãy xem các nước người ta,
 Thợ thuyền, lính tráng tài ba tuyệt vời.
 Em thời biếng học, ham chơi
 Sách đèn xa lánh, gần nơi rượu chè
 Cùng nhau đua bạn, đua bè,
 Tối trong trường hát, sáng về ngủ trưa.
 Thấy em, nhớ chuyện thuở xưa :
 Sừng trâu đeo sách nào thua kém gì ?¹⁵
 Nào người gánh củi đi thi,¹⁶
 Nào người bắt đóm học bài thâu canh.¹⁷
 Khuyên em cái bả lợi danh,
 Vào lòn ra cúi, công Khanh coi thường.
 Dầu mà mắm muối, dưa tương,
 Đất ta, ta cấy, ta bừa tự ta.
Em ơi, phải biết nghĩ xa,
Học rồi giúp nước, giúp nhà mới nên.
 Chí trai phải giữ cho bền,
 Chớ vì thế lực đồng tiền mà say.
 Bình minh đã rõ ban ngày,
 Mau mau thức dậy kéo chày, em ơi !

Bài thơ thách họa đăng trên Báo Thực Nghiệp năm 1921.

¹⁵ Ninh Thích người nước Vệ, nhà rất nghèo đi chăn trâu mà học. Đang chăn trâu gặp Quản Trọng, tướng quốc nước Tề. Quản Trọng biết ông là người có tài bèn tiến cử lên vua Tề Hoàn Công. Vua phong ông làm quan Đại phu cùng Quản Trọng trông coi việc nước.

¹⁶ Chu Mãi Thần, đời Hán, lúc còn hàn vi phải đốn củi để độ nhật theo đuổi việc học. Sau làm nên nghiệp lớn.

¹⁷ Vũ Tử Xa Dân, đời Tấn, nhà nghèo nhưng rất ham học, ban đêm không có dầu thắp đèn nên phải bắt đóm đóm bỏ vào vỏ trứng lấy ánh sáng mà học.

(Những từ đó đến nay chưa thấy ai họa bài thơ này - NV)

Viếng mộ ông Lê Chất

Bình Tây trấn Bắc, sử nghìn thu
Ấy cỏ mờ rêu đất một u !
Ấy dững, ấy trung là thế thế !
Mà ân, mà oán ở mô mô.
Chim gào hờn sót xuân âm ỉ,
Hùm thét oai lửa gió vụt vù.
Cái chuyện anh hùng ai giở đến
Hồ Tây còn vắng tiếng chuông bu!

Chơi thuyền trên sông Tân Bình

Eo đất vắt rừng già ra nước
Thành con sông xanh biếc dài ghê.
Khỉ ho cò gáy tử bề,
Ta đem thân đến chốn này làm chi.
Nhớ từ trẻ gian nguy từng trải
Bước giang hồ, bước mãi chưa thôi.
Mãnh thân còn chọi với đời,
Hiếm nghèo là bạn, chơi với là nhà.
Cảnh hiu quạnh có ta có chủ
Bằng không ta, chẳng phụ Hóa công !
Vẽ ra cái cảnh lạ lùng,
Mà cho cọp biển cá đồng hay sao ?
Xuông ba lá đầu nào chàng Thổ
Rượu đế mang theo mỗ lưng bầu.

Mũi chèo trước, lái ta sau
Mái chèo khoan nhặt con trào ngược xuôi.
Bóng chiều nhuộm lau mùi vàng úa
Khói, nước, trăng, mây bủa lững chững.
Vạch lau, rẽ khói tung tăng
Trên trời, dưới nước, bên rừng, giữa ta.
Lô túp lá sà sa trong ngút
Chợt thuyền con vùn vụt ngang giòng.
Nguồn Đào có phải đây không?
Vũng Lương Sơn phảng phất cùng là đây.
Vùng ác lạng, chòm cây đen sậm
Vào càng sâu, càng lắm vẻ u.
Lượn chiều lướt gió vi vu,
Chim về ổ thót, vượn ru con thuyền.
Bỗng cái soạt, mái thuyền hùm vọt
Sáng lập lòe, ngọn đuốc ma trời.
Ó vùng dậy, khỉ reo cười
Trăm yêu ngàn quái nhè người mà trêu.
Soạt đàn mũi, mái chèo toan đánh
Lái phất ngang, đường tránh cơn nản.
Ủa kia, rắn hổ phùng mang
Vượt sông rẽ sóng băng ngàn như tên.
Vụt đáy nước trông lên cây trụ
Hắn đây rồi cá sấu quých đuôi.
Trăm cái sợ cướp cái vui
Tới đành chẳng tiện, muốn lùi chổn khôn.
Sông phơi dải lụa trắng tinh một màu.
Rõ muôn tượng như chào lại khách
Lặng một chiều đường trách lấy nhau.
Cảnh sao biến đổi quá mau,
Rõ hai thế giới trước sau nửa giờ.
Cảnh đổi cảnh những ngờ mộng寐

Hoặc là do tâm ý mà ra.
Tâm u bước đã quá xa,
Canh khuya sương nặng liệu mà về đi.
Xoàng hơi cúc khì khì cười mãi
Tóc phát phơ đường trái bóng trăng.
Giữa giòng, chiếc lá thung thăng
Lần dò lối cũ băng khuâng chạnh niềm.
Gấm thân thế ba chìm bảy nổi,
Lại phen nầy lạc lối tới đây.
Một đêm cảnh vội đổi thay,
Rời ra sao nữa, sau nầy trăm năm.
Ngâm mấy vận tạm làm du ký,
Chép gởi người tri kỷ đường xa.
Người như rõ biết ý ta,
Thì nâng chén rượu mà ca khúc nầy.

Chú thích : Mùa thu năm 1927, nhân có việc phải tạm lánh Sài Gòn ít lâu, tác giả về chơi nhà người bạn ở mũi Cà Mau. Bài thơ được viết sau một cuộc đi dạo bằng thuyền trên sông Tân Bình. Khu rừng này thuộc xóm Tân Bình, mặt trước rừng là sông, không có đường sá gì cả. Tác giả đã diễn tả những cảnh ghê sợ trên sông hoang vắng, nhân thế gợi gấm tâm sự của mình (Vũ Ngọc Phan).

PHAN THAO

Phái 2 Đời thứ 14

Sinh ngày 25.01.1915¹⁸ tại Bảo An, xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Con trai đầu của ông Phan Khôi và bà Lương thị Tuệ.

Ông đã học đến hết bậc Trung học Pháp, tham gia hoạt động Cách mạng từ năm 1936 :

¹⁸ Theo bà Phan Thị Miếu, em gái ông Thao, cung cấp cho Ban Biên tập chúng tôi : Ông Phan Thao sinh ngày 15.11.1915.

- 1936 : Tham gia phong trào Mặt trận Bình dân. Tham gia Việt Minh xã hơn 1 tháng trước ngày tổng khởi nghĩa 8/1945.

- 1945 : Thư ký đoàn Văn hóa Cứu quốc Quảng Nam. Thư ký BCH Liên đoàn Văn hóa Cứu quốc Trung Bộ. Biên tập viên tạp chí Ánh Sáng - cơ quan của hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác của Trung Bộ. Biên tập viên báo Quyết Thắng - cơ quan của Mặt trận Việt Minh Trung Bộ.

- Tháng 6/1946 : Trúng cử Đại biểu Quốc Hội Khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

- 29.5.1946 được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam tại Chi bộ trực thuộc xứ ủy Trung Bộ.

- Tháng 7/1946 : Ty trưởng Ty Tuyên truyền Quảng Nam kiêm thư ký Hội Liên Hiệp Quốc Dân Việt Nam.

- 19.12.1946 : Phó trưởng ban Tuyên truyền kháng chiến liên tỉnh Quảng Nam , Đà Nẵng.

- 1947 : Phụ trách báo Cứu Quốc miền Nam Trung bộ. Phó Chủ tịch Liên đoàn Văn hóa kháng chiến miền Nam Trung bộ. Chủ nhiệm tạp chí Miền Nam - cơ quan của Liên đoàn.

- Tháng 8.1949 : Phó chủ tịch Ban Đại diện văn hóa Liên khu 5. Ủy viên thường vụ Hội Việt Trung hữu nghị Liên khu 5 đồng thời là Chi hội trưởng Chi hội Liên khu 5. Bí thư Đảng đoàn Văn hóa Liên khu 5.

- Tháng 10.1949 : Ủy viên BCH hội Liên Việt, phụ trách phòng liên lạc Đại biểu Quốc hội Liên khu 5.

- Tháng 8.1954 - tháng 7.1957 : Trưởng phòng Bí thư báo Nhân Dân.

- Tháng 8.1957 - tháng 8.1960: Chủ bút báo Thống Nhất.

Huân chương kháng chiến Hạng Nhất. Ông mất ngày 5.8.1960 và an táng tại Hà Nội.

XUÂN TÂM

Phái Nhì đời thứ 14.

Xuân Tâm tên thật là Phan Hạp, sinh ngày 1.1.1916 tại làng Bảo An, xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Con trai thứ hai của ông Phan Điều, ông sinh ra trong một gia đình có truyền thống hiếu học ở Bảo An.

Ông theo học trường Chaigneau, rồi trường Quốc học Huế và đậu bằng Thành Chung, ông nghỉ học vì gia đình nghèo. Ông làm thông phán tại Kho bạc Tourane. Tháng 8 năm 1945, ông hăng hái tham gia Cách mạng. Sau 1 năm ở quân đội ông được gọi về làm Ngân khố tỉnh Quảng Nam, sau làm Giám đốc Sở Ngân khố Liên khu 5. Cuối năm 1954 ông tập kết ra Bắc, công tác ở Ban Kinh tế Chính phủ rồi Ủy Ban Kế hoạch Nhà Nước cho đến khi về hưu. Nay ông đã trên 80 tuổi sống thanh bạch trong một căn hộ ở phố Thụy Khê, quận Tây Hồ Hà Nội. Ông vẫn thường xuyên họp mặt với các bạn thơ trong Hội nhà văn, làm thơ đăng trên các báo ở Hà Nội và dịch văn thơ Pháp.

Trước năm 1945, ông đã đăng nhiều bài thơ trong các tạp chí Tân văn, Sông Hương, Bạn đường, Thanh niên, Đoàn kết kháng chiến Liên Khu 5, Văn, Đại đoàn kết, Tiền phong, Phụ nữ Việt Nam. Năm 1941, ông xuất bản tập thơ "Lời chim non", có nhiều bài ông sáng tác từ năm 1935, tức là năm ông 19 tuổi. Trong tập thơ này có bài "Nghỉ hè" đã đoạt giải Nhất trong cuộc thi thơ của báo Bạn đường. Từ mùa Hè năm 1941, bài thơ Nghỉ Hè được đưa vào sách giáo khoa văn cấp tiểu học. Tác giả Xuân Tâm và thơ của ông đã được chọn đưa vào tập "Thi nhân Việt Nam" của hai tác giả Hoài Thanh và Hoài Chân, xuất bản năm 1941. Sau đây xin trích giới thiệu một số bài thơ Xuân Tâm đã sáng tác từ trước Cách mạng tháng 8 đến nay :

Bài thơ nổi tiếng, nhiều SVHS đã từng thuộc lòng trong những ngày còn cấp sách đến trường :

Nghỉ Hè

Sung sướng quá, giờ cuối cùng đã hết,
Đoàn trai non hớn hỏ rủ nhau về.
Chín mươi ngày nháy nhót ở miền quê
Ôi tất cả mùa Xuân trong mùa Hạ.

Một nét mặt, trăm tiếng cười rộn rã,
Lời trên môi chen chúc nói nghìn câu.

Chờ đêm nay; sáng sớm bước lên tàu,
Ăn chẳng được, lòng nôn nao khó ngủ.

Trong khoảnh khắc sách, bài là giấy cũ,
Nhớ làm chi. Thấy mẹ đợi, em trông.
Trên đường làng huyết phượng nở thành bông,
Và vườn rộng nhiều trái cây ngon ngọt.

Kiểm soát kỹ có khi còn thiếu sót;
Rương chật rồi, khó nhót cả niềm vui.
Tay bắt tay, hồn không chút bụi ngùi,
Các bạn hỡi, trời mai đầy ánh sáng.

(Lời tim non)

Sáng ấy Hội An

Sáng ấy Hội An bình tĩnh giấc
Thuyền buồm chen chúc rộn bờ sông.
Nguồn đưa thuyền xuống, khoang đầy chạt
Đêm mới vừa qua có kẻ mong.
Vòm xanh hừng đỏ vùng Non Nước,
Sao tắt lừng trời, trăng trốn xa.
Bên thềm nhà cổ bao người đợi,
Bát sứ Giang tây sắp đựng quà.
Cửa Đại êm êm gọi gió về,
Gió thơm mùi biển đến say mê.
Tóc em phơ phất trong làn gió
Mắt sáng tìm ai dọc vỉa hè.
Nhớ những ngày xưa tôi xuống đây,
Cũng thuyền buồm ấy, cũng sông này.
Chùa Cầu vẫn gác đôi chàng khỉ,

Mà Hội An rày đã đổi thay.
Nồm sắp lên rồi, mua bán mau,
Thuyền căng buồm chạy ít chờ lâu.
Chuyện còn dang dở chưa trao hết
Xin hẹn ai về nhớ sáng sau.

(Hương giữa mùa) 1946

* * *

Từ ngày chị đi xa

(Gửi chị B. Canada)

Từ ngày chị đi xa,
Mười mấy lần mai nở,
Chiều chiều chị có nhớ
Khói mái bếp quê nhà ?

Quê nhà cách đại dương
Xa nhau ngàn vạn dặm
Không gian nào ngăn cấm
Gió nồm chở nhớ thương.

Từ ngày chị đi xa
Giòng Thu Bồn êm chảy
Gió vồn ngô trên bãi
Hò hái dâu ngân nga.

Xa cội bao người lo
Quê nhà không sung sướng
Thuyền dong buồm chuyển hướng
Sẽ mang về ấm no.

Giận ai đồn " tằm máu "
Đưa chị đến trời xa
Chiều chiều chị có nhớ
Khói mái bếp quê nhà.

1988 (Hoa cuối mùa)

Mẹ Tôi ¹⁹

Mẹ tôi mảnh dẻ thấp người
Từng nghèo mà vẫn nụ cười trên môi.
Suốt đời vất vả ngược xuôi,
Nuôi năm con được nên người lớn khôn.
Từ bình minh đến hoàng hôn,
Ngày ngày cực nhọc đâu còn nghỉ ngơi.
Mưa dầm thấm ướt áo tôi,
Rét run thấm cả vào người Mẹ tôi.
Giờ đây nhớ lại bồi hồi,
Nhớ trời xứ Huế, nhớ thời xa xưa.
Thương Mẹ biết mấy cho vừa,
Bạc đầu nhớ Mẹ vẫn chưa hết buồn.

1989 (Hoa cuối mùa)



PHAN NHỤY

Phan Nhụy 2/13, con thứ tư ông Phan Định, sinh ngày 2.5.1897 tại Bảo An. Lúc nhỏ ông theo học quốc ngữ tại trường Diên Hồng, Hội An. Ông sớm chịu ảnh hưởng của gia đình, các phong trào yêu nước ở địa phương và nhất là tấm gương vì nước quên mình của người anh em họ cùng nhánh là ông Phan

¹⁹ Người Mẹ tảo tần nuôi con ăn học : Ông bà Phan Diêu bán ngôi nhà và một sào đất vườn ở quê nhà Bảo An, đưa tất cả gia đình ra Huế tìm kế sinh nhai, tạo điều kiện thuận lợi nuôi các con ăn học thành tài. Ông bà dựng một ngôi nhà tranh bên trường Quốc Học, nấu cơm tháng cho học sinh trọ học, nuôi các con gồm 3 trai là Phan Lai, Phan Hạp, Phan Viên và một gái là Phan Thị Hồng Hạnh ăn học nên người (Xem mục Học vị và Chức tước từ Đời thứ 14-17). Ông bà Phan Diêu là một tấm gương hiếu học sáng ngời tiêu biểu trong nhiều gia đình hiếu học của tộc Phan.

Thành Tài. Ông rất tích cực tham gia trực tiếp các phong trào cách mạng chống Pháp tại Quảng Nam. Ông là một trong những người tham gia lãnh đạo khởi nghĩa cướp chính quyền huyện Điện Bàn, được cử làm ủy viên Ủy Ban Nhân Dân Cách Mạng Lâm Thời huyện Điện Bàn, phụ trách giao thông công chánh. Đầu năm 1946 ông được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy Ban Hành Chánh Kháng Chiến huyện. Năm 1952, ông được bổ nhiệm làm phó trưởng ty Công thương tỉnh Quảng Nam. Tháng 7 năm 1954, ông không tập kết ra Bắc, ở lại hoạt động cách mạng tại quê nhà. Ông đã nhiều lần bị địch bắt bỏ tù, tra tấn và dụ hàng nhưng ông từ chối. Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông đã để lại một tập thơ viết tay hơn 100 bài. Có bài viết theo lối diễn ca dài gần 500 câu. Xin trích một số bài ghi lại cảm xúc qua các thời kỳ hoạt động cách mạng của ông :

Biết ơn Phạm Hồng Thái

Hai mươi tám tuổi bước vào đời,
Hồng Thái vô tình đánh thức tôi.
Bạn đã hy sinh vì nhiệm vụ,
Tôi xin nỗ lực chẳng nhàn cư.
Lần dò từng bước trong đêm tối,
Sùng sục tấm lòng tựa nước sôi.
Ngọn đuốc thiêng liêng tung ánh sáng,
Cuộc đời từ ấy nhẹ nhàng trôi.

Lên Hóc Môn

1925

Thăm cụ Tây Hồ bệnh Hóc Môn,
Gặp nhiều bè bạn mở tâm hồn.
Khuyên anh yêu nước không bỏ bến,
Chống Pháp bền gan với núi sông.
Thắp sáng ngọn đèn treo trước gió,
Cài ngay trước cửa tránh cơn giông.
Bước đường mở rộng tình lai láng,
Nam Bắc cùng chung một tấm lòng.
Hóc Môn, Bình Lái, Lái Thiêu đây,

Đức Huệ, Đức Hòa thẳng hướng tây.
Tóc bạc nhớ ông yêu nước nọ,
Thuyền con giúp trẻ vượt sông này.
Đêm khuya chữa thấy vùng trăng mọc,
Mỗi mắt cứ nhìn ngọn gió bay.
Sắt đá lòng ta thể có một,
Mấy đời sấm chớp lại lung lay!

Vào khám lớn Sài Gòn

1930

Bước vào địa ngục giữa trần gian,
Quang cảnh nhìn qua quá ngổ ngàng.
Lui tới chú thầy hầu sát đít,
Trần truồng cu dái thấy sôi gan.
Tường cao điện bủa, chông phong tỏa,
Khô mực, cơm đen, muối kết đoàn.
Ngày múa phượng hoàng ba bốn bận,²⁰
Ủ tở²¹ như thế cũng là sang!

Văn tế Thanh Minh

(Viết cho tỉnh trưởng Quảng Nam)

Năm 1956, ông Phan Nhụy đang bị giam ở nhà lao Hội An, nằm xà lim, ăn cơm muối. Một hôm, Tỉnh trưởng tỉnh Quảng Nam cho thư ký đến nhờ ông viết giùm bài văn tế cái gọi là "cô hồn bị Việt cộng tàn sát", vì tên Tỉnh trưởng biết ông hay làm thơ phú. Ông ra điều kiện phải ra khỏi xà lim và được đối xử tử tế. Ông muốn lợi dụng cơ hội này để viết bài văn nhớ công ơn các chiến sĩ ta và đồng thời chơi xỏ tên Tỉnh trưởng.

Hỡi ôi !

²⁰ Mỗi khi ra vào phòng giam, tù nhân phải trần truồng, há miệng, giang tay, xoay chân cho lính coi tù khám. Tù nhân gọi đó là múa phượng hoàng.

²¹ Nói lái : ở tù.

Khói tỏa trời Nam,

Mây tan đất Bắc.

* Đò tạo hóa chìm chìm nổi nổi, kiếp phù sinh trôi trôi mà đau.

Cuộc đời hoàn có có không không, câu bất hạnh buộc vào e cũng ngặt.

* Lấy số mạng chứng minh sinh tử, khắp cõi trần ai cũng như ai.

Dùng bạo tàn giải quyết hừng vong, lũ khát máu ghét đã đáng ghét.

Nhớ linh xưa:

Dòng dõi Hùng Vương,

Cháu con Trưng Trắc.

* Máu truyền thống sục sôi bầu cách mạng, gương hy sinh muôn thủa hãy còn trong.

Lửa đấu tranh đốt cháy lũ xâm lăng, khói chiến thắng nghìn năm nào để tắt.

* Từ Ất Sửu bước sang Quý Dậu, cuộc chiến tranh bùng nổ ngót mười năm.

Ải Nam Quan tới mũi Cà Mau, cơn máu lửa lan tràn trong một khắc.

* Lòng ái quốc toàn dân đều đứng dậy, chí tiêm cừu²² rửa sạch hận non sông;

Đức hy sinh một thủa nổi bùng lên, liễu sinh tử chôn vùi quân Pháp tặc.

Nhất đán ly loạn chiêm dạ nguyệt.

Trường đồ chi mã tố thanh thiên.

* Giận thời cơ đảo đảo điên điên, kẻ bị phanh thây, người thì chôn sống, mảnh hình hài trôi nổi rất thương tâm.

Hỏi ông trời tử tử sinh sinh, cha bị mất tích, con thả trôi sông, niềm tâm sự đắng cay đầy thắc mắc.

* Thảm là thảm chôn ngồi chôn đứng, thể phách vùi ba tác đất chẳng yên thân.

Thương là thương chém dọc chém ngang, tinh thần ngấm một phương trời rồi nhắm mắt.

²² Tiêm cừu : Giết sạch quân thù.

* Biết bao kẻ tha phương đi cầu thực, lên dương xuống đốc, chết cũng vì nước độc rừng thiêng.

Biết bao người mạng lệnh buộc tử, thiếu thuốc, thiếu mản, chết bởi con ma sốt rét.

* Chết bom đạn, chết hãm chết hổ, gia đình tiêu, sự nghiệp cũng tan hoang.

Khóc non sông, khóc đứng khóc ngồi, Tổ quốc đó mà hình hài chôn chặt.

Ôi thôi thôi!

Hồn ma phách quế,

Gió đập mưa vùi,

Thế sự vô thường,

Nhân tâm mạc trặc.

* Hỏi tạo hóa chí công là thế, kiếp của con người là kiếp của phù du.

Vái linh hồn bất tử ở ở đâu đâu, nợ trần thế là nợ không nguyên tắc.

* Xương tan tác phơi đầy sông núi, bầm gan tím ruột, hỏi quân thù còn mấy mảnh gươm nơ ?

Hồn tiêu điều mường bóng cỏ cây, đi gió về mây, kiếp phiêu bạt, ôi chín chiu dao cắt.

Hôm nay đây : Hết thời chinh chiến,

Ca khúc hòa bình.

Xây dựng phương cương,

Đón ngăn quân giặc.

* Vừa gặp lúc thiếu quang rực rỡ, tiết Thanh Minh lê trắng cỏ non,

Đã đến ngày phần mộ viếng thăm, lễ tu tảo thoi vàng hồ rắc.

* Cắm cảnh bấy mồ vô chủ, hương tàn khói lạnh, có ai dành cho chút đoái thương.

Não nùng thay loài hữu sinh, thịt nát xương tan, cuối cùng thở một hơi lạnh ngắt.

* Trước linh án khói trầm nghi ngút, có hoa bốn mùa, có cây trăm thước, vái hương hồn chứng giám tấm lòng son.

Trong thâm tâm mạch thấm sùi, khi vò chín khúc, khi chau đôi mày, nguyện chung kiếp phục thù bền dạ sắt.

Cảm thỉnh : Các em thơ ấu ! Các bậc lão thành !

Những đấng tu mi ! Những trang cân quốc !

* Ai đã bị cường quyền tàn sát, xiêu mờ lạc nấp, hãy về đây hưởng chút lòng thành.

Ai hãy còn uất hận hàm oan, ngậm đắng nuốt cay, xin báo mộng cho đây cứu xét.

Cẩn cáo.

❏ CÁC NHÀ THƠ KHÔNG CHUYÊN

Trong Tộc có nhiều người đã từng làm thơ để diễn tả nỗi lòng của mình qua nhiều lãnh vực, tham gia trong các Câu lạc bộ, các nhóm thơ văn... Trong phạm vi tập sách này, chúng tôi chỉ sưu tầm một số ít các bài thơ đã đăng trên các báo từng hoặc được chính tác giả trình bày trong các ngày Lễ Thanh Minh hay những buổi sinh hoạt Tộc Họ. Những bài thơ có nội dung ca ngợi công đức của Tổ tiên, truyền thống hiếu học và yêu nước, lòng biết ơn sâu xa của con cháu đối với các bậc tiền nhân, tình yêu quê hương, xứ sở :

Trong dịp Lễ khánh thành Tiền Đường nhà thờ tộc tại Bảo An, Thanh Minh năm Đinh Sửu 1997, tộc Phan Phan Xá xã Xuân Mỹ, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh đã cử đoàn gồm 4 người vào dự lễ. Tộc đã cử ông **Phan Hường 14/4**

phụ trách tiếp đón, nhân dịp này ông đã tặng đoàn một bài thơ, nói lên tình gia tộc cùng một cội nguồn :

Khắc ghi cội nguồn ²³

*Hồng Lĩnh non cao hùng vĩ,
Thu giang cao quý nghĩa tình.
Hình ảnh cội nguồn gia tộc
Sống mãi trong lòng hai phái chúng ta.
Anh em Nam, Bắc cách xa
Nghệ An Trại Chỉ đều là Tổ chung.
Hong Lĩnh đá có mòn,
Thu Giang nước có cạn,
Cháu con Phan tộc Bảo An
Một lòng một dạ khắc ghi cội nguồn.*

✓ Ông **Phan Hỷ 3/13** hay làm thơ Đường luật dưới bút hiệu Phi Hán. Thơ ông thường được đăng trong các tạp chí, báo ở Quảng Nam - Đà Nẵng. Ông đã xuất bản tập thơ Hiên Chiều năm 2000 . Trong các dịp Lễ Thanh Minh, Phát thưởng cho SVHS học giỏi trong tộc..., ông thường sáng tác nhiều bài thơ nói lên nỗi lòng của mình. Trong số hàng trăm bài, chúng tôi chọn đăng một vài bài hợp với nội dung Tập Kỷ Yếu này :

Tưởng niệm

Mỗi độ Thanh Minh lại nhớ ngày,
Đường thôn rộn rã hướng về đây.
Năm canh chung cội tươi chồi nụ,²⁴
Mỗi đóa muôn màu rực sắc mây.
Rạng mặt quê cha công sáng chói,

²³ Đề bài (NV ghi)

²⁴ Năm Phái của tộc Phan Bảo An - (NV)

Xứng danh đất mẹ nghĩa cao dày.
Tâm hương một nén nghìn thương tưởng,
Trì độ cháu con vạn phúc đầy.

Thanh Minh Kỷ Mão 1999

Tình cháu gái

(Bài họa của Bà Phan Thị Miêu, đọc trong Lễ Thanh Minh.)

*Làm ăn lận đận chẳng quên ngày
Cháu gái thành tâm mới đến đây.
Một cội năm cành vườn sức gió,
Trăm hoa nghìn nụ ẩn vòm mây.
Ông cha xây đắp ghi ân trọng,
Tiên tổ khai nguyên tạc nghĩa dày.
Hiếu hạnh đức tài còn chữa vện,
Chỉ mong con cháu góp thêm đây.*

Thanh Minh Kỷ Mão

Hằng năm giữ lệ tiết Thanh Minh
Tôn tộc về đây dạ nhiệt thành.
Hoa lá sum sê chung một cội,
Cháu con rân rác tỏa năm cành.
Dâng lên tiên tổ lòng tôn kính,
Mau đặt linh tiền phút chứng minh.
Non nước nghìn đời thơm đất mẹ,
Quê hương rạng rỡ đất tinh anh.

(Bài họa của Phan Thị Miêu)

*Xuân về ấm áp nhớ Thanh Minh
Con cháu xin dâng một tác thành.
Trăm nẻo xa xôi còn nhớ gốc,
Vạn nơi gần gũi chẳng quên cành.
Nén hương bày tỏ lòng thành kính,
Bái lạy xin nguyên nhật nguyệt minh.
Công đức tiên linh rằng nhớ mãi,
Gái trai tiếp bước đất hùng anh.*

Khuyên trẻ

(Nhân Lễ Phát Thưởng SVHS Niên khóa 98-99)

Công lao Phan tộc thật muôn vàn
Khuyên trẻ tài bồi gốc họ Phan.
Các bậc dặn dò ngời ý đẹp,
Chút quà trao thưởng nặng ơn mang.
Nguyên đua học tốt cùng bè bạn,
Để sáng danh thơm với họ hàng.
Con cháu ghi sâu tình khuyến học
Quyết lòng vượt khó đến vinh quang.

✓ Sau ngày đất nước hòa bình thống nhất, trở về thăm lại quê hương, trước cảnh hoang tàn đổ nát, không còn vết tích của ngày xưa, bà **Phan Thị Miên 14/2** đã bồi hồi xúc động sáng tác bài thơ :

Thăm quê

*Về thăm Gò Nổi, đến Bảo An,
Quê cũ mà sao những ngõ ngàng !
Như khách đường xa chiều lạc lối,*

Nhà không, xóm lạ, mảnh vườn hoang.
 Sông Thu xanh biếc êm dòng chảy,
 Mà Bến Đường ơi, vắng bóng đò.
 Đâu rồi cô Lý, đâu ông Kiểm ²⁵
 Vang vọng đêm khuya một giọng hò.
Giếng xóm ngày xưa nước vẫn trong,
Người cũ phương trời nặng nhớ mong.
Cô em gánh nước ngày thơ bé,
Đầu bạc về đây chạnh nỗi lòng
 Ôi, làng quê nội, đất cửi canh,
 Sợi nhỏ khéo đan những tấm màn.
 Vắng bóng thoi đưa, câu hò hẹn,
 Vắng người kéo vải dưới trăng thanh.
Ai biết lòng ta vẫn nặng tình,
Quê nhà đau buốt hận chiến tranh.
Cái thời trù phú xa xưa ấy,
Lặng lẽ đi qua tắt bóng hình.

✓ Ra đi một sớm mùa Thu theo tiếng gọi của non sông đất nước, nay trở về làng xưa, đêm dài thao thức với bao kỷ niệm của một thời đã qua, ông **Phan Đắc Lữ 13/3** trang trải nỗi lòng của mình qua những vần thơ :

Quê cũ

Thanh Minh ngủ lại quê nhà,
Thương cha nhớ mẹ, tiếng gà sang canh.
Giọt khuya rơi nhẹ trên cành,
Từng trang ký ức quẩn quanh đầu giường.

²⁵ Ông Kiểm Lài, chủ đò dọc chuyên đưa khách xuôi Phố (Hội An) ngày trước. Cô Lý là con gái đầu của ông, thường phụ giúp cha lái đò. Cha con ông thường hát chèo đò lúc thuyền êm ả xuôi dòng trong những đêm trăng thanh, gió mát. (NV)

*Vẫn trời vẫn đất quê hương
Hùng tinh, Bắc đẩu mở sương đời người.
Bến Đường việc lở làng trôi,
Thu Bồn sóng vỗ thoảng lời mẹ ru.
Ngày đi một sớm mùa Thu
Quê hương khói lửa mịt mù đau thương.
Ngày về như nước ngược nguồn
Trăm năm Từ Thức lối mòn Bồng Lai.
Quê hương giờ biết gửi ai ?
Lá không về cội một mai lìa cành .*

8.4.1998

✓ Dù làm ăn sinh sống bất cứ nơi đâu, dù xa xôi cách trở, con cháu tộc ta vẫn luôn nhớ về nơi chôn nhau cắt rốn. Vượt qua bao nhiêu khó khăn của cuộc sống đời thường, mọi người đều về tham dự các ngày Tế Giỗ Tổ Tiên. Ông **Phan Chính 2/14** từ Sài Gòn về Bảo An dự Lễ khánh thành Tiền Đường, Thanh Minh năm Đinh Sửu 1997, ông có bài thơ :

Mừng Lễ Khánh Thành Tiền Đường Tộc Phan

Con cháu tộc Phan quyết một lòng
Thanh Minh Đinh Sửu lập kỳ công.
Tài bồi quê Tổ lo vun đắp,
Tôn tạo Tiền Đường thỏa ước mong.
Hồng Đức Vinh Dương tràn khắp xứ,
Thanh danh Phan tộc vọng Tây Đông.
Nghìn năm vinh hiển ghi ơn Tổ,
Vạn thế vang danh một giống dòng.

Trong lĩnh vực nghệ thuật, tộc ta có rất nhiều nhạc sĩ, họa sĩ, nhà điêu khắc, các diễn viên ca múa nhạc, kịch ..., nhưng rất tiếc chúng tôi chưa sưu tầm và thống kê hết được. ***Riêng trong lĩnh vực thơ, kính mời các bạn đón đọc SƯU TẬP THƠ Tộc Phan Bảo An, ghi lại tất cả các bài thơ có từ trước đến nay.***

vvvvvv

TRUYỀN THỐNG NHÂN NGHĨA HIẾU ĐỂ

Tộc ta chẳng những có truyền thống yêu nước, truyền thống hiếu học mà còn có truyền thống nhân nghĩa, hiếu để. Rất nhiều người đã sống vì mọi người, tạo hạnh phúc cho người làm hạnh phúc cho mình. Những câu chuyện kể sau đây là *Người thật việc thật*, chỉ là một số ít trong vô vàn tấm gương trong sáng về hiếu về nhân, đã có từ lâu trong tộc họ ta, để con cháu mai hậu noi theo.

Chuyện thì nhiều, nhưng rất tiếc chúng tôi chưa có đủ điều kiện sưu tầm để ghi chép thật đầy đủ. Rất mong các thân tộc viết bài hoặc cung cấp tư liệu gửi về chúng tôi để sau này đăng vào tập 2 Phan Tộc Kỷ Yếu.

ÔNG TÚ NUÔI MẸ

Ông Phan Bá Tảo đỗ Tú tài Hán học năm 1918 khoa Mậu Ngọ, người trong Tộc, trong làng thường gọi là ông Tú Chúc. Ông là con trai lớn của ông Phan Lục, cử nhân khoa Tân Mão, Thành Thái 3, làm quan tri huyện. Sau khi đỗ Tú tài, ông Tảo ở lại làng quê Bảo An, đem tài sở học của mình ra tham gia việc làng xã, tộc họ. Ông nổi tiếng văn hay, chữ tốt. Người trong tộc, trong làng thường đến xin ông cho câu liễn, câu đối, văn bia và viết chữ liễn về thờ ở Đình, ở nhà thờ, miếu mạo. Ông đã viết bài văn bia bằng chữ Hán đề tặng tại mộ ông Phan Thành Tài; Cử nhân Lương Trọng Hồi người Quê Sơn dịch ra quốc ngữ khắc ở mặt sau bia. Việc tộc họ, ông là người khẳng khái, thẳng thắn, cương trực tạo giềng mối, tôn ti, trật tự trong gia tộc ai ai cũng kính nể, quý mến ông.

Sống trong một gia đình quan tri huyện thời bấy giờ, đâu thiếu người hầu hạ, phục dịch, nhưng lúc mẹ tuổi già, ốm đau nằm trên giường bệnh, ông đã tự tay chăm sóc mẹ. Hằng ngày ông sắc thuốc dâng mẹ, làm vệ sinh giường chiếu, giặt giũ áo quần cho mẹ. Ông tự kiểm tra phân, đờm của mẹ để biết bệnh tình mẹ thuyên giảm thế nào. Ông làm tỉ mỉ, thận trọng thể hiện lòng thương yêu quý mến mẹ vô vàn. Việc làm của ông chẳng những người trong tộc trong làng ai ai cũng biết, mà còn lan xa đến tận tộc Trần Đình làng Đông Lâm, xã Đại Quang,

Đại Lộc, quê ngoại của ông. Ông Tú Chúc có hiếu với mẹ là bà Cử Trần Thị Cận đã làm cho tộc ngoại của ông càng thương yêu, kính mến ông, chẳng những vì văn hay chữ tốt mà còn vì đức hạnh.

Cha mẹ già mất đi, lòng con ai cũng tiếc thương, buồn nhớ nhưng với ông không có sự ray rứt, ân hận vì ông đã phụng dưỡng tận tình lúc mẹ cha già yếu, ốm đau.

NGƯỜI ĐÀN BÀ NHÂN HẬU ²⁶

Làng quê Bảo An, Gò Nổi đất chật người đông. Trong những năm 1935-1964, nhiều người có tay nghề, có chí làm ăn muốn tìm một vùng đất mới để lập nghiệp, thì không đâu hơn là Sài Gòn. Rời quê hương bơ vơ nơi đất lạ, quê người, vốn liếng chẳng có là bao, tìm được một chỗ ở, chỗ ăn trong những ngày đầu đặt chân đến đất Sài Gòn là một nỗi lo toan, khắc khoải trong lòng trước khi tìm được việc làm ăn, ổn định cuộc sống. Thời ấy, nhiều người đã tìm đến bà Tám Sen để được bà giúp đỡ.

Bà Phan Thị Sen là con gái ông Phan Võ đỗ Tú tài Hán học năm 1897, mọi người thường gọi là ông Tú Võ. Bà Tám Sen cũng bình thường như bao người đàn bà khác, chẳng giàu có gì, phải vất vả làm ăn, chạy chợ nuôi gia đình nơi phồn hoa đô hội Sài Gòn vật giá đắt đỏ. Bà có tấm lòng rộng mở, rất tận tình giúp đỡ, đùm bọc những người trong tộc, kể cả những người đồng hương Gò Nổi từ đất Quảng lần đầu đặt chân đến đất Sài Gòn. Bà giúp họ nơi ăn ở, người thì mười ngày một tháng, có người đến ba, bốn tháng cho đến khi tìm được việc làm. Nhà của bà ở sau bệnh viện Cơ Đốc, gần ngã tư Phú Nhuận, lúc nào cũng đông người từ đất Quảng vào. Đất lành chim đậu, tiếng lành đồn xa, con cháu tộc Phan vào Sài Gòn đều tìm đến bà để được bà lo cho ngày ba bữa, đi về có chỗ nghỉ ngơi sạch sẽ, đàng hoàng. Người nghèo khổ, khó khăn quá, bà cho ăn ở không tiền. Bà như người em, người chị gái, người mẹ hiền lo cho người thân, vất vả suốt ngày đi chợ, nấu ăn, không tính toán so đo hơn thiệt. Mọi người sống trong nhà bà ai cũng thương yêu, quý mến bà. Nhiều người đã ra đi khi tìm được việc làm, có người trở nên giàu có, vẫn thường trở về thăm bà, thăm người con gái tộc Phan mà họ đã ghi ân suốt đời.

Hơn 50 năm đã trôi qua, nhiều người vẫn còn nhắc đến bà với lòng thương yêu, luyến tiếc.

CẬU BÉ 13 NUÔI CHA MÙ LÒA ²⁷

²⁶ Theo bài viết của PHAN XUÂN HUY 14/2

Ở Bảo An ai cũng biết ông Phó Mười Phiến là một thầy thuốc Đông y, trong một tai nạn đã mù cả hai mắt. Mỗi lần đi đâu ông Phan Phiến phải nhờ cậu con trai Phan Văn Thóa dắt đi. Mỗi lần dắt cha đi, nhìn những cậu bé cùng trang lứa đàn đúm chạy nhảy, vui chơi tung tăng trên đường làng quê, Thóa không sao kìm hãm được ước muốn nhập cuộc cùng bạn bè. Một hôm dắt cha đi Tư Phú, lúc chiều về ngang qua một ruộng dâu xanh ngát, Thóa trông thấy các bạn cùng tuổi đang thả diều trên một bãi cát bồi, lòng háo hức muốn nhập bọn. Nhìn những cánh diều xanh đỏ bay lượn trên bầu trời cao, là đà trên cánh đồng rực rỡ nắng chiều, Thóa say mê buông gậy dắt cha, chạy theo lũ trẻ reo hò lúc nào không hay. Mãi đến khi quay lại thấy cha lập cập vấp ngã nằm sóng sượt bên bờ ruộng dâu, Thóa mới vội vàng chạy lại đỡ cha dậy. Vừa phủi cát bụi bám đầy trên quần áo cha, Thóa vừa rung khóc, ân hận. Từ đó, Thóa chịu thương chịu khó, cần mẫn dắt cha đi đến nơi nào cha muốn.

Năm 1946, toàn quốc kháng chiến, thực hiện vườn không nhà trống, dân làng Bảo An rời bỏ làng quê chạy tản cư khắp mọi nơi. Thóa đưa cha qua Long Hội lánh giặc. Ba năm sau giặc tràn đến, Thóa lại dắt cha qua tận Mỹ Sơn, lặn lội làm thuê cuộc mưu sinh để nuôi cha. Cậu bé 13 tuổi đã sớm bước vào đời với hai bàn tay trắng và người cha mù lòa. Năm năm sau Thóa đưa cha vào Sài Gòn. Suốt hơn hai mươi năm nơi đất khách quê người, Thóa vừa đi làm vừa chăm sóc cha, vượt qua bao nhiêu khổ ải, vất vả, nhọc nhằn nơi phồn hoa đô hội. Tuy sống trong cảnh cơ hàn nhưng lúc nào Thóa cũng không xao lãng việc học hành. Trong những lúc ngả lòng muốn buông xuôi theo số phận nghiệt ngã thì hình ảnh ông nội là cử nhân Phan Thành Tích làm quan Giáo thụ, người bác ruột là ông Phan Thành Tài, nhà cách mạng yêu nước đã giúp vực Thóa đứng lên quyết tâm tiếp tục con đường học vấn không êm ả, bằng phẳng như bao người cùng thời, cùng trang lứa. Thóa đậu vào trường Kỹ thuật Phú Thọ, tốt nghiệp kỹ sư cơ khí.

Thóa là một trong những chàng trai tộc Phan tiêu biểu nhất cho truyền thống hiếu học, nhân nghĩa hiếu đễ của dòng tộc.

MÙA XUÂN CON GÁI QUA ĐI ²⁸

Tôi : Ban Trị Sự của họ Phan Phái Nhì, hằng năm đều đến thăm và chúc tết thím Tham Lưu tại số 220/30 đường Nguyễn Trọng Tuyển, quận Phú Nhuận.

Thiêm Lưu bị liệt toàn thân, sống đời sống thực vật, y học còn gọi là chết lâm sàng, không biết có đúng không. Trong 10 năm sống đời sống thực vật, bệnh nhân nằm bất động, mọi việc nuôi sống bệnh nhân đều phải do người khác lo toan. Thường nơi bệnh nhân nằm toát ra mùi hôi hám, không dễ chịu chút nào và nếu để bệnh nhân bị lở lưng thì coi như là phải lo chuyện “hậu sự”.

²⁷ Viết theo tư liệu do ông Phan Chính 14/2 ở Tp.HCM cung cấp

²⁸ Theo bài viết của PHAN XUÂN HUY

Vào nơi thiêm Tham Lưu nằm, tôi thấy sạch sẽ như một phòng khách, không hề nghe cái mùi hôi hám thường có ở một người bệnh sống đời sống thực vật như thế này. Điều này làm cho tôi tò mò, bèn hỏi chú Phan Cánh cùng đi.

- Ai lo chăm sóc cho Thiêm ?

Chính trả lời : Chị Kim Chi và chị Mai, hai chị em thay phiên nhau ngày đêm săn sóc bà cụ rất chu đáo, nhất là khi tiếp cháo hay súp phải hai người. Một người đút cháo vào miệng, người kia phải bóp lỗ mũi cho nghẹt thở thì cháo mới nút trôi được !

Tôi nhìn Mai, cô em họ còn sáng trưng, nhưng cũng báo hiệu mùa xuân của con gái đã đi qua rồi. Mười năm ròng rã nuôi mẹ chết lâm sàng để mùa xuân con gái qua đi. Tôi ái ngại thầm trách sao tạo hóa quá nghiệt ngã và trong thâm tâm tôi vừa kính trọng, vừa hãnh diện có hai cô em họ “Hiếu thảo” mà tôi chưa từng gặp.

DÂU ÔNG CỬU BỒN²⁶

Theo mẹ tôi nói thì ông Cửu Bồn vô hạng giàu có trong làng, nhưng do chiến tranh con cái đều vào Sài Gòn, duy có ông Cửu Bồn bám đất, bám làng ở lại Bảo An.

Anh Phan Đăng, con bác Cửu Bồn tôi vào Sài Gòn dạy học để nuôi vợ con. Thế rồi bác Cửu Bồn đau nặng, bệnh phong, ung thư da, khắp mình mẩy chảy nước hôi hám. Chị Tạ Thị Lan, vợ anh Đăng, thu xếp gia đình để chồng ở lại Sài Gòn chịu cảnh gà trống nuôi con còn phải dạy 52 giờ/ tuần. Chị Trở về quê lo cho bác Cửu tôi. Nói thì nghe gọn lỏn, nhưng ta thử nghĩ chỉ nói bông gòn dùng để lau nước hôi thôi ấy phải 5 kg/ tuần, chưa kể lo tắm rửa, lo ăn uống v.v. . . và tài chánh nữa. Tại sao tôi biết ? Chính cái khoản lo bông gòn ấy, chị Đăng phải nhờ mẹ tôi ở Đà Nẵng lo giúp, mỗi tuần chị lặn lội ra nhận một lần.

Bà Phan Đăng chăm nuôi cha chồng như thế cho đến cuối đời ông, ngày qua ngày, tháng qua tháng có đến 9, 10 năm âm thầm phụng dưỡng mà ít người biết đến.

Nay ông bà Phan Đăng đã qua đời, tôi ghi lại đây để tỏ lòng “NGUỒNG MỘ”.

PHỤ LỤC



CẢ BA ĐỜI ĐỀU LÀ NHÀ GIÁO

Trong tộc chúng ta có nhiều gia đình cả ba, bốn đời đều làm nghề dạy học, đa số là từ đời thứ 13 trở về sau. Trong số các gia đình này, chúng tôi chọn một gia đình bắt đầu từ ông đời thứ 12, đó là gia đình ông Phan Thành Tích.

- **Ông Phan Thành Tích 2/12**, đỗ cử nhân khoa Mậu Tý năm Đồng Khánh thứ 3 (1988). Ông được bổ làm Giáo thụ tại tỉnh Bình Thuận. Dưới thời Nam triều, giáo thụ hàm chánh thất phẩm, là người trông coi việc giáo dục trong một phủ. Thời hán học có các trường giáo thụ ở phủ lý, huấn đạo ở huyện lý dạy các tuyến sinh chữ Hán và Quốc ngữ. Chương trình Hán học gồm Tứ thư, Ngũ kinh, Bắc sử, Nam sử. Tốt nghiệp thi bằng khóa sinh.

Ông Phan Thành Tích kết duyên cùng bà Lê Thị Truyền người làng Văn Ly, sinh hạ được 7 người con, 4 trai và 3 gái. Hai trai mất lúc còn nhỏ, còn lại hai người là ông Phan Thành Tài và ông Phan Thành Pháp.

- **Ông Phan Thành Tài 2/13**, lúc nhỏ học chữ Hán với cụ huấn đạo Lê Cung, cha của Sở Cuồng Lê Dư. Vì chán lối học từ chương lỗi thời, không thực tế, không theo kịp đà phát triển và tiến bộ của thế giới, ông theo học chữ quốc ngữ và tiếng Pháp. Sau khi tốt nghiệp bậc trung học ông được chánh phủ bảo hộ bổ làm thông ngôn tại dinh tổng đốc Bình Định, Phú Yên dưới thời tổng đốc Dương Lâm. Sau lại bổ làm thông phán tại Bác cổ Học viện Nam kỳ ở Sài Gòn. Đời sống của các ông thông, ông phán dưới chính phủ bảo hộ thời Pháp thuộc giàu sang sung sướng, rất nhiều người thời bấy giờ luôn ước mơ vươn tới. Nhưng đối với ông Phan Thành Tài con đường hợp tác với Pháp không hợp với chí hướng và nguyện vọng của mình. Ông từ chức về sống ở quê nhà chờ đợi thời cơ để thực hiện những ước mơ và hoài bão của mình. Ông muốn đem sở học của mình để giác ngộ đồng bào, truyền bá những tư tưởng văn minh tiến bộ cho các thế hệ trẻ, khơi dậy trong lòng họ lòng yêu nước, yêu dân tộc, thấy được nỗi xót xa đau đày của người dân mất nước. Chỉ có môi trường giáo dục ở trường học ông mới được tiếp xúc trực tiếp và thuận lợi nhất để truyền bá những nguyện vọng và tư tưởng của mình, vì thế ông mở trường Nghĩa thực Diên Phong tại

Phong Thủy, gần nhà ông Phan Thúc Duyệt. Ông vừa là Hiệu trưởng vừa là giáo viên giảng dạy. Trường Nghĩa thực Diên Phong sau trở thành trường tiểu học công lập đầu tiên ở Quảng Nam.

Ông Phan Thành Tài kết duyên cùng bà Bùi thị Hậu sinh hạ được bốn trai là các ông Phan Bá Lân, Phan Kinh, Phan Thuyết, Phan Út và ba người con gái.

- **Phan Bá Lân 2/14**, là con trai trưởng của ông Phan Thành Tài, sinh năm 1903 tại Bảo An. Ông tốt nghiệp thủ khoa trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội năm 1927, được bổ làm giáo sư trường trung học Phan Thanh Giản, Cần Thơ. Dạy được vài năm, ông xin nghỉ việc lên Sài Gòn dạy học tại trường trung học tư thực Huỳnh Khương Ninh, Đakao Sài Gòn.

Năm 1932 ông mở các trường trung học tư thực:

- Chấn Thanh ở Sài Gòn, Đà Nẵng.
- Nam Hưng ở Cần Thơ.
- Chấn Hưng ở Vĩnh Hội Sài Gòn.
- Trường Tiểu học Khai Trí tại Đà Nẵng (gần rạp hát Hòa Bình) do ông Phan Tam làm Hiệu trưởng.

Ông Phan Bá Lân vừa làm Hiệu trưởng vừa giảng dạy. Hội đồng giáo sư tham gia giảng dạy là những giáo sư tài giỏi như các ông: Lê Bá Cang, Phan Văn Khánh, Hồ Văn Ngà, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Phan Khôi, Nguyễn Đình Kế...

Ngoài ba trường nói trên, ông còn làm chủ nhiệm kiêm chủ bút tạp chí Giáo Khoa Chấn Thanh, tạp chí Khoa Học Phổ Thông. Chẳng những vừa dạy học vừa làm báo, ông còn tham gia các hoạt động xã hội như:

- Hội trưởng Hội Trung Việt Ái Hữu.
- Hội trưởng Hội Thế Giới Ngủ.
- Ủy viên Ban Điều Hành hội Hướng Đạo Sài Gòn.

Ông là một giáo sư ưu tú, mẫu mực, môn học nào ông cũng đều dạy được và dạy rất giỏi, ai cũng ngạc nhiên và mến phục. Mặc dù là một trường tư thực nhưng các trường của ông rất nổi tiếng ở đất Sài Gòn, Đà Nẵng thời bấy giờ, chẳng những dạy giỏi mà còn đào luyện được một thế hệ trẻ có tài để phục vụ đất nước. Trường đã sánh vai cùng các trường trung học công lập lớn như trường nam trung học Pétrus Ký, nữ trung học Gia Long ... ở Sài Gòn. Ông biết nhiều ngoại ngữ như Hán văn, tiếng Pháp, tiếng Nhật và thông thạo Anh văn.

Trong kháng chiến chống Pháp, ông dạy Anh văn và Nhật ngữ tại Hà Nội. Ông vào Tp.HCM tháng 11 năm 1975 và mất ngày 12.3 năm Ất Mùi (14.4.1976).

- **Phan Kinh 2/14**, con thứ năm trong gia đình, sinh năm 1909 tại Bảo An. Ông tốt nghiệp bậc trung học và đỗ bằng Tú Tài Pháp. Ban đầu ông mở tiệm thuốc tây tại Qui Nhơn, Quảng Ngãi. Năm 1951 ông vào Sài Gòn dạy Pháp văn tại tư thục Tân Thịnh ở Tân Định, mất năm 1955.

- **Phan Thuyết 2/14**, con thứ 7 trong gia đình, sinh năm 1914 tại Bảo An, được anh ruột là ông Phan Bá Lân cho đi du học tại Pháp vào cuối năm 1938. Ông đỗ cử nhân văn chương tại Đại học Sorbonne Pháp. Năm 1952 ông về nước mở các trường trung học tư thục Tân Thịnh ở Tân Định, Đạt Đức ở Gia Định.²⁹

Nhiều vị giáo sư có tên tuổi đã tham gia giảng dạy tại hai trường Tân Thịnh và Đạt Đức như các ông Phan Ngô, Cù An Hưng, Đinh thế Vinh, Nguyễn Thanh Luân ...

Hiện nay ông đang dưỡng già tại Nice Pháp.

- **Phan Ut 2/14**, con trai út trong gia đình, sinh ngày 16.1.1916 tại Bảo An, 5 tháng sau khi phụ thân là ông Phan Thành Tài bị Pháp hành quyết. Ông được anh ruột là Phan Bá Lân cho đi du học tại Pháp, đỗ Kỹ sư giấy tại Đại học Grenoble và kỹ sư Hóa tại Đại học Toulouse. Tháng 2 năm 1948 ông về Sài Gòn mở các trường trung học tư thục:

- Tân Thanh ở Sài Gòn, Tân Thanh ở Tân Định.
- Thành Tài ở Tân Bình Sài Gòn.

Giáo sư cộng tác gồm các ông: Nguyễn Duy Diễm, Trịnh Chuyết, Phan Đăng, Phan Ngọc Bào, Bùi Giáng, Vũ Hạnh, Trần văn Thời, Hoàng Tường ..³⁰.

Ngoài 3 trường tư thục nói trên, ông còn làm chủ nhiệm kiêm chủ bút Nhật báo Tân Thanh, nguyệt san Khoa học và hiệu trưởng trường dạy lái xe Tân Thanh.

Liên tiếp trong ba đời, từ đời thứ 12 đến 14, các ông đã chọn nghề dạy học và báo chí để phổ biến văn hóa, nguyện đem sở học của mình để khai thông trí tuệ, mở mang kiến thức đào tạo những con người có ích cho nước cho dân. Các ông mở trường tư thục không nhằm mục đích khai thác về thương mại thuần

²⁹ Để tưởng nhớ đến cha, ông đã lấy biệt hiệu Đạt Đức để đặt tên trường

³⁰ Các vị Giáo sư tài giỏi nổi tiếng ở Sài Gòn thời bấy giờ, nhiều thế hệ học sinh mến mộ muốn được theo học.

túy mà còn muốn tạo một cơ sở vững chắc để giúp đỡ các học sinh con nhà nghèo hiếu học. Trợ cấp học bổng cho học sinh học giỏi nhưng không đủ điều kiện theo học đến cùng. Một số đông con cháu tộc Phan ở Bảo An vào học ở Sài Gòn thời bấy giờ, không nơi ăn chốn ở, đã được các ông Phan Thuyết và Phan Út tận tình giúp đỡ mọi mặt, từ nơi ăn chốn ở cho đến học miễn phí tại các trường của các ông. Trường có các lớp nội trú và bán trú, đến giờ ăn cơm, hễ cứ nghe tiếng trống báo hiệu giờ ăn là học sinh đều được vào ăn, dù có hay chưa nạp tiền hằng tháng. Số học sinh trong tộc, trong làng Bảo An được hai ông nuôi ăn học ngày càng đông, đến nỗi hai bà Thuyết và Út nói đùa : " Con cháu của hai ông sao mà đông thế, họ mở trường làm giàu, còn hai ông mở trường để nuôi học sinh con nhà nghèo ăn học, nên chẳng bao giờ giàu được! ".

Truyền thống hiếu học của dòng tộc đã tồn tại và phát triển từ bao đời nay; chẳng những người còn đi học phải lo học hành siêng năng cần mẫn mà các bậc ông, cha luôn luôn tìm mọi cách để động viên, giúp đỡ thiết thực cho con cháu có đủ điều kiện để vững tâm trên con đường học vấn.

Tộc ta học nhiều đỗ đạt nhiều là một điều tất yếu vậy.

vvvvvv

☐ ÔNG BIỆN CHÍNH ĐÁNH TÂY³¹

Ông Phan Đình 2/12, thường được dân trong làng, trong tộc gọi là ông Biện Chính, sinh năm 1868 tại làng Bảo An, tổng Đa Hòa (nay là xã Điện Quang), phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ông sinh ra trong một gia đình khoa bảng. Cha đỗ cử nhân, làm Án sát sứ, từ quan; anh ruột đỗ Phó bảng, làm

³¹ Trích trong tập " Một gia đình yêu nước và cách mạng" của Hoàng Trinh, Tr. 1-2-3-4-5 .

tri phủ, từ quan về dạy học. Ông Phan Định theo học chữ Hán nhưng không đi thi, làm tư thư cho một hiệu bán thuốc Bắc, về sau ông bán 3 sào đất lấy tiền mở hiệu thuốc bắc và tạp hóa tại Quảng Huế, huyện Đại Lộc. Vợ là bà Lê Thị Tiểu, con một gia đình nho học có tiếng ở Bát Nhị, huyện Điện Bàn. Ông bà có 8 con, không kể những người đã mất lúc còn nhỏ gồm 5 trai là các ông Phan Hạnh, Phan Nhụy, Phan Thanh, Phan Bôi, Phan Tháo và 3 người con gái. Ông là người trung thực, khí khái, không chịu luồn cúi, cầu cạnh ai. Ông sinh ra trong hoàn cảnh đất nước bị giặc Pháp xâm lược, các phong trào đấu tranh chống Pháp như phong trào Văn thân, Cần vương, Duy tân nổi lên rất mạnh. Lúc bấy giờ đất Quảng Nam đã sản sinh ra nhiều nhà yêu nước nổi tiếng như: Hoàng Diệu, người làng Xuân Đài giáp liền với Bảo An; Trần Quý Cáp, người làng Bát Nhị; Trần Cao Vân, làng Tư Phú, Điện Bàn; Thái Phiên, huyện Hòa Vang; Phan Châu Trinh huyện Tam Kỳ; Huỳnh Thúc Kháng huyện Tiên Phước; Tiểu La Nguyễn Thành huyện Thăng Bình; Phan Thành Tài 2/13 ... Không khí hừng hực cứu nước nung nấu lòng yêu nước của mọi người. Ông Phan Định không tham gia nghĩa binh nhưng mối thù quân cướp nước vẫn luôn đè nặng trong lòng, chỉ cần có cơ hội là hành động ngay. Có một lần đi qua Thu Bồn, giữa đường ông gặp tên Pháp Le Bon, dân làng thường gọi là thằng tây Bông. Tên này trông coi đập nước Vĩnh Trinh và Thạch Bàn, hống hách và tàn ác khét tiếng. Nó bảo: "gặp ông lớn sao không chào ?", và đánh ông một bạt tai. Ông liền sập dù làm gậy đánh trả nó một cái rất mạnh vào cổ đến nỗi gãy dù. Tên Pháp rút súng lên đạn. Ông phanh ngực áo xông tới nói : " đố cha mày dám bắn ông ". Đồng bào đến rất đông, tên Pháp không dám bắn, hăm hăm chạy vào nhà gọi người ra bắt. Đồng bào đã bảo vệ cho ông, lấy đồ đưa qua sông an toàn. Cái dù gãy này đã được gia đình giữ gìn thành vật truyền thống, cho đến năm 1947 bị thất lạc trong kháng chiến chống Pháp. Nhân dân địa phương hết sức khâm phục hành động dũng cảm này đã làm một bài về ca ngợi ông, xin trích một đoạn :

"... Khá khen ông Biện Chín ở Bảo An,
Người tuy nhỏ bé mà gan to như cái đình.
Việc xảy ra thôi cũng thành linh,
Đánh thằng tây Bông giữa đường cái
làm cho bà con mình hả hê.
Làm trai như ông hết chỗ chê,
Co tay tính thử khắp thôn quê mấy người ?..."

Sau này, Phan Nhựt con trai ông, lên chín, mười tuổi hỏi ông : " Vì sao cha đánh thằng tây Bông ?". Ông bảo : "thằng Tây qua đây cướp nước mình, cai trị dân mình, nó bắt mình đi sưu, đóng thuế, ai không tuân nó đá dít, bảt tai, bỏ tù, cho nên ai gặp nó cũng sợ, phải vòng tay cúi đầu chào. Theo phong tục Việt Nam, người nhỏ tuổi gặp người lớn phải chào trước, gặp cha nó đã không chào lại còn đánh cha, cha phải đánh lại.

Năm 1907, ông tham gia phong trào chống sưu thuế, tham gia đoàn biểu tình rầm rộ kéo đến đấu tranh trước tòa Khâm sứ Pháp ở Hội An. Ông luôn luôn giáo dục con cái tinh thần yêu nước. Khi anh thanh niên Phan Nhựt xin cha đi Hà Nội học nghề, ông bảo : " Học nghề gì thì tùy con, nhưng chớ học nghề buôn dân bán nước ."

Sau này các con ông là Phan Nhựt, Phan Thanh, Phan Bôi, Phan Tháo³² đã nhất mực vâng theo lời cha dạy, quyết một lòng sống vì dân vì nước. Ông mất năm 1929.

ÔNG LÝ TRƯỞNG THÔNG MINH ³³

(Ông Phan Thành Hiệp 4/12 tức ông cửu Quỳnh)

" Sông Thu bên lở, bên bồi,
Đến mùa mưa lụt đứng ngồi chẳng yên ".

Từ tháng 11 đến tháng 7 âm lịch, nước sông Thu trong vắt, chảy êm đềm, hiền hòa qua các vùng quê yên lành trù phú. Nhưng từ tháng 8 đến tháng 11, sau những cơn mưa kéo dài như trút nước, dòng sông trở nên hung dữ, nước đục

³²Ông Phan Tháo đã tham gia CM chống thực dân Pháp cùng với các anh của ông. Ông bị Pháp bắt và lưu đày qua nhiều nhà lao, bị tra tấn đánh đập dã man. Sau khi ra tù, ông lại tiếp tục hoạt động trong đảng CS VN. Được đảng cử đi hoạt động liên hệ với đồng bào ta tại Trung Quốc và mất tích. (Theo tư liệu do Ông Phan Tịnh Thiểu Tá QĐND/VN, con ông Phan Tháo cung cấp)

³³Viết lại theo truyền khẩu

ngẫu, chảy cuộn cuộn trong cơn thịnh nộ của đất trời. Ven theo bờ sông, cứ bên này lở thì bên kia lại bồi, theo qui luật của thiên nhiên. Dòng sông đã gieo bao nhiêu tai họa, mất mát, đau thương cho cư dân nương náu ven bờ, nhưng đồng thời cũng mang phù sa bồi đắp thành những bãi đất bồi màu mỡ, phì nhiêu.

Hằng năm, cứ sau tiết Đông Chí, khoảng rằm tháng 11 Âm lịch, người nông dân bắt đầu dọn đất trồng các loại hoa màu phụ như bắp, các loại đậu, dưa, bí, thuốc lá, ớt ... Tuy là hoa màu phụ nhưng bán rất có giá nên mang lại cho người nông dân nhiều lợi nhuận đáng kể. Nhiều người đã trở nên giàu có nhờ vùng đất này.

Dòng sông Thu chẳng những mang phù sa và nước tưới cho các cánh đồng ven sông mà còn là ranh giới giữa hai làng nằm hai bên bờ đối nhau. Một ranh giới luôn luôn biến động, thay đổi hằng năm qua mỗi mùa lũ lụt! Đường ranh giới không cố định này đã gây bao nhiêu cuộc tranh giành đất đai giữa cư dân hai làng đối nhau ở ven sông. Sông Thu xói lở phía Bến Đường, càng ngày càng ăn sâu vào làng Bảo An và bồi qua làng Long Hội. Việc tranh giành đất đai cứ xảy ra hằng năm, từ đời này qua đời khác. Chính quyền địa phương không sao tìm ra một giải pháp hữu hiệu để chấm dứt tệ trạng này, vì dân hai làng đều có lý lẽ riêng của mình : - Dân Bảo An dựa vào thực tế hiển nhiên, rõ ràng qua sự biến đổi của dòng sông. - Dân Long Hội lại dựa vào ranh giới phân định giữ hai làng là con sông. Cuộc tranh giành chẳng bao giờ ngã ngũ, người ta đã dùng gậy gộc, phương tiện sản xuất như cuốc, xẻng đánh nhau đến đẫm máu. Lý trưởng của hai làng muốn hòa giải, phân xử hợp tình hợp lý nhưng không sao tìm ra một giải pháp nào cho hợp với lòng dân hai làng. Nếu có cũng chỉ tạm thời, ngay trong lúc đánh nhau, rồi đâu lại cũng vào đấy. Cuộc tranh giành lằng lết năm này thì năm sau lại bùng nổ ra trong lúc dọn đất sản xuất mỗi năm. Vào thời ấy, ông Phan Thành Hiệp 4/12, tức ông Cửu Quỳnh đang làm lý trưởng làng Bảo An. Ông là người ôn hòa, nhã nhặn có lòng nhân hậu nhưng vẫn phải luôn bảo vệ quyền lợi của dân làng mà không xô xát tranh giành đất đai đánh nhau đến vong mạng. Một hôm, hai ông lý trưởng của hai làng rủ nhau ra quán rượu xầm xì to nhỏ, cùng nhau bàn luận cách hóa giải cuộc tranh giành đất đai đẫm máu dai dẳng từ lâu chưa chấm dứt.

Người nông dân vùng Gò Nổi trồng mía làm đường, còn lấy mật nấu rượu. Dưới thời Pháp thuộc, ở Quảng Nam Đà Nẵng công ty S.I.C.A³⁴ độc quyền sản xuất rượu. Các loại rượu do các nơi khác sản xuất theo phương pháp

³⁴ S.I.C.A : Société Industrielle et Commerciale d' Annam

thủ công cổ truyền đều là rượu lậu, bị cấm ngặt. Ai nấu rượu đều bị phạt. Ít thì phạt tiền, nhiều thì phạt tù. Ban đêm người ta lén nấu rượu, nấu xong đem chôn cất để tránh Tây thương chánh³⁵ đi lục soát bắt bớ. Nhiều khi nhờ mật báo, Tây đã tìm thấy rượu nhưng chẳng biết của ai. Ai cũng chối không phải rượu của mình. Vì không có bằng cớ nên Tây bèn ra lệnh, nếu tìm thấy rượu chôn ở đất của ai thì người ấy phải chịu trách nhiệm. Sau nhiều đêm suy nghĩ, ông Cửu Quỳnh đã dựa vào lệnh này để hóa giải sự tranh giành đất đai dai dẳng mà không phải dùng đến bạo lực.

Một hôm, ông Cửu Quỳnh và ông lý trưởng Long Hội dắt nhau ra quán rượu xầm xì to nhỏ với nhau bàn kế hoạch chấm dứt tranh dành đất đai: Ban đêm ông cho người bí mật bơi ghe qua vùng đất đang tranh chấp lén chôn một số rượu, rồi sai người đi mật báo cho Pháp biết. Tây đến đào lên thấy rượu cho gọi lý trưởng sở tại hỏi rượu của ai, chẳng ai biết. Hỏi đất này của ai? Lý trưởng sở tại không dám nhận đất này là của làng mình vì sợ bị hình phạt. Ông Cửu Quỳnh đứng ra nhận đất này là của dân làng Bảo An và chấp nhận hình phạt, như hai ông lý trưởng đã cùng nhau âm thầm bàn bạc. Ông đã nhờ người chạy chọt trước và đóng một số tiền phạt. Từ đấy, đất bồi ven sông làng Long Hội là đất của làng Bảo An bị lở bồi qua, được chính quyền Pháp vô tình công nhận.

Về sau mọi người đều biết nhờ mưu kế của hai ông lý trưởng mà dân hai làng chấm dứt vĩnh viễn việc tranh giành đất đai, một tệ nạn của thời phong kiến. Ai cũng thán phục và biết ơn các ông.



☑ KHỐC PHAN THANH

(Về Phan Thanh)³⁶

Tin đầu sét đánh ngang đầu,
Từ Nam chí Bắc đâu đâu cũng hãi hùng.
Anh Thanh vừa mới lâm chung,
Người người rơi lụy³⁷ vô cùng mến thương.
Than ôi số kiếp đoạn trường,

³⁵ Douane et régie de l' Indochine

³⁶ Thơ khuyết danh - Cháu là Phan Thị Cúc nhớ và ghi lại - Trích trong tập " MỘT GIA ĐÌNH YÊU NƯỚC & CÁCH MANG Trang 76 - Có người nói tác giả bài về là ông Trịnh Quang Xuân. Theo Phan Vinh trong " Phan Thanh anh là ai" đã xác nhận: Theo bản chép tay của chính tác giả Trịnh Quang Xuân, nguyên xứ uỷ Trung Kỳ, tặng Lê Thị Xuyến, vợ Phan Thanh.

³⁷ Có bản chép là Rơi lệ

Tuổi vừa ba một dứt đường trần gian
 Anh sinh ngày một tháng giỗ³⁸.
 Năm một ngàn chín trăm linh tám tại Bảo An quê nhà.
 Chính người ở tổng Đa Hòa,
 Thuộc Điện Bàn phủ, tỉnh là Quảng Nam.
 Mẹ cha tần tảo quanh năm,
 Nuôi anh ăn học tiếng tăm lẫy lừng.
 Thầy yêu bạn mến vô cùng,
 Đậu bằng Sơ đẳng, Thành chung mấy hồi.
 Đến năm hai sáu anh thôi,
 Bỏ đi trợ giáo ra ngôi tỉnh Thanh.
 Ai ai cũng biết tiếng anh,
 Dạy châu Ngọc Lặc nổi danh thầy tài.
 Tánh anh ưa viết ưa coi,
 Đọc báo Chuông Nứt³⁹ viết bài An Nam.
 Người ta để ý ngó dòm
 Cho anh khi ấy đã làm lời thôi,
 Nên anh đã bị thải hồi,
 Học trò thương tiếc thầy ơi là thầy !
 Thương thầy phải kiếp đọa đầy,
 Cuộc đời đen bạc, đắng cay cho đời.
 Dạy vừa đặng một năm trời,
 Trò yêu bạn mến dứt lời ra đi.
 Than ôi! sinh chẳng gặp thì,
 Hùm thiêng thất thế, chịu suy đọa thời.
 Nghĩ mình còn nặng nợ đời,
 Quyết lìa quê cũ đến nơi Hà Thành.
 Lại cùng với bạn đầu xanh,
 Hết lòng dạy dỗ trong ngành trường tử.

³⁸ Juin : tháng 6 DL

³⁹ Báo La Cloche fêlée của Nguyễn An Ninh

- Có sửa chữa lại theo cuốn " Phan Thanh anh là ai " của tác giả Phan Vĩnh.

Ai ai cũng biết danh sử,
Trường nào anh dạy, đều dư học trò.
Thăng Long trường ấy đã to,
Hàng năm thường có học trò đậu cao.
Lòng anh, ai biết đâu nào,
Thanh niên chú trọng, cần lao đỡ đần.
Từ khi Mặt trận Bình Dân,
Phong trào quần chúng nhiều lần tham gia.
Đến năm ba bảy vừa qua,
Nhân dân đã cử anh ra Hội Đồng.
Anh là ông Nghị có công,
Lợi quyền dân chúng hết lòng đấu tranh.
Nào là bạn trẻ đầu xanh,
Anh đòi mở rộng học hành hiện nay.
Những người thuyền thợ dân cày,
Anh đòi bớt thuế, bớt tay cường quyền.
Lại cùng với bạn đồng thuyền,
Chống sưu, tư ích dinh điền tăng cao.
Những người buôn gánh, bán rao,
Anh đòi miễn thuế, tặng vào giàu sang.
Còn người tiểu chủ, tiểu thương,
Cùng tiểu công chức anh thường chở che.
Không cho thuế ép, sưu dè
Quan tâm đời sống cho phe dân nghèo.
Một lòng phản đối không theo,
Hai dự án thuế anh đều bác ra.
Tội nhân xã hội quốc gia,
Quyết đòi đại xá họ ra khỏi tù.
Thấy dân dốt nát hèn ngu,
Đứng ra lập hội chống mù quốc âm.
Thấy anh người có nhiệt tâm,

Nên đảng xã hội (SFIO) cử làm bí thư.
Từ làm dân biểu đến giờ,
Hội đồng hai lượt cũng nhờ có anh.
Tuồng như dân viện để dành,
Cho anh chức ấy để tranh cường quyền.
Hai lần Nam Bắc đảo điên,
Bao nhiêu áp bức anh tuyên giữa hội đồng.
Thấy anh hăng hái lạ thường
Hội đồng Hà Nội cũng ửng anh làm.
Anh thì khác bọn tham lam,
Lo được ông nghị rồi cam cúi đầu.
Anh Thanh nào phải ai đâu,
Một trăm thứ thuế yêu cầu bớt đi.
Nhưng vì nghị Pháp chẳng ra chi,
Nên nhà chức trách thuế gì cũng tăng.
Ai ai thấy cũng bất bằng,
Dân thành Hà Nội lẫn ra biểu tình.
Còn anh, anh cũng bất bình,
Từ chức phản đối những tình trạng kia.
Thấy lòng cương quyết mà ghê,
Cường quyền sinh sự muốn anh về ngôi yên.
Rằng anh còn thiếu công quyền,
Lệnh ra giải chức hội viên Hà Thành.
Tuồng làm như thế cho kinh
Nào hay anh lại ra tranh lần nhì.
Quả nhiên dân chúng tin vì
Nên anh trúng cử y như lần đầu.
Rõ ràng hai chín chống nhau
Tài kia sức nọ có đâu làm gì.
Chúng bày mưu khác tức thì
Vụ anh diễn thuyết trong khi họp Hội đồng.

Cho nên Phú Lộc huyện ông
Bắt ông lui tới cửa công nhiều lần.
Nhưng anh vẫn vững tinh thần
Đưa đơn phản đối xa gần đều hay.
Vừa rồi gặp chuyện chẳng may,
Anh lo nhiều việc, sức ngày càng suy.
Phát sinh chứng bệnh dị kỳ,
Mọc mụn xương sống cơ nguy vô cùng.
Anh em ai nấy hãi hùng,
Rước thầy đến chữa cả trong lẫn ngoài.
Đốc Chương cùng với đốc Lai,
Quyết lòng điều trị suốt ngày suốt đêm.
Thế mà bệnh cứ nặng thêm,
Thầy hay cũng chịu, khó tìm bệnh căn.
Mấy ngày không tiếng nói năng,
Cùng đường nên phải mổ đằng sau lưng.
Trong khi chạy chữa từng bình,
Việc anh, anh cứ lo chừa không quên.
Viết đơn phản đối đưa lên,
Yêu cầu Đốc lý cấm những tên vận động ngầm.
Như là trưởng phó mua thăm,
Cho phe phản động ra làm Nghị viên.
Suốt ngày chẳng chút nào yên,
Việc này hỏi hết, sang liền việc kia.
Đêm hôm hai chín khi khuya
Đàm lên chận nghẹn tưởng lửa trần gian.
Anh em ngậm thở ngùi than,
Chị Thanh đau ruột tìm đàn tràng lánh ra.
Đốc tờ tất tả chạy qua,
Tiêm anh cây thuốc, sáng ra bớt dần.
Bây giờ anh đã định thần,

Cười cười nói nói, mười phần tươi vui.
Hôm sau anh lại nóng vui,
Nhưng anh ngày ngày không nguôi việc làm.
Kêu em⁴⁰ lên dặn mấy lần
Dặn không ra tiếng, nhìn trăn nghẹn ngào.
Sau cùng cố viết một câu,
Xong chữ " Phản đối ", vánh đầu lại thôi.
Cảnh tình thảm lắm ai ôi !
Khi gần hấp hối chưa nguôi việc đời.
Dần dần anh thở yếu hơi,
Quay nhìn lại vợ mấy lời khuyên răn
Rằng: " Rồi đây lắm chuyện khó khăn,
Nhưng rồi dàn xếp phảng bẳng không sao".
Nói xong anh những nghẹn ngào,
Cuộc đời đến thế biết sao đặng mà.
Anh nhìn chị những thiết tha,
Rồi anh từ biệt, lánh xa cõi đời.
Tắt hơi lúc tám giờ mai,
Tại thành Hà Nội vào ngày Premier Mai (1 tháng 5).
Chính ngày dân chúng hội hè,
Kỷ niệm Lao Động tin nghe rưng rờ.
Nào là điện tín khắp nơi
Nào là đối, trống tở lòng tiếc thương.
Đám tang long trọng lạ thường,
Hàng vạn quần chúng chật đường đi đưa.
Người người đau đớn ngấn ngơ,
Thương thân chiến sĩ bao giờ cho nguôi.
Đưa anh luống những ngậm ngùi,
Hai hàng nước mắt sụt sùi không yên.
Học sinh, phụ nữ, thanh niên,

⁴⁰ Anh ruột của ông Phan Thanh là Phan Nhụy, và em là Phan Bội luôn túc trực bên giường bệnh

Đảng viên Xã hội, thợ thuyền, nông dân,
Đồng bào, đồng chí xa gần,
Cùng nhau đưa đến mộ phần của anh.
Hỡi ôi ! anh Nghị Phan Thanh,
Vì đâu đến nỗi anh đành mạng vong !
Từ nay vắng bóng anh trong Nghị trường.
Ngày xưa Đại Lộc, Hòa Vang,
Cử anh thay mặt muôn ngàn người ứng.
Bây giờ công việc mứa chùng,
Hể ai bậy bạ xin đừng bỏ thăm.
Biết bao nhiêu bọn tham lam
Phen này cũng quyết ra làm Nghị viên.
Nói thì xem bộ hản hiên,
Khi vào Nghị viện, ngồi yên mà ùy ⁴¹
Tự do dân chủ biết chi,
Công Nông quyền lợi biết gì mà bênh ?
Phen này lắm kẻ trá hình,
Chính phe phản động, giả danh nhiệt tình.
Cử tri ta phải tỉnh anh,
Người nào ở sở Phan Thanh thì bầu.
Dẫu người khác Quận, khác Châu,
Đủ tài đủ lực xin bầu họ ra.
Làm cho rõ mặt dân ta,
Cử người xứng đáng,(không) kể xa kể gần.
Cử tri ta ở trong dân,
Lựa người thay mặt phải cần đắn đo.
Đừng ham đồng bạc là to,
Hay ham rượu thịt để cho họ lừa.
Phải nên tự trọng ai ơi,
Cử sao cho xứng là người thay anh.

⁴¹ Oúi : Vâng ,dạ

Vì dân đem hết nhiệt tình,
Làm cho đắc thắng" Số " Phan Thanh kỳ này.

vvvvvv

LỜI KẾT



Để kết thúc Tập sách này chúng tôi xin dẫn ra sau đây hai câu chuyện :

✓ Chuyện thứ Nhất :

(Theo lời kể của bà Phan Thị Miêu, thũ nữ ông Phan Khôi).

Cô Phan Thị Cúc, con gái ông Phan Nhụy, gọi ông Phan Khôi bằng bác. Sau khi đậu Tiểu học Pháp, cô thi vào trường Nữ hộ sinh Hội An. Tốt nghiệp, cô được bổ về quê làng Bảo An. Cô đem ứng dụng tất cả những điều mình đã học trong lĩnh vực hộ sinh qua y học phương Tây, thay đổi dần những quan niệm và phương pháp đỡ đẻ lỗi thời của các bà mụ nông thôn. Việc làm của cô dần dần được mọi người tín nhiệm và noi theo.

Một hôm cô đến thăm bác Khôi. Ông hỏi :

- Nghe nói con là nữ hộ sinh rất giỏi, biết đem sở học của mình để góp phần phục vụ quê hương, đất nước, thật đáng khen. Thế con làm ở đâu ?

Cô Cúc thưa :

- Dạ, con đi khắp nơi, từ Thanh Mỹ đến Đông Bàn, Bàn Lãnh ...

- Rứa là con đi khắp vùng Gò Nổi phải không ?

- Dạ, con đâu có đi Gò Nổi. Gò Nổi ở đâu rứa bác ?

Ông Khôi đưa hai tay lên trời, nói đồng :

- Trời ơi ! Cháu tôi đi học, họ đã dạy sử địa Đông, Tây, Tàu, Pháp nhưng không biết quê hương Gò Nổi của mình ở đâu ! Mất gốc , mất gốc !

✓ Chuyện thứ hai :

Trong một buổi lễ phát thưởng cho SVHS, con cháu tộc Phan đang sinh sống tại Đà Nẵng do Chi Hội Khuyến học Tộc Phan / Đà Nẵng tổ chức tại hội trường trường Hoàng văn Thụ năm 1996; sau phần trình diễn vĩ cầm (violon) của cháu Phan thị Tố Trinh 4/15, SV xuất sắc của trường ĐH Quốc gia Âm nhạc Hà Nội, là cuộc thi " Tìm hiểu về Dòng Tộc ".

Bài thi vấn đáp gồm có 4 câu hỏi :

1/ Em cho biết nguồn gốc của tộc Phan Bảo An ?

2/ Thành phố Đà Nẵng có mấy con đường mang tên các nhà cách mạng Việt Nam trong tộc Phan chúng ta ?

3/ Tộc ta có mấy Phái, hãy kể ra ? Nếu kể được tên các Ngài Tổ Phái càng tốt.

4/ Ngày giỗ Ngài Tiên Hiền và các vị Tổ Phái ?

Bà con có biết kết quả thế nào không ? - Kết quả thật đáng buồn, chỉ có một số ít các em giơ tay trả lời. May mà năm ấy Ban tổ chức không mời Hội Khuyến Học Tỉnh và các vị Đại diện Tộc bạn đến tham dự như thường lệ !

SVHS là những người tuổi trẻ có học, là tương lai của dòng tộc và xã hội lại mù về Tộc sử. Không biết các em có mù luôn Quốc sử không ? ! Lỗi ấy không thuộc về các em.

Trách nhiệm này thuộc về ai ? Nguyên nhân nào đã đưa đến thực tế đáng buồn nói trên ? Chúng tôi tự hỏi và tự trả lời : - Trách nhiệm thuộc về tất cả chúng ta là cha mẹ, là đàn anh trong gia đình. Nhiều khi cha mẹ muốn kể cho con, cháu nghe về gia tộc, nhưng lại biết đại khái không chính xác lắm, hoặc không có thì giờ để kể. Chúng ta muốn có một tài liệu về gia tộc đưa cho con cháu tự xem, tự tìm hiểu nhưng không có, ngoài cuốn Phổ Hệ được trình trọng để trên trang thờ hay trong tủ sách gia đình. Các em có muốn xem cũng ngần ngại.

Từ những thực tế đó, thúc đẩy chúng tôi viết cuốn Kỷ yếu này. Viết đến hơn 200 trang, nhưng chúng tôi vẫn chưa viết hết các sự việc xảy ra trong tộc suốt theo chiều dài của 19 thế hệ. Xin nhường phần thiếu sót và công việc viết tiếp Tộc Sử này cho các thế hệ đàn em, con cháu chúng ta vậy.

Biết bao thân tộc đã hết lòng, hết sức chung lo xây dựng Tộc Họ. Biết bao người đã khắc phục mọi khó khăn gian khổ để tiếp nối truyền thống hiếu học của ông cha, tu rèn bản thân từ nhân cách, đạo đức, tự trang bị cho mình và

cập nhật những kiến thức mới cho đến lòng yêu nước nồng nàn vốn có của Dòng Tộc ta. Tất cả đều là những tấm gương sáng chói cần nêu cao và phát huy. Ước mong sao các thế hệ tương lai nhìn thấy bản thân mình qua những tấm gương quý giá ấy. Mục đích của chúng tôi là vậy và cũng để cho các thế hệ tương lai thấy được tộc ta ngày càng phát triển và rạng rỡ thêm lên là nhờ rất nhiều thân tộc qua nhiều thế hệ tiếp nối đã chung tay góp sức xây dựng.

Viết được tập Kỷ yếu này phần lớn nhờ vào sự đóng góp công sức của nhiều thân tộc hoặc trực tiếp hoặc qua thư từ, điện thoại. Chúng tôi xin chân thành biết ơn những thân tộc đã giúp đỡ, khuyến khích, động viên chúng tôi hoàn thành tập sách này. Lời cảm ơn sâu sắc nhất xin được gửi đến các thân tộc :

- Ô.Ô. Phan Chính, Phan Bá Lương - Tp.HCM
- Ô. Phan Văn Tùng, Phan Cũng - Đà Lạt.
- Ô. Phan Tam - Nha Trang.
- Ô. Phan Minh Đường - Hà Lam, Thăng Bình, Quảng Nam.
- Ô. Phan On - Bảo An.
- Ô.Ô. Phan Hỷ, Phan Long, Phan Đức Mỹ, Phan Thị Miều, Phan Hường, Phan Nam - Đà Nẵng.
- Bà Phan Thị Mẫn - Hà Nội.

Xin chân thành biết ơn các tác giả có bài trích đăng trong tập sách này.

Ban Biên Tập

vvvvvvvvvvvvvvvvvv

TÀI LIỆU THAM KHẢO



- VNSL - Trần Trọng Kim. Q.I & II.
- VN Pháp thuộc sử - Phan Khoang.
- Việt sử xứ Đàng Trong - Phan Khoang NXB Khải Trí Sài Gòn 1972.
- Các nhà khoa bảng Việt Nam - Ngô Đức Thọ NXB/VH Hà Nội 1993.
- Liễn đối từ đường Phan Tộc - Phan Đức Mỹ.
- Liệt sĩ Phan Thành Tài - Phan Ut
- Phan Thanh anh là ai - Phan Vịnh, NXB/ ST 2008
- Họ Phan trong cộng đồng dân tộc VN - Phan Tương.
- Quảng Nam đất nước & con người - Q. Thắng.
- Một gia đình yêu nước và Cách mạng - Hoàng Trình.
- Góp phần tìm về Dòng tộc - Phan Bá Lương.
- Thi nhân Việt Nam - Hoài Thanh & Hoài Chân.
- Nhiều tạp chí, sách báo khác.



ĐỒNG TÁC GIẢ
“ PHAN TỘC KỶ YẾU ”



*** PHAN MINH KẾ 3/13**

Sinh năm : 1927

Tại : Bảo An, xã Điện Quang, Điện Bàn Q.Nam

Hiện trú tại : 374 Huỳnh Văn Bánh, Tp/HCM

Trung học Pháp văn, Trưởng phòng HC Nha
Tiểu Học Sài Gòn

ĐT :



*** PHAN SÔ 4/13**

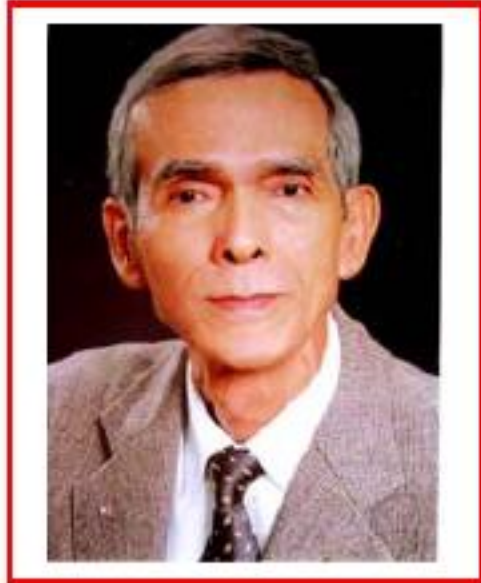
Sinh năm : 1922 - Nhâm Tuất

Tại : Bảo An, xã Điện Quang, Điện Bàn Q.Nam

Hiện trú tại : 19/08 Đinh Tiên Hoàng, Đà Nẵng

Trung học Pháp văn, Trưởng phòng HC/Kế toán
Chi nhánh Cty Shell Đà Nẵng.

ĐT: 0511 3825865 – 05113743010



*** PHAN VĂN THÊ 4/14**

Sinh năm : 1937 - Đinh Sửu

Tại : Bảo An, xã Điện Quang, Điện Bàn Q.Nam

Hiện trú tại : 132 Thanh Thủy, Đà Nẵng

Tốt nghiệp Tú Tài 1959 Pétrus Ký Sài Gòn,
Nguyên Hiệu trưởng, Thanh tra tiểu học Sở Học
Chánh Quảng Nam 1960-1975

ĐT: 0511 3834480 - 0905626834
